

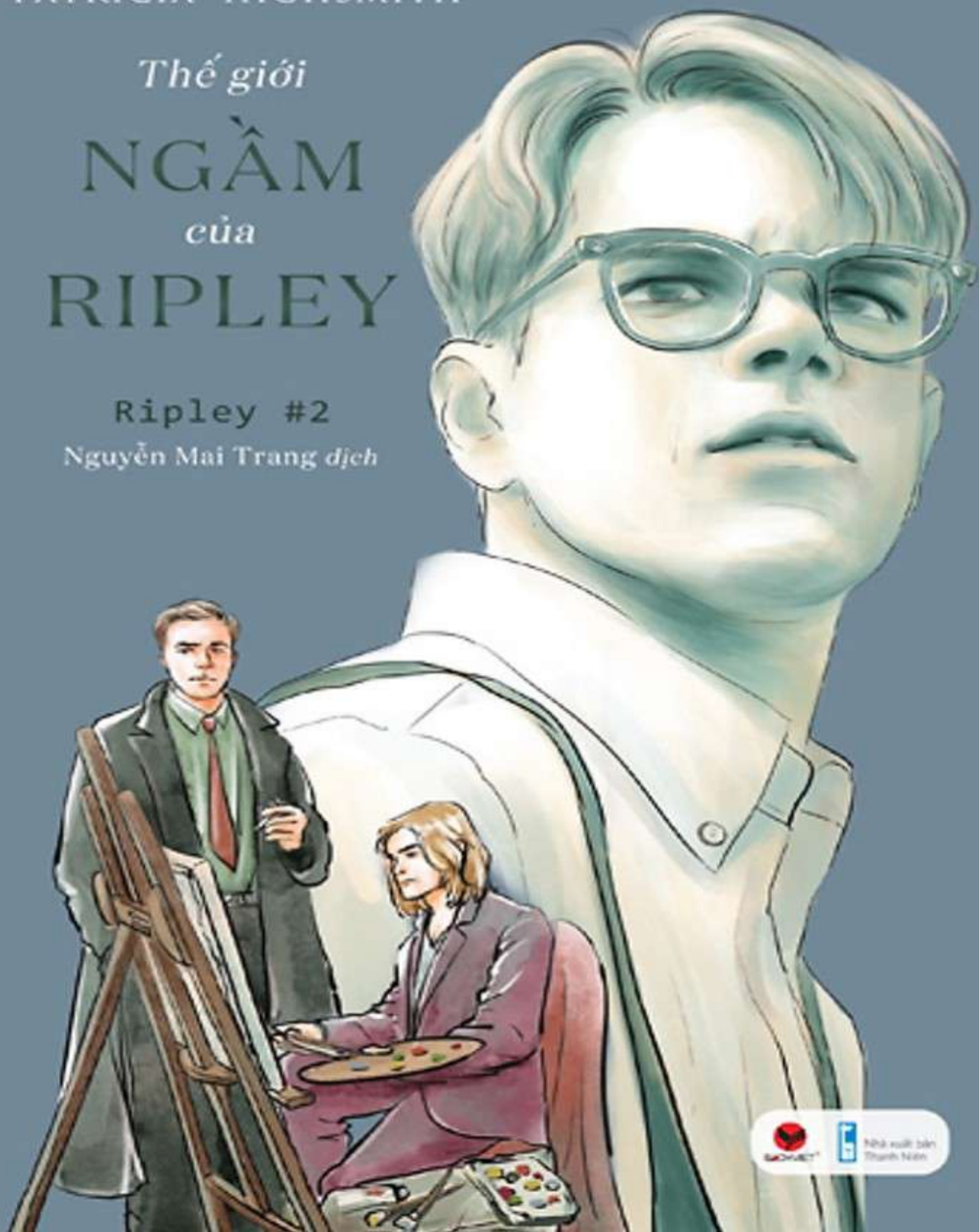
PATRICIA HIGHSMITH

*Thế giới*

NGẦM  
*của*  
RIPLEY

Ripley #2

*Nguyễn Mai Trang dịch*



**PATRICIA HIGHSMITH**

*Nguyễn Mai Trang dịch*

—★—

**THẾ GIỚI NGẦM  
CỦA  
RIPLEY**

• RIPLEY UNDER GROUND •

*(Ripley, #2)*

**BÁCH VIỆT & NXB THANH NIÊN**

---

ebook©vctvgroup | 01-12-2020

Gửi tới hai vị hàng xóm Ba Lan, Agnès và Georges Barylski, những người bạn ở nước Pháp của tôi, 77\*

*Tôi nghĩ mình sẵn sàng hy sinh vì những gì tôi không tin hơn là vì những gì tôi đặt trọn niềm tin... Thỉnh thoảng tôi lại nghĩ cuộc đời nghệ sĩ là một hành trình tự sát dài đằng đẵng và dễ chịu, tôi cũng không hề thấy hối tiếc vì điều đó.*

Oscar Wilde trong các bức thư cá nhân của mình.

# CHƯƠNG 1

Khi điện thoại reo, Tom đang ở ngoài vườn. Anh để cho bà Annette, quản gia của anh nghe máy, còn mình tiếp tục cạo lớp rêu ẩm ướt bám chặt lấy hai bên bậc thềm đá. Tháng Mười năm đó khá ẩm ướt.

“Thưa anh Tome!” Giọng the thé của bà Annette réo lên. “Luân Đôn gọi!”

“Đến đây,” Tom trả lời. Anh quăng cái bay xuống và đi lên thềm.

Điện thoại dưới tầng ở trong phòng khách. Tom không thể ngồi xuống chiếc sô-pha vàng bọc xa-tanh vì anh đang mặc đồ Levi’s.

“Xin chào, Tom. Jeff Constant đây. Anh đã...” rề...

“Anh nói to hơn một chút được không? Đường truyền kém quá.”

“Thế này đã rõ hơn chưa? Tôi vẫn nghe rõ tiếng anh nói mà.”

Mấy người ở Luân Đôn lúc nào cũng vậy. “Chỉ đỡ hơn chút thôi.”

“Anh đã nhận được thư của tôi chưa?”

“Chưa,” Tom nói.

“Ôi. Chúng ta gặp rắc rối rồi. Tôi muốn cảnh báo cho anh. Có một...”

Rề rề, tắc bụp, một tiếng tích buồn tẻ, và họ đã mất kết nối.

“Chết tiệt,” Tom làu bàu. Cảnh báo cho *anh*? Có gì không ổn ở phòng triển lãm chắc? Với công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt? Cảnh báo cho anh? Tom có liên đới sâu đâu nhỉ. Đúng là anh đã vẽ ra ý tưởng về công ty đó, và anh cũng thu được một khoản thu nhập nhỏ từ nó, nhưng... Tom liếc điện thoại, đợi nó reo bất kỳ lúc nào. Hay anh nên gọi cho Jeff nhỉ? Thôi,

anh nào có biết anh ta đang ở phòng triển lãm hay ở studio đâu. Jeff Constant là một nhiếp ảnh gia.

Tom tiến lại gần ô cửa sổ kiểu Pháp mở ra vườn sau. Anh nghĩ chắc mình sẽ tiếp tục cạo râu thêm một chút nữa. Tom làm vườn thường xuyên, và anh thích dành một tiếng mỗi ngày cho việc đó, cắt cỏ bằng máy cắt cỏ đẩy tay, cào và đốt cành cây khô, nhổ cỏ dại. Đó là hoạt động rèn luyện sức khoẻ, và anh còn có thể mơ màng giữa ban ngày ban mặt. Anh chỉ vừa mới sờ tay đến cái bay thì điện thoại lại reo lên ầm ĩ.

Bà Annette đang tiến vào phòng khách, tay cầm một cái phất trần. Bà ta lùn tịt và rắn chắc, tầm sáu mươi tuổi, cũng khá hăng hái. Bà ta chẳng biết một từ tiếng Anh nào và có vẻ cũng chẳng đủ sức học dù chỉ là câu chào buổi sáng, một việc khiến Tom hết sức hài lòng.

“Tôi sẽ nghe máy,” anh nói và nhắc điện thoại lên.

“*Xin chào.*” Giọng Jeff vang lên. “Xem này, Tom, không biết anh có tới đây được không nhỉ. Tới Luân Đôn ấy, tôi...”

“Anh làm sao?” Đường truyền vẫn kém, nhưng không quá chập chờn như lúc trước.

“Tôi vừa nói... Tôi đã giải thích cặn kẽ trong thư rồi. Tôi không thể nói được ở đây. Nhưng chuyện này quan trọng lắm đấy, Tom.”

“Có ai phạm sai lầm gì à?... Bernard à?”

“Xét theo một khía cạnh nào đó thì đúng là vậy. Có một người từ New York đến đây, chắc mai sẽ tới.”

“Ai thế?”

“Tôi đã giải thích trong thư rồi đấy. Anh biết là buổi triển lãm của Derwatt sẽ khai mạc vào thứ Ba đúng không. Tôi sẽ giữ ông ta lại cho tới hôm đó. Ed và tôi đơn giản là không rảnh.” Giọng Jeff nghe có vẻ khá bất an. “Anh có thời gian không, Tom?”

“À... có.” Nhưng Tom không muốn tới Luân Đôn.

“Cố giấu Heloise nhé. Việc anh đến Luân Đôn ấy.”

“Heloise đang ở Hy Lạp rồi.”

“Ôi, thế thì tốt quá.” Biểu hiện nhẹ nhõm đầu tiên xuất hiện trong giọng nói của Jeff.

Bức thư của Jeff đến vào khoảng năm giờ chiều hôm đó, gửi hỏa tốc.

*104 Charles Place*

*N.W.8*

*Tom thân mến,*

*Buổi triển lãm Derwatt mới sẽ được khai mạc vào thứ Ba, ngày 15, buổi triển lãm đầu tiên của anh ta trong hai năm trở lại đây. Bernard có mười chín bức tranh sơn dầu mới và chúng tôi cũng mượn lại được vài bức tranh khác. Giờ là đến tin xấu đây.*

*Có một người Mỹ tên là Thomas Murchison, không phải là người môi giới mà là một nhà sưu tập - đã về hưu với cả gia tài. Ông ta đã mua một bức tranh Derwatt từ chỗ chúng ta cách đây ba năm. Ông ta so sánh nó với một bức Derwatt ra đời sớm hơn mà ông ta thấy ở nước Mỹ và giờ quả quyết bức tranh của mình là đồ giả. Tất nhiên là như vậy, không sai, vì đó là tranh Bernard vẽ mà. Ông ta đã gửi thư tới Buckmaster Gallery (tới tôi) nói rằng ông ta nghĩ bức tranh mà mình có không phải là tranh thật, vì kỹ thuật và màu sắc thuộc về phong cách vẽ của Derwatt cách đây khoảng năm, sáu năm.*

*Tôi có linh cảm là ông Murchison định làm lớn chuyện này lên. Vậy chúng ta phải làm sao? Anh luôn có những ý tưởng xuất sắc, Tom.*

*Anh có thể tới bàn bạc với chúng tôi không? Mọi chi phí sẽ do Buckmaster Gallery chi trả? Chúng tôi cần một liều tự tin hơn bất kỳ thứ gì. Tôi không nghĩ Bernard đã phạm sai lầm với các bức tranh mới. Nhưng anh ta đang rối như tơ vò và chúng tôi không muốn anh ta có mặt, kể cả ở buổi khai mạc, đặc biệt là ở buổi lễ khai mạc.*

*Xin hãy đến ngay lập tức nếu anh có thể!*

Trân trọng,  
Jeff

*Tái bút: Bức thư của ông Murchison khá nhã nhặn, nhưng xem chừng ông ta là loại người sẽ khăng khăng đòi gặp Derwatt ở Mexico để xác nhận, vân vân?*

Vấn đề cuối cùng đúng là đáng quan tâm, Tom nghĩ thầm, vì Derwatt không hề tồn tại. Câu chuyện (do Tom bịa ra), mà Buckmaster Gallery và nhóm bạn nhỏ trung thành của Derwatt lan truyền, là Derwatt đã tới sống tại một ngôi làng nhỏ ở Mexico, và anh ta không chịu gặp ai hết, cũng không có điện thoại, cấm phòng triển lãm cho bất kỳ ai biết địa chỉ của mình. À, nếu ông Murchison tới Mexico thì ông ta sẽ có một cuộc tìm kiếm vất vả đủ để khiến cho bất kỳ người nào bận rộn cả đời.

Tom có thể đoán được là ông Murchison - hẳn ông ta sẽ mang theo bức tranh Derwatt sang đây - định sẽ trao đổi với các bên môi giới nghệ thuật khác và cả báo chí nữa. Điều đó có thể dấy lên sự hoài nghi, và Derwatt sẽ tan thành tro bụi. Liệu băng đảng đó có lôi anh vào mớ bòng bong này không? (Tom luôn nghĩ nhóm người trong phòng triển lãm, bạn cũ của Derwatt, là “băng đảng”, dù anh ghét cụm từ đó mỗi lần nó xuất hiện trong đầu). Và Bernard có thể sẽ nhắc đến Tom Ripley, Tom nghĩ thầm, không phải vì thù hằn ác ý mà chỉ vì cái thói thành thật - gần giống Chúa Jesus - điên khùng của mình.

Tom đã giữ gìn tên tuổi và danh tiếng của mình trong sạch, trong sạch tuyệt đối, cần nhắc đến hết thảy những gì anh đã gây ra. Hẳn sẽ bẽ bàng lắm nếu báo chí Pháp đăng tin Thomas Ripley của xứ Villeperce-sur-Seine, chồng Heloise Plisson, con gái Jacques Plisson, triệu phú sở hữu công ty dược phẩm Plisson, đã vẽ ra câu chuyện lừa lọc ăn tiền về công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt, và nhiều năm nay đã được trích phần trăm lợi nhuận từ đó, dù chỉ có mười phần trăm ít ỏi. Anh sẽ trở nên đáng khinh lắm cho mà xem. Thậm chí cả Heloise, người mà Tom đánh giá là đạo đức gần



như không tồn tại, cũng sẽ có phản ứng gì đó, và chắc chắn cha cô sẽ gây áp lực với cô (bằng cách chặn tiền trợ cấp) để bắt ly dị.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt giờ đã rất lớn mạnh, sự sụp đổ của nó sẽ kéo theo nhiều hệ lụy. Đi đời đầu tiên là dòng vật liệu nghệ thuật sinh lời mang tên “Derwatt” mà ở đó cả băng đảng, lẫn Tom, đều nhận được tiền hoa hồng. Rồi đến Học viện Nghệ thuật Derwatt ở Perugia, chủ yếu dành cho các quý bà lớn tuổi dễ thương và các cô gái Mỹ trong các kỳ nghỉ, nhưng vẫn là một nguồn thu nhập. Trường nghệ thuật không thu được nhiều tiền từ việc dạy vẽ và bán dụng cụ “Derwatt” mà bằng việc đóng vai đại lý cho thuê, tìm nhà và các căn hộ đã được trang hoàng đầy đủ, với giá cả đắt đỏ nhất có thể, cho các du khách sinh viên lăm tiền nhiều của, và nhận phần trăm từ đó. Trường học được điều hành bởi một đôi đồng tính người Anh, hai người họ không liên quan gì đến chuyện mạo danh Derwatt cả.

Tom vẫn chưa thể quyết định được việc mình có tới Luân Đôn hay không. Anh có thể nói gì với họ đây? Và Tom cũng không hiểu vấn đề là gì nữa: một họa sĩ không thể quay lại phong cách vẽ trước đây của mình, dù chỉ với một bức tranh chắc?

“Tôi nay ngài thích dùng đùi cừu hay thịt nguội?” Bà Annette hỏi Tom.

“Đùi cừu, chắc là vậy. Cảm ơn bà. Răng của bà thế nào rồi?” Sáng nay, bà Annette đã tới chỗ bác sĩ nha khoa trong làng, người mà bà ta đặt niềm tin lớn lao, để khám một cái răng đã khiến bà ta thức chong chong cả đêm.

“Không còn đau nữa rồi. Ông ấy tử tế lắm, bác sĩ Grenier ấy! Ông ấy nói cái răng bị áp-xe nhưng ông ấy đã mở răng ra và tủy sẽ rụng ra thôi.”

Tom gật đầu nhưng tự hỏi làm sao tủy răng có thể rụng ra được, có lẽ là do trọng lực. Có lần các bác sĩ đã phải khoan rất sâu mới lấy được tủy răng của anh ra, mà đấy còn là răng trên.

“Anh có tin tốt lành từ Luân Đôn sao?”

“Không... chỉ là một người bạn gọi hỏi thăm thôi.”

“Có tin gì từ cô Heloise không?”

“Hôm nay thì không.”

“Ôi, hãy nghĩ đến ánh nắng! Hy Lạp!” Bà Annette đang lau chùi mặt rương bằng gỗ sồi vốn đã sáng loáng cạnh lò sưởi. “Nhìn mà xem! Villeperce chẳng có tí mặt trời nào. Mùa đông đã đến.”

“Đúng thế.” Gần đây hôm nào bà Annette cũng nói như vậy.

Tom không nghĩ sẽ gặp lại Heloise cho tới gần Giáng sinh. Mặt khác, cô có thể đột ngột xuất hiện trong nhà - do có chút xích mích nhỏ nhưng vẫn có thể làm lành được với đám bạn, hoặc chỉ đơn giản là đã đổi ý, không còn muốn ở lỳ trên thuyền suốt quãng thời gian dài như vậy. Heloise có tính cách bốc đồng.

Tom bật một đĩa nhạc của Beatles lên để nâng tinh thần, rồi đi lòng vòng trong căn phòng khách rộng rãi, tay rút túi quần. Anh yêu căn nhà này. Đó là một căn nhà đá màu xám vuông vức hai tầng với bốn tháp canh trên bốn phòng tròn trong các góc trên gác, khiến căn nhà trông như một tòa lâu đài nhỏ. Vườn rộng mênh mông và kể cả theo chuẩn Mỹ thì nơi này vẫn đáng giá một gia tài. Ba năm trước cha của Heloise đã tặng căn nhà này cho họ làm quà cưới. Trong khoảng thời gian trước khi kết hôn, Tom cần thêm tiền, do khoản tiền từ nhà Greenleaf không đủ cho anh tận hưởng đẳng cấp cuộc sống mà anh đã dần say mê, nên Tom mới quan tâm đến phần ăn chia của mình trong vụ Derwatt. Giờ thì anh thấy hối hận về điều đó. Anh đã chấp nhận mười phần trăm, khi mười phần trăm còn rất ít ỏi. Thậm chí đến anh cũng chẳng lường được là thương vụ Derwatt sẽ sinh lời như thế này.

Buổi tối hôm ấy của Tom cũng giống như phần lớn các tối khác, một mình và lặng lẽ, nhưng suy nghĩ của anh thì rất mông lung. Anh bật nhạc êm dịu trong khi ăn và anh đọc Servan-Schreiber bằng tiếng Pháp. Có hai từ Tom không biết. Tối nay anh sẽ tra nghĩa của chúng trong cuốn từ điển

của Harrap cạnh giường mình. Anh rất giỏi giữ từ mới trong trí nhớ để tìm kiếm.

Sau bữa tối, anh mặc áo mưa vào, dù trời không mưa, và đi tới một quán cà phê-bar nhỏ cách đó một phần tư dặm. Anh từng tới đây vài tối để uống cà phê, đứng ở quầy bar. Lúc nào cũng vậy, chủ quán, Georges, lại hỏi thăm về Heloise, và bày tỏ sự tiếc nuối vì Tom phải ở một mình suốt quãng thời gian dài như vậy. Tối nay Tom đáp lời một cách vui vẻ:

“À, tôi không chắc là cô ấy sẽ ở lại trên con thuyền đó thêm hai tháng nữa đâu. Cô ấy sẽ chán cho mà xem.”

“*Thật xa hoa,*” George mớ màng lăm bầm. Ông ta là một người đàn ông bụng phệ với khuôn mặt tròn trịa.

Tom chẳng tin thái độ hài hước vui vẻ nhẹ nhàng và thường trực của ông ta là thật. Vợ ông ta, Marie, là một phụ nữ tóc nâu cao lớn, giàu năng lượng, luôn tô son môi đỏ tươi, gai góc một cách thẳng thắn, nhưng bù lại bà ta có một tiếng cười hoang dã vui tươi. Đây là quán bar của dân lao động, và Tom không có gì phản đối điều đó hết, nhưng nó cũng chẳng phải chỗ yêu thích của anh. Chỉ là tình cờ nó lại ở gần nhất. Ít nhất thì Georges và Marie chưa một lần nhắc đến tên Dickie Greenleaf. Vài người ở Paris, người quen của anh hoặc Heloise, có thói quen đó, cũng như chủ của khách sạn St. Pierre, nhà trọ duy nhất ở Villeperce. Ông chủ khách sạn từng hỏi, “Phải chẳng anh là Ripley người bạn của một anh Granelafe người Mỹ?”. Tom đã xác nhận đúng là như vậy. Nhưng đó là câu chuyện từ cách đây ba năm, và kiểu câu hỏi như vậy - nếu nó không bao giờ đi xa hơn - không khiến Tom lo lắng, nhưng anh thích tránh chủ đề đó. Báo chí nói rằng anh đã nhận được một khoản tiền khá lớn, vài tờ còn viết là một khoản thu nhập cố định, sự thật thì đúng là như vậy, theo di chúc của Dickie, ít nhất thì chưa có một tờ báo nào từng ám chỉ rằng chính Tom đã viết bản di chúc đó, mà đó cũng là sự thật. Người Pháp luôn nhớ kỹ các tiêu tiết về tài chính.

Sau khi uống cà phê, Tom đi bộ về nhà, nói “*Bonsoir*”<sup>\*</sup> với vài dân làng trên đường, thi thoảng lại bị trượt chân trên đám lá mục nát dồn ứ ở rìa

đường. Ở đây không có vỉa hè để mà nhắc đến. Anh đã mua một chiếc đèn pin vì đèn đường quá chập chờn.

Anh thoáng thấy hình ảnh những gia đình quây quần trong bếp, xem ti-vi, ngồi quanh những chiếc bàn trải những tấm khăn dính đầy mỡ. Vài con chó bị xích sủa inh ỏi trong các khoảng sân nhỏ. Rồi anh mở cánh cổng sắt - cao ba mét - của nhà mình ra, và giày của anh nghiêng lạo xạo trên sỏi. Đèn phòng bà Annette vẫn sáng, Tom nhìn thấy ánh sáng tỏa ra. Bà ta cũng có bộ ti-vi riêng. Tom thường hay vẽ vào buổi tối, chỉ để tiêu khiển cho bản thân. Anh biết mình vẽ xấu, xấu hơn cả Dickie. Nhưng tối nay anh không có tâm trạng vẽ vờ. Thay vào đó, anh viết thư cho một người bạn ở Hamburg, Reeves Minot, một người Mỹ, hỏi xem anh ta nghĩ khi nào thì cần đến anh? Reeves định cấy một tấm vi phim - hoặc thứ gì đó - lên hành lý của một vị Bá tước Bertolozzi người Ý. Sau đó Bá tước sẽ đến thăm Tom khoảng một, hai ngày ở Villeperce, và Tom sẽ lấy vật đó ra khỏi một chỗ trên va-li hoặc bất kỳ chỗ nào mà Reeves báo cho anh, và gửi cho một người mà Tom hoàn toàn không quen biết ở Paris. Tom thường xuyên cung cấp dịch vụ bảo đảm như thế này, thỉnh thoảng cho cả bọn trộm trang sức. Để Tom tự lấy đồ đạc từ các vị khách của mình sẽ dễ dàng hơn so với việc để một người khác cố gắng làm điều tương tự trong một phòng khách sạn ở Paris, khi người bê đồ không có mặt. Tom quen sơ sơ với Bá tước Bertolozzi từ một chuyến du lịch gần đây ở Milan, khi Reeves, người sống ở Hamburg, cũng ghé qua Milan. Tom đã tán gẫu về tranh với ngài Bá tước. Thường thì Tom cũng khá dễ dàng thuyết phục mọi người dành chút thời gian rỗi rãi đến Villeperce ở với anh một, hai ngày và ngắm tranh của anh - ngoài Derwatt ra thì anh còn có một bức Soutine, họa sĩ mà Tom đặc biệt yêu thích, một bức Van Gogh, hai bức Magritte, và các bức vẽ của Cocteau và Picasso, cũng như rất nhiều tranh vẽ của các họa sĩ ít tên tuổi hơn mà anh thấy cũng đẹp tương đương hoặc thậm chí là đẹp hơn. Villeperce gần Paris và các vị khách của anh cũng thích thú tận hưởng chút phong vị đồng quê trước khi lên thành thị. Trên thực tế thì Tom thường dùng ô-tô của anh đến đón họ ở sân bay Orly, Villeperce nằm cách khoảng bốn mươi dặm về

phía nam của Orly. Tom chỉ thất bại đúng một lần, khi một vị khách người Mỹ đã thấy không khỏe ngay khi còn ở trong nhà Tom do một món gì đó mà anh ta hẳn đã ăn trước khi đến đây và Tom không thể sờ tới va-li của anh ta vì vị khách đó liên tục nằm ỳ trên giường và mắt mở thao láo. Vật đó - một tấm vi phim nào đó - đã được tay chân của Reeves vất vả lấy lại ở Paris. Tom không hiểu giá trị của mấy món đó, như anh không phải lúc nào cũng hiểu rõ các tiểu thuyết gián điệp mà mình đọc, và Reeves chỉ là một hàng rào bảo vệ ngoài rìa và được nhận hoa hồng mà thôi. Tom luôn lái xe tới một thị trấn khác để gửi các món hàng đó đi và luôn gửi chúng với tên người hoàn trả và địa chỉ hoàn trả giả mạo.

Đêm hôm ấy, Tom không thể ngủ được, nên anh đã ra khỏi giường, mặc chiếc áo choàng ngủ len màu tím - mới toanh và dày dặn, đầy họa tiết rằn ri và tua rua, một món quà sinh nhật từ Heloise - và đi xuống bếp. Anh đã nghĩ đến việc uống một chai bia Super Valstar, nhưng lại quyết định pha ít trà. Anh hầu như không bao giờ uống trà nên theo nghĩa nào đó thì thứ đồ uống này khá phù hợp cho đêm nay, vì anh cảm thấy đây là một đêm lạ lùng. Anh rón rén đi trong bếp để không đánh thức bà Annette. Trà Tom pha có màu đỏ sậm. Anh đã bỏ quá nhiều trà vào ấm. Anh mang khay vào trong phòng khách, rót một tách, đi đi lại lại trong phòng, giữ im lặng không một tiếng động với đôi dép ni đi trong nhà. Sao không đóng vai Derwatt nhỉ, anh nghĩ thầm. Chúa ơi, đúng vậy! Đó chính là giải pháp, giải pháp hoàn hảo, và cũng là giải pháp duy nhất.

Derwatt tầm tuổi anh, khoảng cách khá nhỏ - Tom ba mươi một còn Derwatt sẽ tầm ba mươi lăm. Đôi mắt màu xanh dương xám, Tom nhớ Cynthia (bạn gái của Bernard) hoặc chính Bernard đã nói vậy trong một trong những bài ca ngợi về Derwatt Bóng Bấy. Derwatt có một bộ râu ngắn, điều đó sẽ cực kỳ hữu ích đối với Tom.

Jeff Constant chắc chắn sẽ thấy hài lòng với ý tưởng này. Một cuộc phỏng vấn trên báo. Tom phải nghiên cứu kỹ lưỡng về những câu hỏi mà anh có thể phải trả lời cũng như câu chuyện anh phải kể. Derwatt có cao như anh không? Chà, đám nhà báo có ai biết điều đó cơ chứ? Tóc Derwatt

sậm màu hơn, Tom nghĩ. Nhưng điều đó có thể chỉnh trang được. Tom uống thêm trà. Anh lại tiếp tục đi lòng vòng trong phòng. Anh nên xuất hiện một cách bất ngờ, bất ngờ kể cả đối với Jeff và Ed - và Bernard, tất nhiên rồi. Không thì họ sẽ để lộ với đám nhà báo.

Tom thử hình dung đến cảnh đối mặt với ông Thomas Murchison. Bình tĩnh, tự chủ, đó là điều cốt lõi. Nếu chính Derwatt nói rằng bức tranh này là của anh ta, do chính tay anh ta vẽ, thì ông Murchison là ai mà phản đối?

Đang trên đà hưng phấn, Tom tiến về phía điện thoại. Thường thì vào giờ này các tổng đài viên đã ngủ say - hơn hai giờ sáng - và phải mất mười phút mới có người nghe máy. Tom kiên nhẫn ngồi ở mép sofa vàng. Anh đang nghĩ là Jeff hoặc ai đó sẽ phải chuẩn bị sẵn sàng đồ trang điểm xịn. Tom ước mình có thể trông cậy vào một cô gái, Cynthia chẳng hạn, để cô ta xử lý việc đó, nhưng Cynthia và Bernard đã chia tay cách đây khoảng hai hay ba năm gì đó. Cynthia biết rõ hành vi giả mạo Derwatt của Bernard và không chịu chấp nhận điều đó, không thêm nhận một xu lợi nhuận, theo Tom nhớ.

“*‘Allo, j’ecoute,’\**” nữ tổng đài viên nói bằng giọng bực bội như thể Tom đã lôi cô ta ra khỏi giường để giúp đỡ anh vậy. Tom báo số điện thoại studio của Jeff mà anh lưu trong một quyển sổ địa chỉ đặt cạnh điện thoại. Tom khá may khi điện thoại thông sau năm phút. Anh mang tách trà đục ngẫu thứ ba của mình lại gần điện thoại hơn.

“Chào, Jeff. Tom đây. Mọi chuyện thế nào rồi?”

“Chẳng tốt hơn chút nào. Ed cũng đang ở đây. Chúng tôi vừa nghĩ xem có nên gọi điện cho anh không. Anh có tới đây được không?”

“Có, và tôi có một ý tưởng rất hay ho đây. Sao không để tôi đóng vai người bạn mất tích của chúng ta trong vài tiếng đồng hồ nhỉ?”

Jeff mất đúng một giây để hiểu. “Ôi, Tom, quá tuyệt vời! Anh đến đây vào thứ Ba được không?”

“Chắc chắn là được.”

“Thế anh có thể tới vào thứ Hai, ngày kia không?”

“Tôi không nghĩ là kịp. Nhưng thứ Ba thì có thể. Nghe này, Jeff, chuyện trang điểm... phải xịn vào đấy nhé.”

“Đừng lo gì cả! Đợi một chút!” Anh ta rời máy để nói với Ed rồi quay lại. “Ed bảo rằng anh ta có nguồn cung rồi.”

“Đừng thông báo gì với công chúng hết,” Tom nói tiếp bằng giọng bình tĩnh, vì Jeff nghe như thể đang nhảy cẫng lên vì sung sướng vậy, “Thêm một chuyện nữa, nếu nó không có tác dụng, nếu tôi thất bại... thì chúng ta phải nói đó chỉ là một trò đùa mà một người bạn của các anh nghĩ ra - chính là tôi. Việc đó chẳng liên quan gì tới... anh biết đấy”. Ý Tom nói đến việc xác nhận bức tranh giả mạo của ông Murchison, nhưng Jeff hiểu ngay lập tức.

“Ed có lời muốn nói này.”

“Chào, Tom,” giọng nói trầm hơn của Ed vang lên. “Chúng tôi rất vui vì anh sẽ tới đây. Ý tưởng đó thật sự phi thường. Với cả anh biết không, Bernard có quần áo và đồ đạc của Derwatt đấy.”

“Tôi sẽ để hai vị xử lý chuyện đó.” Đột nhiên Tom cảm thấy hoảng hốt. “Quần áo là thứ ít phải lo nhất. Quan trọng là khuôn mặt. Hành động nhanh nhẹn vào, được chứ?”

“Yên tâm đi. Chúa phù hộ cho anh.”

Họ dập máy. Rồi Tom ngồi sụp xuống ghế sofa và thả lỏng, gần như nằm ườn người ra. Không, anh sẽ không đến Luân Đôn quá sớm làm gì. Hãy lên sân khấu vào phút chót, mạnh mẽ và hăng hái. Quá nhiều chỉ dẫn và tập dượt biết đâu lại dở.

Tom cầm cốc trà nguội ngắt đứng dậy. Nếu anh mà đóng giả thành công thì chắc sẽ thú vị và buồn cười lắm, anh nghĩ thầm khi nhìn vào một bức tranh của Derwatt treo trên lò sưởi. Nó là một bức vẽ hồng nhạt của một người đàn ông ngồi trên một chiếc ghế, ông ta chỉ là vài nét phác họa thô sơ, trông như thể người ta đang nhìn vào bức tranh qua cặp mắt kính lệch lạc của người khác. Có người nói rằng tranh Derwatt làm họ nhức mắt.

Nhưng từ khoảng cách ba mét, ba mét rưỡi thì không sao. Đây không phải là một bức tranh Derwatt xịn mà là tranh giả thời kỳ đầu của Bernard Tufts. Đối diện bên kia phòng treo một bức tranh Derwatt xịn, “Đôi Ghế Đỏ”. Hai cô bé ngồi cạnh nhau, vẽ mặt hãi hùng, như trong ngày đầu tiên đi học, hoặc đang nghe một câu chuyện kinh khủng nào đó ở nhà thờ. Bức tranh “Đôi Ghế Đỏ” chỉ khoảng tám đến chín năm tuổi. Sau lưng hai cô bé, bất kể chúng đang ngồi ở đâu đi nữa, tất cả đang bốc cháy rừng rực. Những ngọn lửa vàng và đỏ nhảy múa, những ngọn lửa điểm đốm trắng khiến cho chúng không ngay lập tức thu hút sự chú ý của người xem. Nhưng khi họ đã nhìn đến nó thì hiệu quả cảm xúc mới thật chấn động. Tom yêu thích cả hai bức tranh này. Nhưng giờ thì anh gần như đã quên phải nhớ, khi nhìn chúng, một là tranh giả còn một là tranh thật.

Tom nhớ lại thời kỳ đầu vô định của thứ giờ là công ty Derwatt. Anh đã gặp Jeffrey Constant và Bernard Tufts ở Luân Đôn ngay sau khi Derwatt chết đuối - xem chừng là tự tử - ở Hy Lạp. Chính Tom cũng mới từ Hy Lạp về, không lâu sau cái chết của Dickie Greenleaf. Thi thể của Derwatt chưa bao giờ được phát hiện, nhưng vài ngư dân của làng chài nói rằng một sáng họ thấy anh ta đi bơi nhưng không thấy anh ta quay về. Bạn bè của Derwatt - Tom đã gặp Cynthia Gradnor trong chính chuyến đi ấy - đã hoảng loạn trầm trọng, bị chấn động theo một cách mà Tom chưa bao giờ chứng kiến sau sự ra đi của một người, kể cả đó là người thân trong gia đình đi nữa. Jeff, Ed, Cynthia, Bernard đều đời đần. Họ đã mơ màng, nhiệt thành kể về Derwatt không chỉ như một người nghệ sĩ mà còn như một người bạn, và như một con người thực thụ. Anh ta đã sống một cuộc đời giản đơn, ở Islington, có những lúc phải ăn uống kham khổ, nhưng lúc nào cũng hào phóng với những người khác. Trẻ em trong khu anh ta sống luôn ngưỡng mộ anh ta, ngồi làm mẫu cho anh ta mà không mong được trả công, nhưng lúc nào Derwatt cũng thò tay vào túi tìm những đồng xu có thể là cuối cùng của mình để đưa chúng. Nhưng ngay trước khi đi Hy Lạp, Derwatt đã gặp phải một nỗi thất vọng lớn lao. Anh ta đã vẽ một bức tranh tường trong một dự án của chính phủ cho một bưu điện địa phương ở bắc



Anh Quốc. Bức phác họa đã được duyệt nhưng bức vẽ hoàn thiện lại bị từ chối: có người khóa thân trong tranh, hoặc quá khóa thân, và Derwatt đã từ chối thay đổi. (“Tất nhiên anh ấy chẳng làm gì sai cả!” Nhóm bạn trung thành của Derwatt đã cam đoan với Tom như vậy.) Nhưng điều này khiến Derwatt mất đi một nghìn bảng mà anh ta cần có. Có vẻ như đây là giọt nước làm tràn ly - mà nỗi khủng hoảng ấy bạn bè Derwatt đều không nhận ra, và vì thế mà họ tự trách mình. Trong bức tranh còn có một người phụ nữ nữa, Tom mang máng nhớ là vậy, một nguyên nhân khác đem đến nỗi thất vọng cho Derwatt, nhưng có vẻ là người phụ nữ ấy đối với anh ta không quan trọng bằng nỗi thất vọng trong công việc. Tất cả bạn bè của Derwatt đều là dân chuyên nghiệp, chủ yếu hành nghề tự do, và khá bận rộn, và trong những ngày cuối đời khi Derwatt nhờ cậy họ - không phải vay tiền mà chỉ muốn có người bầu bạn vài tối - họ lại bảo không có thời gian gặp anh ta. Những người đó không hề hay biết rằng Derwatt đã bán hết đồ đạc anh ta có trong studio và tự đi tới Hy Lạp, nơi anh ta viết một bức thư dài tuyệt vọng cho Bernard. (Tom chưa từng nhìn thấy bức thư ấy.) Sau đó là tin tức anh ta biến mất hoặc đã chết.

Việc đầu tiên mà bạn bè của Derwatt làm, trong đó có cả Cynthia, là thu thập toàn bộ tranh vẽ của anh ta và cố gắng bán chúng đi. Họ muốn giữ tên tuổi anh ta sống mãi, muốn cả thế giới biết và trân trọng những gì anh ta đã làm. Derwatt không có họ hàng, và như Tom nhớ, anh ta là trẻ mồ côi, thậm chí còn chẳng biết cha mẹ mình là ai. Huyền thoại về cái chết bi thảm của anh ta đã giúp ích, thay vì cản trở việc bán tranh, thường thì các phòng tranh không có hứng thú với các bức họa của một họa sĩ trẻ vô danh đã chết, nhưng Edmund Banbury, một nhà báo tự do, đã dùng quan hệ cá nhân cũng như tài năng viết lách của mình để viết về Derwatt trên báo, in hẳn trong phụ trương màu, lẫn các tạp chí nghệ thuật, còn Jeffrey Constant đã chụp ảnh tranh của Derwatt làm minh họa. Chưa đầy vài tháng sau cái chết của Derwatt, họ đã tìm được một phòng tranh, Buckmaster Gallery và nhiều phòng trách khác ở phố Bond, sẵn sàng nhận các tác phẩm của anh

ta, chẳng bao lâu sau các bức tranh sơn dầu của Derwatt được bán với giá từ sáu đến tám trăm bảng.

Sau đó là một chuyện không thể tránh khỏi. Tất cả các bức tranh đều được bán hết, hoặc gần hết, đây là quãng thời gian Tom đang sống ở Luân Đôn (anh đã ở đây hai năm trong một căn hộ ở S.W.1, gần quảng trường Eaton) và vô tình chạm mặt Jeff, Ed, và Bernard một tối nọ ở quán rượu Salisbury. Một lần nữa họ lại rầu rĩ vì các bức tranh của Derwatt sắp được bán sạch, và chính Tom là người đã nói, “Các anh đang buôn bán rất phát đạt, thật đáng tiếc nếu kết thúc như vậy. Bernard không thể tạo ra vài bức vẽ theo phong cách của Derwatt à?”. Tom chỉ định nói đùa thôi, hoặc nửa đùa nửa thật. Anh cũng chẳng thân quen gì với bộ ba này, chỉ biết rằng Bernard là họa sĩ. Nhưng Jeff, một kiểu người thực dụng hết như Ed Banbury (và hoàn toàn không giống Bernard) đã quay sang Bernard và bảo, “Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó. Anh nghĩ sao?”. Tom quên mất câu trả lời chi tiết của Bernard, nhưng anh nhớ là anh ta đã cúi gằm đầu xuống như xấu hổ hoặc hãi hùng trước ý tưởng giả mạo thần tượng của mình, Derwatt. Mấy tháng sau, Tom gặp Ed Banbury trên một con phố ở Luân Đôn và Ed hào hứng kể rằng Bernard đã thành công vẽ ra hai bức “Derwatt” tuyệt phẩm và họ còn bán được một bức ở Buckmaster như tranh thật.

Rồi một thời gian sau nữa, ngay sau khi Tom kết hôn với Heloise, không còn sống ở Luân Đôn, Tom, Heloise, và Jeff đã cùng dự một bữa tiệc, một kiểu tiệc cocktail đông đúc mà người ta chẳng bao giờ gặp mặt hay thậm chí là nhìn thấy chủ tiệc đâu, và Jeff đã ra hiệu cho Tom đi vào một góc.

Jeff nói, “Lát nữa chúng ta có thể gặp ở đâu đó không? Đây là địa chỉ của tôi,” đưa một tấm danh thiếp cho Tom. “Anh có thể tới vào khoảng mười một giờ tối nay không?”

Vậy nên Tom đã một mình tới nhà Jeff, một việc thật đơn giản, vì Heloise - ở thời điểm ấy cô không biết nhiều tiếng Anh - đã uống đủ rượu sau bữa tiệc cocktail và muốn trở về khách sạn của họ. Heloise mê mẩn Luân Đôn - áo len Anh và phố Carnaby\*, những cửa hàng bán thùng rác in

hình quốc kỳ Anh, các tấm biển hiệu in những dòng chữ như là “Cáo diên”, những từ mà Tom thường phải giải nghĩa cho cô, nhưng cô nói là đầu mình đau như búa bổ sau khi cố gắng nói tiếng Anh suốt một tiếng đồng hồ.

“Rắc rối của chúng tôi là,” tối hôm ấy Jeff nói chuyện với anh, “chúng tôi không thể tiếp tục giả vờ lại tìm được một bức tranh Derwatt ở đâu đó mãi được. Bernard thì vẫn vẽ ổn nhưng... Anh có nghĩ là chúng tôi nên mạo hiểm tìm ra cả một kho tranh Derwatt ở đâu đó không, như Ai-len, nơi anh ấy đã đến vẽ một thời gian, rồi bán tổng chúng đi và dừng tay? Bernard cũng rất lưỡng lự về việc vẽ tiếp. Anh ta cảm thấy như đang phản bội Derwatt vậy... theo một cách nào đó”.

Tom cân nhắc một lúc rồi nói, “Thế nếu Derwatt vẫn đang sống ở đâu đó thì sao? Một chỗ ẩn dật nào đó, gửi tranh tới Luân Đôn? Đó là, nếu Bernard vẫn có thể tiếp tục”.

“Ừm. À... được lắm. Hy Lạp, có thể là thế. Một ý tưởng siêu phàm, Tom! Nó có thể kéo dài mãi mãi!”

“Thế Mexico thì sao? Tôi nghĩ nó an toàn hơn Hy Lạp đấy. Cứ nói Derwatt đang sống trong một ngôi làng nhỏ nào đó. Anh ta không chịu nói tên ngôi làng cho bất kỳ ai, có thể chỉ trừ anh, Ed, và Cynthia...”

“Cynthia thì thôi. Cô ấy... Chắc, Bernard không còn gặp gỡ cô ấy nhiều nữa. Hệ quả là chúng tôi cũng vậy. Tốt nhất là đừng để cô ấy biết quá nhiều về chuyện này.”

Tối hôm ấy Jeff đã gọi cho Ed để kể cho anh ta nghe về ý tưởng này, Tom nhớ là vậy.

“Đó chỉ là một ý tưởng thôi,” anh đã nói vậy. “Tôi cũng không chắc liệu nó có hiệu quả không.”

Nhưng nó có hiệu quả. Các bức tranh của Derwatt bắt đầu đổ về từ Mexico, như họ nói, và câu chuyện “tái sinh” kịch tính của anh ta được khai thác theo hướng có lợi bởi Ed Banbury và Jeff Constant trong nhiều bài báo trên các tạp chí, đăng kèm với ảnh Derwatt cùng các bức vẽ mới nhất của anh ta (của Bernard), tuy vậy không hề có một bức ảnh nào của

Derwatt ở Mexico vì anh ta chặn mọi nhà báo hay thợ ảnh. Các bức tranh được gửi đến từ Vera Cruz và thậm chí cả Jeff lẫn Ed đều không biết tên ngôi làng anh ta sống. Derwatt chắc phải gặp bất ổn nặng nề về tinh thần nên mới sống ẩn dật như vậy. Các bức tranh của anh ta đều có vẻ bệnh tật và tuyệt vọng, theo lời vài nhà phê bình. Nhưng giờ chúng nằm trong số các bức tranh được định giá cao nhất trong số các nghệ sĩ còn sống ở nước Anh, ở toàn châu Âu, hay thậm chí là cả châu Mỹ. Ed Banbury đã viết thư cho Tom ở Pháp, đề nghị chia cho anh mười phần trăm lợi nhuận, nhóm bạn nhỏ trung thành (giờ chỉ có ba người, Bernard, Jeff, và Ed) là những người được hưởng lợi duy nhất từ tiền bán tranh của Derwatt. Tom đồng ý, chủ yếu vì anh cân nhắc thấy sự đồng thuận của mình như một lời bảo đảm giữ yên lặng về công việc sao chép. Nhưng Bernard Tufts lại vẽ tranh như điên vậy.

Jeff và Ed đã mua Buckmaster Gallery. Tom không chắc liệu Bernard có sở hữu cổ phần ở đó không. Có vài bức tranh Derwatt nằm trong bộ sưu tập trọn đời của phòng triển lãm, và tất nhiên, ở đây cũng trưng bày tranh của các nghệ sĩ khác nữa. Công việc này chủ yếu là của Jeff chứ không phải của Ed, và Jeff đã thuê một trợ lý, kiểu nhân viên quản lý cho phòng triển lãm. Nhưng động thái này, động thái mua Buckmaster Gallery, chỉ xảy ra sau khi Jeff và Ed được một nhà sản xuất dụng cụ vẽ tranh có tên là George Janopolos hoặc gì đó tương tự tiếp cận, ông ta muốn cho ra đời một dòng sản phẩm dán nhãn “Derwatt”, bao gồm tất cả mọi thứ từ tẩy cho tới bộ màu sơn dầu, và ông ta đề nghị trả cho Derwatt một khoản tiền bản quyền một phần trăm. Ed và Jeff quyết định thay mặt anh ta chấp nhận (hẳn là dưới sự đồng ý của Derwatt). Sau đó một công ty đã được thành lập mang tên công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt.

Tất cả những chuyện này được Tom hồi tưởng lại lúc bốn giờ sáng, anh thấy hơi rùng mình dù đang mặc một chiếc áo choàng ngủ lộng lẫy. Bà Annette luôn tần tiện vặn nhỏ lò sưởi trung tâm xuống vào buổi đêm. Anh ôm cốc trà ngọt lừ nguội ngắt giữa hai tay và thất thần nhìn vào một bức ảnh của Heloise - mái tóc vàng dài xõa xuống hai bên mặt thon thả, đối với

Tom thì giờ nó chỉ là một thiết kế dễ chịu và vô nghĩa chứ không còn là một khuôn mặt có ý nghĩa nữa - và anh nghĩ đến cảnh Bernard bí mật thực hiện việc giả mạo các bức tranh của Derwatt trong một căn phòng kín đáo, thậm chí được khóa chặt trong căn hộ studio của anh ta. Chỗ ở của Bernard khá nhếch nhác, lúc nào cũng vậy. Tom chưa từng nhìn thấy chốn bất khả xâm phạm nơi anh ta vẽ ra các kiệt tác của mình, các bức tranh Derwatt mang lại cả nghìn bảng. Nếu một người vẽ nhiều tranh giả mạo hơn chính tranh của mình thì không phải sự giả mạo sẽ trở nên tự nhiên hơn, thật hơn, chân thực với chính người đó hơn cả tranh của họ sao? Rồi đến một ngày họ không cần nỗ lực nữa mà việc đó trở thành bản năng thứ hai của họ?

Cuối cùng Tom cuộn người trên chiếc sofa vàng, dép tuột khỏi chân, hai bàn chân thu lại dưới áo choàng, ngủ thiếp đi. Anh không ngủ được bao lâu trước khi bà Annette đến đánh thức anh dậy với một tiếng hét chói tai, hoặc một tiếng thở dốc hãi hùng, đầy ngạc nhiên.

“Hắn tôi đã ngủ thiếp đi trong khi đọc sách,” Tom nói, mỉm cười, ngồi dậy.

Bà Annette vội vã đi pha cà phê cho anh.

## CHƯƠNG 2

Tom đặt vé máy bay tới Luân Đôn vào trưa thứ Ba. Như vậy thì anh sẽ chỉ có vài tiếng đồng hồ để trang điểm và diễn tập ngắn gọn. Không đủ thời gian để thấy lo lắng. Tom lái xe tới Melun để rút chút tiền mặt - franc Pháp - ở ngân hàng.

Lúc này là mười một giờ bốn mươi và ngân hàng đóng cửa lúc mười hai giờ. Tom đứng thứ ba trong hàng người xếp trước cửa sổ nhận tiền, nhưng không may là một người phụ nữ đang chuyển tiền lương hoặc gì đó ở cửa này, đã kéo vài túi đựng tiền xu trong khi hai chân vẫn áp chặt vào mấy cái túi còn lại nằm trên sàn. Sau lưới sắt, một nhân viên có ngón cái dập nước đang đếm các chồng tiền giấy nhanh hết mức có thể và ghi chú lại tổng số tiền trên hai tờ giấy khác nhau. Tom tự hỏi chuyện này sẽ kéo dài bao lâu, đồng hồ thì vẫn nhích dần tới mười hai giờ. Tom thích thú quan sát khi hàng người tan tác. Giờ có ba người đàn ông và hai người phụ nữ ép chặt gần lưới sắt, mắt đờ đẫn nhìn chăm chăm vào đồng tiền, như những con rắn hăm hở, như thể đó là khoản thừa kế do một người họ hàng đã làm lụng vất vả cả đời tích góp để lại cho họ. Tom bỏ cuộc và rời khỏi ngân hàng. Anh nghĩ mình vẫn sẽ xoay sở được khi không có tiền, và thực tế thì anh chỉ nghĩ sẽ đưa hoặc bán nó cho những người bạn Anh sắp đến Pháp mà thôi.

Vào sáng thứ Ba, khi Tom đang đóng gói hành lý, bà Annette gõ cửa phòng ngủ của anh. “Tôi đến Munich đây,” Tom vui vẻ nói. “Có một buổi hòa nhạc ở đó.”

“A, Munich! Bavaria! Anh phải mang theo quần áo ấm đấy nhé.” Bà Annette đã quen với những chuyến đi ngẫu hứng của anh. “Đi bao lâu thế, anh Tome?”

“Hai ngày, có thể là ba. Đừng lo về thư tín. Tôi có thể sẽ gọi điện về hỏi xem có bức thư nào không.”

Đúng lúc ấy Tom nghĩ đến một thứ có thể sẽ hữu dụng, một chiếc nhẫn Mexico mà anh có - anh nghĩ vậy - trong hộp đựng đồ trang sức của mình. Nó đây rồi, giữa đồng khuy rời và khuy cài áo, một chiếc nhẫn bạc nặng trịch được thiết kế như hai con rắn cuộn tròn. Tom không thích nó và cũng đã quên làm sao mình lại có nó, nhưng ít nhất thì nó là đồ Mexico. Tom thối đi, lau nhẫn vào một bên ống quần và đút nó vào túi.

Thư nhận lúc mười rưỡi sáng gồm ba thứ: một hóa đơn điện thoại phòng lên trong phong bì vì nó gồm nhiều hóa đơn nhỏ cho mỗi cuộc điện thoại ngoài vùng Villeperce, một bức thư từ Heloise, và một bức thư gửi bằng đường hàng không từ Mỹ mà chữ viết tay trên thư Tom không nhận ra. Anh lật phong bì lại và ngạc nhiên khi nhìn thấy cái tên Christopher Greenleaf ở đằng sau với địa chỉ chuyển hoàn ở San Francisco. Christopher là ai nhỉ? Anh mở thư của Heloise ra đầu tiên.

*11 tháng Mười 19...*

*Chéri,\**

*Giờ em đang cực kỳ hạnh phúc và bình yên. Đồ ăn siêu ngon. Bọn em bắt cá gần thuyền. Zeppo gửi tình yêu tới anh. (Zeppo là vị chủ nhà Hy Lạp da ngăm đen của cô và Tom có thể chỉ cho anh ta biết phải làm gì với tình yêu của mình).*

*Em đã học cách đi xe đạp khéo léo hơn rồi. Chúng em rất hay đi dạo vào trong đất liền vì nó khô ráo. Zeppo chụp ảnh đấy. Belle Ombre thế nào rồi anh? Em nhớ anh lắm. Anh có vui không? Nhiều mời mọc chứ? (Từ đó có nghĩa là khách khứa hay lời mời vậy?) Anh có vẽ không? Em chẳng nhận được tin gì từ Papa hết.*

*Hôn bà A. Em ôm anh.*

Đoạn còn lại bằng tiếng Pháp. Cô muốn anh gửi một bộ đồ tắm màu đỏ mà anh sẽ tìm được trong một cái tủ com-mốt trong phòng tắm của cô. Anh nên gửi bằng đường hàng không. Chiếc du thuyền có một bể bơi nước nóng. Tom ngay lập tức đi lên gác - bà Annette vẫn đang dọn dẹp trong phòng anh - và chuyển giao nhiệm vụ này cho bà ta, đưa thêm tờ một trăm franc, vì anh nghĩ bà ta có thể sẽ thấy hối hoảng trước giá tiền gửi đồ bằng đường hàng không và nảy ra ý định gửi nó bằng đường bưu điện.

Rồi anh xuống nhà và vội vàng mở bức thư của Greenleaf ra, vì mấy phút nữa là anh phải khởi hành đến Orly rồi.

*12 tháng Mười, 19...*

*Anh Ripley thân mến,*

*Tôi là em họ của Dickie và tuần tới tôi sẽ tới châu Âu, chắc sẽ đến Luân Đôn đầu tiên, dù tôi không thể quyết định xem hay là nên tới Paris trước. Dẫu sao đi nữa, tôi nghĩ chúng ta mà gặp được nhau thì sẽ thật tuyệt. Chú Herbert đã cho tôi địa chỉ của anh và ông nói anh không ở xa Paris. Chưa có số điện thoại của anh nhưng tôi có thể tự tìm được.*

*Giới thiệu cho anh biết đôi điều về bản thân tôi, tôi hai mươi tuổi và học ở Đại học Stanford. Tôi đã tham gia quân ngũ một năm, trong khoảng thời gian đó tạm dừng việc học. Tôi sẽ quay lại Stanford học ngành kỹ sư nhưng trong thời đoạn này tôi sẽ nghỉ ngơi một năm để tới châu Âu thả lỏng. Ngày nay rất nhiều người trẻ đều làm như vậy. Áp lực muôn nơi đúng là một thứ đáng sợ. Ý tôi là ở Mỹ, nhưng biết đâu anh đã ở châu Âu lâu đến mức không rõ ý tôi là gì nữa rồi.*

*Chú tôi đã kể cho tôi nghe rất nhiều điều về anh. Ông nói anh là bạn thân của Dickie. Tôi gặp Dickie khi tôi mới 11 còn anh ấy 21 tuổi.*



*Tôi chỉ nhớ một anh chàng tóc vàng cao ráo. Anh ấy đã tới thăm gia đình tôi ở California.*

*Hãy báo cho tôi nếu anh vẫn ở Villeperce vào cuối tháng Mười, đầu tháng Mười một nhé. Trong lúc đó tôi sẽ ngồi đây hy vọng được gặp anh.*

*Trân trọng  
Chris Greenleaf*

Anh sẽ lịch sự từ chối người này, Tom nghĩ. Không cần thiết phải tiếp xúc gần gũi hơn với gia đình Greenleaf. Họa hoằn lắm ông Herbert Greenleaf mới viết thư cho anh và Tom luôn hồi âm với những lời lẽ tử tế, lịch sự.

“Bà Annette, nhớ giữ lửa cháy trong lò nhé,” Tom nói khi khởi hành.

“Anh vừa nói gì cơ?”

Anh cố gắng chuyển ngữ sang tiếng Pháp.

“Tạm biệt nhé anh Tome! Chúc anh thượng lộ bình an!” Bà Annette vẫy tay chào anh ở cửa trước.

Tom lái chiếc Alfa Romeo đỏ, một trong hai chiếc ô-tô trong gara. Đến sân bay Orly, anh đưa xe vào gara trong nhà, báo nó sẽ nằm đó khoảng hai đến ba ngày. Anh mua một chai whiskey trong nhà ga để mang cho băng đảng. Anh đã có một chai Pernod to đùng trong va-li rồi (vì anh chỉ được phép mang một chai rượu vào Luân Đôn), vì Tom phát hiện ra rằng nếu anh đi qua lối đi xanh lục và cầm cái chai trong tầm mắt thì các thanh tra viên sẽ không bao giờ yêu cầu anh mở va-li ra. Trên máy bay anh đã mua thuốc lá Gauloises không có đầu lọc, loại này lúc nào cũng được ưa chuộng ở Luân Đôn.

Ở Anh trời mưa lất phất. Xe buýt lăn bánh dọc lề trái đường, đi qua những căn biệt thự mang những cái tên luôn khiến Tom thấy thú vị, dù hiện giờ anh hầu như không đọc nổi tên chúng trong cảnh trời xám xịt. Ở MỘT

LÁT. Thật không tin nổi. MILFORD KHÔNG ĐI LANG THANG. Chúng được viết trên những tấm biển nhỏ. GÓC LÒ SƯỜI. NGỒI LẠI ĐÂY. Chúa lòng lạnh. Rồi sau đó là đến dãy nhà Victoria nằm sát sạt nhau đã được chuyển đổi thành các khách sạn nhỏ mang những cái tên hào nhoáng dưới ánh đèn nê-ông nhấp nháy giữa những cây cột kiểu Hy Lạp: BINH CHỮNG MANCHESTER, VUA ALFRED, NHÀ CHESHIRE. Tom biết thừa là sau những hành lang hẹp đầy vẻ đáng kính và thượng lưu đó, vài tên sát nhân tài ba nhất thời đại đang tạm lánh nạn một, hai đêm, trông cũng ra điều đáng kính. Nước Anh đúng là nước Anh, Chúa phù hộ cho nó!

Điều tiếp theo thu hút sự chú ý của Tom là một tấm poster dán trên cột đèn bên trái đường. Dòng chữ DERWATT được bôi đậm nằm chéo xuống - đó là chữ ký của Derwatt - và bức tranh được sao chép lại bằng màu dưới ánh đèn lờ mờ trông có vẻ là tím sậm hoặc đen thẫm và có phần giống như nắp đàn piano được dựng lên. Không nghi ngờ gì, lại là một tác phẩm giả mạo mới của Bernard Tufts. Cách đó vài mét lại có một tấm poster như thế nữa. Thật kỳ lạ khi thấy mình được “điểm danh” khắp Luân Đôn nhưng lại đặt chân đến đây một cách lặng lẽ như thế này, Tom nghĩ khi bước xuống khỏi chiếc xe buýt ở trạm West Kensington mà không một ai để ý.

Từ trạm, anh gọi điện tới studio của Jeff Constant. Ed Banbury nghe máy.

“Nhảy lên tắc-xi và tới thẳng đây đi!” Ed nói, giọng sung sướng một cách điên rồ.

Studio của Jeff nằm ở St John’s Wood. Tầng hai - tầng một đối với người Anh - ở bên tay trái. Nó là một tòa nhà xinh xắn gọn gàng, không phô trương mà cũng chẳng tồi tàn.

Ed bật tung cửa ra. “Chúa ơi, Tom, thật tuyệt khi được gặp anh!”

Họ bắt tay nhau một cách mạnh mẽ. Ed cao hơn Tom với mái tóc vàng thẳng và rũ xuống, loà xoà trước tai anh ta, nên anh ta phải liên tục hất nó sang một bên. Anh ta tầm ba lăm tuổi.

“Còn Jeff đâu rồi?” Tom lôi bao thuốc Gauloises và chai whiskey ra khỏi cái túi lưới đỏ, tiếp đến là chai Pernod lậu giấu trong va-li. “Quà thăm nhà.”

“Tuyệt quá đi mất! Jeff đang ở phòng triển lãm. Nghe này, Tom, anh sẽ làm việc đó chứ?... Vì tôi đã có đủ đồ ở đây rồi và không có nhiều thời gian đâu.”

“Tôi sẽ thử xem sao,” anh nói.

“Bernard sắp đến. Anh ấy sẽ giúp chúng ta. Chỉ dẫn chiến thuật.” Ed hăm hở nhìn đồng hồ đeo tay của mình.

Tom đã cởi áo khoác ngoài và áo vest ra. “Derwatt không thể đến muộn hơn một chút à? Khai mạc vào lúc năm giờ phải không?”

“À, tất nhiên. Cũng không cần phải tới đó trước sáu giờ làm gì, nhưng tôi muốn thử trang điểm, Jeff bảo phải nhắc anh là anh không lùn hơn Derwatt là bao... nhưng ai mà thèm nhớ mấy con số đấy cơ chứ? Giả như tôi đã từng viết về chúng ở bất kỳ đâu chẳng nữa? Với cả Derwatt có đôi mắt màu xám ánh xanh dương. Nhưng mắt của anh cũng được.” Ed cười. “Muốn uống trà không?”

“Không cảm ơn.” Tom đang nhìn bộ âu phục màu xanh dương sậm trên tràng kỷ của Jeff. Trông nó quá rộng và cũng không được là lượt. Một đôi giày đen khủng khiếp nằm cạnh tràng kỷ trên sàn nhà. “Sao anh không uống một chút rượu nhỉ?” Tom gợi ý cho Ed vì trông anh ta bồn chồn như mèo vậy. Như thường lệ, thái độ lo lắng của người khác lại khiến Tom cảm thấy bình thản.

Chuông cửa reo.

Ed để Bernard Tufts vào.

Tom chìa một bàn tay ra. “Bernard, anh khỏe không?”

“Khỏe, cảm ơn anh,” Bernard nói, giọng nghe thật khỗ sở. Anh ta gày nhằng, da ngăm ngăm, mái tóc đen thẳng và đôi mắt đen dịu dàng.

Tom nghĩ tốt nhất là bây giờ đừng nên cố nói chuyện với Bernard làm gì, chỉ cần làm việc thật hiệu quả là được.

Ed lấy một chậu nước trong căn phòng tắm nhỏ xíu nhưng hiện đại của Jeff và Tom gội qua đầu để làm tóc anh trông sậm màu hơn. Mãi sau khi nhận được sự giục giã quả quyết rồi nài nỉ của Ed, Bernard mới góp ý vài câu.

“Anh ấy đi hơi khom người,” anh ta nói. “Giọng anh ấy... Anh ấy hơi rụt rè ở chỗ đông người. Giọng kiểu đều đều, tôi nghĩ thế. Như thế này, tôi sẽ cố mô phỏng cho anh nghe,” Bernard nói bằng giọng đều đều. “Thỉnh thoảng anh ấy sẽ phá lên cười.”

“Không phải chúng ta đều thế sao!” Tom nói, bản thân anh cũng cười một cách lo lắng. Giờ Tom đang ngồi trên một chiếc ghế lưng thẳng, được Ed chải đầu. Bên phải Tom là một cái khay trông như đựng rác quét nhà của tiệm cắt tóc, nhưng Ed rũ nó và hóa ra đó là một bộ râu được dính vào một tấm gạc màu da trông như thật. “Chúa lòng lành, tôi mong là đèn lờ mờ thôi,” Tom lầm bầm.

“Chúng tôi sẽ lo liệu chuyện đó,” Ed nói.

Trong khi Ed xử lý bộ râu, Tom tháo hai chiếc nhẫn của anh ra, một là nhẫn cưới, một là nhẫn của Dickie Greenleaf, và đút chúng vào túi. Anh nhờ Bernard đưa mình chiếc nhẫn từ túi quần bên trái và anh ta giúp anh. Các ngón tay mảnh dẻ của Bernard lạnh băng và run cầm cập. Tom muốn hỏi thăm anh ta về Cynthia rồi nhớ ra Bernard không còn gặp cô ta nữa. Anh nhớ họ còn định cưới nhau rồi. Ed đang dùng kéo tỉa tóc của Tom, tạo một chòm ở trước trán.

“Với cả Derwatt...” Bernard dừng lại vì giọng anh ta có phần ghen ngào.

“Ôi, ngậm mồm lại đi, Bernard!” Ed nói, cười như điên.

Bernard cũng cười theo. “Xin lỗi. Thật sự, tôi vô cùng xin lỗi.” Anh ta có vẻ ăn năn, như thể thật lòng thấy vậy.

Bộ râu được dùng keo dán vào.

Ed nói, “Tôi muốn anh đi dạo quanh đây một vòng, Tom. Để làm quen. Đến phòng triển lãm... Anh không cần phải ra trước đám đông, chúng tôi đã quyết định sẽ không làm thế. Có một cánh cửa phía sau và Jeff sẽ đưa chúng ta vào bằng đường đó. Chúng tôi sẽ mời vài nhà báo vào văn phòng, và chỉ bật một cây đèn đứng ở đầu phòng bên kia thôi. Chúng tôi đã bỏ một cái đèn nhỏ và bóng đèn trên trần để nó *không* sáng được, anh hiểu chứ”.

Bộ râu dán keo thật lạnh lẽo trên mặt Tom. Trong tấm gương trong phòng vệ sinh của Jeff, trông anh hơi giống D.H. Lawrence\*, anh nghĩ thầm. Xung quanh miệng anh đầy tóc. Đó là một cảm giác mà Tom không thích. Dưới gương, trên một cái giá nhỏ, là ba bức ảnh của Derwatt - Derwatt mặc áo sơ-mi thoải mái, ngồi trên một cái ghế đọc sách, Derwatt đứng cùng một người đàn ông mà Tom không biết, nhìn về phía máy ảnh. Trong tất cả các bức ảnh, Derwatt đều đeo kính.

“Kính,” Ed nói, như thể đọc được suy nghĩ của Tom.

Anh nhận lấy chiếc kính gọng tròn mà anh ta đưa rồi đeo nó vào. Thế này trông ổn hơn rồi đấy. Tom mỉm cười, một cách nhẹ nhàng để không làm hỏng bộ râu đang dần khô. Cặp kính là thủy tinh không độ, rõ ràng là thế. Tom khom người đi vào trong studio, và nói bằng giọng mà anh hy vọng là giống Derwatt, “Giờ hãy kể cho tôi nghe về gã Murchison này nào...”

“Trầm hơn!” Bernard nói, bàn tay gày gò của anh ta vung lên loạn xạ.

“Gã Murchison này,” Tom lặp lại.

Bernard nói, “Ông M... Murchison, theo lời Jeff, nghĩ rằng... Derwatt đã quay lại với kỹ thuật vẽ tranh cũ. Bức tranh ‘Đồng Hồ’, anh hiểu không. Tôi không rõ ý ông ta là gì, nói thật với anh là vậy.” Bernard vội vã lắc đầu, rút một chiếc khăn tay ra từ đâu đó và xì mũi. “Tôi đã ngắm một trong các bức ảnh Jeff chụp tấm ‘Đồng Hồ’. Ba năm rồi tôi chưa nhìn thấy nó, anh biết đấy. Không phải tranh thật.” Bernard nói nhỏ như sợ tường đang nghe trộm.

“Ông Murchison này có phải chuyên gia không?” Tom hỏi, nghĩ, chuyên gia là gì nhỉ?

“Không, ông ta chỉ là một doanh nhân người Mỹ thôi,” Ed nói. “Ông ta sưu tầm tranh. Ông ta dai như đĩa muối vậy.”

Còn hơn như vậy, Tom nghĩ, không thì họ đã chẳng lo lắng thế này. “Tôi có nên chuẩn bị một cái gì cụ thể không?”

“Không,” Ed nói. “Có đúng không, Bernard?”

Bernard thở dốc rồi gượng cười, và trong khoảnh khắc, trông anh ta hết như mấy năm trước đây, trẻ trung hơn, ngây thơ. Tom nhận ra Bernard gày hơn so với lần cuối cùng anh nhìn thấy anh ta, ba hay bốn năm trước gì đó.

“Ước gì tôi biết,” Bernard nói. “Anh chỉ phải... kiên trì bảo vệ bức tranh đó, bức tranh ‘Đồng Hồ’, là tranh của Derwatt.”

“Cứ tin tôi,” Tom nói. Anh đang đi lòng vòng, tập dáng đi khom người, khoác lên một nhịp điệu chậm chạp mà anh hy vọng là đúng.

“Nhưng,” Bernard tiếp tục, “nếu ông Murchison muốn tiếp tục bám theo những gì mà ông ta vẫn lải nhải, bất kể đó là gì đi nữa - mà anh đang giữ bức tranh ‘Người Ngồi Trong Ghế’ đấy, Tom...”

Bức tranh giả. “Ông ta sẽ không bao giờ được nhìn thấy bức tranh đó,” Tom nói. “Bản thân tôi rất thích nó.”

“Bức ‘Bồn Tắm’,” Bernard nói thêm. “Nó cũng có mặt trong buổi triển lãm.”

“Anh lo lắng về bức tranh đó à?” Tom hỏi.

“Nó cũng được vẽ bằng kỹ thuật tương tự,” Bernard nói. “Có thể thế.”

“Vậy anh biết kỹ thuật mà ông Murchison đang nói đến là kỹ thuật gì phải không? Nếu lo lắng thì sao anh không bỏ bức ‘Bồn Tắm’ ra khỏi buổi triển lãm đi?”

Ed nói, “Nó đã được thông báo trong chương trình. Chúng tôi sợ rằng nếu bỏ nó đi thì ông Murchison lại muốn xem nó, muốn biết ai mua nó, đủ

thứ đại loại như vậy”.

Cuộc đối thoại chẳng đi đến đâu vì Tom không thể moi được thông tin rõ ràng về thứ kỹ thuật mà họ, hoặc ông Murchison, nói đến trong các bức tranh đó.

“Anh sẽ không bao giờ chạm mặt ông Murchison đâu, nên đừng có lo lắng nữa,” Ed nói với Bernard.

“Anh đã gặp ông ta chưa?” Tom hỏi Ed.

“Chưa, chỉ mới có Jeff gặp thôi. Sáng nay.”

“Ông ta thế nào?”

“Jeff nói khoảng tầm năm mươi tuổi, tạng người to béo đúng kiểu Mỹ. Cũng khá lịch sự nhưng cứng đầu. Không phải cái quần đó có thắt lưng sao?”

Tom thắt chặt thắt lưng trên quần. Anh khịt mũi người ổng tay áo vest. Có mùi băng phiến thoang thoảng, hẳn sẽ không dễ nhận ra dưới mùi khói thuốc lá. Dầu sao đi nữa, Derwatt có thể đã mặc đồ Mexico suốt mấy năm vừa rồi còn đồ châu Âu của anh ta thì được cất đi. Tom nhìn mình trong tấm gương dài, dưới một bóng đèn sáng rực rỡ của Jeff mà Ed mới bật lên và đột ngột gặp người xuống cười nắc nẻ. Anh quay lại và nói, “Xin lỗi, tôi chỉ vừa nghĩ là cần nhắc đến khoản thu nhập đáng kinh ngạc của Derwatt thì chắc chắn là anh ta quá quý mến mấy bộ đồ cũ của mình!”.

“Không sao cả, anh ấy là người lánh đời mà,” Ed nói.

Điện thoại reo. Ed nghe máy, và Tom nghe thấy anh ta đang trấn an ai đó, không nghi ngờ gì là Jeff, rằng Tom đã đến và sẵn sàng lâm trận.

Tom chưa cảm thấy sẵn sàng lắm. Mồ hôi anh túa ra vì lo lắng. Anh nói với Bernard, cố ra giọng vui vẻ, “Cynthia thế nào rồi? Anh có gặp lại cô ấy nữa không?”.

“Tôi không còn gặp cô ấy nữa. Ít nhất thì cũng không thường xuyên lắm.” Bernard liếc nhìn Tom rồi lại nhìn xuống sàn.

“Cô ấy sẽ nói gì khi phát hiện ra Derwatt đã quay về Luân Đôn vài ngày?” Tom hỏi.

“Tôi không nghĩ là cô ấy sẽ nói bất kỳ điều gì cả,” Bernard trì độn đáp lại. “Cô ấy sẽ không... phá hoại, tôi chắc chắn thế.”

Ed chấm dứt cuộc trò chuyện qua điện thoại. “Cynthia sẽ không nói gì đâu, Tom. Cô ấy là như thế đấy. Anh vẫn nhớ cô ấy chứ, Tom?”

“Có. Loáng thoáng,” Tom nói.

“Nếu đến giờ này mà cô ấy còn chưa nói gì cả thì cô ấy cũng sẽ không nói gì đâu,” Ed nói. Cái cách anh ta nói nghe như kiểu “Cô ta không phải kiểu người dở dở ương ương hay ba hoa chích chòe đâu”.

“Cô ấy khá tuyệt vời,” Bernard mơ màng nói, chẳng với ai cả. Đột nhiên anh ta đứng bật dậy và lao vào phòng tắm, có thể vì anh ta cần đi vệ sinh nhưng nhiều khả năng là để nôn.

“Đừng lo về Cynthia, Tom,” Ed nhẹ nhàng nói. “Chúng tôi sống với cô ấy, anh biết đấy. Ý tôi là, ở Luân Đôn này. Cô ấy đã giữ im lặng ba năm rồi. À thì, từ khi cô ấy chia tay với Bernard. Hoặc là anh ta chia tay với cô ấy.”

“Cô ấy hạnh phúc chứ? Tìm được ai khác chưa?”

“À, cô ấy có bạn trai rồi, tôi nghĩ thế.”

Bernard vừa quay lại.

Tom uống một ly scotch. Bernard uống một ly Pemd và Ed thì không uống gì cả. Theo lời anh ta nói thì anh ta không dám vì vừa uống thuốc giảm đau. Đến năm giờ, Tom đã được tổng hợp hoặc nhồi lại vài thứ: thị trấn ở Hy Lạp nơi Derwatt đã được chính thức nhìn thấy cách đây khoảng sáu năm. Tom, phòng trường hợp bị hỏi, phải nói anh đã rời Hy Lạp dưới một cái tên khác trong một tàu chở dầu từ Hy Lạp đến Vera Cruz, trong vai người tra dầu và họa sĩ trên tàu.

Họ mượn áo khoác ngoài của Bernard, trông còn cũ hơn cả áo của Tom hoặc bất kỳ cái áo nào Jeff có trong tủ quần áo của anh ta. Rồi Tom và



Ed khởi hành, để Bernard lại trong studio của Jeff, nơi lát nữa bọn họ sẽ gặp lại nhau.

“Chúa ơi, anh ta rầu rĩ quá,” Tom nói khi đang đi trên vỉa hè. Anh đang khom cả người xuống để đi bộ. “Anh ta có thể tiếp tục như thế này bao lâu nữa?”

“Đừng đánh giá dựa vào ngày hôm nay. Anh ấy sẽ tiếp tục được thôi. Cứ lúc nào có triển lãm là anh ấy lại thành ra thế này.”

Bernard là con ngựa thồ già nua, Tom đoán vậy. Ed và Jeff thì mê mãi với tiền bạc, thức ăn ngon, đời sống cao. Bernard thì chỉ mãi sản xuất ra những bức tranh biến những chuyện đó thành hiện thực.

Tom vội vã lùi lại tránh một chiếc tắc-xi, không ngờ nó sẽ lao tới dọc lề đường bên trái.

Ed mỉm cười. “Tuyệt lắm. Cứ tiếp tục phát huy nhé.”

Họ đến chỗ chờ tắc-xi và ngồi vào một chiếc xe.

“Mà này... người quản lý hay người giám sát ở phòng triển lãm,” Tom nói. “Tên anh ta là gì nhỉ?”

“Leonard Hayward,” Ed nói. “Anh ta tầm hai sáu tuổi. Quái đản cực kỳ, nên thuộc về một cửa tiệm thời trang trên đường King, nhưng anh ta ổn lắm. Jeff và tôi đã cho anh ta vào hội. Buộc phải thế. Thật ra thì như thế an toàn hơn, vì anh ta không thể gửi thư tống tiền nếu ký vào bản thỏa thuận cùng chúng tôi quản lý nơi này, và anh ta đã ký. Chúng tôi trả anh ta khá hậu hĩnh và anh ta cũng thấy hứng thú. Anh ta còn mang lại vài người mua hàng giàu có nữa.” Ed nhìn Tom và mỉm cười. “Đừng quên chút ngữ điệu của dân lao động nhé. Theo tôi nhớ thì anh có thể giả vờ khá tốt.”

## CHƯƠNG 3

Ed Banbury ấn chuông của một cánh cửa màu đỏ sậm nằm chìm trong tường tòa nhà. Tom nghe có tiếng vặn khóa, rồi cửa mở và Jeff đứng đó, cười toe toét với họ.

“Tom! Thật *siêu thực!*” Jeff thì thào.

Họ đi qua một hành lang ngắn, vào trong một văn phòng ấm cúng với bàn làm việc và máy đánh chữ, sách, các bức tường màu kem, thảm lót kín phòng. Các bức tranh sơn dầu và các khung tranh nằm dựa vào tường.

“Tôi không biết làm cách nào để tán dương trông anh giống đến mức nào - Derwatt!” Jeff vô mệnh vai Tom. “Tôi hy vọng động tác này không làm râu của anh rụng xuống.”

“Đến bao cũng phải chịu thua,” Ed xen vào.

Jeff Constant đã tăng cân, mặt thì hồng hào hoặc có thể là vì anh ta sử dụng đèn nhuộm da. Ống tay áo sơ mi của anh ta được trang trí bằng khuy măng-sét vàng hình vuông, bộ âu phục đen sọc xanh dương trông mới toanh. Tom để ý thấy có một chòm tóc giả - như cách họ gọi thời nay - che đi phần hói trên đỉnh đầu của Jeff, mà anh biết rõ là chỗ đó bây giờ trọc lốc rồi. Qua cánh cửa đóng chặt dẫn tới phòng tranh, rất nhiều giọng nói hứng khởi vọng vào, trong đó có một tiếng phụ nữ cười cao chót vót như cá heo nhảy lên khỏi mặt biển dữ dội, Tom nghĩ thầm, dù lúc này anh chẳng có tâm trạng làm thơ.

“Sáu giờ,” Jeff thông báo, lật ống tay áo lên để nhìn đồng hồ. “Giờ tôi sẽ nhỏ nhẹ báo cho vài nhà báo biết rằng Derwatt đang ở đây. Trên toàn nước Anh này, sẽ không có một..

“Ha ha! Không có một cái gì?” Ed cắt lời.

“... không có một vụ *huyền não* nào đâu,” Jeff nói một cách kiên định. “Tôi sẽ bảo đảm điều đó.”

“Anh cứ ngồi lại đây. Hoặc đứng, tùy ý,” Ed nói, ra dấu vào chiếc bàn nằm trong góc và một cái ghế sau bàn.

“Thằng cha Murchison cũng có mặt ở đây chứ?” Tom hỏi bằng giọng của Derwatt.

Nụ cười bất diệt của Jeff rạng rỡ hơn nhưng có phần không thoải mái. “À, có đấy. Anh phải gặp ông ta tất nhiên rồi. Nhưng sau khi gặp báo giới nhé.” Jeff háo hức nóng lòng muốn ra ngoài, dù trông anh ta có vẻ muốn nói thêm điều gì đó. Chìa khóa vặn trong ổ.

“Có nước ở đâu đó không?” Tom hỏi.

Ed chỉ cho anh một phòng vệ sinh nhỏ bị giấu sau một giá sách chòi ra ngoài. Tom vội vàng uống một ngụm nước và khi anh vừa bước ra, hai người đàn ông trong đám nhà báo đang cùng Jeff bước vào, mặt họ ngỡ ngác vì ngạc nhiên và tò mò. Một người tầm năm mươi có lẽ, người còn lại ở độ tuổi hai mươi, nhưng biểu cảm thì khá tương đồng.

“Xin cho phép tôi giới thiệu ông Gardiner của tờ *Telegraph*” Jeff nói. “Derwatt. Và anh...”

“Perkins,” chàng trai trẻ nói. “Tờ *Sunday*...”

Một tiếng gõ cửa vang lên trước khi họ kịp chào hỏi lẫn nhau. Tom khom người đi về phía bàn, cứ như bị thấp khớp. Cây đèn duy nhất trong phòng nằm gần cánh cửa dẫn tới phòng tranh, cách anh đến tận ba mét. Nhưng Tom đã để ý thấy Perkins mang theo một chiếc máy ảnh có đèn flash.

Có thêm bốn người đàn ông và một người phụ nữ được mời vào. Trong hoàn cảnh này, Tom sợ cặp mắt của phụ nữ hơn bất kỳ thứ gì khác. Cô ta được giới thiệu với anh là cô Eleanor Gì Đó của tờ *Manchester Gì Đó*.

Rồi các câu hỏi bắt đầu tới tấp bay đến, mặc dù Jeff gợi ý các nhà báo nên lần lượt đặt câu hỏi thôi. Đây là một lời đề nghị vô dụng vì bọn họ đều quá hăm hở muốn thắc mắc của mình được giải đáp.

“Anh có định sống mãi mãi ở Mexico không, anh Derwatt?”

“Anh Derwatt, chúng tôi cực kỳ bất ngờ khi thấy anh ở đây. Điều gì đã khiến anh quyết định tới Luân Đôn?”

“Đừng có gọi tôi là *anh* Derwatt,” Tom gắt gỏng nói. “Derwatt không là đủ rồi.”

“Anh có thích bộ tranh sơn dầu mới nhất mà mình vẽ không? Anh có nghĩ chúng là các tác phẩm xuất sắc nhất của mình không?”

“Derwatt, anh sống một mình ở Mexico à?” Eleanor Gì Đó hỏi.

“Đúng thế.”

“Anh có thể nói cho chúng tôi biết tên ngôi làng anh đang ở không?”

Có thêm ba người đàn ông bước vào và Tom thấy Jeff đang khuyên một người trong số họ đứng chờ bên ngoài.

“Có một thứ mà tôi sẽ không bao giờ nói cho các vị đó là tên ngôi làng tôi sống,” Tom chậm rãi nói. “Như vậy không công bằng đối với các cư dân khác.”

“Derwatt, này...”

“Derwatt, có vài nhà phê bình đã nói...”

Có người đang dùng nắm tay nện cửa.

Jeff nện trả và hét, “Hiện giờ không ai được vào nữa!”

“Có vài nhà phê bình đã nói...”

Giờ thì cửa vang lên tiếng rảng rặc và Jeff lấy vai chặn lại. Cánh cửa sẽ không đầu hàng, Tom thấy vậy, và hướng đôi mắt bình tĩnh sang người vừa đặt câu hỏi.

“... đã nói rằng tác phẩm của anh tương đồng với một giai đoạn của Picasso liên quan tới thời kỳ lập thể của ông ta, khi ông ta bắt đầu bóc tách

các khuôn mặt và hình khối.”

“Tôi không có giai đoạn vẽ tranh nào hết,” Tom nói. “Picasso mới có các giai đoạn. Đó là lý do người ta không thể định vị Picasso - đấy là nếu có người muốn làm vậy. Không thể nói ra câu ‘Tôi thích Picasso’, vì làm gì có giai đoạn nào xuất hiện trong đầu ta. Picasso đùa giỡn với hội họa. Không sao hết. Nhưng khi làm vậy thì ông ta cũng đã phá hủy bản chất thiên tài của mình - một thiên tài và một cá tính dung hòa. Cá tính của Picasso là gì?”

Các nhà báo cần miễn ghi chép.

“Bức tranh nào anh yêu thích trong buổi triển lãm hôm nay? Anh nghĩ mình thích bức nào hơn hết thầy?”

“Tôi không có... Không, tôi không thể nói là mình có một bức họa đặc biệt yêu thích trong buổi triển lãm này. Cảm ơn anh.” Derwatt có hút thuốc không nhỉ? Kệ đi. Tom với lấy bao thuốc Craven A của Jeff và châm một điếu bằng bật lửa để bàn trước khi hai nhà báo có thể lao tới châm lửa giúp anh. Tom lùi lại để bảo vệ bộ râu của mình trước ngọn lửa. “Bức tranh ưa thích nhất của tôi có lẽ là các bức tranh cũ - ‘Đôi Ghế Đỏ,’ ‘Người Phụ Nữ Đang Rơi,’ có thể là thế. Đã bán được, ơn trời.” Chẳng biết từ đâu mà Tom nhớ ra tiêu đề bức tranh cuối cùng. Nó có tồn tại.

“Nó ở đâu? Tôi không biết bức tranh đó, nhưng có nghe đến tên nó,” có người nói.

E dè, như một người có thói lánh đời, Tom vẫn dán chặt mắt vào bàn thảm bọc da trên bàn Jeff. “Tôi quên mất rồi. ‘Người Phụ Nữ Đang Rơi’. Tôi nghĩ hình như được bán cho một người Mỹ.”

Các nhà báo lại dồn dập xông lên. “Anh có hài lòng với doanh số bán hàng của mình không, Derwatt?”

(Ai lại không thấy hài lòng chứ?)

“Mexico có truyền cảm hứng cho anh không? Tôi để ý thấy không có bức tranh sơn dầu nào trong buổi triển lãm này lấy bối cảnh Mexico hết.”

(Một chuồng ngựa vật nhỏ, nhưng Tom vẫn vượt qua được. Lúc nào anh chẳng vẽ từ trí tưởng tượng.)

“Ít nhất thì anh có thể miêu tả căn nhà nơi anh sống ở Mexico chứ, Derwatt?” Eleanor hỏi.

(Việc này thì Tom làm được. Một căn nhà một tầng có bốn phòng. Trước cửa có một cây chuối. Có một cô gái đến dọn dẹp vào mười giờ sáng hàng ngày, và mua sắm ít đồ hộ anh hàng trưa, mang về bánh tortilla mới nướng nóng hôi hổi, sẽ được anh ăn cùng đậu đỏ - frijoles - thành bữa trưa. Đúng là thịt hơi khan hiếm nhưng cũng có ít thịt dê. Tên cô gái à? Juana.)

“Trong làng họ có gọi anh là Derwatt không?”

“Hồi trước thì có và họ cũng có cách phát âm cực kỳ khác, tôi nói cho các anh biết. Giờ thì họ gọi Filippo. Không cần một cái tên nào khác ngoài Don Filippo.”

“Họ hoàn toàn không biết anh chính là *Derwatt* à?”

Tom lại cười nhẹ. “Tôi không nghĩ họ bận tâm nhiều đến tờ *The Times* hay *Arts Review* hay mấy tờ báo đại loại như thế đâu.”

“Anh có nhớ Luân Đôn không? Đối với anh nó trông như thế nào?”

“Có phải chỉ vì một ý thích bất chợt khiến anh quay lại lúc này không?” Perkins trẻ tuổi hỏi.

“Đúng thế. Chỉ là một ý thích bất chợt.” Tom nở nụ cười mệt mỏi, thân nhiên của một người đàn ông đã ngắm nhìn sông núi Mexico, trong cô đơn, suốt nhiều năm dài.

“Anh có bao giờ cải trang để tới châu Âu không? Chúng tôi biết anh thích sự riêng tư...”

“Derwatt, tôi sẽ cực kỳ biết ơn nếu được anh bỏ ra mười phút ngày mai. Tôi có thể hỏi nơi anh đang ở...”

“Xin lỗi nhé, tôi vẫn chưa quyết định được là mình sẽ ở đâu,” Tom nói.

Jeff nhẹ nhàng giục các nhà báo ra về và máy ảnh bắt đầu chớp lên. Tom cúi mặt xuống rồi ngẩng mặt lên cho một, hai bức ảnh theo yêu cầu. Jeff đưa một người phục vụ mặc áo vest trắng cầm theo một khay đồ uống vào. Cái khay trong nháy mắt trống không.

Tom nhắc một bàn tay lên ra hiệu bên lên, hòa nhã chào tạm biệt. “Cảm ơn tất cả các vị.”

“Không phỏng vấn nữa,” Jeff nói ở cửa.

“Nhưng tôi...”

“À, ông Murchison. Mời ông vào,” Jeff nói. Anh ta quay sang giới thiệu cho Tom. “Derwatt, đây là ông Murchison. Từ Mỹ.”

Ông Murchison to con với khuôn mặt dễ chịu. “Anh thế nào, anh Derwatt?” Ông ta tươi cười hỏi thăm. “Thật là một bất ngờ tuyệt vời khi được gặp anh ở đất Luân Đôn này!”

Họ bắt tay.

“Chào ông,” Tom nói.

“Còn vị này là Edmund Banbury,” Jeff nói, “thưa ông Murchison.”

Ed và ông Murchison chào hỏi nhau.

“Tôi có một bức tranh của anh - bức ‘Đồng Hồ’. Trên thực tế, tôi đã mang nó theo đây.” Giờ ông ta đang tươi cười rạng rỡ, nhìn Tom đầy vẻ nhiệt thành và kính trọng, và Tom hy vọng vì mãi ngạc nhiên khi được tận mắt nhìn thấy anh mà mắt ông ta bị lóa.

“À, ra thế,” Tom nói.

Jeff một lần nữa lạng lẽ khóa cửa lại. “Ông không ngồi xuống sao, ông Murchison?”

“Được, cảm ơn anh.” Murchison ngồi xuống một chiếc ghế lưng thẳng.

Jeff bắt đầu lạng lẽ thu dọn những chiếc cốc không từ rìa các giá sách và bàn làm việc.

“Đi thẳng vào trọng tâm nhé, anh Derwatt, tôi... tôi có hứng thú với một số thay đổi nhất định về mặt kỹ thuật mà anh thể hiện ra trong bức tranh ‘Đồng Hồ’. Hiển nhiên là anh biết bức tranh tôi muốn nói đến chứ?” Ông ta hỏi.

Đó là một câu hỏi thông thường hay có tính công kích nhỉ, Tom phân vân. “Tất nhiên,” anh nói.

“Anh có thể miêu tả nó không?”

Tom vẫn đang đứng thẳng. Một cơn ớn lạnh lan đi khắp cơ thể anh. Tom mỉm cười. “Tôi chẳng bao giờ có thể miêu tả các bức tranh của mình. Tôi cũng sẽ chẳng lấy làm ngạc nhiên nếu trong đó không có cái đồng hồ nào. Ông Murchison, ông có biết là không phải lúc nào tôi cũng tự đặt tên cho các tác phẩm của mình không? Sao người ta có thể nghĩ ra cái tên ‘Trưa Chủ Nhật’ từ một bức tranh sơn dầu thì tôi cũng chịu.” (Tom đã liếc qua chương trình triển lãm hai mươi tám bức họa Derwatts đang được trưng bày, một tờ chương trình mà Jeff hoặc ai đó đã thẩu đáo mở ra và đặt lên bàn thảm trên bàn làm việc.) “Có phải đó là công lao của anh không, Jeff?”

Anh ta bật cười. “Không, tôi nghĩ là của Ed. Ông có muốn uống gì không, ông Murchison? Tôi sẽ lấy đồ uống cho ông từ quầy bar.”

“Không, cảm ơn anh, tôi không cần.” Rồi ông ta chuyển hướng sang Tom. “Đó là một chiếc đồng hồ màu đen xanh dương được cầm bởi... Anh có nhớ không?” Ông ta mỉm cười như thể chỉ đang hỏi một câu đố ngây thơ.

“Tôi nghĩ là một bé gái... quay mặt về phía người xem, đúng không nhỉ?”

“Hừm. Không sai,” ông Murchison nói. “Nhưng mà anh cũng đâu có vẽ bé trai bao giờ?”

Tom cười khẽ, nhẹ nhõm vì mình đã đoán đúng. “Tôi đoán là mình thích các bé gái hơn.”



Ông Murchison châm một điếu Chesterfield. Ông ta có đôi mắt màu nâu, mái tóc xoăn màu nâu sáng, và một quai hàm mạnh mẽ chỉ là có quá nhiều da, như cả cơ thể của ông ta. “Tôi muốn cho anh xem bức tranh của tôi. Tôi có lý do. Xin chờ trong giây lát. Tôi đã để nó ở chỗ áo khoác.”

Jeff để ông ta ra ngoài rồi lại khóa cửa lại.

Jeff và Tom nhìn nhau. Ed đang đứng dựa vào một bức tường sách, im lìm. Tom thì thào nói:

“Này mấy anh, nếu cái bức tranh chết tiệt đấy đã nằm trong phòng thay đồ suốt chừng đó thời gian, một người trong số các anh không thể nhón nó ra và đốt đi được à?”

“Ha ha!” Ed cười, lo lắng.

Nụ cười làm cả khuôn mặt đầy đặn của Jeff co rúm lại, dù anh ta vẫn duy trì tư thế, như thể ông Murchison vẫn còn ở trong phòng.

“Thôi, nghe ông ta trình bày nốt nào,” Tom nói bằng giọng Derwatt chậm rãi và tự tin. Anh cố gắng giữ ống tay áo, nhưng chúng không nhúc nhích.

Ông Murchison quay lại, mang theo một bức tranh được bọc giấy nâu kẹp dưới nách. Đó là một bức tranh Derwatt cỡ trung bình, rơi vào khoảng 60 x 90 cm. “Tôi đã trả mười nghìn đô la cho bức tranh này,” ông ta nói, mỉm cười. “Có thể anh nghĩ tôi thật bất cần khi vứt nó trong phòng để áo khoác, nhưng tôi có xu hướng tin người.” Ông ta đang dùng dao nhíp tháo giấy bọc bức tranh ra. “Anh có biết bức tranh này không?” Ông ta hỏi Tom.

Tom mỉm cười với bức tranh. “Tất nhiên rồi.”

“Anh vẫn nhớ đã vẽ nó à?”

“Đó là tranh của tôi,” Tom nói.

“Chính màu tím trong bức tranh này thu hút tôi. Màu tím. Đây là màu tím cô-ban - chắc anh có thể phân biệt rõ hơn tôi.” Ông Murchison thoáng mỉm cười có phần hối lỗi. “Bức tranh ít nhất ba năm tuổi, vì tôi đã mua nó cách đây ba năm. Nhưng nếu tôi không nhầm thì anh đã bỏ màu violet xanh

thậm để chuyển sang màu đỏ cadmium và xanh thẫm từ cách đây năm, sáu năm gì đó rồi. Tôi cũng không thể chỉ rõ ngày tháng năm được.”

Tom im lặng. Trong bức tranh mà ông Murchison mua, chiếc đồng hồ có màu đen và tím. Đường cọ và màu sắc tương tự với “Người Ngồi Trong Ghế” (do Bernard vẽ) ở nhà anh. Tom không hiểu rõ ông Murchison chỉ trích cái gì về mặt sắc tím. Một cô bé mặc chiếc váy màu hồng pha màu xanh tảo đang giữ chiếc đồng hồ, hay đúng hơn là đặt tay lên trên nó, vì cái đồng hồ rất to và đang đứng trên bàn. “Nói thật với ông nhé, tôi đã quên mất rồi,” Tom nói. “Có thể tôi đã dùng màu tím cô-ban ở đây đây.”

“Còn cả bức tranh mang tên ‘Bồn Tắm’ ngoài kia nữa,” ông Murchison nói, hất đầu về phía phòng triển lãm. “Nhưng trong các bức tranh khác lại không có. Tôi thấy hiếu kỳ. Một họa sĩ thường không quay lại sử dụng một màu sắc mà anh ta đã vứt bỏ. Sự kết hợp của màu đỏ cadmium và xanh thẫm thú vị hơn nhiều - theo ý kiến của tôi. Đó là sự lựa chọn sau này của anh đấy.”

Tom chẳng mấy may lo lắng. Có phải anh nên thấy lo lắng hơn ? Anh khẽ nhún vai.

Jeff đã đi vào căn phòng vệ sinh nhỏ và đang lọ mọ với gạt tàn và cốc.

“Anh đã vẽ bức tranh ‘Đồng Hồ’ cách đây bao lâu?” Ông Murchison hỏi.

“Tôi e là không thể cho ông biết điều đó được,” Tom nói với thái độ thẳng thừng. Anh đã nắm được luận điểm của ông Murchison, ít nhất là về mặt thời gian, và anh cũng nói thêm, “Có thể là bốn đến năm năm trước. Đó là một bức tranh cũ rồi”.

“Khi bán cho tôi nó không hề cũ. Cả bức ‘Bồn Tắm’ nữa. Nó được đề ngày vẽ là trong năm ngoái, và trong bức tranh đó cũng có màu tím cô-ban.”

Màu cô-ban dùng làm bóng tối không hề nổi bật trong bức “Đồng Hồ”. Ông Murchison hần có cặp mắt cú vọ. Tom nghĩ bức “Đôi Ghế Đỏ” - bức tranh cũ hơn và là tác phẩm gốc của Derwatt - cũng có màu sắc ấy, và

anh tự hỏi nó có ngày tháng cụ thể bên trên không? Nếu anh có thể nói bức “Đôi Ghế Đỏ” chỉ mới ba năm tuổi, bằng cách nào đó chứng minh được điều đó thì ông Murchison cút đi được rồi. Lát nữa phải đối chiếu lại với Jeff và Ed mới được, Tom nghĩ thầm.

“Anh nhớ rõ là mình đã vẽ bức ‘Đồng Hồ’ chứ?” Ông Murchison hỏi.

“Tôi biết đó là tranh của tôi,” Tom nói. “Tôi chắc đã ở Hy Lạp hoặc thậm chí là Ireland khi vẽ nó, vì tôi không nhớ ngày tháng chính xác, và ngày tháng ở phòng triển lãm không phải lúc nào cũng là thời điểm tôi vẽ tranh.”

“Tôi không nghĩ bức tranh ‘Đồng Hồ’ là tác phẩm của anh,” ông Murchison nói với vẻ tin tưởng thiện lành của người Mỹ.

“Chúa nhân từ, vì sao lại không?” vẻ thiện lành của Tom giống y chang ông Murchison.

“Tôi có linh cảm rủi ro như thế, tôi biết. Nhưng tôi đã từng xem vài tác phẩm thời kỳ đầu của anh trong một bảo tàng ở Philadelphia. Nếu tôi được phép nói, anh Derwatt, anh...”

“Cứ gọi Derwatt là được. Tôi thích thế hơn.”

“Derwatt. Anh sáng tác rất nhiều, tôi nghĩ cũng có khả năng anh quên mất... hay nên nói là không nhớ một bức tranh. Giả dụ bức ‘Đồng Hồ’ đúng là phong cách của anh và chủ đề cũng mang nét đặc trưng của anh...”

Jeff, cũng như Ed, đang chăm chú lắng nghe, và khi ông ta tạm dừng, Jeff nói, “Nhưng sau rốt thì, tất cả những bức tranh này đều đến từ Mexico cùng với vài bức tranh khác của Derwatt. Anh ấy luôn gửi hai đến ba bức tranh cùng một lúc”.

“Đúng thế. Bức ‘Đồng Hồ’ có ghi ngày ở mặt sau. Nó ba năm tuổi, được viết bằng cùng màu mực đen mà Derwatt ký tên,” ông Murchison nói, lật ngược bức tranh lại để tất cả có thể nhìn thấy nó. “Tôi đã cho người giám định chữ ký và ngày tháng ở Mỹ. Tôi đã điều tra kỹ lưỡng đến mức đấy đấy,” ông Murchison nói, mỉm cười.

“Tôi không hiểu vấn đề là gì nữa,” Tom nói. “Nếu ngày tháng được ghi là ba năm trước bằng chính chữ viết tay của tôi thì tức là tôi đã vẽ nó ở Mexico chứ sao.”

Ông Murchison nhìn Jeff. “Anh Constant, anh nói đã nhận được bức ‘Đồng Hồ’ cùng với hai bức khác, chắc vậy, trong cùng một kiện hàng?”

“Đúng thế. Giờ theo tôi nhớ... Tôi nghĩ hai bức còn lại vẫn còn ở đây do những người chủ ở Luân Đôn cho mượn... Bức ‘Kho Thóc Màu Cam’ và... Anh có nhớ bức còn lại không, Ed?”

“Tôi chắc là bức ‘Bóng Chim Ma’. Có đúng không?”

Từ cái gật đầu của Jeff, Tom có thể thấy đó là sự thật, không thì Jeff rất giỏi giả vờ.

“Chính là nó,” Jeff nói.

“Chúng không được sử dụng cùng một kỹ thuật với bức vẽ này. Trong chúng cũng có màu tím nhưng được tạo bởi các màu sắc trộn lẫn. Hai bức tranh mà hai vị đang nói đến là tranh thật - các bức tranh thật ở giai đoạn sau, trăm phần trăm.”

Ông Murchison có phần nhầm lẫn rồi, chúng cũng đều là tranh giả cả thôi. Tom gãi râu, nhưng hết sức nhẹ nhàng. Anh giữ vẻ lặng lẽ, nhưng có phần thích thú.

Ông Murchison nhìn từ Jeff sang Tom. “Các anh có thể nghĩ tôi rất tự phụ, nhưng nếu anh thứ lỗi cho tôi, Derwatt, thì tôi nghĩ anh đã bị giả mạo. Tôi sẽ nhận lấy rủi ro trong vụ này, dám cá cả tính mạng là bức ‘Đồng Hồ’ không phải do anh vẽ.”

“Nhưng ông Murchison,” Jeff nói, “đó chỉ đơn giản là vấn đề...”

“Cho tôi xem hóa đơn của một số bức tranh nhất định trong một năm nào đó à? Các bức tranh được nhận từ Mexico mà thậm chí còn không được đặt tên? Thế nếu Derwatt không đặt tên cho chúng thì sao?”

“Buckmaster Gallery là nhà bán tranh duy nhất được phép bán các tác phẩm của Derwatt. Ông đã mua bức tranh đó từ chỗ chúng tôi.”

“Tôi ý thức rõ về điều đó,” ông Murchison nói. “Và tôi không buộc tội các anh hay Derwatt. Tôi chỉ đang nói rằng tôi không nghĩ đây là một bức tranh của Derwatt. Tôi cũng không thể giải thích rõ cho các anh biết chuyện gì đã xảy ra *được*.” Ông Murchison lần lượt nhìn bọn họ, có phần xấu hổ vì sự bộc phát của mình, nhưng vẫn giữ niềm tin vững chắc vào bản thân. “Giả thuyết của tôi là một họa sĩ sẽ không bao giờ quay lại sử dụng một màu sắc hoặc một bộ màu sắc kết hợp mà anh ta đã từng sử dụng một khi anh ta đã chuyển sang một màu sắc khác cũng tinh tế và quan trọng như màu tím oải hương trong các bức tranh của Derwatt. Anh có đồng ý như vậy không, Derwatt?”

Tom thở dài và dùng ngón trỏ chạm vào râu của mình. “Tôi cũng không biết. Có vẻ tôi không phải là một nhà lý thuyết giống như ông.”

Tất cả im lặng.

“Thôi, ông Murchison, thế ông muốn chúng tôi làm gì với bức tranh ‘Đồng Hồ’ đây? Hoàn tiền cho ông nhé?” Jeff hỏi. “Chúng tôi rất sẵn lòng làm vậy, bởi vì... Derwatt vừa xác nhận lại rồi, và nói thẳng ra là giờ nó đáng giá hơn mười nghìn đô la đấy.”

Tom hy vọng ông Murchison sẽ đồng ý, nhưng ông ta không phải kiểu người như thế.

Ông Murchison từ tốn cân nhắc, dứt hai tay vào túi quần và nhìn Jeff. “Cảm ơn anh, nhưng tôi có hứng thú với giả thuyết của tôi - ý kiến của tôi, hơn là tiền bạc. Và vì tôi vẫn còn ở Luân Đôn, nơi có những chuyên gia giám định tranh tài ba như ở bất kỳ đâu trên thế giới, có khi còn là những người giỏi nhất, tôi có ý định để một chuyên gia xem bức tranh ‘Đồng Hồ’ và so sánh nó với... vài bức tranh Derwatt không có gì phải nghi ngờ khác.”

“Được thôi,” Tom hòa nhã nói.

“Cảm ơn rất nhiều vì đã chịu gặp tôi, Derwatt. Rất hân hạnh được gặp anh.” Ông Murchison chìa bàn tay ra.

Tom bắt tay ông ta một cách mạnh mẽ. “Rất hân hạnh, ông Murchison.”

Ed giúp ông ta bọc tranh của mình lại và đưa thêm dây vì dây của ông Murchison không còn buộc được nữa.

“Tôi có thể liên hệ với anh qua phòng tranh này không?” Ông Murchison nói với Tom. “Mai chẳng hạn?”

“Được chứ,” Tom nói. “Họ sẽ biết tôi ở đâu.”

Khi ông Murchison rời khỏi phòng, cả Jeff và Ed đều thở phào nhẹ nhõm.

“Này... chuyện nghiêm trọng đến mức nào?” Tom hỏi.

Jeff hiểu biết về tranh hơn. Anh ta khó khăn lên tiếng. “Nếu ông ta lôi một chuyên gia vào cuộc thì chuyện nghiêm trọng đấy, tôi nghĩ thế. Và ông ta sẽ làm những gì vừa nói. Ông ta có lý về màu tím. Người ta có thể xem nó là một manh mối dẫn đến những chuyện tệ hại hơn.”

Tom nói, “Sao chúng ta không thể quay lại studio của anh nhỉ, Jeff? Anh có thể lại đưa tôi lên ra qua cửa sau... như cô bé Lọ Lem vậy?”

“Được thôi, nhưng tôi muốn nói chuyện với Leonard đã.” Jeff cười toét miệng. “Tôi sẽ kéo anh ta vào gặp anh.” Anh ta ra ngoài.

Tiếng xì xào từ phòng triển lãm giờ đã lắng xuống. Tom nhìn Ed, mặt anh ta có phần nhợt nhạt. *Tôi thì có thể biến mất, nhưng mấy người thì không*, anh nghĩ. Tom vươn thẳng vai và giơ ngón tay thành hình chữ V. “Hất cao cằm lên, Banbury. Chúng ta sẽ giải quyết êm thấm chuyện này.”

“Hoặc họ sẽ giải quyết *chúng ta*,” Ed đáp lại, với một cử chỉ khiếm nhã hơn nhiều.

Jeff quay lại cùng Leonard, một người đàn ông trẻ tuổi nhỏ người, gọn gàng, mặc một bộ âu phục kiểu Edward với quá nhiều khuy và cổ áo bằng nhung. Leonard phá ra cười khi nhìn thấy Derwatt, và Jeff bảo anh ta im lặng.

“Phi thường, quá phi thường!” Leonard nói, nhìn Tom từ đầu tới chân với một vẻ ngưỡng mộ chân thành. “Tôi đã xem vô số bức ảnh, anh biết đấy! Tôi chưa từng nhìn thấy cái gì tuyệt vời đến mức này từ khi tôi đóng Toulouse-Lautrec với bàn chân bị trói lại sau lưng! Đó là chuyện của năm ngoái.” Leonard chăm chú nhìn Tom. “Anh là ai thế?”

“Điều đó,” Jeff nói, “anh sẽ không được phép biết. Chỉ cần nói rằng...”

“Chỉ cần nói rằng,” Ed nói, “Derwatt vừa có một buổi phỏng vấn tuyệt vời trước báo chí”.

“Và ngày mai không còn Derwatt nữa. Anh ta sẽ quay lại Mexico,” Jeff thì thầm. “Giờ thì quay lại với công việc của anh đi, Leonard.”

“*Ciao*” \* Tom nói, giơ một tay lên.

“*Vô cùng tôn kính,*” Leonard nói, cúi người xuống. Anh ta lùi ra cửa và nói thêm, “Đám đông đã ra về gần hết rồi. Rượu cũng sắp hết”. Anh ta lách ra ngoài.

Tom thì không thấy vui vẻ cho lắm. Anh chỉ muốn thoát khỏi bộ đồ cải trang này. Tình huống này là một rắc rối chưa được giải quyết.

Quay lại studio của Jeff, họ phát hiện ra là Bernard Tufts đã bỏ đi. Ed và Jeff có vẻ ngạc nhiên. Và Tom thì thấy có phần bất an, vì Bernard hẳn biết được chuyện gì đang diễn ra.

“Các anh có thể liên hệ với Bernard, tất nhiên rồi nhỉ,” Tom nói.

“Tất nhiên,” Ed nói. Anh ta đang tự pha trà cho mình trong bếp của Jeff. “Bernard lúc nào cũng thích ru rú ở nhà. Anh ta có điện thoại.”

Tom chợt nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa, đến cả điện thoại cũng không còn an toàn để sử dụng.

“Ông Murchison chắc sẽ muốn gặp lại anh đấy,” Jeff nói. “Cùng vị chuyên gia. Vậy nên anh phải lặn đi. Mai anh sẽ phải về Mexico - một cách chính thức. Có thể là phải về ngay tối nay.” Jeff đang nhấp Pernod. Anh ta trông tự tin hơn, chắc vì buổi phỏng vấn với đám nhà báo và thậm chí cả

buổi nói chuyện với ông Murchison đều đã diễn ra một cách tương đối ổn thỏa, Tom nghĩ thầm.

“Mexico cái của khi,” Ed nói, mang theo cốc trà vào. “Derwatt sẽ ở đâu đó trong nước Anh này với bạn bè anh ta, và đến cả chúng ta cũng không biết được là ở đâu. Cứ để qua vài ngày đã. Rồi anh ta mới về Mexico. Bằng phương tiện nào à? Ai mà biết được cơ chứ?”

Tom cởi chiếc áo vest thùng thình ra. “Bức ‘Đôi Ghế Đỏ’ có ghi ngày không?”

“Có,” Jeff nói. “Nó sáu năm tuổi.”

“Tôi cho là chỉ vài bức được ghi lại ngày tháng thôi, phải không?” Tom hỏi. “Tôi đang nghĩ hay là cập nhật lại bức đó - để giải quyết cho xong vụ màu tím này đi.”

Ed và Jeff liếc nhìn nhau rồi Ed nói vội, “Không, nó được in trong quá nhiều catalogue tranh”.

“Có một cách giải quyết nữa, bảo Bernard vẽ thêm vài bức tranh sơn dầu - hai đi - có cùng cái màu tím cô-ban đó. Kiểu chứng minh rằng anh ta dùng cả hai loại màu tím.” Nhưng Tom cảm thấy cách này không khả thi ngay khi nói ra, và anh biết vì sao. Tom cảm thấy chính Bernard là người mà họ không thể dựa dẫm vào nữa. Anh không nhìn Jeff và Ed. Họ vẫn còn mơ hồ. Anh cố gắng đứng thẳng dậy, cảm thấy tự tin trong bộ dạng giả mạo Derwatt. “Tôi đã bao giờ kể cho hai anh về tuần trăng mật của mình chưa?” Tom hỏi bằng giọng đều đều của Derwatt.

“Không, hãy kể cho chúng tôi nghe về tuần trăng mật của anh đi!” Jeff nói, sẵn sàng phá ra cười và chưa gì miệng đã toé toét rồi.

Tom lại đi khom người theo kiểu Derwatt. “Thứ... thứ ức chế nhất... là không khí. Ở Tây Ban Nha. Chúng tôi đã thuê phòng khách sạn, hai người biết đấy, và tôi ở đó với Heloise, dưới gác, ở sân trong, có một con vẹt hát *Carmen* - dở ẹc. Và mỗi lần chúng tôi... à thì, nó lại hát: ‘Ah-ha-ha-ha-ha-ha-ha- haaaaa! Ah-ha-ha-ha-ha-ha-ha-ha-ha-ha-ha-haaaaa!’ Mọi người đều ngó ra ngoài cửa sổ, hét ầm lên bằng tiếng Tây Ban Nha là



‘Ngậm cái mỏ dơ bẩn của mày lại! Ai lại dậy... cái thứ không đáng nói tên kia hát *Carmen* không biết? Giết nó đi! Nấu canh đi!’. Không thể làm tình trong khi cười được. Các anh đã thử bao giờ chưa? Đấy... người ta bảo tiếng cười phân biệt con người với động vật. Và... thứ còn lại thì chắc chắn là giống nhau rồi. Ed, anh có thể giúp tôi thoát khỏi bộ cánh này không?’

Ed đang cười ngặt nghẽo và Jeff lăn người trên ghế sofa nhẹ nhõm - mà Tom biết chỉ là tạm thời - sau trạng thái căng thẳng lúc nãy.

“Vào phòng tắm đi.” Ed bật nước nóng trong bồn rửa mặt lên.

Tom thay sang quần áo của mình. Nếu bằng cách nào đó anh có thể dụ ông Murchison tới nhà anh, trước khi ông ta nói chuyện với vị chuyên gia mà ông ta nhắc đến, biết đâu - Tom cũng chưa biết mình định làm gì - tình huống này có thể được giải quyết. “Ông Murchison ở đâu ở Luân Đôn?”

“Một khách sạn nào đó,” Jeff nói. “Ông ta không nói là nơi nào.”

“Anh có thể gọi tới vài khách sạn xem xem có thể tìm được ông ta không?”

Trước khi Jeff kịp sờ tới điện thoại thì nó đã reo. Tom nghe thấy Jeff báo với ai đó là Derwatt đã lên một chuyến tàu về phía bắc và Jeff cũng không biết anh ta định đi đâu. ‘Anh ta là một kẻ đơn độc,’ Jeff nói. “Một nhà báo khác,” Jeff nói khi đập máy, “cố gắng có một cuộc phỏng vấn cá nhân”. Anh ta mở danh bạ ra. “Tôi sẽ thử gọi tới Dorchester trước. Ông ta trông giống kiểu thích ở Dorchester.”

“Hoặc Westbury,” Ed nói.

Phải cẩn thận nhấp rất nhiều nước mới tháo được bộ râu ra. Sau đó là gội đầu để làm sạch màu tóc nhuộm trên đầu anh. Cuối cùng Tom cũng nghe Jeff vui vẻ nói, “Không, cảm ơn anh, lát nữa tôi sẽ gọi lại”.

Rồi anh ta nói, “Khách sạn Mandeville. Nó nằm ở gần đường Wigmore”.

Tom mặc chiếc áo hồng mua ở Venice của anh vào. Rồi anh đi tới chỗ điện thoại và đặt một phòng ở khách sạn Mandeville dưới tên Thomas Ripley. Anh thông báo mình sẽ đến vào tầm tám giờ hơn.

“Anh định làm gì đây?” Ed hỏi.

Tom khẽ cười, “Tôi cũng chưa rõ,” anh nói, đó là sự thật.

## CHƯƠNG 4

Khách sạn Mandeville khá sang trọng nhưng không đời nào có thể sánh bằng khách sạn Dorchester. Tom đến nơi lúc tám giờ mười lăm phút tối và đăng ký, ghi địa chỉ ở Villeperce-sur-Seine. Anh đã thoáng nghĩ đến việc đọc tên giả và địa chỉ là ở một vùng nông thôn nước Anh nào đó vì anh có thể sẽ lâm vào rắc rối đáng kể với ông Murchison và phải nhanh chóng biệt tích, nhưng cũng có khả năng anh sẽ mời ông ta tới Pháp, trong trường hợp đó thì Tom có thể cần đến tên thật của mình. Anh nhờ người khuân vác hành lý mang va-li của mình lên phòng rồi anh ngó nghiêng trong quầy bar, hy vọng ông Murchison có mặt ở đó. Không thấy ông ta, nhưng Tom vẫn quyết định uống một chai bia nhẹ và chờ đợi giây lát.

Sau mười phút uống bia chờ đợi và đọc *Evening Standard*, anh vẫn chẳng thấy bóng dáng ông Murchison đâu. Khu vực này có vô số nhà hàng, Tom biết, nhưng làm sao anh có thể tiến lại gần bàn của ông Murchison và tìm cách làm quen chỉ nhờ việc nói rằng hôm nay đã gặp ông ta ở buổi triển lãm Derwatt được. Hay là anh có thể nhỉ - nói rằng anh cũng đã thấy ông Murchison đi vào phòng trong để gặp Derwatt? Được. Tom đang định ra ngoài khám phá các nhà hàng địa phương thì thấy ông Murchison bước vào quầy bar, ra dấu cho ai đó đi theo.

Và trước sự ngạc nhiên, thậm chí là kinh hãi của Tom, anh thấy rằng người còn lại chính là Bernard Tufts. Tom vội vã chuồn ra cửa ở đầu phòng bên kia, dẫn ra vỉa hè. Bernard không nhìn thấy anh, Tom khá chắc. Anh nhìn một vòng tìm bất điện thoại, hoặc tìm một khách sạn khác để gọi điện

nhưng không thấy gì hết, nên anh lại quay vào Mandeville bằng cửa chính và nhận chìa khóa phòng, số 411.

Vào phòng, Tom gọi ngay đến studio của Jeff. Ba, bốn, rồi năm hồi chuông đổ và trong sự nhẹ nhõm của anh, Jeff nghe máy.

“Xin chào, Tom! Tôi vừa đi xuống cầu thang với Ed thì nghe thấy tiếng điện thoại. Có chuyện gì thế?”

“Anh có tình cờ biết Bernard hiện đang ở đâu không?”

“À, hôm nay chúng tôi sẽ để anh ta ở một mình. Anh ta đang buồn bực.”

“Anh ta đang uống rượu với ông Murchison ở trong quầy bar của khách sạn Mandeville.”

“Gì cơ?”

“Tôi đang gọi từ phòng khách sạn của tôi. Giờ thì bất kể anh định làm gì, Jeff... Anh có còn nghe không đấy?”

“Có, có đây.”

“Đừng có nói với Bernard là tôi đã nhìn thấy anh ta. Cũng đừng nói là tôi đang ở Mandeville. Và đừng có rối loạn vì bất kỳ chuyện gì hết. Đây là nếu đến giờ Bernard còn chưa khai tuốt ra, tôi cũng không rõ nữa.”

“Chúa tôi ơi,” Jeff rên rỉ. “Không, không đâu. Bernard sẽ không kể hết ra đâu. Tôi không *ngĩ* vậy.”

“Tối muộn hôm nay anh có ở nhà không?”

“Có, trước... Ôi, tôi sẽ về nhà trước nửa đêm.”

“Tôi sẽ cố gắng gọi cho anh. Nhưng đừng lo nếu tôi không gọi. Đừng cố gọi cho tôi làm gì vì... biết đâu tôi lại có khách trong phòng.” Tom vừa nói vừa bật cười.

Jeff cũng cười, nhưng có vẻ yếu ớt, “Được rồi, Tom”.

Anh dập máy.

Anh nhất định phải gặp ông Murchison tối nay. Liệu ông ta và Bernard có ăn tối không? Chờ hết bữa thì chán chết. Tom treo một bộ âu phục và cất vài chiếc áo sơ-mi vào trong ngăn kéo. Anh lại vẩy nước lên mặt và nhìn vào gương để bảo đảm mọi dấu keo đều đã biến mất.

Vì bồn chồn, anh rời khỏi phòng, áo khoác vắt trên cánh tay. Anh sẽ đi dạo, có thể là đến Soho, và tìm một chỗ ăn tối. Lúc bước vào sảnh, anh nhìn qua cánh cửa kính của quán bar Mandeville.

Anh gặp may. Ông Murchison ngồi một mình, đang ký hóa đơn và cửa dẫn ra đường của quán bar vừa đóng lại, có thể chính là để tiễn biệt Bernard. Tuy vậy, Tom vẫn liếc một vòng trong sảnh, phòng trường hợp anh ta chỉ đi vào phòng vệ sinh và có thể sẽ quay lại. Anh không nhìn thấy Bernard và anh đợi tới khi ông Murchison đã đứng hẳn lên chuẩn bị rời đi rồi mới vào quầy bar. Tom trông thật rầu rĩ và trầm tư, và trên thực tế thì anh cũng cảm thấy đúng như vậy. Anh nhìn ông Murchison hai lần, mắt ông ta chạm mắt anh một lần, giả bộ như thể anh nhớ đã gặp ông ta ở đâu đó.

Rồi Tom tiếp cận ông ta. “Xin lỗi. Tôi nghĩ hôm nay đã gặp ông ở buổi triển lãm Derwatt.” Tom sử dụng giọng Mỹ, vùng trung tây với chữ r trong Derwatt được nhấn mạnh.

“À, đúng là tôi đã ở đó,” ông Murchison nói.

“Tôi đã nghĩ trông ông giống người Mỹ mà. Tôi cũng là người Mỹ đấy. Ông thích Derwatt chứ?” Tom đang cố gắng tỏ ra trong sáng và thẳng thắn hết mức có thể mà không có vẻ quá ngờ nghệch.

“Có chứ, chắc chắn rồi.”

“Tôi sở hữu hai bức tranh sơn dầu của anh ta,” Tom tự hào nói. “Tôi tính mua thêm một trong các bức tranh trong buổi triển lãm hôm nay - nếu vẫn còn. Tôi vẫn chưa quyết định xong. Bức ‘Bồn Tắm’.”

“Vậy à? Tôi cũng sở hữu một bức đấy,” ông Murchison đáp lại bằng vẻ bộc trực tương đương.

“Thật sao? Nó tên là gì?”

“Sao anh không ngồi xuống nhỉ?” Ông Murchison đang đứng nhưng ra hiệu về phía chiếc ghế đối diện với mình. “Anh có muốn uống gì không?”

“Cảm ơn, thế nào cũng được.”

Ông Murchison ngồi xuống. “Bức tranh của tôi có tên là ‘Đồng Hồ’. Thật vui khi gặp được một người cũng sở hữu một bức tranh Derwatt... à, tận hai bức!”

Một phục vụ đi tới.

“Tôi uống scotch. Còn anh?” Ông ta hỏi Tom.

“Gin và tonic,” Tom nói. Anh thêm, “Tôi đang ở tại khách sạn Mandeville này nên hãy tính tiền đồ uống cho tôi”.

“Chúng ta sẽ tranh luận về điều đó sau. Kể cho tôi nghe về hai bức tranh anh có đi.”

“Bức ‘Đôi Ghế Đỏ’,” Tom nói, “và...”

“Thật à? Một viên đá quý! Bức ‘Đôi Ghế Đỏ’ ý. Anh có sống ở Luân Đôn không?”

“Không, ở Pháp.”

“Ôi,” đây vẻ thất vọng. “Bức còn lại là gì?”

“Bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’.”

“Tôi không biết bức tranh đó,” ông Murchison nói.

Trong vài phút, họ thảo luận về tính cách kỳ lạ của Derwatt, và Tom kể anh đã thấy ông Murchison đi vào phòng trong của phòng triển lãm nơi anh nghe nói Derwatt đang có mặt.

“Chỉ nhà báo được phép vào trong, nhưng tôi đã phá cửa,” ông Murchison bảo với Tom. “Anh thấy đấy, tôi có một lý do khá đặc biệt để ở đây đúng lúc này, và khi tôi nghe nói Derwatt cũng có mặt ở đây vào buổi chiều hôm nay ở phòng triển lãm, tôi không thể để tuột mất cơ hội.”

“Vậy à? Lý do của ông là gì thế?” Tom hỏi.

Ông Murchison giải thích rằng Derwatt có thể đang bị giả mạo tranh và Tom lắng nghe với sự chú tâm cao độ. Vấn đề là hiện Derwatt đang sử dụng hỗn hợp màu xanh thẫm và đỏ cadmium, suốt năm năm qua (từ trước khi anh ta chết, Tom nhận ra, vậy nên Derwatt mới là người bắt đầu sử dụng nó chứ không phải Bernard) nhưng trong bức “Đồng Hồ” và “Bồn Tắm”, anh ta lại quay lại màu tím cô-ban đơn giản từ thời kỳ trước đó. Ông Murchison cũng lấy vẽ tranh làm sở thích, ông ta kể với Tom như vậy.

“Tôi không phải chuyên gia, tin tôi đi, nhưng tôi đọc hầu như mọi quyển sách về các họa sĩ và hội họa có trên đời. Chẳng cần đến một chuyên gia hay kính hiển vi mới nhận ra sự khác biệt giữa một màu đơn sắc và màu pha, nhưng ý tôi muốn nói ở đây là, anh sẽ chẳng bao giờ tìm được một họa sĩ nào quay lại sử dụng một màu sắc mà anh ta đã cố tình hoặc vô thức vứt bỏ. Tôi nói là vô thức vì khi một họa sĩ chọn một màu sắc mới hoặc các màu sắc mới thì chủ yếu đó là một quyết định vô thức. Dù không phải Derwatt sử dụng màu oải hương trong mọi bức tranh, không phải thế. Nhưng kết luận của tôi là bức tranh ‘Đồng Hồ’ của tôi và có thể là cả vài bức tranh khác nữa, trong đó có cả bức ‘Bồn Tắm’ mà tiện thể anh có hứng thú ấy, không phải tranh của Derwatt.”

“Thú vị thật. Cực kỳ thú vị. Vì tình cờ thay bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ của tôi có vẻ khớp với những gì ông vừa nói. Tôi nghĩ vậy. Và bức đó khoảng bốn năm tuổi. Tôi mong sao ông có thể xem nó. Thế ông định xử lý bức ‘Đồng Hồ’ của mình như thế nào?”

Ông Murchison châm một điếu Chesterfield của mình lên. “Tôi vẫn chưa kể xong câu chuyện của mình đâu. Tôi vừa uống rượu với một người Anh tên là Bernard Tufts, cũng là một họa sĩ, và có vẻ anh ta cũng có chung nghi ngờ như tôi về Derwatt.”

Tom cau có. “Thật sao? Nếu có kẻ đang giả mạo Derwatt thật thì chuyện này khá nghiêm trọng đấy. Anh ta đã nói gì?”

“Tôi có cảm giác anh ta biết nhiều hơn những gì anh ta kể. Tôi không nghĩ anh ta có can dự trong vụ này. Anh ta không phải kiểu lừa đảo và trông cũng không có vẻ có nhiều tiền. Nhưng hình như anh ta rất hiểu về

thế giới nghệ thuật Luân Đôn. Anh ta chỉ đơn giản cảnh cáo tôi, ‘Đừng mua thêm bức Derwatt nào nữa, ông Murchison’. Nào, anh nghĩ sao về *chuyện đó?*”

“Hừm. Nhưng anh ta có chứng cứ gì không?”

“Như tôi nói, tôi không rõ. Tôi không moi được gì từ anh ta cả. Nhưng anh ta mất công tìm kiếm tôi ở đây và anh ta còn nói đã gọi cho tám khách sạn ở Luân Đôn mới tìm được tôi. Tôi đã hỏi làm sao anh ta biết tên tôi và anh ta trả lời là, ‘À thì có tin đồn’. Rất kỳ lạ, vì mấy người ở Buckmaster Gallery là những người duy nhất tôi nói chuyện cùng. Anh không nghĩ vậy sao? Ngày mai tôi sẽ có hẹn với một người ở Tate Gallery, nhưng đến cả anh ta cũng chưa hề biết tôi hẹn để nói chuyện liên quan tới một bức tranh Derwatt.” Ông Murchison uống thêm một chút scotch và nói, “Khi các bức tranh bắt đầu được chuyển về từ Mexico... Anh có biết ngày mai tôi định làm gì ngoài việc cho anh Riemer ở Tate Gallery xem bức ‘Đồng Hồ’ không, tôi sẽ hỏi xem tôi hoặc anh ta có quyền xem hóa đơn hoặc sổ sách của những người ở Buckmaster Gallery về việc các bức tranh của Derwatt được gửi về từ Mexico hay không. Tôi không mấy hứng thú với tên tranh, và Derwatt cũng đã bảo tôi là không phải lúc nào anh ta cũng tự đặt tên cho chúng, mà tôi quan tâm đến số lượng tranh. Chắc chắn là chúng được hải quan hoặc chỗ nào đó đưa vào, và nếu có những bức tranh không được ghi chép lại thì cũng có lý do cả. Hẳn sẽ đáng kinh ngạc lắm nếu chính bản thân Derwatt cũng đang bị bịt mắt và vài bức tranh Derwatt - à, chẳng hạn như mấy bức được nói là bốn đến năm năm tuổi đi - đã được vẽ ra ngay chính tại Luân Đôn này?”

Phải, Tom nghĩ. Đáng kinh ngạc thật. “Nhưng ông vừa kể là đã nói chuyện với Derwatt. Ông có nói chuyện về bức tranh của mình với anh ta không?”

“Tôi còn cho anh ta xem tranh! Anh ta nói đó là tranh của mình nhưng lại không chắc chắn trăm phần trăm, theo ý kiến của tôi. Anh ta không nói ‘Chúa ơi, đó là tranh của tôi chứ gì nữa!’. Anh ta nhìn bức tranh mấy phút rồi mới nói, ‘Tất nhiên, đó là tranh của tôi’. Có thể là tôi đang quá cả gan,



nhưng tôi đã bảo với Derwatt là tôi nghĩ có khả năng anh ta quên mất một, hai bức tranh sơn dầu của mình, một bức vô danh mà anh ta đã vẽ cách đây vài năm.”

Tom cau mày như thể anh không đồng ý với điều đó, đúng là thế thật. Kể cả một họa sĩ có không đặt tên cho bức tranh của mình đi nữa thì anh ta cũng phải nhớ bức tranh đó, Tom nghĩ, thậm chí có khi còn nhớ cả một bức phác thảo ấy chứ. Nhưng anh vẫn để ông Murchison tiếp tục nói.

“Còn nữa, tôi không thích mấy người ở Buckmaster Gallery lắm. Jeffrey Constant. Và nhà báo Edmund Banbury, người rõ ràng là bạn thân của Constant. Tôi nhận thấy họ là bạn thân của Derwatt. Ở Long Island nơi tôi sống có bán tờ *The Listener*, *Arts Review* và cả tờ *Sundays Times*. Tôi cũng thường thấy các bài báo của Banbury, rất hay kèm quảng cáo cho tranh Derwatt, đây là nếu bài báo đó không dành riêng để tán tụng một bức tranh Derwatt. Và anh biết tôi chợt nghĩ gì không?”

“Gì vậy?” Tom hỏi.

“Rằng... chỉ là biết đâu chính Constant và Banbury là người dàn xếp vài bức tranh giả mạo để bán nhiều tranh Derwatt hơn số tranh Derwatt có thể sản xuất ra. Tôi không dám nói là Derwatt cũng nhúng tay vào chuyện đó. Nhưng không phải sẽ buồn cười lắm sao nếu Derwatt đăng trí đến mức anh ta thậm chí không thể nhớ được mình đã vẽ bao nhiêu bức tranh?” Ông Murchison cười lớn.

Buồn cười thật, Tom cho là vậy, nhưng chẳng có gì đáng cười hết. Không buồn cười bằng sự thật đâu, ông Murchison. Tom mỉm cười. “Vậy là ngày mai ông sẽ cho chuyên gia xem bức tranh của mình à?”

“Lên gác xem nó luôn bây giờ đi!”

Tom cố gắng giành trả tiền nhưng ông Murchison khăng khăng đòi ký hóa đơn.

Anh cùng ông ta đi vào thang máy. Ông Murchison cất bức tranh trong một góc tủ đồ, vẫn được bọc lại hết như Ed đã bọc nó chiều hôm ấy. Tom nhìn nó đây hứng thú.

“Nó là một bức tranh đẹp,” Tom nói.

“À, không ai có thể phủ nhận điều đó!”

“Ông biết đấy...” Tom đặt bức tranh lên bàn làm việc và giờ đang nhìn nó từ xa với tất cả các ngọn đèn đã được bật sáng. “Nó có nét tương tự với bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ của tôi đấy. Sao ông không ghé chỗ tôi và xem bức tranh của tôi nhỉ? Tôi ở rất gần Paris. Nếu ông nghĩ bức tranh của tôi cũng bị giả mạo thì tôi sẽ để ông mang nó theo về Luân Đôn để giám định.”

“Hừm,” ông Murchison nói, ngẫm nghĩ. “Nghe được đấy nhỉ.”

“Nếu ông bị lừa thì tôi cũng vậy, tôi nghĩ thế.” Đề nghị trả tiền vé máy bay cho ông Murchison là một hành động sĩ nhục ông ta, Tom nghĩ vậy, nên anh không đề cập đến. “Tôi có một căn nhà khá lớn và hiện giờ tôi đang sống một mình, ngoài bà quản gia.”

“Được rồi, tôi sẽ đi,” ông Murchison nói, vẫn chưa chịu ngồi xuống.

“Tôi định đi vào chiều mai đấy.”

“Được, vậy tôi sẽ hoãn cuộc hẹn với Tate Gallery lại.”

“Tôi cũng có nhiều bức tranh khác nữa. Dù tôi không phải nhà sưu tập đâu.” Tom ngồi xuống chiếc ghế rộng nhất. “Tôi mong ông có thể xem qua chúng. Một bức Soutine. Hai bức Magritte.”

“Thật à?” Mắt ông Murchison bắt đầu trông có vẻ hơi mơ màng. “Anh sống cách Paris bao xa?”

Mười phút sau, Tom đã về phòng anh ở tầng dưới. Ông Murchison đã đề nghị họ ăn tối cùng nhau nhưng Tom nghĩ tốt nhất là nói mình có hẹn lúc mười giờ tối ở Belgravia nên anh không dư thời gian. Ông Murchison đã tin tưởng để Tom đặt vé máy bay cho hai người tới Paris vào chiều mai, vé khứ hồi cho ông Murchison. Tom nhắc điện thoại lên và đặt hai ghế trên một chuyến bay cất cánh vào hai giờ chiều ngày mai, thứ Tư, tới Orly. Tom cũng có vé quay về của mình. Anh để lại tin nhắn dưới quây tiếp tân cho ông Murchison về thông tin chuyến bay. Sau đó Tom gọi một chiếc sandwich và nửa chai Médoc. Rồi anh ngủ một giấc tới mười một giờ và

gọi điện cho Reeves Minot ở Hamburg. Cuộc điện thoại này mất gần nửa tiếng đồng hồ.

Reeves không có mặt, một người đàn ông đặc giọng Đức nói.

Tom quyết định cứ liều thử xem vì anh đã chán ngấy Reeves rồi, và hỏi, “Tom Ripley đây. Reeves có tin nhắn nào cho tôi không?”.

“Có. Tin nhắn vào thứ Tư. Ngày mai Bá tước sẽ đến Milan. Ngày mai anh có thể tới Milan không?”

“Không, ngày mai tôi không thể tới Milan được. *Es tut mir leid.*”<sup>\*</sup> Tom chưa muốn báo cho gã này biết, bất kể gã là ai đi nữa, chuyện Bá tước đã nhận được lời mời tới thăm anh lần tới ông ta đến Pháp rồi. Reeves không thể kỳ vọng anh lúc nào cũng bỏ hết tất cả mọi chuyện trong tay được - Tom đã làm vậy hai lần - bay tới Hamburg hoặc Rome (dù đúng là anh cũng rất thích đi du lịch một chút), giả vờ vô tình có mặt ở mấy thành phố đó, và mời “vật chủ”, như Tom vẫn luôn nghĩ về những người mang đồ, tới nhà của mình ở Villeperce.

“Tôi nghĩ cũng chẳng có gì quá phức tạp hết,” Tom nói. “Anh có thể cho tôi biết địa chỉ của Bá tước ở Milan không?”

“Grand Hotel,” giọng cộc cằn đáp.

“Anh có thể báo với Reeves là tôi sẽ gọi lại, chắc là ngày mai. Tôi có thể liên lạc với anh ta ở đâu?”

“Sáng mai tại Grand Hotel ở Milan. Anh ấy sẽ đi tàu tới Milan tối nay. Anh ấy không thích máy bay, anh biết đấy.”

Tom không biết. Kỳ lạ, một người đàn ông như Reeves mà lại không thích máy bay. “Tôi sẽ gọi cho anh ta. Và giờ tôi không ở Munich. Tôi đang ở Paris.”

“Paris à?” nói vẻ ngạc nhiên. “Tôi biết Reeves đã cố gọi cho anh ở Munich, khách sạn Vierjahreszeiten.”

Không may cho anh ta. Tom lịch sự gác máy.

Kim đồng hồ đeo tay của Tom di chuyển về phía mười hai giờ đêm. Anh ngẫm nghĩ xem lát nữa nên nói gì với Jeff Constant. Và phải làm gì với Bernard nữa. Một bài diễn văn trấn an tinh thần này đến trong đầu Tom, vẫn còn thời gian để gặp anh ta trước khi anh đi vào chiều mai, nhưng Tom chỉ sợ Bernard sẽ thấy buồn bực và bi quan hơn nếu có người thể hiện nỗ lực trấn an anh ta. Nếu Bernard nói với ông Murchison là, “Đừng mua thêm bức Derwatt nào nữa” thì xem chừng là anh ta sẽ không vẽ thêm một bức Derwatt nào nữa và điều đó, tất nhiên, sẽ khiến tình hình kinh doanh trở nên xấu đi. Một viễn cảnh thậm chí còn tồi tệ hơn nữa là Bernard có khi đang chực muốn thú tội với cảnh sát hoặc vài người mua tranh Derwatt giả.

Thật sự thì trạng thái tinh thần của anh ta như thế nào và anh ta dự tính làm gì nhỉ?

Tom quyết định là mình không nên nói gì với Bernard cả. Bernard biết rõ là anh, Tom, đã đề xuất anh ta vẽ tranh giả. Tom đi tắm và bắt đầu hát:

*^hBabbo non vuole*

*Mamma nemmeno*

*Come far emo*

*Afar air amor...\$h*

Các bức tường của Mandeville mang lại cảm giác - có thể chỉ là ảo giác - cách âm tốt. Tom đã lâu không hát bài này. Anh hài lòng vì nó bất chợt xuất hiện trong đầu mình, vì đó là một bài ca vui vẻ, và Tom xem đó là điềm lành.

Anh mặc đồ ngủ và gọi tới studio của Jeff.

Jeff nghe máy ngay lập tức. “Xin chào. Thế nào rồi?”

“Tối nay tôi đã nói chuyện với ông M và chúng tôi khá hợp cạ. Ngày mai ông ta sẽ cùng tôi tới Pháp. Chuyện đó sẽ giúp trì hoãn vụ này lại, anh biết đấy.”

“Và... ý anh là anh sẽ cố gắng thuyết phục ông ta hoặc làm gì đó.”

“Đúng thế. Có vẻ là vậy.”

“Muốn tôi tới khách sạn của anh không, Tom? Chắc anh đã quá mệt để ghé lại đây. Hay anh vẫn tới đây được?”

“Tôi không đủ sức, nhưng cũng không cần thiết. Và lại anh có thể chạm trán ông M nếu anh tới đây, và chúng ta thì không muốn điều đó.”

“Đúng là không.”

“Anh có tin tức gì của Bernard không?” Tom hỏi.

“Không.”

“Hãy nói với anh ta là...” Tom cố gắng tìm từ thích hợp. “Nói với anh ta là anh - chứ không phải tôi nhé - vô tình biết được ông M sẽ đợi thêm vài ngày trước khi đưa ra quyết định sẽ làm gì với bức tranh của mình. Tôi rất lo lắng không muốn Bernard phá hỏng vụ này. Anh cố gắng lo liệu việc đó nhé?”

“Sao *anh* không nói chuyện với Bernard nhỉ?”

“Vì như thế không ổn,” Tom nói có phần gắt gỏng. Vài người thật chẳng biết cái quái gì về tâm lý học hết!

“Tom, hôm nay anh thật tuyệt vời,” Jeff nói. “Cảm ơn anh nhiều.”

Tom mỉm cười, hài lòng với giọng nói thăm thiết của Jeff. “Lo phần Bernard nhé. Tôi sẽ gọi điện lại cho anh trước khi cất cánh.”

“Tôi định sẽ ở trong studio cả sáng mai.”

Họ chúc nhau ngủ ngon.

Nếu anh kể cho Jeff về ý định đòi hóa đơn hoặc sổ sách ghi chép về việc các bức tranh được gửi tới từ Mexico của ông Murchison thì Jeff sẽ lo lắng nặng xị lên, Tom nghĩ thầm. Sáng mai anh sẽ phải cảnh báo cho Jeff về vụ đó, gọi cho anh ta từ một bộ điện thoại trên vỉa hè hoặc từ một bưu điện nào đó. Tom quan ngại về những người trực điện thoại ở khách sạn. Tất nhiên, anh hy vọng có thể can ngăn ông Murchison cố chấp với giả thuyết của ông ta, nhưng nếu anh không thể thì tốt nhất là Buckmaster Gallery nên bịa ra vài sổ sách trông thật một chút.

## CHƯƠNG 5

Buổi sáng hôm sau, khi đang ăn sáng tại giường - một đặc quyền cho những người trả thêm vài đồng shilling ở Anh - Tom gọi điện cho bà Annette. Chỉ mới tám giờ nhưng Tom biết bà ta hẳn đã dậy được gần một tiếng đồng hồ rồi, vừa ca hát vừa hoàn thành mấy việc vặt như bật lò sưởi (một cái công tắc nhỏ trong bếp), pha *hỗn hợp* tinh tế của mình (trà), vì uống cà phê vào buổi sáng khiến tim bà ta đập nhanh và chỉnh lại vị trí các chậu cây trên các bệ cửa sổ khác nhau để chúng có thể đón được nhiều ánh nắng nhất. Và bà ta sẽ thấy sung sướng vô ngần nếu nhận được điện thoại thăm hỏi của anh từ Londres\*.

“Alo!... Alo... alo!” Tổng đài viên cúi kính.

“Alo?” Kỳ quặc.

“Alo!”

Ba tổng đài viên người Pháp cùng nhấc máy, cộng thêm người phụ nữ trực điện thoại ở đầu khách sạn Mandeville nữa.

Cuối cùng cũng đến lượt bà Annette nghe máy. “Sáng nay ở đây trời đẹp lắm. Có nắng!” Bà ta nói.

Tom mỉm cười. Anh đang rất cần nghe một giọng nói tươi vui. “Bà Annette... Đúng, tôi cực kỳ khỏe, cảm ơn bà. Răng bà thế nào rồi?... Tốt quá! Tôi gọi điện để báo là chiều nay tôi sẽ về nhà vào tầm bốn giờ cùng với một quý ông người Mỹ.”

“À!” Bà Annette nói, hài lòng.

“Khách ở nhà chúng ta đêm nay, có thể là hai đêm nữa, ai biết được? Bà có thể chuẩn bị phòng khách chu đáo không? Có thêm chút hoa hoét? Và bữa tối thì chắc làm món *tournedos\** kèm với nước sốt *béarnaise\** ngon tuyệt vời của bà được không?”

Bà Annette nghe có vẻ sượng điên lên vì Tom sẽ có khách và bà ta lại có một công việc rõ ràng để làm.

Sau đó Tom gọi cho ông Murchison và họ đồng ý hẹn gặp nhau ở sảnh khách sạn vào tầm trưa và cùng đi tắc-xi tới Heathrow.

Tom ra ngoài, định đi dạo tới quảng trường Berkeley, ở gần đó có một cửa hàng bán đồ lót nam nơi anh luôn mua một bộ pyjama lụa như một nghi lễ nhỏ hầu hết mỗi lần anh tới Luân Đôn. Đây cũng có thể là cơ hội cuối cùng trong chuyến đi này của anh để đi tàu điện ngầm. Hệ thống tàu điện ngầm là một phần đời sống Luân Đôn, và Tom cũng là người ngưỡng mộ các tác phẩm graffiti dưới lòng đất. Mặt trời đang cố gắng xuyên thủng lớp sương mù ẩm ướt trong vô vọng, dù trời không đổ mưa hẳn. Tom đi vào ga đường Bond cùng với vài vị khách lạc lõng cuối cùng, chắc vậy, trong giờ cao điểm buổi sáng. Điều khiến Tom ngưỡng mộ về những người vẽ graffiti ở Luân Đôn đó là khả năng vẽ vời từ các thang cuốn đang di chuyển của họ. Các tấm poster quần lót nhan nhản khắp nơi cạnh thang cuốn, chẳng có gì ngoài các cô gái mặc áo nịt ngực và quần lót, được trang trí thêm bởi hình giải phẫu học của những người đàn ông và phụ nữ khác, thỉnh thoảng còn kèm thêm cả câu dài: TÔI SUNG SƯỚNG LÀM NGƯỜI LƯỞNG TÍNH! Họ làm thế nào vậy nhỉ? Đi ngược hướng với chiều chạy của thang cuốn trong khi viết ư? Câu DA MÀU CÚT ĐI! được viết khắp nơi, thỉnh thoảng lại có biến thể DA MÀU CÚT NGAY! Dưới ga tàu, Tom nhìn thấy một tấm poster quảng cáo *Romeo và Juliet* của Zeffirelli, Romeo thì cởi trần nằm giữa còn Juliet bò trên người anh ta với một lời đề nghị đáng ngạc nhiên thốt ra khỏi miệng. Câu trả lời của Romeo trong bong bóng hộp thoại là “Được rồi, sao không?”.

Tom mua được bộ pyjama lúc mười rưỡi. Anh chọn một bộ màu vàng. Anh đã định mua màu tím vì đến giờ vẫn chưa có bộ nào màu này, nhưng

dạo gần đây anh đã có đủ màu tím trong đời rồi. Tom đi tắc-xi tới phố Carnaby. Anh mua cho mình một chiếc quần vải xa-tanh ống nhỏ. Quà cho Heloise là một chiếc quần ống loe kiểu hippy bằng vải len đen, eo cỡ hai sáu. Phòng thử đồ nơi Tom thử quần nhỏ đến mức anh không thể bước ra xa gương để xem chiều dài đã được chưa, nhưng bà Annette thích điều chỉnh những thứ nhỏ nhỏ như thế giúp anh và Heloise. Bên cạnh đó, có hai người Ý liên tục nói “*Bellissimo!*”<sup>\*</sup> cứ cách giây lại kéo rèm ra, chờ được vào trong thử đồ. Khi Tom đang trả tiền, hai người Hy Lạp bước vào và bắt đầu âm ỹ thảo luận giá cả bằng đồng drachma<sup>\*</sup>. Cửa hàng chỉ rộng 2 x 4 m và không ngạc nhiên khi nó chỉ có đúng một người bán hàng, vì làm gì có chỗ cho hai người.

Cầm theo những món đồ đã mua trong một chiếc túi giấy to kêu sột soạt, Tom tiến lại gần một bộ điện thoại trên vỉa hè và gọi cho Jeff Constant.

“Tôi đã nói chuyện với Bernard,” Jeff nói, “và anh ta sợ ông Murchison chết khiếp. Tôi đã hỏi anh ta nói gì với ông Murchison vì chính Bernard kể cho tôi là anh ta đã nói chuyện với ông Murchison, anh hiểu chứ. Bernard nói là anh ta đã bảo ông ta đừng mua thêm tranh nữa. Như thế là tệ lắm rồi đấy nhỉ?”

“Phải,” Tom nói. “Còn gì nữa?”

“À thì... tôi đã cố gắng dỗ Bernard là anh ta đã nói tất cả những gì có thể và nên nói. Rất khó giải thích cho anh vì anh không hiểu Bernard, nhưng anh ta cứ canh cánh trong lòng cảm giác tội lỗi về khả năng thiên tài của Derwatt, đại loại thế. Tôi đã cố gắng thuyết phục Bernard là anh ta đã bớt cảm giác cần rút lương tâm khi nói vạ với lão Murchison rồi thì sao không để kể mọi chuyện đi?”

“Sau đó Bernard trả lời như thế nào?”

“Anh ta rầu rĩ đến mức khó mà hiểu anh ta nói gì. Tranh trong buổi triển lãm đã được bán sạch bách, chỉ còn sót lại đúng một bức. Tưởng tượng mà xem! Thế mà Bernard lại thấy tội lỗi về chuyện đó!” Jeff bật



cười. “Bức ‘Bồn Tắm’. Đó là một trong những bức mà lão Murchison nhắm đến.”

“Nếu hiện giờ anh ta không muốn vẽ thêm tranh nữa thì đừng ép buộc anh ta.”

“Đó cũng chính là thái độ của tôi đấy. Anh nói quá đúng, Tom. Nhưng tôi nghĩ chỉ sau một đêm là anh ta lại hăng hái trở lại thôi. Tiếp tục vẽ tranh. Chỉ vì căng thẳng do buổi triển lãm cũng như thấy anh đóng vai Derwatt mà ra vậy. Anh ta tôn sùng Derwatt hơn phần lớn mọi người tôn sùng Chúa Jesus.”

Tom không cần ai nói cũng biết điều đó. “Thêm một chuyện vụn vặt này nữa, Jeff. Ông Murchison có khi lại muốn xem sổ sách của phòng triển lãm liên quan đến tranh của Derwatt. Từ Mexico. Anh có lưu giữ sổ sách gì không?”

“Từ... từ Mexico thì không.”

“Anh có thể bịa ra cái gì đấy không? Phòng trường hợp tôi không thể thuyết phục ông ta cho qua vụ này?”

“Tôi sẽ cố gắng, Tom.” Giọng Jeff có vẻ run run.

Tom nóng nảy. “Giả mạo đi. Làm nó trông cũ vào. Không nói đến ông M thì việc có vài quyển sổ sách báo cáo không phải cũng là ý hay để chứng minh...” Tom khựng lại. Có vài người không biết cách điều hành doanh nghiệp, kể cả là một doanh nghiệp thành công như công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt.

“Được rồi, Tom.”

Tom đi vòng tới Burlington Arcade, nơi anh ghé qua một tiệm trang sức và mua một cái kẹp bằng vàng - hình một con khỉ nhỏ đang khom người - cho Heloise, được anh trả bằng séc du lịch Mỹ. Sinh nhật Heloise vào tháng tới. Rồi anh đi bộ về phía khách sạn của mình, qua phố Oxford, nó vẫn đông đúc như thường lệ với những người mua hàng, phụ nữ xách các túi căng phồng và cầm hộp quà, trẻ con đi thành hàng. Một người đàn ông đeo hai biển hiệu quảng cáo trên người cho một studio chụp ảnh họ

chiếu, dịch vụ nhanh và rẻ. Ông già ấy mặc một chiếc áo khoác cũ mềm, mũ xẹp xuống, và ngậm một điếu thuốc lá chưa châm bần thiu. Ông ta nên tự lấy hộ chiếu để lên thuyền tới đảo Hy Lạp đi, Tom nghĩ, nhưng ông già này sẽ chẳng bao giờ đi du lịch hết. Tom bỏ điếu thuốc ra và nhét một điếu Gauloise vào giữa môi ông ta.

“Hút một điếu nhé,” Tom nói. “Lừa đây.” Anh nhanh chóng châm thuốc bằng diêm của mình.

“Cảm ơn,” ông ta nói qua bộ râu.

Tom dứt nốt bao Gauloise rồi cả bao diêm của anh vào cái túi rách bươm trên áo khoác của ông ta và linh đi, đầu cúi gằm xuống, hy vọng không ai nhìn thấy mình.

Tom gọi cho ông Murchison từ phòng anh và họ mang hành lý xuống gặp nhau dưới sảnh.

“Sáng nay tôi đã đi mua ít đồ cho vợ tôi,” ông Murchison nói trong xe tắc-xi. Tâm trạng ông ta có vẻ tốt.

“Vậ à? Tôi cũng thế. Một đôi quần trên phố Carnaby.”

“Tôi mua áo len Marks and Spencer cho Harriet. Cả khăn choàng Liberty nữa. Thịnh thoảng thêm cả vài cuộn len. Bà ấy đan len và thích nghĩ len đến từ nước Anh cổ kính, anh hiểu chứ?”

“Ông đã hủy buổi hẹn sáng nay à?”

“Phải. Chuyển sang sáng thứ Sáu. Ở nhà ông ta.”

Ở sân bay, họ dùng một bữa trưa khá ngon miệng với một chai rượu vang đỏ. Ông Murchison khăng khăng đòi trả tiền. Trong bữa ăn, ông ta kể cho Tom nghe về con trai của mình, là một nhà sáng chế làm việc trong một phòng thí nghiệm ở California. Con trai và con dâu ông ta mới có đứa con đầu lòng. Ông Murchison cho Tom xem ảnh con bé và tự cười giễu mình vì đúng là một người ông tận tụy, nhưng đó là đứa cháu đầu tiên của ông ta, được đặt tên là Karin theo tên bà ngoại con bé. Để trả lời cho các câu hỏi của ông Murchison, Tom nói mình đã chọn sống ở Pháp vì đã cưới một cô

gái Pháp cách đây ba năm. Ông Murchison không sống sượng hỏi Tom kiếm sống bằng cách nào mà chỉ hỏi anh giết thời gian như thế nào.

“Tôi đọc sách sử,” Tom nói một cách tự nhiên. “Tôi học tiếng Đức. Chưa kể tiếng Pháp của tôi vẫn cần cải thiện. Rồi làm vườn. Tôi có một khu vườn khá lớn ở Villeperce. Tôi cũng vẽ nữa,” anh nói thêm, “chỉ cho vui thôi”.

Họ đến sân bay Orly lúc ba giờ chiều và Tom lên một chiếc xe buýt chạy xăng để đến lấy ô-tô của anh trong gara, sau đó anh đón ông Murchison ở gần chỗ chờ xe tắc-xi cùng va-li của họ. Mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ và trời không lạnh như ở Anh. Tom lái xe tới Fontainebleau và đi qua lâu đài để ông Murchison có thể ngắm nó. Ông Murchison nói phải mười lăm năm rồi mình không ngắm nó. Họ đến Villeperce vào tầm bốn rưỡi chiều.

“Nơi chúng tôi mua phần lớn thực phẩm của mình,” Tom nói, ra dấu vào cửa hàng ở phía bên trái anh trên con đường chính trong làng.

“Cực kỳ xinh đẹp. Chưa bị phá hoại,” ông Murchison nói. Và khi họ tới nhà của Tom: “Trời ơi, tuyệt diệu quá! Cực kỳ đẹp đẽ!”.

“Ông nên nhìn thấy nó vào mùa hè,” Tom nói, cực kỳ khiêm tốn.

Bà Annette, nghe thấy tiếng xe, ra ngoài chào đón họ và giúp mang hành lý vào, nhưng ông Murchison không chịu được việc nhìn một người phụ nữ mang những món đồ nặng, chỉ để bà ta mang mấy cái túi nhỏ đựng thuốc lá và đồ uống mà thôi.

“Mọi chuyện tốt đẹp cả chứ, bà Annette?” Tom hỏi.

“Tất cả. Kể cả người thợ sửa ống nước cũng đã đến sửa phòng vệ sinh.”

Tom nhớ một phòng vệ sinh đã bị rò nước.

Anh và bà Annette dẫn ông Murchison về phòng ông, có một phòng tắm liền kề. Thật ra thì đó là phòng tắm của Heloise và phòng của cô nằm ở bên kia phòng tắm. Tom giải thích là vợ anh giờ đang ở Hy Lạp cùng bạn bè của cô. Anh để ông Murchison ở lại tắm rửa và dỡ đồ ra khỏi va-li, báo

rằng anh sẽ ở trong phòng khách dưới nhà. Ông Murchison đã bắt đầu hào hứng nhìn vài bức tranh trên tường rồi.

Tom đi xuống nhà và bảo bà Annette pha chút trà. Anh tặng bà ta một chai dầu thơm từ Anh Quốc, “Hương Hồ” - được anh mua ở Heathrow.

“Ôi, anh Tome, *comme vous êtes gentil!*”\*

Tom mỉm cười. Bà Annette lúc nào cũng khiến anh thấy biết ơn lòng biết ơn của bà ta. “Tối nay có món *tournedos* ngon lành chứ?”

“À, oui!”\* Và món tráng miệng sẽ là *mousse au chocolat*.\*”

Tom vào phòng khách. Nơi đây có hoa, và bà Annette đã tăng nhiệt độ lên. Có một lò sưởi và Tom rất yêu ánh lửa, nhưng anh cảm thấy mình phải nhìn nó liên tục, hoặc cũng có thể chỉ là anh mê nhìn nó đến mức không thể dứt ra, nên anh quyết định giờ sẽ không đốt lò lên. Anh nhìn chăm chăm vào bức “Người Ngồi Trong Ghế” trên lò sưởi và đứng nhún nhảy vì thỏa mãn - thỏa mãn với sự thân thuộc, xuất sắc của nó. Bernard giỏi thật. Anh ta chỉ phạm vài sai lầm không đáng kể suốt cả giai đoạn vẽ của mình. Mà bố khi mấy cái giai đoạn chết tiệt. Về mặt logic, bức “Đôi Ghế Đỏ”, một bức Derwatt thật, đáng ra phải được nhận vị trí trang trọng trên lò sưởi trong phòng. Đúng là tính cách của anh khi treo bức tranh giả ở chỗ trang trọng ấy, anh nghĩ thế. Heloise không biết là bức “Người Ngồi Trong Ghế” là hàng giả và trên thực tế cũng hoàn toàn không biết gì về việc giả mạo tranh Derwatt. Cô chỉ có hứng thú thường thường với hội họa. Nếu cô có đam mê thì sẽ là dành cho việc du lịch, thử đồ ăn kỳ quái, và mua sắm quần áo. Đồ đạc trong hai tủ đồ trong phòng của cô trông như một bảo tàng trang phục quốc tế chỉ thiếu ma-nơ-canh. Cô có áo chiết eo từ Tunisia, áo khoác tua rua không tay từ Mexico, quần thụng kiểu quân đội của Hy Lạp mà khi mặc vào cô trông cũng khá hấp dẫn, cùng với áo khoác thêu từ Trung Quốc mà cô đã mua được bằng cách nào đó ở Luân Đôn.

Rồi Tom đột nhiên nhớ ra Bá tước Bertolozzi và đi về phía điện thoại. Anh không muốn ông Murchison nghe được tên của Bá tước, nhưng mặt khác thì Tom cũng sẽ chẳng làm hại gì Bá tước, biết đâu duy trì thái độ cời

mở lại có lợi. Anh đề nghị nối máy tới Milan và đọc số cho tổng đài viên người Pháp. Cô ta báo cho Tom biết là cuộc gọi có khi phải mất nửa tiếng mới thông máy.

Ông Murchison đi xuống. Ông ta đã thay đồ và đang mặc quần vải flannel màu xám, áo khoác tweed màu xanh lục pha đen. “Cuộc sống đồng quê!” Ông ta nói, cười rạng rỡ. “À!” Ông ta thoáng nhìn thấy bức “Đôi Ghế Đỏ” thẳng trước mặt ở cuối phòng, và tiến lại gần để nghiên cứu kỹ hơn. “Đúng là một tuyệt phẩm phi thường. Đây mới đúng là hàng thật này!”

Không nghi ngờ về điều đó, Tom nghĩ, một cảm giác tự hào lan đi trong người khiến anh cảm thấy có phần hơi ngớ ngẩn. “Đúng thế, tôi rất thích nó.”

“Tôi nghĩ mình đã nghe về nó. Tôi nhớ cái tên này ở đâu đó. Chúc mừng anh, Tom.”

“Còn kia là bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ của tôi,” Tom nói, hất đầu về phía lò sưởi.

“À,” ông Murchison nói với tông giọng khác hẳn. Ông ta tiến lại gần và Tom nhìn thấy thân hình cao to, chắc nịch của ông ta căng lên vì tập trung. “Bức tranh này bao nhiêu tuổi?”

“Khoảng bốn năm tuổi,” Tom thành thật nói.

“Anh đã trả bao nhiêu tiền, xin phép được hỏi một câu hơi thô lỗ?”

“Bốn nghìn bảng Anh. Trước khi bị sứt giá. Khoảng tầm mười một nghìn hai trăm đô,” Tom nói, tính tỷ giá bảng là hai trăm tám mươi.

“Tôi rất mừng khi nhìn thấy cái này,” ông Murchison nói, gật đầu. “Anh thấy đấy, màu tím y xì đúc lại xuất hiện. Ở đây có rất ít thôi, nhưng nhìn này.” Ông ta chỉ vào mép ghế. Do chiều cao của bức tranh và độ rộng của lò sưởi, ngón tay của ông Murchison còn cách bức tranh sơn dầu chục phân, nhưng Tom biết ông ta đang nói đến vệt màu tím nào. “Màu tím cô-ban thuần.” Ông Murchison băng qua phòng và lại nhìn vào bức “Đôi Ghế Đỏ”, nhìn chăm chăm vào nó từ khoảng cách hơn chục phân. “Và đây là một trong những bức tranh cũ. Cũng có màu tím cô-ban thuần.”

“Ông thật sự nghĩ bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ là tranh giả à?”

“Đúng là thế. Giống như bức ‘Đồng Hồ’ của tôi. Chất lượng khác. Thứ cấp hơn so với bức ‘Đôi Ghế Đỏ’. Chất lượng là một thứ mà ta không thể đo đạc được với sự trợ giúp của kính hiển vi. Nhưng ở đây tôi có thể nhìn thấy nó. *Với lại...* tôi cũng chắc chắn về màu tím cô-ban thuần ở đây.”

“Vậy thì,” Tom nói với vẻ bình thản, “biết đâu là do Derwatt sử dụng màu tím cô-ban thuần và cả màu kết hợp mà ông đã đề cập đến - luân phiên”.

Ông Murchison cau mày, lắc đầu. “Tôi không nghĩ thế.”

Bà Annette đang đẩy trà vào trên một cái xe. Một bên bánh xe kêu cọt két. “*Voilà le thé\**, anh Tome.”

Bà Annette đã nướng bánh quy nâu, và chúng tỏa ra mùi hương vani dễ chịu. Tom rót trà.

Ông Murchison ngồi xuống sô-pha. Dường như ông ta không nhìn thấy bà Annette đến và đi. Ông ta vẫn nhìn chăm chăm vào bức tranh “Người Ngồi Trong Ghế” như choáng váng hoặc thích thú. Rồi ông ta chớp mắt với Tom, mỉm cười, và khuôn mặt trở lại vẻ tốt bụng. “Tôi nghĩ anh không tin tôi. Đó là quyền của anh.”

“Tôi không biết phải nói gì. Tôi không nhìn thấy sự khác biệt về chất lượng. Có thể do tôi trì độn. Nếu, như ông nói, ông sẽ nhờ một chuyên gia giám định tranh của mình thì tôi sẽ tin theo những gì chuyên gia đó nói. Và tiện thể, ông có thể mang theo bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ về Luân Đôn, nếu ông muốn.”

“Tôi rất mong là như vậy. Tôi sẽ viết hóa đơn, thậm chí mua bảo hiểm cho nó cho anh.” Ông Murchison cười nhẹ.

“Nó đã được bảo hiểm rồi. Đừng lo.”

Qua hai tách trà, ông Murchison hỏi thăm Tom về Heloise, cô đang làm gì. Họ đã có con chưa? Chưa. Heloise mới hai lăm. Không, Tom không nghĩ phụ nữ Pháp khó tính hơn các phụ nữ nước khác, nhưng họ có quan điểm riêng về sự tôn trọng mà họ nên được nhận. Chủ đề này không có gì

tiến triển vì mọi phụ nữ đều mong muốn được đối xử với sự tôn trọng nhất định, và dù Tom hiểu rõ kiểu của Heloise thì anh cũng chịu không tài nào nói rõ thành lời được.

Điện thoại reo và Tom nói, “Xin lỗi nhé, tôi nghĩ mình sẽ nhận điện trong phòng”. Anh lao lên cầu thang. Sau rốt thì, ông Murchison chắc sẽ đoán đó là điện thoại của Heloise và anh muốn nói chuyện riêng với cô.

“Xin chào?” Tom nói. “Eduardo! Ông thế nào? Tôi thật may mắn vì gọi được cho ông... Qua tin đồn thôi. Một người bạn chung ở Paris hôm nay đã gọi điện và kể cho tôi nghe là ông đang ở Milan... Nào, ông có thể tới chỗ tôi chơi không? Sau rốt thì, ông đã hứa rồi còn gì.”

Bá tước, một người thích hưởng thụ luôn sẵn lòng bị lôi kéo khỏi công việc kinh doanh gấp gáp của mình (xuất nhập khẩu) thể hiện chút do dự về việc thay đổi kế hoạch đi Paris rồi hào hứng đồng ý tới chỗ Tom. “Nhưng tối nay thì không được. Mai nhé. Ổn chứ?”

Như thế là khá sớm với Tom, anh còn chưa dám chắc ông Murchison sẽ mang đến những rắc rối nào. “Được, kể cả thứ Sáu cũng...”

“*Thứ Năm* chứ,” Bá tước nói một cách quả quyết, không nắm được vấn đề.

“Được rồi. Tôi sẽ đón ông ở Orly. Máy giờ nhỉ?”

“Máy bay của tôi đến lúc... chờ tí nhé.” Bá tước mất kha khá thời gian tìm kiếm, quay lại điện thoại và nói, “Đến lúc năm giờ mười lăm. Chuyển bay số 306 Alitalia”.

Tom ghi lại. “Tôi sẽ có mặt ở đó. Rất vui vì ông có thể đến, Eduardo!”

Rồi Tom đi xuống gác với ông Thomas Murchison. Đến giờ họ đều gọi nhau là Tom, dù ông Murchison bảo rằng vợ ông ta gọi ông ta là Tommy. Ông Murchison nói rằng mình là một kỹ sư thủy lợi với một công ty đặt ống dẫn có trụ sở chính ở New York. Ông Murchison là một trong các giám đốc ở đó.

Họ đi dạo quanh vườn sau của Tom, nằm cạnh khu rừng nguyên sơ. Anh khá thích ông Murchison. Chắc chắn là anh có thể thuyết phục ông ta,

làm thay đổi suy nghĩ của ông ta, Tom nghĩ. Anh *nên* làm gì nhỉ?

Trong bữa tối, trong khi ông Murchison kể về một thứ mới toanh trong nhà máy của ông ta - vận chuyển hàng bằng đường ống và tất cả mọi thứ được đặt trong những cái hộp chỉ nhỏ như hộp thiếc đựng súp - Tom băn khoăn không biết mình có nên mất công bảo Jeff và Ed lấy một ít giấy viết thư của một công ty Mexico từ một công ty vận chuyển nào đó để liệt kê các bức tranh của Derwatt lên đó không? Chuyện này liệu có thể được giải quyết nhanh chóng hay không? Ed là nhà báo và chẳng lẽ anh ta không thể xử lý một công việc văn thư như vậy, còn có Leonard, quản lý phòng triển lãm, và Jeff giẫm lên chúng trên sàn để trông chúng cũ như đã được năm, sáu năm tuổi sao? Bữa tối ngon xuất sắc và ông Murchison có lời khen ngợi bà Annette, được ông ta nói bằng thứ tiếng Pháp tạm tạm, cho món tráng miệng *mousse* và kể cả món phô mai Brie nữa.

“Chúng tôi sẽ uống cà phê trong phòng khách,” Tom nói với bà ta. “Và bà có thể mang brandy ra không?”

Bà Annette đã châm lò sưởi. Tom và ông Murchison ngồi xuống trên chiếc sô-pha vàng lớn.

“Buồn cười thật,” Tom bắt đầu, “tôi cũng thích ‘Người Ngồi Trong Ghế’ ngang ngửa với ‘Đôi Ghế Đỏ’. Nếu nó là tranh giả. Buồn cười thật nhỉ?” Tom vẫn đang nói bằng giọng vùng trung tây. “Ông có thể thấy là nó được nhận một vị trí trang trọng trong căn nhà này.”

“Thì anh đâu có biết nó là tranh giả!” Ông Murchison cười nhẹ. “Sẽ rất thú vị - cực kỳ thú vị - khi biết ai giả mạo.”

Tom duỗi chân ra và hút xì gà. “Đúng là buồn cười thật,” anh tiếp tục, lật con bài cuối cùng và cũng là con bài tốt nhất của anh ra, “nếu có một kẻ giả mạo đang vẽ toàn bộ tranh của Derwatt ở Buckmaster Gallery, tất cả những bức mà chúng ta đã xem ngày hôm qua ấy. Nói cách khác, một người cũng giỏi như Derwatt vậy”.

Ông Murchison mỉm cười. “Vậy thì Derwatt đang làm gì? Ngồi chơi xơi nước và tận hưởng à? Đừng có lỗ bịch thế. Derwatt giống hệt như



những gì tôi đã nghĩ về anh ta. Lánh đời và có phần hơi lỗi thời.”

“Ông đã bao giờ nghĩ đến việc thu thập tranh giả chưa? Tôi biết một người ở Ý làm vậy đấy. Đầu tiên chỉ là thú vui thôi và giờ thì ông ta bán chúng cho các nhà sưu tập khác với mức giá khá cao.”

“À, tôi cũng đã nghe đến chuyện đó rồi. Phải. Nhưng tôi muốn biết là mình đang mua tranh giả khi mua chúng.”

Tom cảm giác mình đã động chạm đến một chỗ không dễ chịu và khó xoay xở. Anh thử lại lần nữa. “Tôi thích mơ màng giữa ban ngày - về những chuyện ngớ ngẩn như thế đấy. Theo một cách nào đó, sao lại quấy nhiễu một kẻ giả mạo đang tạo ra những tác phẩm xuất sắc thế kia chứ? Tôi vẫn giữ ý định tin vào bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ đấy.”

Ông Murchison cứ như chưa nghe thấy bình luận của Tom. “Với cả anh biết không,” ông ta nói, vẫn đang chăm chú nhìn bức tranh mà Tom nhắc đến, “không chỉ là màu tím oải hương mà còn là linh hồn của bức tranh nữa. Nếu không phải tôi đang thấy thư giãn sau bữa tối và đồ uống tuyệt hảo của anh thì tôi đã chẳng nói thế đâu”.

Họ vừa uống xong một chai Margaux hảo hạng, chai rượu ngon nhất trong hầm rượu của Tom.

“Anh có nghĩ mấy người ở Buckmaster Gallery là bọn lừa đảo không?” Ông Murchison hỏi. “*Nhất định* là thế rồi. Chứ sao họ lại chịu đựng một kẻ giả mạo cơ chứ? Đưa tranh giả vào lẫn với tranh thật?”

Tom nhận ra là ông Murchison nghĩ rằng các bức tranh Derwatt mới khác, tất cả các bức tranh trong buổi triển lãm hiện thời, trừ bức “Bồn Tắm”, là tranh thật. “Đó là nếu chúng là tranh giả mạo thật - bức ‘Đồng Hồ’ của ông và các bức khác. Tôi cho là mình vẫn chưa bị thuyết phục.”

Ông Murchison mỉm cười vui vẻ. “Chỉ vì anh thích bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’ của mình quá thôi. Nếu tranh của anh đã bốn năm tuổi còn tranh của tôi ít nhất ba năm tuổi thì sự giả mạo này đã diễn ra một thời gian khá dài rồi đấy. Có thể còn nhiều bức tranh khác ở Luân Đôn không được đem cho buổi triển lãm mượn cũng là tranh giả. Nói thật, tôi nghi Derwatt

đấy. Tôi nghi ngờ anh ta có móc ngoặc với mấy người ở Buckmaster để kiếm thêm tiền. Thêm vào đó... mấy năm nay làm gì có bức tranh chì nào của Derwatt. Điều đó kỳ lạ thật.”

“Thật à?” Tom hỏi, giả vờ ngạc nhiên. Anh biết điều đó và anh cũng biết ông Murchison đang định nói gì.

“Tranh chì thể hiện nhân cách của người nghệ sĩ,” ông Murchison nói. “Bản thân tôi đã tự nhận ra điều đó, và rồi tôi đọc thêm tài liệu vài nơi - chỉ để chứng thực lý lẽ của mình.” Ông ta cười. “Chỉ vì tôi sản xuất ống dẫn nên người ta không chịu đánh giá cao sự nhạy cảm của tôi! Nhưng tranh chì cũng giống như chữ ký của người họa sĩ, một chữ ký cực kỳ phức tạp. Anh có thể nói là việc giả mạo chữ ký hay tranh sơn dầu dễ hơn nhiều so với giả mạo tranh chì.”

“Chưa từng nghĩ đến điều đó,” Tom nói, và dụi đầu xì gà vào gạt tàn. “Ông nói là thứ Bảy ông sẽ đến gặp người ở Tate Gallery nhỉ?”

“Đúng thế. Chắc anh đã biết, ở Tate có vài bức tranh Derwatt cũ. Sau đó tôi sẽ nói chuyện với người ở Buckmaster mà không có lời báo trước nào hết - nếu Riemer xác thực suy nghĩ của tôi.”

Trí óc của Tom bắt đầu đưa ra những bước nhảy đau đớn. Thứ Bảy là ngày kia. Riemer biết đâu lại muốn so sánh bức “Đồng Hồ” và “Người Ngồi Trong Ghế” với các bức Derwatt ở Tate Gallery và những bức tranh trong buổi triển lãm hiện thời. Liệu tranh của Bernard Tufts có chịu được cuộc thử lửa hay không? Nếu không thì sao? Anh rót thêm brandy cho ông Murchison và cũng rót cho mình một ít dù không muốn. Anh khoanh tay trước ngực. “Ông biết đấy, tôi không nghĩ là mình sẽ kiện - hoặc bất kể là người ta hay xử lý việc này thế nào - nếu thật sự có chuyện giả mạo.”

“Ha! Tôi thì chính thống hơn một chút. Cổ lỗ, có thể là thế. Nói về thái độ của tôi ấy. Giả sử Derwatt thật sự nhúng tay vào thì sao?”

“Tôi nghe nói Derwatt như một vị thánh vậy.”

“Đó là truyền thuyết. Có thể hồi anh ta trẻ và nghèo thì anh ta giống một vị thánh hơn. Anh ta đã sống ẩn dật. Bạn bè ở Luân Đôn đưa anh ta lên

sân khấu, đơn giản thế thôi. Rất nhiều chuyện có thể xảy ra với một người đàn ông nghèo nếu anh ta đột nhiên trở nên giàu có.”

Tom không thể đi xa hơn trong buổi tối hôm đó. Ông Murchison muốn về phòng sớm vì thấy mệt.

“Tôi sẽ xử lý vé máy bay vào buổi sáng. Tôi nên đặt vé ở Luân Đôn mới đúng. Tôi đúng là ngớ ngẩn thật.”

“Ôi, tôi hy vọng ông đừng đi vào buổi sáng,” Tom nói.

“Tôi sẽ đặt vé vào buổi sáng. Tôi sẽ cất cánh vào buổi chiều, nếu anh thấy không vấn đề gì.”

Tom dẫn vị khách của mình lên phòng, bảo đảm ông ta đã có tất cả những gì ông ta cần.

Anh thoáng nghĩ đến việc gọi cho Jeff hoặc Ed. Nhưng anh đâu có tin gì mới trừ việc vẫn chưa đi đến đâu trong hành trình cố gắng thuyết phục ông Murchison đừng đi gặp người ở Tate Gallery nữa? Với lại Tom cũng không muốn số điện thoại của Jeff xuất hiện quá thường xuyên trên hóa đơn của mình.

## CHƯƠNG 6

Tom khởi đầu buổi sáng với sự lạc quan kiên định. Anh mặc một bộ đồ cũ thoải mái - sau khi ngồi trên giường thưởng thức cốc cà phê tuyệt vời của bà Annette, một cốc cà phê đen để làm anh tỉnh táo - rồi đi xuống nhà xem xem ông Murchison đã tỉnh giấc hay chưa. Giờ là chín giờ kém mười lăm.

“Quý ông cũng ăn sáng trong phòng,” bà Annette nói.

Trong khi bà Annette dọn dẹp phòng của anh, Tom cạo râu trong phòng vệ sinh. “Tôi nghĩ chiều nay ông Murchison sẽ ra về,” Tom nói để trả lời cho câu hỏi về thực đơn bữa tối của bà Annette. “Nhưng hôm nay là thứ Năm. Bà nghĩ liệu có thể mua một cặp cá bơn...” Tom nuốt nước bọt và nghĩ đến “giày, ván trượt” trong tiếng Anh “... ngon lành từ hàng bán cá cho bữa trưa nay không?” Có một xe tải bán cá đến làng hai lần một tuần. Trong thị trấn không có cửa hàng bán cá nào vì Villeperce quá nhỏ.

Bà Annette thấy hứng thú với lời đề nghị này. “Nho ở cửa hàng bán hoa quả tươi mọng lắm,” bà ta nói. “Anh sẽ không thể tin được...”

“Mua một ít đi.” Tom chỉ mới nghe đã đồng ý.

Tầm mười một giờ trưa, Tom và ông Murchison đi dạo trong khu rừng sau nhà của anh. Tom có tâm trạng, hay phải nói là trạng thái đầu óc, thật kỳ cục. Cảm giác thân thiết chân thành trào dâng, hoặc bất kể người ta muốn gọi nó là gì, Tom đã dẫn ông Murchison đi xem nỗ lực nghệ thuật của mình ở căn phòng trên gác nơi anh vẽ. Tom chủ yếu vẽ tranh phong cảnh và chân dung. Anh luôn cố gắng đơn giản hóa mọi thứ, noi theo tranh mẫu của Matisse trước mặt, nhưng chẳng mấy thành công, anh nghĩ. Chỉ có

một bức chân dung của Heloise, hẳn là bức thứ mười hai của Tom, không tệ lắm, và ông Murchison đã khen ngợi nó. *Chúa lòng lành*, Tom nghĩ thầm, *mình sẽ phơi bày linh hồn này ra, cho ông ta xem những bài thơ mình đã viết tặng Heloise, lột trần thân thể này và múa kiếm, chỉ cần ông ta... nhìn nhận mọi việc như mình!* Nhưng vô dụng.

Chuyến bay của ông Murchison đến Luân Đôn là vào lúc bốn giờ chiều. Họ vẫn dư thời gian thưởng thức một bữa trưa tử tế ở đây vì sân bay Orly chỉ cách khoảng một tiếng đi xe trong tình trạng thời tiết tốt. Trong khi ông Murchison đổi giày để đi dạo, Tom đã bọc bức tranh “Người Ngồi Trong Ghế” bằng ba lớp giấy bìa các-tông, buộc dây, bọc giấy nâu, rồi lại buộc dây. Ông Murchison định sẽ mang theo bức tranh lên máy bay, ông ta bảo Tom như vậy. Ông Murchison kể đã đặt phòng ở khách sạn Mandeville tối nay.

“Nhưng hãy nhớ, phần tôi sẽ không có đơn kiện nào,” Tom nói, “cho bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’” .

“Điều đó không có nghĩa là anh phủ nhận việc nó là tranh giả,” ông Murchison mỉm cười nói. “Anh sẽ không khẳng khẳng nói nó là tranh thật nữa à?”

“Không,” Tom nói. “Chính xác. Tôi sẽ cúi người trước các chuyên gia.”

Khu rừng công cộng không phải là nơi thích hợp cho một cuộc đối thoại chuẩn bị đi vào cốt lõi vấn đề, Tom cảm thấy như vậy. Hay còn phải có một đám mây xám xịt khổng lồ nữa mới thích hợp? Tom không vui, không một chút nào, khi nói chuyện với ông Murchison trong khu rừng này.

Vì việc khởi hành của ông Murchison mà Tom nhờ bà Annette chuẩn bị bữa trưa khá sớm, và họ bắt đầu ăn lúc một giờ kém mười lăm.

Tom quyết tâm xoay cuộc trò chuyện quanh chủ đề tranh vì anh không muốn từ bỏ mọi hy vọng. Anh lại gọi lên chuyện Van Meegeren, người có một sự nghiệp mà ông Murchison cũng đã biết. Tranh Van Meegeren giả

mạo Vermeer cuối cùng cũng có giá trị của riêng nó. Van Meegeren có thể ban đầu chỉ công khai điều đó để tự bảo vệ bản thân, để làm ra vẻ can đảm, nhưng về mặt thẩm mỹ, không có gì phải nghi ngờ việc Van Meegeren đã sáng tạo ra những tác phẩm Vermeer “mới” khiến cho những người mua chúng thấy hài lòng.

“Tôi không thể hiểu nổi sao anh có thể gạt bỏ hoàn toàn mối quan hệ với sự thật,” ông Murchison nói. “Phong cách của một nghệ sĩ là sự thành thật, chân thật của anh ta. Liệu một người khác có quyền sao chép nó không, cũng như chuyện một người sao chép chữ ký của người khác? Vì cùng một mục đích cả, để lợi dụng danh tiếng của anh ta, sử dụng tài khoản ngân hàng của anh ta? Danh tiếng đã được xây dựng bởi tài năng của anh ta?”

Họ đang tấn công nốt miếng cá bơn và bơ cuối cùng trong đĩa, cùng với mẩu khoai tây cuối cùng. Món cá bơn ngon xuất sắc và rượu vang trắng cũng vậy. Đây là một bữa trưa mà trong bất kỳ tình huống nào khác sẽ đem lại sự thỏa mãn, thậm chí là hạnh phúc, sẽ truyền cảm hứng cho những cặp tình nhân lên giường - có thể là sau khi uống cà phê - làm tình và rồi chìm vào giấc ngủ. Vẻ đẹp của bữa trưa hôm nay không có tác dụng gì với Tom.

“Tôi chỉ nói ra suy nghĩ của mình,” Tom nói. “Tôi vẫn hay như vậy. Tôi không có ý định gây ảnh hưởng tới ông. Tôi chắc là mình không thể. Nhưng ông có quyền chuyển lời với... ai nhỉ, anh Constant, đúng rồi, là tôi tương đối hạnh phúc với tác phẩm giả mạo của mình và muốn giữ nó.”

“Tôi sẽ nói vậy với anh ta. Nhưng anh không nghĩ đến tương lai sao? Nếu có người tiếp tục làm chuyện này...”

Đến món souffle chanh. Tom vật vã mãi mới ăn hết. Anh tin chắc vào luận điểm của mình. Vì sao anh không thể nói thành lời nhỉ, nói ra sao cho đủ sức thuyết phục ông Murchison? Ông Murchison không biết thưởng thức cái đẹp. Không thì ông ta đã chẳng nói chuyện như thế này. Ông Murchison không đánh giá cao Bernard. Vì lẽ chết tiệt gì mà ông Murchison lại phải lòi cả tính chân thực, chữ ký, và biết đâu thậm chí cả cảnh sát vào, so sánh với những gì Bernard đang làm trong studio của anh

ta, không nghi ngờ gì là đang tạo ra những tác phẩm của một họa sĩ tài ba? Van Meegeren đã nói như thế nào nhỉ (hoặc Tom đã nói như thế nào, trong một quyển sổ của anh)? “Một nghệ sĩ làm mọi thứ một cách tự nhiên, không cần nỗ lực. Một quyền năng nào đó dẫn lối cho bàn tay của anh ta. Một kẻ giả mạo thì phải vật lộn, và nếu anh ta thành công, thì đó là một thành tựu chân thực.” Tom nhận ra đó là câu nói do anh cải biên. Nhưng chết tiệt, lão Murchison thiên cận mà tự mãn, lên mặt đạo đức ấy! Ít nhất thì Bernard còn là một người có tài, tài năng hơn lão Murchison với hệ thống ống nước, đặt ống dẫn, hệ thống vận chuyển hàng hóa qua ống dẫn, một ý tưởng mà thực ra đến từ một kỹ sư trẻ ở Canada, chính lão ta đã kể như thế.

Cà phê. Cả hai đều không uống brandy dù chai rượu ngay trong tầm tay.

Khuôn mặt của ông Thomas Murchison, nọng thịt, có phần hồng hào - khuôn mặt ông ta như đá đối với Tom. Đôi mắt của ông Murchison sáng rực rỡ, khá thông minh, và chống lại anh.

Lúc đó là một rưỡi chiều. Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ nữa họ sẽ khởi hành đến sân bay Orly. Anh có nên quay lại Luân Đôn ngay sau khi Bá tước ra về không nhỉ, Tom tự hỏi? Nhưng anh có thể làm được gì ở Luân Đôn? Gã Bá tước chết tiệt, Tom nghĩ. Công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt quan trọng hơn cái thứ vớ vẩn, rẻ tiền mà Bá tước đang mang. Tom nhận ra là Reeves đã không dặn anh phải tìm chỗ nào trong va-li hoặc cặp táp hoặc bất kể thứ gì trong tay Bá tước. Tom đoán là tối nay anh ta sẽ gọi điện. Tom cảm thấy khổ sở và anh đơn giản là phải hành động, ngay lập tức, rời xa cái ghế mà anh đã ngồi vắn vẹo suốt mười phút.

“Tôi muốn ông mang theo một chai rượu vang từ hầm rượu của tôi,” Tom nói. “Chúng ta có nên xuống đó xem qua một chút không?”

Nụ cười của ông Murchison trở nên rạng rỡ hơn. “Thật là một ý tưởng tuyệt diệu! Cảm ơn anh, Tom.”

Hầm rượu có thể vào được từ bên ngoài, đi xuống vài bậc thềm đá là tới một cánh cửa màu xanh lục, hoặc đi qua một cánh cửa ở phòng vệ sinh không dùng đến dưới nhà, cạnh một sảnh nhỏ nơi các vị khách treo áo khoác. Tom và Heloise đã cho xây cầu thang trong nhà để tránh phải ra ngoài trong điều kiện thời tiết xấu.

“Tôi sẽ mang theo chai rượu về Mỹ. Sẽ thật đáng buồn khi một mình khui nó ra ở Luân Đôn,” ông Murchison nói.

Tom bật đèn trong hầm lên. Hầm rượu rộng, xám xịt, lạnh như trong tủ lạnh, hoặc có vẻ là vậy khi so với căn nhà được sưởi ấm từ trung tâm. Có đến năm hoặc sáu thùng rượu tròn trên giá, không phải tất cả đều đầy rượu, và có rất nhiều giá rượu vang cạnh tường. Trong một góc hầm là một cái thùng chứa chất đốt cho hệ thống sưởi và một thùng khác chứa nước nóng.

“Đây là rượu vang đỏ,” Tom nói, ra dấu về một bức tường đầy giá rượu vang với hơn nửa số chai sẫm màu bám đầy bụi.

Ông Murchison huýt sáo tán thưởng.

Nó phải được xử lý dưới này, Tom nghĩ thầm, nếu có chuyện cần xử lý. Vậy nhưng anh chưa lên kế hoạch kỹ lưỡng, anh còn chưa có một kế hoạch gì cả. Cứ hành động đi đã, anh tự nhủ, nhưng tất cả những gì anh làm là lững thững đi dạo quanh hầm, ngắm nghía các chai rượu của mình, chạm vào một đến hai cổ chai được bọc giấy thiếc đỏ. Anh rút một chai ra. “Margaux. Ông thích nó.”

“Siêu phẩm,” ông Murchison nói. “Cảm ơn anh rất nhiều Tom. Tôi sẽ kể cho bạn bè nghe về hầm rượu nơi nó được lấy đi.” Ông Murchison cẩn trọng nhận lấy chai rượu.

Tom nói, “Chắc ông sẽ không đổi ý về việc nói chuyện với chuyên gia ở Luân Đôn đâu nhỉ, chỉ vì sự trung thực. Tôi đang nói đến việc giả mạo tranh ấy”.

Ông Murchison cười khẽ. “Tom, tôi không thể. Tính trung thực! Bằng cả tính mạng này tôi cũng chẳng thể tài nào hiểu nổi vì sao anh lại muốn bảo vệ họ, trừ phi...”



Ông Murchison thoáng trầm tư, và Tom biết ông ta đang nghĩ gì, Tom Ripley cũng dính phần trong đó, nhận được lợi ích hoặc lợi nhuận từ nó. “Đúng thế, tôi có cổ phần ở đó,” Tom nói thật nhanh. “Ông biết đấy, tôi biết chàng trai đã nói chuyện với ông ở khách sạn của ông hôm trước. Tôi biết tất cả về anh ta. Anh ta chính là họa sĩ giả mạo.”

“Cái gì? Người... người...”

“Đúng, anh chàng yếu bóng vía đó. Bernard. Anh ta quen Derwatt. Chuyện khởi đầu một cách khá lý tưởng, ông biết đấy...”

“Ý anh là Derwatt *biết* chuyện đó à?”

“Derwatt đã chết. Họ nhờ người đóng giả anh ta.” Tom khai ra tất cả, cảm thấy mình chẳng còn gì để mất và có thể còn đạt lại được gì đó. Ông Murchison mới là người đang phải giành giật tính mạng của mình, nhưng Tom đâu thể nói điều đó thành lời, nói trắng ra được.

“Vậy là Derwatt đã chết... từ bao giờ?”

“Năm hay sáu năm gì đó. Anh ta thật sự đã chết ở Hy Lạp rồi.”

“Vậy là tất cả các bức tranh...”

“Bernard Tufts... Ông đã hiểu con người anh ta rồi đấy. Anh ta sẽ tự tử nếu việc anh ta đang giả mạo tranh vẽ của người bạn đã mất bị lộ ra ngoài. Anh ta đã khuyên ông đừng mua thêm tranh nữa. Như thế chưa đủ sao? Phòng triển lãm đề nghị Bernard vẽ vài bức tranh theo phong cách Derwatt, ông biết đấy...” Tom nhận ra chính *anh* là người đã đưa ra đề xuất đó, nhưng không quan trọng. Tom cũng nhận ra là anh đang tranh luận một cách vô ích, không chỉ vì ông Murchison rất cương quyết mà còn vì trong lập luận của chính Tom có một kẽ hở, một kẽ hở mà anh rất hiểu. Anh hiểu đâu là đúng, đâu là sai. Vậy nhưng cả hai nửa của anh đều thật sự chân thành: cứu Bernard, cứu thương vụ làm giả tranh, thậm chí cứu cả Derwatt, là những gì Tom đang trình bày. Ông Murchison sẽ chẳng bao giờ hiểu được. “Bernard muốn rút lui, theo tôi biết. Tôi không nghĩ là ông sẽ muốn mạo hiểm để một người phải tự tử vì hồ thẹn chỉ để chứng minh luận điểm của mình, phải không?”

“Anh ta nên nghĩ về sự hổ thẹn ngay khi bắt đầu chứ!” Ông Murchison nhìn xuống bàn tay của Tom, nhìn mặt anh, rồi lại nhìn bàn tay của anh. “Có phải *anh* chính là người đóng giả Derwatt không? Đúng thế. Tôi đã để ý đến đôi bàn tay của Derwatt.” Ông Murchison mỉm cười một cách cay đắng. “Vậy mà mọi người nghĩ tôi không để ý đến những chi tiết vụn vặt!”

“Ông rất có tài quan sát,” Tom nói nhanh. Đột nhiên anh cảm thấy giận dữ.

“Chúa tôi, tôi có thể đề cập đến nó từ ngày hôm qua. Lúc đó tôi đã nghĩ đến nó. Bàn tay của anh. Anh không thể gán râu cho đôi tay phải không?”

Tom nói, “Cứ để cho họ yên đi, được không? Họ có gây hại gì đâu? Tranh của Bernard cũng đẹp lắm, ông không thể phủ nhận điều đó”.

“Tôi sẽ bị nguyên rủa nếu ngậm miệng về việc đó! Không! Cho dù anh hay ai khác đề nghị cho tôi một đồng tiền để ngậm miệng lại cũng không!” Mặt ông Murchison đỏ bừng và hàm run lên. Ông ta đặt mạnh chai rượu vang xuống sàn nhưng nó không vỡ.

Việc ông ta từ chối chai rượu vang của anh là một sự sỉ nhục nhẹ, hoặc đó chỉ là cảm giác lúc này của Tom, việc này nhỏ thôi nhưng khiến anh thấy thêm sỉ nhục và căm giận. Tom nhấc chai rượu lên gần như ngay lập tức và đập mạnh nó vào ông Murchison, vào đầu ông ta. Lần này chai rượu vỡ tung tóe, rượu văng ra, và đáy chai rượu rơi xuống sàn. Ông Murchison lao đảo dựa vào giá rượu vang, lắc nó rung bần bật nhưng không có gì ngã xuống ngoài ông Murchison, ông ta khụy xuống, va vào các nắp chai rượu nhưng không làm rơi một chai nào hết. Tom nắm lấy thứ đầu tiên trong tầm tay - tình cờ là một cái thùng đựng than trống không - và vục nó vào đầu ông Murchison. Tom vục lần thứ hai. Đáy thùng than rất nặng. Ông Murchison đang chảy máu, nằm nghiêng, cơ thể vằn vện trên sàn đá. Ông ta không nhúc nhích nữa.

Phải làm gì với vũng máu này đây? Tom xoay một vòng, tìm xem có cái giẻ cũ nào ở đâu không, hoặc báo cũng được. Anh đi qua thùng nhiên liệu. Dưới thùng là một cái giẻ to, cứng đờ vì bụi bẩn lâu năm. Anh cầm nó quay lại và lau sàn, nhưng từ bỏ nhiệm vụ vô vọng đấy sau giây lát và lại nhìn một vòng xung quanh. Hãy đặt ông ta vào dưới một cái thùng tròn, anh nghĩ. Anh túm lấy mắt cá chân ông Murchison rồi ngay lập tức thả nó xuống và sờ cổ của ông ta. Dường như không có mạch đập nữa. Tom hít sâu và vòng tay xuống dưới nách ông Murchison. Anh kéo và giật, lôi cái xác nặng trĩch về phía thùng rượu tròn. Góc phòng sau cái thùng tròn rất tối. Chân ông Murchison hơi thò ra. Tom gập đầu gối ông ta lại để bàn chân không lộ ra ngoài nữa. Nhưng vì cái thùng tròn đứng trên một cái giá cao hơn mặt đất tầm bốn mươi xăng-ti-mét, ông Murchison vẫn thấp thoáng nhìn thấy được nếu có người đứng giữa hầm rượu và nhìn thẳng vào góc đấy. Chỉ cần ai đó khom người xuống là có thể nhìn thấy toàn bộ cơ thể của ông Murchison. Đúng vào lúc này lại chẳng thể tìm nổi một cái giẻ cũ, một miếng vải dầu, một tờ báo, bất kỳ thứ gì để che phủ cũng được, Tom nghĩ thầm! Cái thói sạch sẽ của bà Annette thật là!

Tom quăng cái giẻ dính đầy máu đi và nó hạ cánh xuống chân ông Murchison. Anh đá vài mảnh chai vỡ trên sàn - giờ rượu vang đã hòa lẫn với máu - rồi nhanh chóng cầm cổ chai rượu lên và đập vào bóng đèn móc trên dây thừng trên trần nhà. Bóng vỡ và rơi lả tả xuống sàn.

Rồi, khẽ thở dốc, cố gắng đưa nhịp thở bình ổn trở lại, Tom di chuyển về phía cầu thang trong bóng tối và trèo lên. Anh đóng cửa hầm lại. Phòng vệ sinh không dùng đến có một cái bồn rửa và anh nhanh chóng rửa sạch tay ở đây. Máu làm nước chảy biến thành màu hồng và Tom vẫn nghĩ đó là máu của ông Murchison cho tới khi anh thấy nó vẫn cứ chảy miết và nhận ra anh đã cắt vào ngón tay cái. Nhưng vết thương không sâu, nó có thể đau hơn nhiều, nên anh thấy mình cũng may mắn. Anh kéo giấy vệ sinh từ cuộn giấy trên tường và cuốn nó quanh ngón tay cái.

Giờ bà Annette đang bận bịu trong bếp, lại một may mắn khác. Nếu bà ta ra ngoài, Tom nghĩ, anh sẽ bảo là ông Murchison đã ở trong xe ô-tô rồi -

trong trường hợp bà Annette hỏi thăm ông ta đang ở đâu. Đến giờ khởi hành rồi.

Tom chạy lên phòng ông Murchison. Thứ duy nhất ông ta chưa đóng gói là áo khoác và mấy món đồ cá nhân trong phòng vệ sinh. Tom cất chúng vào một ngăn trong va-li của ông Murchison và đóng nó lại. Rồi anh mang theo va-li và áo khoác xuống cầu thang, đi ra khỏi cửa trước. Anh cất chúng vào xe Alfa Romeo rồi chạy ngược lên cầu thang lấy bức tranh “Đồng Hồ” của ông Murchison, nó vẫn đang được bọc kín. Ông ta đã tự tin đến mức không thèm tháo bọc bức “Đồng Hồ” ra để so sánh với bức “Người Ngồi Trong Ghế”. Kiêu hãnh luôn dẫn đến sự thất bại, Tom nghĩ. Anh mang bức “Người Ngồi Trong Ghế” được bọc chặt của mình từ phòng ông Murchison về phòng anh và cất nó vào sau tủ quần áo, rồi mang bức “Đồng Hồ” xuống gác. Anh lấy áo mưa xuống khỏi một cái móc bên ngoài phòng vệ sinh không dùng đến và đi ra xe ô-tô. Anh lái xe tới sân bay Orly.

Hộ chiếu và vé máy bay của ông Murchison chắc nằm trong túi áo khoác của ông ta, Tom nghĩ. Anh sẽ xử lý nó sau, chắc tốt nhất là đốt chúng đi khi bà Annette ra ngoài vào buổi sáng, nhàn nhã đi mua sắm như thường lệ. Anh cũng chợt nhớ ra là chưa báo cho bà Annette về chuyến viếng thăm của Bá tước. Tom sẽ gọi điện cho bà ta từ đâu đó, nhưng không phải từ sân bay Orly, vì anh không muốn nấn ná lại đó.

Thời gian rất khớp, như thế ông Murchison thật sự định bay vậy.

Tom tiến đến nhà ga đi. Ở đây các tắc-xi và xe tư, miễn là không dừng quá lâu, có thể thả hoặc đón hành lý và hành khách. Tom dừng lại, bỏ va-li của ông Murchison ra ngoài, đặt nó lên vỉa hè, rồi đặt bức tranh “Đồng Hồ” dựa vào va-li, đặt áo khoác của ông Murchison lên trên. Tom lái xe đi. Anh đã để ý thấy còn vài hành lý khác trên vỉa hè. Anh lái về hướng Fontainebleau và dừng lại ở một quán cà phê kết hợp quán bar ven đường, một trong vô vàn kiểu quán cỡ trung dọc tuyến đường từ sân bay Orly tới đầu xa lộ Sud.

Anh gọi bia và hỏi xin chip để gọi điện thoại. Không cần chip cũng gọi được nên Tom nhắc điện thoại trên quầy bar gần chỗ thu ngân và gọi về

nhà.

“Xin chào, tôi đây,” Tom nói. “Ông Murchison đã phải đi vội vào phút chót nên nhờ tôi chuyển lời tạm biệt và cảm ơn bà.”

“À, tôi hiểu mà.”

“À này... có một vị khách nữa sẽ đến tối nay, Bá tước Bertolozzi, người Ý. Tôi sẽ đón ông ta ở sân bay Orly và chúng tôi sẽ về nhà trước sáu giờ tối. Giờ thì bà có thể mua... gan bê không?”

“Hiện giờ hàng thịt có đùi cừu ngon tuyệt!”

Không hiểu sao Tom không có tâm trạng thưởng thức bất kỳ món gì có xương hết. “Nếu không quá phiền thì tôi vẫn thích gan bê hơn.”

“Và uống Margaux nhé? Hay Meursault?”

“Cứ để rượu vang đấy cho tôi.”

Tom trả tiền - anh nói là mình đã gọi điện thoại tới Sens, nó còn xa hơn làng của anh - và ra xe. Anh thong thả lái xe về sân bay Orly, đi qua nhà ga đến và nhà ga đi, nhận thấy đồ đạc của ông Murchison vẫn ở đúng nơi anh đã để. Áo khoác sẽ là thứ biến mất đầu tiên, Tom nghĩ, bị một thanh niên táo bạo cuỗm mất. Và nếu hộ chiếu của ông Murchison còn nằm trong áo khoác thì kẻ trộm biết đâu lại biến nó thành lợi thế cho anh. Tom khẽ cười khi lái xe vào khu P4, một bãi đỗ xe một tiếng.

Tom từ tốn đi bộ qua cửa kính đang mở ra khi anh đến gần, mua một tờ *Neue Züricher Zeitung* ở quầy báo rồi kiểm tra giờ máy bay của Eduardo hạ cánh. Máy bay hạ cánh đúng giờ và anh còn vài phút thành thơi. Tom đến quầy bar đông đúc - lúc nào nó cũng đông đúc - vất vả mãi cũng chen vào được và gọi được một tách cà phê. Sau khi uống cà phê, anh mua vé và đi tới nơi người ta đón hành khách xuống máy bay.

Bá tước đang đội một chiếc mũ Homburg xám. Ông ta có bộ ria mép đen dài mảnh và bụng phệ, có thể nhìn thấy rõ dưới chiếc áo khoác không cài khuy. Bá tước nở nụ cười, một nụ cười thoải mái đậm chất Ý và vẫy tay chào. Ông ta đang trình diện hộ chiếu.

Rồi họ bắt tay, ôm nhau một cái và Tom giúp ông ta xách đồ đạc hành lý. Bá tước còn có cả một cái cặp xách tay. Ông ta đang mang theo thứ gì, ở đâu? Va-li của ông ta thậm chí còn không bị mở ra do được một sĩ quan Pháp ra dấu cho đi qua.

“Ông chờ ở đây chút nhé để tôi đi lấy xe,” Tom nói khi họ đã ra vỉa hè. “Nó chỉ cách đây vài mét thôi. Tom chạy nước kiệu và quay lại trong vòng năm phút.

Anh phải lái xe qua ga đi và để ý thấy va-li và tranh của ông Murchison vẫn còn nguyên ở đó nhưng áo khoác thì đã biến mất. Xong một và còn hai.

Trên đường lái xe về nhà, họ thảo luận, không sâu lắm, về tình hình chính trị nước Ý, nước Pháp hiện thời và Bá tước hỏi thăm Heloise. Tom chẳng thân quen lắm với ông ta và nghĩ đây mới chỉ là lần thứ hai họ gặp nhau nhưng ở Milan họ đã tán gẫu về hội họa, một niềm đam mê cuồng nhiệt của Bá tước.

“Hiện đang có một buổi triển lãm Derwatt ở Luân Đôn. Tôi sẽ đến đó vào tuần sau, thật đáng mong đợi. À mà anh nghĩ sao về việc Derwatt đến Luân Đôn? Tôi đã thấy *sừng sốt* đấy! Bức ảnh đầu tiên chụp anh ta trong mấy năm trở lại đây!”

Tom không thèm mua một tờ báo Luân Đôn nào. “Một bất ngờ lớn. Họ nói là anh ta chẳng thay đổi nhiều lắm.” Tom không đề cập đến việc gần đây anh cũng tới Luân Đôn và đã tham dự buổi triển lãm.

“Tôi rất mong được nhìn thấy bức tranh của anh ở nhà. Nó tên gì ấy nhỉ? Bức có mấy cô bé ấy?”

“Bức ‘Đôi Ghế Đỏ’,” Tom nói, ngạc nhiên vì Bá tước vẫn còn nhớ. Anh mỉm cười và bầu chặt vô-lăng hơn. Bất chấp cái xác trong hầm rượu, bất chấp một ngày rùng rợn, bất chấp một buổi chiều hết hồn, Tom vẫn sẽ thấy vô cùng vui sướng khi được về nhà - về hiện trường gây án, như người ta nói. Tom không cảm thấy đó là một vụ án mạng. Hay đến ngày mai, thậm chí là tối nay anh mới có cảm nhận gì đó nhỉ? Anh hy vọng là không.

“Nước Ý đang sản xuất ra những loại espresso thứ cấp. Trong các quán cà phê,” Bá tước phát biểu với giọng nam trung nghiêm túc. “Tôi *tin chắc* như vậy. Chắc có sự can thiệp của bọn Mafia ở cuối dây chuyền.” Ông ta chua chát trầm tư nhìn ra ngoài cửa sổ hồi lâu, rồi lại tiếp tục, “Còn cả các thợ làm tóc ở Ý nữa, Chúa tôi! Tôi bắt đầu tự hỏi liệu mình có biết chính đất nước của mình nữa hay không! Giờ trong tiệm làm đầu ưa thích lâu năm của tôi gần đường Veneto, họ thuê những thanh niên hỏi tôi muốn dùng loại dầu gội gì. Tôi trả lời ‘Cứ gội đầu cho tôi đi... tôi còn mấy sợi tóc trên đầu đâu!’ ‘Nhưng tóc có thể dầu hoặc khô mà, thưa ngài? Chúng tôi có ba loại dầu gội. Ngài có giàu không?’ ‘Không!’ Tôi trả lời. ‘Ngày nay chẳng lẽ người ta không thể có mái tóc *thường* à, hay là dầu gội thường không còn tồn tại nữa rồi?’”.

Cũng giống như ông Murchison, Bá tước khen ngợi cấu trúc đối xứng vững chãi của Belle Ombre. Khu vườn, dù chẳng còn một bông hồng nào sau hè, vẫn có vườn cỏ hình chữ nhật đẹp đẽ bao quanh bởi hàng thông dày và đáng sợ. Đây là nhà anh, cũng không khiếm tốn cho lắm. Một lần nữa bà Annette lại chào đón họ ở cửa, hiếu khách và nhiệt tình hết như ngày hôm qua khi ông Thomas Murchison đặt chân đến. Một lần nữa Tom lại dẫn khách lên phòng, căn phòng đã được bà Annette thu dọn sẵn sàng. Hơi muộn để uống trà nên Tom nói anh sẽ ở dưới nhà khi Bá tước muốn xuống ngồi cùng anh. Bữa tối lúc tám giờ.

Sau đó Tom tháo bọc cho bức “Người Ngồi Trong Ghế” trong phòng anh rồi mang nó xuống nhà và treo lên chỗ quen thuộc. Bà Annette chắc đã để ý thấy nó biến mất vài tiếng đồng hồ nhưng nếu bà ta có hỏi thì Tom định nói rằng ông Murchison đã mang nó về phòng của anh để ngắm nó dưới một độ sáng khác.

Tom tách chiếc rèm đỏ nặng nề của ô cửa sổ kiểu Pháp ra và nhìn khu vườn sau của mình. Các bóng râm màu xanh sậm đang chuyển đen khi màn đêm buông xuống. Tom nhận ra là anh đang đứng thẳng trên đầu ông Murchison dưới hầm rượu và anh nhích người đi. Anh bắt buộc phải, dù là tối muộn hôm nay, đi xuống hầm và làm những gì có thể để dọn dẹp rượu

vang và vết máu. Biết đâu bà Annette lại có lý do phải xuống hầm: bà ta vẫn luôn để mắt trông chừng thùng nhiên liệu. Và rồi làm sao để tống khứ cái xác ra khỏi nhà nhỉ? Trong nhà kho dụng cụ có một cái xe cút kít. Anh có thể đẩy ông Murchison - được phủ bởi một mảnh vải dầu cũng có trong nhà kho - vào khu rừng sau lưng ngôi nhà và chôn ông ta ở đó không? Phương pháp thô sơ, gần ngôi nhà đến mức không thoải mái, nhưng có thể đó chính là cách tốt nhất.

Bá tước đi xuống nhà, nhanh nhẹn và nhún nhảy dù có cả tảng bụng mỡ. Ông ta cũng khá cao.

“À ha! À ha!” Cũng như ông Murchison, ông ta mê mẩn bức “Đôi Ghế Đỏ” được treo ở bên kia phòng. Nhưng Bá tước xoay người lại ngay lập tức, nhìn về hướng lò sưởi và có vẻ càng thấy ấn tượng hơn trước bức “Người Ngồi Trong Ghế”. “Đáng yêu! Đẹp đẽ!” Ông ta nhìn cả hai bức tranh chăm chú. “Anh không làm tôi thất vọng. Chúng thật tuyệt vời. Cả căn nhà của anh cũng thật tuyệt vời. Ý tôi là cả các bức tranh chì trong phòng tôi nữa.”

Bà Annette đẩy xe chở xô đá và vài cái ly vào.

Bá tước nhìn thấy chai Punt e Mes, nói sẽ uống chai đó.

“Phòng triển lãm ở Luân Đôn có đề nghị anh cho mượn các bức tranh để trưng bày không?”

Ông Murchison cũng đã hỏi câu hỏi tương tự cách đây hai mươi tư tiếng, nhưng chỉ hỏi đúng về bức “Người Ngồi Trong Ghế” và cũng chỉ vì tò mò về thái độ của phòng triển lãm đối với những bức tranh sơn dầu mà nhất định họ cũng biết là hàng giả. Tom cảm thấy đầu hơi choáng váng như thể sắp ngất ra đấy. Anh đã cúi gập người xuống trên xe đẩy và giờ đứng thẳng dậy. “Có. Nhưng ông biết đấy, phiền phức lắm, chuyện vận chuyển rồi bảo hiểm. Tôi từng cho mượn bức ‘Đôi Ghế Đỏ’ để triển lãm cách đây hai năm.”

“Có thể tôi sẽ mua một bức tranh Derwatt,” Bá tước trầm ngâm nói. “Đấy là nếu tôi có đủ sức mua. Với cái giá tranh của anh ta thì tôi chỉ mua



nổi một bức tranh nhỏ thôi.”

Tom rót rượu scotch nguyên chất lên một cốc đá cho ông ta.

Điện thoại reo.

“Xin thứ lỗi cho tôi,” Tom nói và nghe máy.

Eduardo đi dạo xung quanh phòng, nhìn các thứ khác treo trên tường.

Người gọi là Reeves Minot. Anh ta hỏi Bá tước đã đến chưa và Tom có ở một mình không.

“Không.”

“Nó ở trong...”

“Tôi không nghe rõ.”

“*Kem đánh răng*” Reeves nói.

“Ôi trời.” Tom gần như rên rỉ, vì mệt mỏi, khinh miệt, thậm chí là chán nản. Đây là trò trẻ con chắc? Hay một cảnh trong một bộ phim tệ hại? “Được rồi. Còn địa chỉ? Vẫn như lần trước à?” Tom có một địa chỉ ở Paris, thật ra là ba, bốn cái gì đấy, nơi mấy lần trước anh gửi đồ đạc của Reeves đến.

“Cũng được. Giống lần gần đây nhất. Mọi chuyện vẫn ổn cả chứ?”

“Ừ, tôi nghĩ vậy, cảm ơn anh,” Tom nói một cách thoải mái. Anh cũng định gợi ý Reeves nói vài lời với Bá tước, chỉ để tỏ ra thân thiện, nhưng chắc Bá tước không biết chuyện Reeves đã gọi điện thì tốt hơn. Tom cảm thấy hơi mất phong độ, khởi đầu không được thuận lợi lắm. “Cảm ơn đã gọi”

“Không cần gọi cho tôi nếu mọi chuyện đều ổn đâu,” Reeves nói và dập máy.

“Thứ lỗi cho tôi một chút nhé, Eduardo,” Tom nói và chạy lên gác.

Anh đi vào phòng Bá tước. Một va-li của ông ta đã mở ra trên cái thùng gỗ cổ mà các vị khách và bà Annette hay đặt va-li, nhưng Tom nhìn vào phòng vệ sinh trước. Bá tước chưa bỏ đồ cá nhân của mình ra. Tom đi về phía va-li và tìm được một cái túi nhựa mờ có khóa. Anh thử mở túi ra

và thấy thuốc lá. Còn một túi nhựa khác thì đựng đồ cạo râu, bàn chải đánh răng và kem đánh răng, và anh bỏ kem đánh răng ra. Đáy tuýp kem đánh răng hơi nhám nhưng kín. Chắc người của Reeves có một loại kẹp nào đấy để hàn kim loại lại. Tom cẩn trọng bóp cái tuýp và sờ thấy một chỗ gồ cứng ở gần đáy tuýp kem. Anh lắc đầu ghê tởm, nhét tuýp kem đánh răng vào túi, rồi trả túi nhựa về chỗ cũ. Anh vào phòng mình và nhét tuýp kem đánh răng vào sau ngăn kéo tủ trên cùng bên trái, nó đựng một cái hộp khay cài và rất nhiều cổ áo đã được hồ là.

Tom xuống chỗ Bá tước dưới gác.

Trong bữa tối họ tán gẫu về sự trở lại đầy bất ngờ của Derwatt và bài phỏng vấn anh ta mà Bá tước đọc trên báo.

“Anh ta đang sống ở Mexico phải không?” Tom hỏi.

“Đúng thế. Và anh ta không chịu nói là ở đâu. Giống B. Traven, anh biết đấy. Ha! Ha!”

Bá tước khen ngợi bữa tối và ăn một cách nhiệt tình. Ông ta có khả năng nói chuyện khi miệng vẫn còn nhồm nhoàm của người châu Âu, một việc mà không người Mỹ nào có thể làm được mà không trông hoặc khiến chính họ cảm thấy cực kỳ vô duyên.

Sau bữa tối, Bá tước, nhìn thấy máy hát của Tom, bày tỏ khao khát được nghe nhạc và chọn bản *Pelléas et Mélisande*. Ông ta muốn nghe hồi ba - bản song ca, có phần cuồng nhiệt, giữa một giọng nữ cao và giọng nam trầm. Trong khi nghe, thậm chí là cả hát theo, Bá tước vẫn xoay sở để trò chuyện được.

Tom cố gắng tập trung vào Bá tước và gạt âm nhạc đi, nhưng anh cảm thấy khó mà làm vậy được. Anh cũng chẳng có tâm trạng nào mà nghe *Pelléas et Mélisande*. Điều anh cần là nhạc của *Giấc Mơng Đêm Hè*, khúc mở màn diệu kỳ, và trong khi một bản nhạc khác được phát với giai điệu kịch tính nặng nề thì bản nhạc dạo đầu của Mendelssohn lại vang lên trong đầu Tom - âu lo, hóm hỉnh, đầy sáng tạo. Anh cần sự sáng tạo đến tuyệt vọng.

Họ chuyển sang nhắm nháp brandy. Tom gợi ý sáng mai họ có thể lái xe và ăn trưa ở Moret-sur-Loing. Eduardo nói rằng ông ta muốn lên chuyến tàu chiều về Paris. Nhưng trước tiên ông ta muốn bảo đảm là đã nhìn thấy hết các báu vật nghệ thuật của Tom, nên anh đã dẫn ông ta đi thăm quan ngôi nhà. Vào cả phòng của Heloise, có một bức Marie Laurencin ở đó.

Rồi họ chúc nhau ngủ ngon và Eduardo về phòng với hai quyển sách nghệ thuật của Tom.

Trong phòng mình, Tom lấy tuýp kem đánh răng của Vademecum ra khỏi ngăn tủ, cố gắng dùng móng cái cạy đáy nó ra, và chịu thua. Anh vào căn phòng mà mình hay vẽ tranh và cầm chiếc kìm trên bàn làm việc theo. Về phòng, anh cắt tuýp kem đánh răng ra và một cái trụ đen rơi ra. Tất nhiên, một tấm vi phim. Tom tự hỏi nó có chống thấm nước không, quyết định không rửa nó mà chỉ dùng khăn giấy Kleenex lau đi mà thôi. Nó có mùi bạc hà. Anh gửi phong bì thư tới:

*Ông Jean-Marc Cahannier*

*16 phố Tison*

*Paris IX*

Rồi bọc cái trụ vào trong vài tờ giấy viết thư và nhét nó vào trong phong bì. Tom tự thề sẽ rút chân ra khỏi công việc ngớ ngẩn này vì nó khiến anh thấy mất phẩm giá. Anh có thể nói chuyện với Reeves mà không làm anh ta thấy phiền lòng. Reeves có cái ý nghĩ kỳ lạ là một vật phẩm càng qua tay nhiều người thì càng an toàn. Anh ta cũng rất bảo thủ. Nhưng chắc chắn là anh ta cũng mất ồi tiền để trả cho từng đấy người, dù chỉ trả một khoản nhỏ. Hay sẽ có người làm việc đó chỉ vì được Reeves nhờ?

Tom mặc pyjama và áo choàng ngủ vào, nhìn ra hành lang và hài lòng khi thấy không còn ánh đèn hắt ra dưới cửa phòng ông Eduardo nữa. Anh lạng lẽ đi xuống bếp. Có hai cánh cửa từ phòng bếp tới phòng ngủ của bà Annette, vì còn có một lối đi nhỏ dành cho người giúp việc sau bếp nên chắc bà ta sẽ không nghe thấy anh hay nhìn thấy đèn từ bếp. Tom lấy một cái giẻ lau màu xám dày bịch và một thùng Ajax\*, lấy một bóng đèn trong

tủ và nhét nó vào trong túi. Anh đi xuống hầm. Anh run lấy bầy. Giờ anh mới nhận ra mình cần có đèn pin và một cái ghế để trèo lên, nên anh quay lại bếp và cầm một cái ghế đầu gỗ cạnh bàn bếp theo rồi lấy một chiếc đèn pin từ ngăn kéo bàn trong sảnh.

Anh kẹp đèn pin dưới nách, tháo cái bóng đèn đã vỡ ra và thay bóng mới vào. Hầm rượu sáng trưng. Giày của ông Murchison vẫn lộ ra ngoài. Rồi Tom hãi hùng nhận ra chân ông ta đã duỗi thẳng vì tử thi co cứng. Hay biết đâu ông ta vẫn còn sống? Tom ép mình phải đảm bảo chắc chắn về điều đó, không thì tối nay anh sẽ không thể ngủ yên được. Tom đặt mu bàn tay vào bàn tay của ông Murchison. Thế là đủ. Tay ông ta lạnh ngắt và cứng đờ. Tom phủ tấm giẻ xám lên giày của ông Murchison.

Trong góc phòng có một cái chậu rửa tay có nước lạnh. Tom giặt giẻ lau và bắt tay vào việc. Một ít màu thấm vào tấm giẻ và được anh giặt sạch nhưng anh không thấy màu sàn nhà cải thiện gì nhiều, dù chắc bây giờ màu sẫm đấy là do ướt. Bỏ đi, anh có thể bảo với bà Annette là anh đã làm rơi vỡ một chai rượu vang nếu bà ta hỏi. Tom dọn nốt mẫu bóng đèn và chai rượu vang vỡ cuối cùng, cẩn thận giặt sạch tấm giẻ trong chậu rửa tay, nhặt các mẫu thủy tinh từ trong ống của chậu rửa tay và đút chúng vào túi áo choàng ngủ. Anh lại một lần nữa lấy giẻ lau sàn. Rồi anh đi lên nhà, dưới ánh đèn bếp sáng rõ hơn, anh bảo đảm màu đỏ trên giẻ đã biến mất hoặc biến mất gần hết. Anh phơi cái giẻ lên đường ống thoát nước dưới chậu rửa.

Nhưng vẫn còn cái xác chết tiệt. Tom thở dài và nghĩ xem có nên khóa hầm lại cho tới chiều mai anh quay lại sau khi tiễn ông Eduardo đi, nhưng nếu bà Annette muốn vào thì không phải bà ta sẽ thấy có gì đó kỳ cục sao? Và bà ta cũng có chìa khóa riêng, cả cửa trong lẫn cửa ngoài, hai khóa khác nhau. Tom cẩn thận mang một bình rượu hoa hồng và hai bình Margaux lên, đặt chúng trên bàn bếp. Có những lúc có người hầu cũng thật là phiền toái.

Khi Tom về giường, mệt mỏi hơn cả đêm qua, anh nghĩ đến việc cho xác ông Murchison vào một cái thùng rượu tròn. Nhưng anh đoán chắc phải

có thợ đóng thùng thì cái đai chết tiệt mới có thể được lắp lại như cũ. Và xác ông Murchison cũng phải được đìm trong một thứ chất lỏng nào đó, không thì sẽ va lọc cộc trong cái thùng rỗng. Mà làm sao anh có thể tự nhét cả cái xác của ông Murchison vào trong thùng được chứ? Bất khả thi.

Tom nghĩ đến va-li và bức tranh “Đồng Hồ” của ông Murchison ở sân bay Orly. Chắc chắn đến giờ này đã có người lấy chúng đi rồi. Có thể ông Murchison sẽ có một quyển sổ địa chỉ, một cái phong bì thư cũ nào đó trong va-li. Đến mai, người ta sẽ thông báo ông ta “đang mất tích”. Hoặc ngày kia. Người ở Tate Gallery sẽ đợi ông Murchison đến vào sáng mai. Tom tự hỏi không biết ông Murchison có kể cho ai nghe chuyện ông ta định đến ở nhà Tom Ripley hay không? Anh hy vọng là không.

## CHƯƠNG 7

Ngày thứ Sáu trời nắng và lạnh, dù không lạnh đến mức khô hanh. Tom và ông Eduardo ăn sáng trong phòng khách gần ô cửa sổ kiểu Pháp dưới ánh nắng chiếu rọi. Bá tước vẫn mặc pyjama và áo choàng ngủ, như ông ta nói thì ông ta sẽ không mặc như vậy nếu có nữ chủ nhân trong nhà, nhưng ông ta hy vọng Tom không thấy khó chịu.

Mười giờ hơn, Bá tước lên phòng thay đồ rồi mang va-li của mình xuống nhà, sẵn sàng ra về trước bữa trưa. “Không biết tôi có thể mượn ít kem đánh răng không,” Eduardo nói. “Tôi nghĩ đã bỏ quên tuýp kem đánh răng ở trong khách sạn ở Milan rồi. Tôi ngớ ngẩn thật.”

Tom đang đợi Bá tước hỏi như vậy và thấy khá mừng vì cuối cùng ông ta cũng đề cập tới. Anh đi nói chuyện với bà Annette trong bếp. Cho rằng đồ vệ sinh của Bá tước nằm trong chiếc va-li đang đặt sẵn dưới nhà của ông ta, Tom nghĩ tốt nhất là dẫn ông ta tới phòng vệ sinh không dùng đến có bồn rửa mặt. Bà Annette mang một ít kem đánh răng đến cho ông ta.

Người đưa thư đến và Tom xin cáo lỗi ra ngoài xem thư từ. Một tấm bưu thiếp từ Heloise, không nói gì nhiều. Một bức thư khác từ Christopher Greenleaf. Tom xé phong bì ra. Thư viết:

*Ngày 15 tháng Mười, 19...*

*Anh Ripley thân mến,*

*Tôi vừa phát hiện ra là mình có thể đi trên một chuyến hay thuê ngoài tới Paris nên tôi sẽ đến sớm hơn dự tính. Tôi hy vọng hiện giờ anh đang có mặt ở nhà. Tôi sẽ bay đến cùng một người bạn, Gerald*

*Hayman, cũng tầm tuổi tôi, nhưng tôi bảo đảm với anh là sẽ không đưa cậu ta đến gặp anh vì như thế có thể sẽ hơi phiền nhiễu dù cậu ta cũng là một chàng trai dễ thương. Tôi sẽ đến Paris vào thứ Bảy, ngày 19 tháng Mười và sẽ cố gắng gọi điện cho anh. Tất nhiên, đêm thứ Bảy tôi sẽ ngủ lại ở một khách sạn nào đó ở Paris vì máy bay hạ cánh lúc bảy giờ tối giờ Pháp.*

*Trong lúc này, xin chào trân trọng,  
Chris Greenleaf*

Thứ Bảy tức là ngày mai. Ít nhất thì Chris sẽ không đến đây vào ngày mai. Chúa lòng lành, Tom nghĩ thầm, giờ chỉ cần thêm Bernard xuất hiện là mọi thứ sẽ loạn cả lên. Tom nghĩ xem có nên dặn bà Annette đừng nghe điện thoại trong hai ngày tới hay không, nhưng như thế thì hơi kỳ lạ và sẽ khiến bà Annette bực mình thêm vì bà ta nhận được ít nhất một cuộc gọi mỗi ngày từ một người bạn của mình, thường là bà Yvonne, một quản gia khác trong làng.

“Tin xấu à?” Ông Eduardo hỏi.

“À không, hoàn toàn không,” Tom đáp lại. Anh phải đưa xác của ông Murchison ra ngoài, tốt nhất là tối nay. Và tất nhiên, anh có thể báo Chris đừng đến, nói rằng anh sẽ bận ít nhất cho tới thứ Ba. Tom thoáng tưởng tượng ra cảnh một cảnh sát Pháp tới nhà anh vào ngày mai, tìm ông Murchison, và chẳng tốn chút công sức nào đã tìm thấy ông ta ở nơi hợp lý nhất, tầng hầm.

Tom vào bếp để chào tạm biệt bà Annette. Bà ta đang đánh bóng một cái liễn bằng bạc to cùng rất nhiều thìa súp, tất cả đều được trang trí bằng tên viết tắt của gia đình Heloise, P.F.P. “Tôi sẽ ra ngoài tham quan một chút. Ngài Bá tước chuẩn bị ra về. Tôi có cần mua gì về nhà không?”

“Nếu anh thấy mùi tây tươi, anh Tome...”

“Tôi sẽ nhớ. *Persil\**. Tôi nghĩ mình sẽ về trước năm giờ. Tối nay tôi ăn tối một mình. Thứ gì đơn giản thôi.”

“Tôi giúp anh bê va-li nhé?” Bà Annette đứng dậy. “Tôi không rõ hôm nay đầu óc tôi chạy đi đâu mất nữa.”

Tom trấn an bà ta là chuyện đó không cần thiết nhưng bà ta vẫn ra ngoài chào tạm biệt Bá tước - người cúi mình chào bà ta và ngỏ ý khen ngợi tài nấu nướng của bà ta bằng tiếng Pháp.

Họ lái xe tới Nemours, xem chợ và đài phun nước rồi đi lên phía bắc dọc sông Loing tới thị trấn Moret, với những con đường một chiều mà đến giờ Tom đã vô cùng rành rẽ. Thị trấn có những tòa tháp bằng đá xám lộng lẫy, trước đây là cổng thành, ở cả hai bên cầu nhìn xuống sông. Bá tước thấy mê mẩn.

“Nó không bụi bặm như Ý,” ông ta nhận xét.

Tom cố gắng hết sức để không thể hiện sự bồn chồn trong suốt bữa trưa chậm rãi của họ và anh thường ngơ ngẩn nhìn ra những cảnh liễu rủ bên bờ sông ngoài cửa sổ, ước gì bản thân cũng có được vẻ thanh thoi của những nhánh liễu đung đưa trước gió ấy. Bá tước kể một câu chuyện dài về việc con gái ông ta làm đám cưới lần hai với một thanh niên đến từ một gia đình có tước hiệu nhưng lâu nay bị gia đình Bologna của anh ta từ mặt vì dám cưới một cô gái đã qua một đời chồng. Tom chẳng mấy để tâm đến câu chuyện này vì còn mãi nghĩ về việc tiêu hủy xác ông Murchison. Có nên mạo hiểm thả ông ta xuống sông không? Liệu anh có đủ sức vớt xác ông ta, cộng thêm sức nặng của một cái neo đá, qua thành cầu? Mà không bị ai bắt gặp? Nếu anh chỉ kéo lê ông ta xuống từ bờ sông thì liệu có dám chắc xác ông Murchison chìm xuống đủ sâu không, dù có được neo thêm đá đi nữa? Trời đã bắt đầu mưa lất phất. Như thế thì đào đất sẽ dễ hơn, Tom nghĩ. Sau rốt thì khu rừng sau lưng nhà biết đâu lại chính là ý tưởng tuyệt vời nhất.

Ở ga Melun, ông Eduardo chỉ có mười phút chờ chuyến tàu tới Paris. Sau khi ông ta và Tom thân mật nói lời chào tạm biệt, anh lái xe tới tiệm bán thuốc lá gần nhất và mua một đồng tem để dán lên phong bì gửi cho người của Reeves, như thế nó sẽ không bị một thu ngân bần xỉn nào đó ở bưu điện chặn lại chỉ vì muốn thêm năm cent.



Tom mua mùi tây cho bà Annette. *PersU*, tiếng Pháp. *PetersUie*, tiếng Đức. *Prezzemolo*, tiếng Ý. Sau đó Tom lái xe về nhà. Mặt trời đang khuất bóng dần. Tom tự hỏi liệu ánh đèn pin hay bất kỳ một loại ánh sáng nào trong rừng có thu hút sự chú ý của bà Annette không nếu bà ta nhìn ra ngoài cửa sổ phòng vệ sinh của mình, vốn hướng ra vườn sau? Liệu bà ta có lên phòng anh (và phát hiện anh đã đi đâu mất) để báo rằng bà ta đã nhìn thấy ánh đèn trong rừng không? Theo Tom biết thì chẳng có ai đặt chân vào khu rừng ấy, dù là người đi picnic hay người hái nấm. Dầu vậy Tom định sẽ đi sâu hẳn vào trong rừng, chắc bà Annette sẽ không để ý thấy ánh sáng đâu.

Khi về đến nhà, Tom bị thôi thúc phải mặc chiếc quần Levi's vào ngay lập tức và mang xe cút kít ra khỏi nhà kho. Anh lăn bánh xe cút kít tới gần các bậc thềm đá dẫn xuống sau hiên sau. Sau đó, vì vẫn còn ánh sáng, anh lại đi túc tắc qua bãi cỏ vào nhà kho. Nếu bà Annette chú ý thấy có gì lạ thì anh sẽ nói là mình đang cân nhắc xem có nên làm một cái chuồng phân bón hữu cơ trong rừng hay không.

Đèn vẫn bật trong phòng vệ sinh của bà Annette, nó có một cửa sổ bằng kính mờ và anh đoán là bà ta đang tắm, như bà ta vẫn làm vào giờ này nếu không có quá nhiều việc trong bếp. Tom lấy một cái chìa bốn ngạnh từ nhà kho và mang nó vào rừng. Anh đang đi tìm một vị trí khả dĩ và mong sẽ đào được một cái hố để giúp anh vui vẻ hơn đôi phần khi phải kết thúc công việc này vào ngày mai, sáng sớm mai. Anh tìm được một chỗ giữa vài gốc cây khẳng khiu, nơi hy vọng là sẽ không có quá nhiều rễ lớn dưới mặt đất phải đào qua. Trong không gian tranh tối tranh sáng, Tom tin rằng nó là vị trí tốt nhất, dù chỉ cách bìa rừng khoảng bảy chục mét, nơi giáp ranh với bãi cỏ nhà anh. Tom đào một cách điên cuồng, giải phóng một chút năng lượng lo âu đã quấy rầy anh cả ngày trời.

Tiếp đến là rác, anh nghĩ và dừng lại, thở hỗn hển, cười to khi ngửa mặt lên để hít hà không khí. Gôm vỏ khoai tây trong thùng rác cùng với lõi táo và đồ tất cả lên xác Murchison thì sao? Và thả một ít bột phân để bắt đầu quá trình phân hủy nữa? Có một bao tải đựng thứ đó trong bếp.

Giờ trời đã khá tối.

Tom mang cái chạc về, cất nó lại trong nhà kho, thấy đèn phòng tắm của bà Annette vẫn sáng - mới có bảy giờ tối - Tom đi xuống hầm. Giờ anh đã có thêm can đảm để chạm vào ông Murchison, hay *cái xác* như họ vẫn gọi, và ngay lập tức anh thò tay vào túi trong áo khoác của ông Murchison. Tom tò mò về vé máy bay và hộ chiếu. Anh chỉ tìm được đúng một cái ví và hai tấm danh thiếp rơi từ ví xuống sàn. Tom do dự rồi nhét cái ví, cùng hai tấm danh thiếp đã được cất lại vào trong ví, vào trong túi áo khoác. Túi bên của chiếc áo khoác chỉ có một chiếc chìa khóa được móc vào vòng, Tom kê nó đấy. Túi còn lại, bị ông Murchison nắm đè lên, khó lục hơn vì xác ông ta đã cứng đờ như tượng và có vẻ cũng nặng tương đương. Túi trái không có gì. Túi quần chỉ có vài đồng xu Pháp lẫn lộn với xu Anh, Tom cũng để chúng yên. Tom cũng để lại hai chiếc nhẫn của ông Murchison trên ngón tay ông ta. Nếu có ngày có người tìm thấy xác ông Murchison trên đất nhà anh thì chẳng có gì phải nghi ngờ về danh tính của ông ta: bà Annette đã gặp ông ta. Tom rời khỏi hầm và bật đèn ở đầu cầu thang lên.

Sau đó Tom đi tắm rửa và đúng lúc anh vừa tắm xong thì điện thoại reo. Tom chộp lấy nó, hy vọng, mong chờ là Jeff gọi, biết đâu lại mang theo tin tốt - nhưng cái gì có thể là tin *tốt* cơ chứ?

“Chào anh, Tome! Jacqueline đây. Anh thế nào?”

Một trong các hàng xóm của họ, Jacqueline Berthelin, sống cùng chồng cô ta Vincent ở một ngôi làng cách đó vài cây số. Cô ta muốn mời anh đến ăn tối vào thứ Năm. Cô ta mời cả nhà Clegg, một cặp đôi trung niên người Anh mà Tom cũng quen, sống gần Melun.

“Bạn thân mến, bạn biết không, thật không may cho tôi. Tôi cũng có một vị khách. Một thanh niên đến từ Mỹ.”

“Cứ mang cậu ta theo. Cậu ta cũng được chào đón.”

Tom cố gắng khước từ nhưng không thành công trọn vẹn. Anh nói sẽ gọi lại trong vài ngày tới để báo tin cho cô ta vì không chắc người bạn Mỹ của anh sẽ ở lại đây bao lâu.

Tom đang định rời phòng thì điện thoại lại reo.

Lần này là Jeff, gọi điện từ khách sạn Strand Palace, anh ta kể. “Mọi việc ở đó thế nào rồi?” Jeff hỏi.

“À, ổn cả, cảm ơn,” Tom mỉm cười nói và cào tay qua tóc như thể không mấy bận tâm đến việc trong hầm nhà anh có một cái xác, một người đàn ông mà Tom đã giết để bảo vệ công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt. “Thế mọi chuyện bên anh thế nào rồi?”

“Ông Murchison còn ở chỗ anh không?”

“Chiều hôm qua ông ta đã về Luân Đôn rồi. Nhưng... tôi không nghĩ là ông ta sẽ đến nói chuyện với... anh biết đấy, người ở Tate Gallery đâu. Tôi chắc chắn về điều đó.”

“Anh đã thuyết phục được ông ta rồi à?”

“Đúng thế,” Tom nói.

Tiếng thở dốc, hoặc thở dài nhẹ nhõm của Jeff, vang vọng qua Kênh Đào. “Siêu quá, Tom. Anh đúng là thiên tài.”

“Bảo mấy người ở đó hãy bình tĩnh lại nhé. Đặc biệt là Bernard.”

“À... đó là vấn đề của chúng ta đấy. Chắc chắn là tôi sẽ báo lại cho anh ta, một cách sung sướng. Anh ta... anh ta trầm cảm lắm rồi. Chúng tôi đang cố gắng dỗ anh ta đi đây đi đó, Malta, bất kỳ chỗ quái quỷ nào cũng được cho tới khi buổi triển lãm kết thúc. Cứ lúc nào có triển lãm là anh ta lại như thế, nhưng lần này còn tệ hơn vì... anh biết rồi đấy.”

“Anh ta đang làm gì?”

“Rầu rĩ, nói thẳng ra là thế. Chúng tôi thậm chí còn gọi cho Cynthia - cô ta có vẻ vẫn còn mến anh ta, tôi nghĩ vậy. Dù chúng tôi không hề kể cho cô ta nghe về... về nỗi lo sợ lần này,” Jeff vội nói thêm. “Chúng tôi chỉ hỏi xem cô ta có thể dành chút thời gian với Bernard không mà thôi.”

“Tôi đoán là cô ta từ chối.”

“Đúng thế.”

“Bernard có biết anh đã nói chuyện với cô ta không?”

“Ed đã kể cho anh ta nghe. Tôi biết, Tom, có khi đó là một sai lầm.”

Tom nóng nảy. “Các anh có thể bịt mồm Bernard vài ngày được không?”

“Chúng tôi đang cho anh ta uống thuốc an thần, loại nhẹ thôi. Chiều nay tôi mới thả một ít vào trà của anh ta.”

“Các anh sẽ báo cho anh ta biết là ông Murchison đã... dịu lại chứ?”

Jeff bật cười. “Có chứ, Tom. Vậy ông ta định làm gì ở Luân Đôn?”

“Ông ta bảo có vài việc phải làm ở đó. Sau đó ông ta sẽ quay lại Mỹ. Nghe này, Jeff, trong vài ngày tới đừng có gọi cho tôi nữa, được chứ? Đẳng nào thì tôi cũng không chắc liệu mình có ở nhà hay không.”

Tom nghĩ là mình có thể giải thích lý do anh gọi vài cuộc điện thoại cho Jeff, hoặc nhận điện từ anh ta, nếu cảnh sát chịu bỏ công sức tìm hiểu: anh đã cân nhắc xem có nên mua bức “Bồn Tắm” hay không và đã hỏi chuyện Buckmaster Gallery về điều đó.

Tối hôm đó Tom ra nhà kho, mang theo một tấm vải dầu và sợi dây thừng. Trong khi bà Annette dọn dẹp trong bếp thì Tom bọc xác ông Murchison lại và buộc dây thừng xung quanh để có thể cầm dây kéo đi. Cái xác công kênh, trông như một khúc cây nhưng nặng hơn thế nhiều, Tom nghĩ. Anh kéo xác lên thêm tầng hầm. Việc cái xác được bọc kín khiến anh cảm thấy đỡ hơn đôi chút, nhưng ngày một tiến lại gần cửa, bậc cầu thang, cửa trước, các dây thần kinh của anh lại ngày một điên rồ. Anh có thể nói gì nếu bà Annette nhìn thấy anh đây, nếu mấy người thường xuyên bấm chuông cửa xuất hiện - một người gypsy bán đồ, Michel người sửa chữa trong làng hỏi xem có việc gì cho anh ta làm hay không, một thằng nhóc bán sách Công giáo - anh biết nói gì về thứ đồ vật kì quái, khổng lồ mà anh sắp chất lên xe cút kít? Mọi người có thể sẽ không hỏi anh gì cả nhưng sẽ nhìn chăm chăm vào nó rồi đưa ra một bình luận tiêu cực đúng chất Pháp:

“Không nhẹ lắm nhỉ?” Rồi họ sẽ nhớ mãi.

Tom ngủ không ngon giấc và kỳ lạ thay nhận thức rõ là mình đang ngáy. Anh chẳng ngủ sâu một chút nào nên dễ dàng thức dậy lúc năm giờ

sáng.

Xuống dưới nhà, anh đẩy tấm thảm chùi chân trước cửa trước sang một bên rồi đi xuống hầm. Xác ông Murchison đi được một nửa cầu thang một cách gọn lẹ, nhưng Tom đã phí rất nhiều năng lượng vào đó và phải dừng lại. Dây thừng nghiêng nhẹ vào tay anh và anh quá sốt ruột nên không chạy ra nhà kho lấy đôi găng tay làm vườn. Anh lại kéo mạnh cái xác và đưa nó lên được đầu cầu thang. Kéo lên nó qua sàn đá hoa cương dễ hơn. Anh đổi công việc một chút bằng cách đẩy xe cút kít vòng ra đằng trước và nghiêng nó xuống. Anh muốn đưa xác ông Murchison qua ô cửa sổ kiểu Pháp hơn nhưng không thể băng qua phòng khách mà không làm hỏng thảm trải sàn. Giờ Tom đang kéo cái xác dài xuống bốn, năm bậc thềm ngoài cửa. Anh cố gắng đặt thứ đó vào xe cút kít một cách gọn gàng để nếu anh nhấc một bên xe lên thì có thể làm nó nằm thẳng ra. Ý tưởng là vậy nhưng khi anh thực hiện, cái xe cút kít lại lật hẳn sang bên còn lại và làm đổ xác ông Murchison xuống mặt đất bên kia. Cũng hơi buồn cười một chút.

Nếu phải lôi cái xác xuống tầng hầm thì thật khủng khiếp. Không thể nghĩ tiếp. Tom bỏ ra vài giây, ba mươi giây, cố gắng lấy lại năng lượng, nhìn chăm chăm vào cái thứ chết tiệt đang nằm trên mặt đất. Rồi anh dồn toàn bộ sức lực tấn công nó như thể nó là một vật sống, một con rồng đang gào thét, hoặc một thể lực siêu nhiên nào đó mà anh phải giết trước khi bị nó giết, và nhấc bổng nó lên cái xe cút kít đang đứng thẳng.

Bánh trước của xe cút kít lún xuống mặt sỏi. Tom ngay lập tức biết rằng mang nó qua bãi cỏ là công việc vô vọng vì đất ở đó đã hơi mềm xuống sau trận mưa hôm qua. Tom chạy ra mở cánh cổng lớn nhà anh. Có vài phiến đá lát đường không đều chạy từ thềm nhà ra cổng và mọi chuyện diễn ra khá êm thấm, sau đó cái xe cút kít đã ra đến mặt đường trải cát được lèn cứng. Một con đường mòn nằm bên tay phải của Tom dẫn ra khu rừng sau nhà anh, một con đường nhỏ hẹp dành cho người đi bộ hoặc xe kéo hơn là dành cho ô-tô, dù nó vừa đủ rộng để xe đi qua. Tom hướng chiếc xe cút kít qua những ổ gà và vũng nước nhỏ trên đường, cuối cùng cũng tới được

khu rừng của mình - à thì chắc chắn không phải rừng của anh nhưng lúc này đây anh cảm thấy đúng là như vậy đấy, quá đổi vui mừng khi tới được khu vực kín đáo này.

Tom đẩy xe cút kít đi một đoạn rồi dừng lại tìm chỗ mà anh đã đào hôm qua. Anh tìm ra nó ngay tức thì. Có một con dốc dẫn từ đường mòn vào rừng mà Tom đã không tính đến nên anh phải hất cái xác xuống đường và lôi nó lên. Sau đó Tom đẩy xe cút kít vào trong rừng để phòng trường hợp có người đi vào đường mòn thì cũng sẽ không nhìn thấy cái xe. Đến giờ này trời đã sáng hơn. Tom chạy nước kiệu về nhà kho để lấy cái chìa. Anh còn cầm theo một cái xẻng - rỉ sét, bị ai đó bỏ lại khi anh và Heloise mua căn nhà này. Cái xẻng thậm chí còn bị thủng một lỗ, nhưng vẫn hữu ích. Tom quay lại và tiếp tục đào. Anh đào phải rễ cây. Sau mười lăm phút, anh nhận ra rõ ràng là không thể đào xong cái hố trong buổi sáng hôm đó. Đến tám rưỡi, bà Annette sẽ lên gác, mang theo cà phê vào phòng ngủ của anh, đây là một vấn đề.

Tom cúi người xuống khi một người đàn ông mặc áo xanh da trời bạc màu đi dạo tới trên đường mòn, đẩy một cái xe cút kít tự chế bằng gỗ chất đầy củi. Ông ta không hề liếc về phía Tom. Ông ta đang đi ra con đường chạy trước nhà anh. Ông ta đi từ đâu đến vậy nhỉ? Có thể ông ta đã ăn cắp gỗ rừng và thấy mừng khi tránh được Tom cũng như Tom tránh được ông ta.

Tom mãi miết đào cho tới khi cái hố sâu gần mét hai, vắt ngang là những cái rễ cây cần đến cửa mới cắt được. Rồi anh trèo ra ngoài và tìm một con dốc hoặc bất kỳ chỗ đất thấp nào để tạm giấu xác ông Murchison. Tom tìm được một chỗ cách đó khoảng năm mét và lại dùng dây thừng kéo cái xác đi. Anh phủ cành cây và lá rụng lên tấm vải dầu màu xám. Ít nhất thì nó sẽ không thu hút ánh mắt của người đi trên đường mòn, anh nghĩ thầm.

Rồi anh lại đẩy cái xe cút kít giờ nhẹ bằng lên đường mòn và cất công trả xe vào trong nhà kho, để bà Annette không hỏi han gì anh nếu thấy nó ở ngoài.

Anh phải vào nhà bằng cửa chính vì cửa sổ kiểu Pháp đã khóa. Trán anh ướt đầm mồ hôi.

Lên gác, anh lau người bằng một chiếc khăn ướt nóng, mặc pyjama vào và lên giường. Lúc đó là tám giờ kém hai mươi. Anh đã hy sinh quá nhiều vì công ty trách nhiệm hữu hạn Derwatt, anh nghĩ thầm. Có đáng không? Kỳ lạ, nhưng Bernard xứng đáng. Nếu họ có thể giúp anh ta vượt qua cơn khủng hoảng này.

Nhưng nhìn nhận sự việc như thế là không đúng. Anh sẽ không giết người chỉ để cứu công ty Derwatt hay thậm chí là Bernard, Tom thấy vậy. Anh giết ông Murchison vì trong hầm, ông ta đã nhận ra chính anh giả mạo Derwatt. Tom đã giết ông Murchison để cứu chính mình. Vậy nhưng Tom vẫn cố tự hỏi, liệu có phải anh đã nhen nhóm ý định giết ông Murchison từ khi họ cùng nhau xuống hầm hay không? Hay là anh vốn không hề có ý định giết ông ta? Tom đơn giản không thể trả lời câu hỏi đó. Vậy nhưng giờ điều đó có quan trọng không?

Bernard là người duy nhất trong bộ ba mà anh không thể thấu hiểu, vậy nhưng Tom quý anh ta nhất. Động cơ của Ed và Jeff quá đơn giản, kiếm tiền. Tom không nghĩ Cynthia đã chia tay Bernard. Anh sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu chính Bernard (người ở một thời điểm nào đó cũng đã yêu Cynthia) mới là người nói lời chia tay, vì thấy nhục nhã với hành vi giả mạo của mình. Chắc sẽ thú vị lắm nếu có ngày anh tìm hiểu được chuyện này từ chỗ anh ta. Phải, Bernard mang trong mình sự bí ẩn, chính đó là thứ khiến người ta trở nên hấp dẫn, Tom nghĩ, khiến người ta rơi vào tình yêu. Bất chấp cái xác bọc vải dầu xấu xí trong khu rừng sau nhà, Tom cảm thấy suy nghĩ của mình cuốn anh đi như thể anh đang ở trên mây. Lạ lùng, và cũng hết sức dễ chịu, khi mơ màng giữa ban ngày về động cơ, nỗi sợ, nỗi hổ thẹn, và cả tình yêu của Bernard. Anh ta giống như Derwatt thật, có phần thánh thiện.

Vài con ruồi bay điên cuồng như thường ngày, quấy nhiễu Tom. Anh kéo một con ra khỏi tóc mình. Chúng đang bay lượn quanh bàn của anh. Sao giờ này mà chúng vẫn còn ở đây nhỉ, anh đã chán ngấy chúng cả mùa

hè này rồi. Vùng nông thôn Pháp có tiếng là có đủ thứ ruồi, còn nhiều hơn cả số loại pho mát, Tom đã đọc thấy điều này ở đâu đó. Một con ruồi nhảy lên lưng con còn lại. Ngay trước mặt anh! Tom nhanh chóng châm một que diêm và dúi vào con vật khốn nạn đó. Cánh cháy xèo xèo. Vô vo. Chân quờ quạng trên không trung lần cuối. À, Liebestod\*, đến chết vẫn sánh đôi!

Nếu chuyện đó có thể xảy ra ở Pompeii thì sao lại không thể ở Belle Ombre cơ chứ, Tom nghĩ.



## CHƯƠNG 8

Tom lười biếng trải qua sáng thứ Bảy, viết một bức thư gửi Heloise qua American Express, Athens, và tâm hai rưỡi chiều, anh nghe một chương trình hài kịch trên đài radio, như anh vẫn thường làm. Bà Annette, vào các chiều thứ Bảy, thỉnh thoảng lại thấy Tom cười quặn người trên chiếc sofa vàng và đôi khi Heloise sẽ bắt anh dịch lại, nhưng phần lớn các trò chơi chữ làm sao dịch lại được. Đến bốn giờ, đáp lại lời mời qua điện thoại lúc trưa, Tom đi uống trà với Antoine và Agnès Grais, hai người họ sống ở đầu bên kia của Villeperce, đi bộ tới được. Antoine là một kiến trúc sư làm việc ở Paris và chỉ các ngày cuối tuần mới về đây, cặm cụi trong xưởng vẽ của anh ta. Agnès, một phụ nữ tóc vàng khoảng hai tám tuổi trầm tính, ở lại Villeperce và chăm sóc hai đứa con nhỏ của họ. Còn có bốn vị khách khác ở nhà Grais, tất cả đều là dân Paris.

“Dạo này anh làm gì thế, Tome?” Agnès hỏi, mang món quà đặc biệt của chồng cô ta ra ở cuối tiệc trà, một chai rượu gin Hà Lan mạnh lâu năm, mà nhà Grais đề nghị họ hãy uống cạn.

“Vẽ này nọ. Dạo quanh vườn dọn dẹp những thứ không phù hợp, chắc vậy.” Người Pháp nói “dọn dẹp” thay cho “diệt cỏ”.

“Không cô đơn chứ? Khi nào thì Heloise mới quay trở lại thế?”

“Chắc tầm một tháng nữa.”

Một tiếng rười ở nhà Grais thật dễ chịu đối với Tom. Họ không bình luận gì về hai vị khách của anh, ông Murchison và Bá tước Bertolozzi, và chắc cũng không để ý đến hay nghe đến qua bà Annette, người luôn thoải mái buôn chuyện trong các cửa hàng bán đồ ăn. Và nhà Grais cũng không

chú ý đến hai lòng bàn tay đỏ quạch gần như chảy máu của anh, vẫn còn đau nhức vì sợi dây thừng quấn quanh xác ông Murchison.

Tối hôm ấy, Tom cởi giày ra và nằm trên sô-pha vàng, đọc lướt qua *Từ điển Harrap*, nó dày đến mức anh phải dựa nó vào đùi mình hoặc đặt nó lên bàn. Anh đang chờ điện thoại, dù cũng không chắc ai sẽ gọi đến, và lúc mười giờ mười lăm, điện thoại đổ chuông. Chris Greenleaf ở Paris.

“Có phải... anh Tom Ripley đấy không?”

“Đúng thế. Xin chào, Chris. Cậu thế nào?”

“Khỏe, cảm ơn anh. Tôi vừa tới nơi với bạn. Tôi mừng xiết bao vì anh có nhà. Tôi không có thời gian chờ thư của anh, nếu anh có viết thư. Chà... xem này...”

“Cậu đang ở đâu?”

“Ở khách sạn Louisiane. Được mấy anh bạn của tôi ở quê nhà nhiệt liệt tiên cử! Đây là đêm đầu tiên của tôi ở Paris. Tôi thậm chí còn chưa mở va-li ra nữa. Nhưng tôi đã nghĩ nên gọi cho anh.”

“Kế hoạch của cậu là gì? Cậu muốn đến đây chơi vào lúc nào?”

“À, lúc nào cũng được. Tất nhiên là tôi muốn đi tham quan một chút. Trước mắt là bảo tàng Louvre, chắc vậy.”

“Thứ Ba thì sao?”

“À... cũng được, nhưng tôi đã nghĩ hay là mai luôn, vì ngày mai bạn tôi sẽ bận cả ngày. Cậu ấy có một người họ hàng sống ở đây, lớn tuổi, người Mỹ. Nên tôi đã hy vọng...”

Không hiểu sao Tom không thể từ chối cậu ta hay nghĩ ra một cái cớ hợp lý nào đó. “Mai à. Được thôi. Vào buổi chiều nhé? Sáng tôi hơi bận một chút.” Tom giải thích là cậu ta sẽ phải đi tàu từ ga Lyon tới Moret-les-Sablons, và cậu ta nên gọi lại cho anh sau khi đã chọn được tàu, để Tom biết sẽ đón cậu ta lúc mấy giờ.

Rõ ràng là ngày mai Chris sẽ ngủ lại qua đêm. Tom nhận ra là anh sẽ phải đào xong mộ của ông Murchison và đưa ông ta xuống đó vào sáng

mai. Trên thực tế, chắc vì thế nên anh mới đồng ý để Chris đến vào ngày mai. Thêm động lực cho anh làm việc.

Chris có vẻ ngây ngô, nhưng biết đâu cậu ta lại mang trong mình bản tính thiện lành của nhà Greenleaf và sẽ không mặt dày ở lại quá lâu. Tom nhăn nhó khi nghĩ đến điều này, vì chắc chắn là anh đã từng mặt dày bám riết lấy Dickie ở Mongibello thời tuổi trẻ nông nổi, khi anh đã hai mươi chứ không phải mới hai mươi. Tom đã từ Mỹ đến, hay phải nói là được cha của Dickie, ông Herbert Greenleaf, cử đến để đưa Dickie về nhà. Đúng là một tình huống kinh điển. Anh ta thì không muốn quay lại Mỹ. Và sự ngây ngô của Tom vào thời điểm ấy là thứ khiến anh giờ này phải co rúm người lại. Có biết bao nhiêu thứ anh phải học! Và rồi... thì, Tom Ripley đã ở lại châu Âu. Anh cũng học được đôi điều. Sau rớt thì anh cũng có ít tiền - tiền của Dickie - bọn con gái cũng khá mến anh, và trên thực tế thì Tom cảm thấy mình bị theo đuổi khá nhiều. Heloise Plisson là một trong số những người đã thích anh hồi đấy. Và dưới con mắt của Tom thì cô không phải là một khối xi-măng, truyền thống, hay quá tầm với, hay nhạt nhẽo. Tom không cầu hôn, Heloise cũng không. Đó là một chương đen tối trong đời anh, dù ngắn ngủi. Heloise đã nói, trong căn nhà gỗ một tầng đi thuê của họ ở Cannes, “Vì chúng ta đang sống cùng nhau, sao không kết hôn nhỉ?... Vì là, em không dám chắc cha em có tán thành (cô đã dùng từ nào để nói “tán thành” trong tiếng Pháp ấy nhỉ? Nhớ tra từ điển) việc chúng ta sống cùng nhau lâu hơn nữa đâu, trừ phi chúng ta thật sự kết hôn - *đó lại là một câu chuyện trọn vẹn khác*”. Mặt Tom đã xanh như tàu lá ở đám cưới, dù đó là một đám cưới hiện đại không có khách mời trong phòng xử án. Sau đó Heloise vừa cười vừa nói, “Lúc trước trông anh xanh ngắt”. Không sai. Nhưng ít nhất Tom cũng đã hoàn thành lễ cưới trọn vẹn. Anh cứ mong sẽ nhận được lời khen từ Heloise dù anh biết bản thân thật ngớ ngẩn khi nghĩ vậy. Chính chú rể là người phải nói, “Em yêu, em thật lộng lẫy!” hay “Mặt em rạng ngời vì sắc đẹp và hạnh phúc!” hay mấy câu sến súa như thế. Còn Tom thì xanh ngắt. Ít nhất thì anh đã không ngã quỵ trên đường tới bệ thờ - nó cũng chỉ là một lối đi dơ dáy giữa mấy cái ghế lưng thẳng không người

ngồi trong văn phòng của một viên chức tư pháp nào đó ở phía nam nước Pháp. Lễ kết hôn nên kín đáo, Tom nghĩ, cũng nên riêng tư như đêm tân hôn vậy - dù nó cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều. Vì đấng nào trong đám cưới, tâm trí của mọi người chẳng thẳng thắn đặt vào đêm tân hôn, sao bản thân chuyện yêu đương lại phải công khai một cách trắng trợn như thế không biết? Điều đó có vẻ thật thô tục. Sao người ta không thể làm bạn bè mình ngạc nhiên bằng cách nói, “À, nhưng đến giờ chúng tôi đã kết hôn được ba tháng rồi đấy!”. Trong quá khứ thì việc kết hôn công khai cũng có lý do hợp lý - cô dâu bị đẩy ra khỏi vòng tay gia đình và chú rể không thể thoát được nữa, không thì năm mươi họ hàng cô dâu sẽ luộc anh ta trong vạc dầu - nhưng ngày nay thì sao còn phải tổ chức đám cưới làm gì nữa?

Tom lên giường.

Sáng Chủ nhật, một lần nữa vào tầm năm giờ sáng, Tom lại kéo chiếc quần Levi's lên và lặng lẽ đi xuống gác.

Lần này, anh chạm mặt bà Annette, người vừa mở cánh cửa từ bếp ra hành lang đúng lúc Tom chuẩn bị mở cửa trước để ra ngoài. Bà Annette ép một miếng vải trắng lên má - không nghi ngờ gì là miếng vải đó chứa muối thô nóng loại dùng để nấu ăn - và mặt bà ta đầy vẻ đau khổ.

“Bà Annette... là do cái răng à,” Tom nói một cách đầy cảm thông.

“Cả đêm tôi mất ngủ,” bà Annette nói. “Anh dậy sớm quá, anh Tome.”

“Gã nha sĩ chết tiệt đó,” Tom nói bằng tiếng Anh. Anh tiếp tục nói bằng tiếng Pháp, “Sao lại có cái suy nghĩ tuý sẽ *rơi* ra cơ chứ! Ông ta không biết mình đang làm gì hết. Nghe đây, bà Annette, tôi có một ít thuốc vàng trên nhà, tôi mới nhớ ra. Từ Paris. Chuyên trị đau răng. Chờ nhé”. Tom chạy lên gác.

Bà ta uống một viên con nhộng. Bà Annette chớp mắt khi nuốt thuốc xuống. Bà ta có đôi mắt màu xanh dương nhạt. Bờ môi trên mỏng quẹt đang rũ hai mép xuống, trông như người Na Uy. Bà ta mang dòng máu Breton thừa hưởng từ cha.

“Nếu bà muốn thì hôm nay tôi có thể lái xe chở bà tới Fontainebleau,” Tom nói. Anh và Heloise có một nha sĩ quen ở đó, và Tom nghĩ ông ta sẽ khám cho bà Annette vào ngày Chủ nhật.

“Sao anh dậy sớm thế?” Có vẻ tính tò mò của bà Annette lấn át cả cơn đau của bà ta.

“Tôi định làm việc trong vườn một chút rồi quay lại giường ngủ thêm khoảng một tiếng nữa. Tôi cũng thấy hơi khó ngủ.”

Tom nhẹ nhàng thuyết phục bà ta quay về phòng và để bà ta cầm theo lọ thuốc con nhộng. Anh dặn bà ta là chỉ nên uống bốn viên trong vòng hai mươi tư tiếng. “Đừng bận tâm lo nghĩ về bữa sáng hoặc bữa trưa cho tôi, bà Annette thân mến. Hôm nay bà cứ nghỉ ngơi đi.”

Rồi Tom ra ngoài tiếp tục công việc của mình. Anh làm với một tốc độ hợp lý, hoặc theo anh nghĩ là hợp lý. Cái hố cần sâu khoảng mét rưỡi, không được phép làm quấy. Anh đã cầm theo một cái cửa hơi rỉ sét nhưng vẫn dùng tốt từ trong nhà kho, có nó anh sẽ xử lý hết những cái rễ cây ngang dọc, mặc kệ đồng đất ướt bám lấy răng cửa. Anh có tiến triển. Ánh sáng đã xuất hiện dù còn lâu mặt trời mới mọc khi anh đào xong hố và trèo ra ngoài, làm bùn dính lên toàn bộ ngực áo len, không may thay là một chiếc áo cashmere màu be. Anh nhìn xung quanh nhưng chẳng thấy bóng dáng một ai trên con đường mòn băng qua rừng. Mừng thay, anh nghĩ thầm, vì người Pháp ở nông thôn thường xích chó của họ lại, nếu không thì tối qua biết đâu lại có con chó nào đó đánh hơi đồng cành cây phủ trên xác ông Murchison và sủa nặng lên thông báo, tiếng sủa của chúng chắc phải vang xa cả cây số. Một lần nữa Tom lại kéo sợi dây thừng buộc tám vải dậu quanh xác ông Murchison. Cái xác rơi xuống với tiếng bịch đầy ngọt ngào trong tai Tom. Việc xúc đất đổ xuống cũng đem lại niềm vui. Vẫn còn đất dư sau khi đã dẫn đất trên mộ xuống, Tom hít nó ra đủ hưởng. Rồi anh chậm rãi rảo bước về nhà, băng qua bãi cỏ nhà mình rồi vòng ra cửa trước, đầy cảm giác thành tựu.

Anh giặt áo len bằng một loại bột thơm tho nào đó trong phòng tắm của Heloise. Sau đó anh ngủ say sưa cho tới mười giờ hơn.

Tom pha một ít cà phê trong bếp rồi ra ngoài mua tờ *Observer* và *Sunday Times* ở tiệm báo. Thường thì anh sẽ ghé qua đâu đó uống cà phê trong khi đọc qua hai tờ báo - vẫn luôn là một niềm vui quý giá đối với anh - nhưng hôm nay anh muốn ở một mình khi đọc các bài báo về Derwatt. Tom suýt nữa thì quên mua tờ báo hàng ngày của bà Annette, ấn bản địa phương của tờ *Le Parisien*, tiêu đề lúc nào cũng được in màu đỏ. Hôm nay, nó nói gì đó về một đứa trẻ mười hai tuổi bị bóp cổ. Các bức tranh cổ động bên ngoài cửa hàng chào bán các tờ báo khác nhau cũng kỳ quái tương đương nhưng theo một cách rất khác:

JEANNE VÀ PIERRE LẠI HÔN NHAU!

Mà họ là ai?

MARIE ĐIÊN TIẾT VỚI CLAUDE!

Người Pháp không chỉ thấy bực bội mà lúc nào họ cũng phải *điên tiết* cơ.

ONASSIS SỢ NGƯỜI TA SẼ CUỐP JACKIE TỪ TAY MÌNH!

Có thật người Pháp thức chong chong lo sợ về chuyện đó không?

NICOLE SINH MỘT EM BÉ!

Nicole *nào* không biết, trời ơi? Tom chẳng bao giờ biết được phần lớn những người trên báo này - ngôi sao điện ảnh, ca sĩ nhạc pop, chắc vậy - nhưng rõ ràng là họ giúp bán báo. Các hoạt động của gia đình hoàng gia Anh thật khó tin, Elizabeth và Philip đang trên đà ly dị lần thứ ba trong một năm, còn Margaret và Tony thì nhổ nước bọt vào mặt nhau.

Tom đặt tờ báo của bà Annette lên bàn bếp, rồi về phòng mình. Trên trang điểm tin nghệ thuật của cả tờ *Observer* lẫn *Sunday Times* đều có một bức hình của anh dưới bộ dạng Philip Derwatt. Có bức, miệng anh còn đang mở ra để trả lời một câu hỏi nào đó dưới bộ râu góm ghiếc. Tom vội vã đọc lướt qua bài báo, không thật sự muốn chăm chú đọc từng từ một làm gì.

Tờ *Observer* viết: "... cắt ngang hành trình ẩn dật của mình bằng sự xuất hiện đầy bất ngờ vào chiều thứ Tư ở Buckmaster Gallery, Philip

Derwatt, người chỉ muốn được gọi bằng cái tên Derwatt, rất dè dặt khi nói về nơi trú ngụ của anh ở Mexico nhưng lại nói khá nhiều khi được hỏi về tác phẩm của mình và các đồng nghiệp, về Picasso: ‘Picasso cũng có nhiều giai đoạn. Tôi thì không có giai đoạn nào hết’”. Trong bức ảnh trên tờ *Sunday Times*, anh đứng sau bàn của Jeff, khoa tay múa chân, bàn tay trái nắm lại giơ lên, một động tác mà Tom không nhớ đã làm, nhưng có trên ảnh đây “... mặc bộ đồ rõ ràng đã cất ở trong tủ hàng năm trời... can đảm đương đầu trong trận chiến với mười hai nhà báo, hẳn là một phiên tòa sau sáu năm lánh đời, chúng tôi cho là vậy”. Cụm từ “chúng tôi cho là vậy” có phải là một sự châm biếm không nhỉ? Tom nghĩ hẳn là không, vì toàn bộ những lời nhận xét còn lại đều mang tính khen ngợi. “Các bức tranh sơn dầu gần đây của Derwatt vẫn giữ vững được tiêu chuẩn cao của anh - phong cách riêng, kỳ quái, thậm chí là bệnh hoạn, có phải chăng?... Không có bức tranh nào của Derwatt được vẽ qua loa hay thể hiện sự do dự. Chúng đều là thành quả của tình yêu, dù kỹ thuật vẽ của anh có phần nhanh gọn, tươi mới, và dễ dàng đối với anh. Đừng nhìn chúng mà tưởng dễ. Derwatt đã nói anh không bao giờ vẽ một bức tranh nào dưới hai tuần...” Anh đã nói vậy thật à? “... và anh làm việc ngày đêm, thường nhiều hơn bảy tiếng một ngày... Đàn ông, bé gái, ghế, bàn, những thứ kỳ lạ bị đốt, vẫn chiếm chủ đạo... Buổi triển lãm này sẽ lại bán sạch tranh thôi.” Không đề cập gì đến việc Derwatt biến mất sau buổi phỏng vấn.

Đáng tiếc thay, Tom nghĩ, những lời tán dương ấy lại chẳng thể được khắc lên mộ của chính Bernard Tufts, bất kể nó nằm ở đâu đi nữa. Tom nhớ đến câu “Năm ở nơi đây người có tên đã cuốn theo dòng nước,” một dòng chữ luôn khiến Tom đong đầy nước mắt cả ba lần anh nhìn thấy nó trong nghĩa trang dành cho những người Anh theo đạo Tin Lành ở Rome, và thỉnh thoảng còn có thể khiến anh chỉ cần nghĩ đến đã ướm nước mắt. Biết đâu Bernard, con ong chăm chỉ ấy, tâm hồn nghệ sĩ ấy, sẽ tự gieo vên thơ riêng trước khi mất. Hay anh ta sẽ trở nên nổi tiếng trong vô danh nhờ một bức “Derwatt”, một bức tranh phi thường mà anh ta còn chưa vẽ ra?

Mà liệu Bernard có vẽ thêm một bức Derwatt nào nữa không? Chúa lòng lành, Tom nhận ra là thậm chí anh còn chẳng biết điều đó. Nếu Bernard vẽ thêm tranh mang phong cách của chính mình thì liệu chúng có thể được gọi là Tufts không?

Trước buổi trưa bà Annette đã cảm thấy khỏe lên. Như Tom đã lường trước, nhờ thuốc giảm đau mà bà ta không muốn bị đưa đến vị nha sĩ giỏi ở Fontainebleau nữa.

“Thưa bà... có vẻ là dạo này tôi ngập trong những lời mời. Đáng tiếc là Heloise không có ở đây. Nhưng tối nay có một vị khách nữa tới dùng bữa, một chàng trai tên là Christopher, người Mỹ. Tôi có thể tự đi mua sắm tất cả những thứ cần thiết trong làng... Không, không, bà cứ tỉnh dưỡng đi.”

Tom đã đi mua sắm ngay lập tức và trở về nhà trước hai giờ. Bà Annette nói rằng một người Mỹ đã gọi điện nhưng họ không thể hiểu lời nhau và cậu ta sẽ gọi lại.

Chris đã làm đúng như vậy và Tom sẽ đến đón cậu ta lúc sáu rưỡi chiều ở Moret.

Anh mặc một chiếc quần vải flannel cũ, áo cổ lọ, đi boots cổ ngắn, và lái chiếc Alfa Romeo đi. Thực đơn tối nay là món *viande hâchée* - món hamburger kiểu Pháp đỏ rực và ngon đến mức người ta có thể ăn sống. Tom đã chứng kiến nhiều người Mỹ ngẫu nhiên những chiếc hamburger đầy hành tây và tương cà trong các cửa hàng tiện lợi của Paris khi mà họ chỉ mới rời khỏi đất Mỹ có hai tư tiếng.

Tom chỉ mới liếc mắt nhìn đã nhận ra Chris Greenleaf, hệt như những gì anh nghĩ. Dù tầm mắt của Tom bị vài người che khuất, mái tóc vàng của Christopher nhô cao hẳn lên so với đầu những người qua lại. Đôi mắt và hàng lông mày của cậu ta nhấn nhẹ hệt như Dickie vậy. Tom giơ một cánh tay lên vẫy nhưng Christopher ngập ngừng cho tới khi họ chạm mắt nhau và anh mỉm cười. Nụ cười của chàng trai này cũng giống hệt Dickie, nếu có sự khác biệt thì chỉ ở đôi môi, Tom nghĩ. Môi của Christopher đầy đặn hơn,



vẻ đầy đặn hoàn toàn không liên quan gì tới Dickie và hiển nhiên là đến từ bên ngoài của cậu ta.

Họ bắt tay.

“Ở đây giống hệt như nông thôn vậy.”

“Cậu có thích Paris không?”

“Tôi thích chứ. Nó to hơn tôi nghĩ.”

Christopher ngắm nghía mọi thứ, ghé cổ nhìn cả những quán bar-cà phê bình thường nhất, cây ngô đồng, các ngôi nhà riêng dọc đường. Cậu ta kể cho Tom là anh bạn Gerald của cậu ta chắc sẽ tới Strassburg tầm hai đến ba ngày gì đó. “Đây là ngôi làng Pháp đầu tiên tôi nhìn thấy. Nó là thật phải không?” cậu ta hỏi cứ như thể nó là phong màn trên sân khấu.

Tom thấy sự háo hức của Chris thật thú vị, có phần đáng lo. Anh nhớ lại sự vui sướng điên rồ của chính mình - dù lúc ấy không có ai bên cạnh để anh kể chuyện hết - khi lần đầu tiên nhìn thấy tháp nghiêng Pisa trên một con tàu đang chạy băng băng, khi lần đầu tiên nhìn thấy dãy đèn dọc bờ biển của Cannes.

Trong bóng tối hiện thời, Belle Ombre không hiện ra rõ ràng nhưng bà Annette đã bật đèn ở cửa trước lên và tỷ lệ của nó có thể ước lượng được từ một ngọn đèn ở góc trước bên trái, nơi đặt nhà bếp. Tom tự mỉm cười trước những bình luận ngất ngây của Chris nhưng chúng vẫn khiến anh thấy hài lòng làm sao. Thịnh thoảng Tom lại cảm thấy muốn đá văng Belle Ombre, và cả gia đình Plisson nữa, thành từng mảnh vụn, như thể họ là một khối lâu đài cát mà anh có thể dùng chân phá tan tành. Đó là những lần anh cúi điên lên trước những vụ việc gây ra bởi tính dửng dưng, tham lam của người Pháp, một lời nói dối không hẳn là nói dối nhưng cố tình che giấu sự thật. Mọi người đều ca tụng Belle Ombre và Tom cũng thích nó. Anh lái xe vào gara và cầm theo một trong hai chiếc va-li của Chris. Chris nói cậu ta đã mang tất cả mọi thứ theo.

Bà Annette mở cửa trước.

“Quản gia của tôi, người kề cận trung thành mà tôi không thể sống thiếu,” Tom nói, “Bà Annette, còn đây là Christopher”.

“Bà thế nào? *Chào bà*” Chris nói.

“Xin chào. Phòng của anh đã sẵn sàng.”

Tom đưa Chris lên gác.

“Nơi này thật lộng lẫy,” Chris nói. “Như một viện bảo tàng vậy!”

Tom cho là nơi này cũng có hơi thừa xa-tanh và đồng giả vàng. “Do vợ tôi đẩy... việc trang trí ấy, tôi nghĩ vậy. Bây giờ cô ấy không có ở đây.”

“Tôi đã xem một bức ảnh của cô ấy chụp cùng anh. Chú Herbert đã cho tôi xem nó ở New York, mới đây thôi. Cô ấy tóc vàng. Tên là Heloise.”

Tom để Christopher ở lại rửa ráy và báo là anh sẽ ở dưới gác.

Suy nghĩ của Tom lại lạc về chỗ ông Murchison: ông Murchison sẽ vắng mặt trong danh sách hành khách lên chuyến bay của ông ta. Cảnh sát sẽ kiểm tra các khách sạn ở Paris và phát hiện thấy ông ta không hề có mặt ở một khách sạn nào cả. Kiểm tra nhập cảnh cho thấy ông ta đã ở khách sạn Mandeville vào ngày 14 và 15 tháng Mười, cũng đã báo sẽ quay lại vào ngày 17. Tên và địa chỉ của Tom cũng nằm trong sổ đăng ký của khách sạn Mandeville vào tối 15 tháng Mười. Nhưng chắc chắn anh không phải là người đang sống ở Pháp duy nhất ngụ tại khách sạn Mandeville đêm đó. Liệu cảnh sát có tới thăm vấn anh không nhỉ?

Christopher đi xuống cầu thang. Cậu ta đã chải gọn mái tóc vàng gọn sóng của mình, vẫn mặc quần nhưng kẻ và đi đôi bốt quân đội. “Mong là anh không mời khách tới ăn tối. Nếu có thì tôi sẽ thay đồ.”

“Chỉ có hai chúng ta thôi. Đây là vùng nông thôn nên cứ mặc những gì cậu thích.”

Christopher ngắm các bức tranh sơn dầu của Tom và chú ý tới một bức tranh khỏa thân ánh hồng của Pascin, một bức tranh chì, hơn là các bức tranh sơn dầu. “Anh sống ở đây quanh năm à? Hẳn là sung sướng lắm.”

Cậu ta nhận một cốc rượu scotch. Tom lại phải trình bày thời khóa biểu của mình, đề cập tới việc làm vườn và việc học ngôn ngữ không nghiêm túc của anh, dù trên thực tế thì lịch học của Tom nghiêm ngặt hơn so với những gì anh thừa nhận. Dầu vậy, Tom thích sự nhàn tản của mình, hết mức một người Mỹ có thể chấp nhận một khi đã làm quen với nó, tức là rất ít người có khả năng đó, Tom nghĩ. Đây không phải là chuyện mà anh thèm nói ra lời với bất kỳ ai. Anh đã khao khát sự nhàn tản và cả đôi chút xa hoa khi mới gặp Dickie Greenleaf, và giờ khi đã đạt được, sự quyến rũ của nó không hề phai bớt.

Ở bàn, Christopher bắt đầu kể chuyện Dickie. Cậu ta nói là mình có ảnh Dickie mà ai đó đã chụp ở Mongibello và Tom cũng có mặt trong một trong các bức ảnh đó. Christopher vẫn thấy có phần khó khăn khi nhắc đến cái chết của Dickie - việc anh ta tự tử, như mọi người nghĩ. Chris có một thứ tốt đẹp hơn cả phong thái lịch sự, đó là sự nhạy cảm, theo Tom. Anh ngần ngại với ánh nhìn trong mống mắt xanh dương của cậu ta, vì đôi mắt của Dickie cũng giống hệt như vậy vào những buổi tối muộn ở Mongibello, hoặc trong một nhà hàng thấp nên ở Naples.

Christopher đứng dậy, nhìn ô cửa sổ kiểu Pháp, ngẩng lên ngắm trần nhà chia ô màu kem và nói, “Được sống ở một ngôi nhà như thế này giống như là trong truyện cổ tích vậy. Bên cạnh đó anh còn có âm nhạc... và tranh!”.

Tom đau đớn nhớ đến bản thân anh lúc tuổi đôi mươi. Gia đình Chris không nghèo, Tom chắc chắn như vậy, nhưng nhà của họ cũng không thể được như thế này. Trong lúc uống cà phê, Tom bật bản nhạc *Giấc Mơng Đêm Hè*.

Lúc ấy điện thoại reo. Tầm mười giờ tối.

Tổng đài viên người Pháp hỏi lại có phải số điện thoại của anh là như thế này không rồi bảo anh giữ máy chờ một cuộc gọi từ Luân Đôn.

“Xin chào. Bernard Tufts đây,” một giọng căng thẳng vang lên, sau đó là tiếng tanh tách.

“Xin chào? Phải. Là Tom đây. Anh có nghe rõ tiếng tôi nói không?”

“Anh có thể nói to hơn được không? Tôi gọi để nói...” Giọng Bernard mờ dần như thể bị chìm trong biển sâu.

Tom liếc nhìn Chris, cậu ta đang đọc bao đựng của một đĩa nhạc. “Thế này rõ hơn chưa?” Tom rống vào điện thoại, như để thể hiện sự giận dữ với anh, điện thoại phát ra một tiếng xẹt xẹt, rồi tanh tách như thể một ngọn núi bị chẻ đôi dưới sét. Tai trái của Tom kêu ù ù do thứ âm thanh đó và anh chuyển điện thoại sang tai phải. Anh có thể mang máng nghe thấy Bernard đang vật vã nói một cách chậm rãi, to tiếng, nhưng trời ơi câu chữ thì không thể nghe rõ nổi. Tom chỉ nghe đúng được từ “Murchison”. “Ông ta đang ở Luân Đôn!” Tom hét lên, mừng vì cũng có một chuyện rõ ràng để truyền tải. Giờ thì lại là chuyện gì đó liên quan đến khách sạn Mandeville. Có phải người ở Tate Gallery đã cố gắng liên lạc với ông Murchison ở Mandeville rồi đến nói chuyện với Buckmaster Gallery không nhỉ, Tom băn khoăn? “Bernard, cuộc điện thoại này thật vô vọng!” Tom hét lên một cách tuyệt vọng. “Anh có thể viết thư cho tôi được không?” Tom không rõ liệu Bernard đã đập máy hay chưa, nhưng theo sau là tiếng ro ro trong im lìm, và Tom cho rằng Bernard đã đầu hàng nên anh đập máy xuống. “Cứ nghĩ đến việc người ta phải trả một trăm hai mươi đô chỉ để có một cái điện thoại ở đất nước này,” Tom nói. “Tôi xin lỗi vì tràng la hét vừa rồi.”

“À, tôi vẫn nghe nói là các cuộc điện thoại ở Pháp chất lượng kém lắm,” Chris nói. “Nó có quan trọng không? Heloise à?”

“Không, không.”

Chris đứng dậy. “Tôi muốn anh xem sách hướng dẫn du lịch của tôi. Được chứ?” Cậu ta chạy lên gác.

Tom nghĩ việc cảnh sát Pháp hoặc Anh - thậm chí có khi cả cảnh sát Mỹ - thậm chí anh về ông Murchison chỉ là vấn đề thời gian. Tom hy vọng Chris không có mặt ở đây khi chuyện đó xảy ra.

Chris mang theo ba quyển sách xuống. Cậu ta có quyển *Guide Bleu* cho Pháp, một quyển sách nghệ thuật về các lâu đài của Pháp, và một

quyển sách to về Rheinland, nơi cậu ta định cùng Gerald Hayman tới du lịch khi Gerald từ Strassburg về.

Christopher nhắm nháp một ly brandy với vẻ sung sướng, cổ tình kéo dài. “Tôi nghiêm túc hoài nghi về giá trị của chế độ dân chủ. Một người Mỹ mà lại nói như thế thì thật kinh khủng, không phải sao? Nền dân chủ phụ thuộc vào việc mọi người đều có một trình độ giáo dục tối thiểu nhất định, và nước Mỹ cố gắng cho tất cả mọi người đều được nhận - nhưng chúng ta thật sự đâu có được như thế. Và cũng không phải tất cả mọi người đều muốn có sự giáo dục ấy...”

Tom chỉ nghe loáng thoáng. Nhưng những câu bình luận ngẫu hứng của anh có vẻ làm Chris thỏa mãn, ít nhất là trong buổi tối đó.

Điện thoại lại reo. Tom để ý thấy lúc ấy là mười một giờ kém năm theo chiếc đồng hồ bạc trên bàn đặt điện thoại.

Một giọng nam nói bằng tiếng Pháp thông báo rằng anh ta là một sĩ quan cảnh sát, xin lỗi vì đã gọi điện vào giờ này, nhưng không biết có anh Ripley ở đó không? “Chúc buổi tối tốt lành. Anh có tình cờ biết một người Mỹ tên là Thomas Murchison không?”

“Có,” Tom nói.

“Gần đây ông ta có tình cờ ghé thăm anh không? Thứ Tư? Hoặc thứ Năm?”

“Có, ông ấy đã tới đây.”

“À, tốt quá! Ông ta có đang ở chỗ anh không?”

“Không, ông ấy đã quay lại Luân Đôn vào thứ Năm.”

“Không có chuyện đó. Nhưng người ta đã tìm thấy va-li của ông ta ở sân bay Orly. Ông ta đã không lên chuyến bay mà ông ta định đi.”

“Ồ?”

“Anh có phải là bạn của ông Murchison không, anh Reeply?”

“Không, không phải bạn bè gì. Tôi mới chỉ quen ông ấy một thời gian ngắn.”

“Ông ta đã đi từ nhà anh tới sân bay Orly kiểu gì?”

“Tôi đã lái xe chở ông ấy - vào tầm ba rưỡi chiều ngày thứ Năm.”

“Anh có quen người bạn nào của ông ta ở Paris - nơi biết đâu ông ta đang ngủ lại không? Vì ông ta không có mặt trong bất kỳ khách sạn nào ở Paris hết.”

Tom dừng lại, ngẫm nghĩ. “Không. Ông ấy không đề cập tới bất kỳ người nào hết.”

Rõ ràng chuyện này khiến viên sĩ quan thất vọng. “Anh nhớ ở nhà trong mấy ngày tới nhé, anh Reeply?... Chúng tôi có thể muốn nói chuyện với anh...”

Lần này Christopher tò mò. “Có chuyện gì thế?”

Tom mỉm cười. “À... có người hỏi tôi xem một người bạn của tôi đang ở đâu. Tôi không biết.”

Ai là người đang xới tung chuyện về ông Murchison lên nhỉ, Tom tự hỏi? Người ở Tate Gallery à? Cảnh sát Pháp ở sân bay Orly, là họ khơi ra à? Hay là người vợ của ông Murchison ở Mỹ không biết chừng?

“Heloise như thế nào?” Christopher hỏi.

## CHƯƠNG 9

Sáng hôm sau khi Tom xuống nhà, bà Annette báo với anh rằng Christopher đã ra ngoài đi dạo. Tom hy vọng cậu ta không đi vào khu rừng đằng sau nhà, nhưng nhiều khả năng Chris sẽ đi xung quanh ngắm nghía ngôi làng. Tom cầm tờ *London Sundays* mà ngày hôm qua anh chỉ mới liếc qua lên và đọc kỹ cột tin tức xem có một thông tin nào, dù nhỏ, về ông Murchison hay người biến mất ở sân bay Orly hay không. Chẳng có gì.

Chris vào nhà, má hồng hào và tươi cười. Cậu ta đã mua một cái phới, loại mà người Pháp dùng để đánh trứng, ở cửa hàng tiện lợi địa phương. “Một món quà nhỏ cho em gái tôi,” Chris nói. “Nó để trong va-li không nặng mấy. Tôi sẽ kể cho con bé là nó đến từ làng của anh.”

Tom hỏi xem Chris có thích lái đi xe ra ngoài ăn trưa ở một thị trấn khác không. “Mang theo cuốn *Guide Bleu* của cậu nhé. Chúng ta sẽ lái xe dọc sông Seine.” Tom muốn chờ vài phút xem có thư không.

Người đưa thư chỉ mang đến đúng một bức thư được viết bằng nét chữ góc cạnh bằng mực đen. Ngay lập tức Tom cảm thấy bức thư này đến từ Bernard, dù anh không hề biết nét chữ của anh ta ra sao. Anh mở thư ra và qua chữ ký dưới thư anh nhận ra mình đã đúng.

*127 đường Copperfield*

*ST.l*

*Gửi Tom,*

*Xin hãy thứ lỗi cho bức thư đường đột này. Tôi rất mong được gặp anh. Tôi có thể tới chỗ anh không? Anh không cần cho tôi ở lại*

*đâu. Tôi chỉ mong được nói chuyện với anh trong chốc lát, miễn là anh sẵn lòng.*

*Trân trọng, Bernard T.*

*Tái bút: Có thể tôi sẽ thử gọi cho anh trước khi anh nhận bức thư này.*

Anh sẽ phải gửi điện tín cho Bernard ngay lập tức. Biết tín nói gì nhỉ? Anh mà từ chối thì sẽ chỉ càng làm Bernard thất vọng hơn, Tom nghĩ vậy, dù chắc chắn là anh không hề muốn gặp anh ta - không chỉ ở thời điểm hiện tại. Có khi ngay sáng nay anh có thể gửi điện tín cho Bernard từ một bưu điện trong một thị trấn nhỏ, khai báo tên và địa chỉ giả vì cuối mẫu đăng ký gửi điện tín của Pháp yêu cầu có những thông tin này của người gửi. Anh phải đuổi Chris đi ngay khi có thể, một việc mà anh chẳng hề thích. “Chúng ta có nên khởi hành luôn không nhỉ?”

Chris đứng dậy khỏi sô-pha, nơi cậu ta đang viết một tấm bưu thiếp. “Được thôi.”

Tom mở cửa trước đúng lúc hai sĩ quan cảnh sát người Pháp đang chuẩn bị gõ cửa. Thực tế, Tom lùi lại đúng lúc tránh nắm tay đeo găng trắng đang giơ lên.

“Xin chào anh Reeply?”

“Vâng. Mời vào.” Hẳn là họ đến từ Melun, Tom nghĩ, vì hai cảnh sát ở Villeperce quen anh và Tom cũng quen mặt họ, nhưng hai gương mặt này thì thật xa lạ.

Hai sĩ quan bước vào nhưng từ chối ngồi xuống. Họ bỏ mũ, kẹp chúng dưới cánh tay và viên sĩ quan trẻ hơn rút một xấp giấy và bút chì ra khỏi túi.

“Tối qua tôi đã gọi điện cho anh về chuyện liên quan tới một ông tên là Murchison,” viên sĩ quan lớn tuổi hơn nói, ông ta còn là một *ủy viên* cảnh sát. “Chúng tôi đã nói chuyện với phía Luân Đôn và sau vài cuộc điện



thoại, chúng tôi biết chắc rằng anh và ông Murchison đã đáp cùng một chuyến bay xuống sân bay Orly vào hôm thứ Tư và cũng ngụ tại cùng một khách sạn ở Luân Đôn, khách sạn Mandevée. Vậy nên...” ủy viên mỉm cười thỏa mãn. “Anh nói là anh đã đưa ông Murchison tới sân bay Orly lúc ba rưỡi chiều thứ Năm phải không?”

“Phải.”

“Và anh đã tiễn ông ta vào tận nhà ga chứ?”

“Không, vì tôi không thể đỗ xe trên vỉa hè, hai người biết đấy, nên tôi đã thả ông ấy xuống đó.”

“Anh có nhìn thấy ông ta đi qua cửa nhà ga không?”

Tom ngẫm nghĩ, “Tôi không ngoái lại nhìn lúc lái xe đi”.

“Vì ông ta đã bỏ lại va-li của mình trên vỉa hè và sau đó biến mất không một dấu vết. Ông ta có định gặp ai đó ở sân bay Orly không?”

“Ông ấy không hề đề cập tới việc đó.”

Christopher Greenleaf đang đứng cách đó một đoạn, lắng nghe toàn bộ câu chuyện, nhưng Tom chắc chắn là cậu ta không hiểu được nhiều.

“Ông ta có đề cập tới người bạn nào ở Luân Đôn mà ông ta định đi gặp không?”

“Không. Theo tôi nhớ là vậy.”

“Sáng nay chúng tôi đã gọi điện lại cho Mandevée nơi ông ta định đến, để hỏi xem họ có tin gì mới không. Họ báo với chúng tôi là không, nhưng một ông tên...” Ông ta quay sang nhìn đồng nghiệp.

“Ông Riemer,” viên sĩ quan trẻ tuổi nhắc lời.

“Ông Riemer đã gọi điện tới khách sạn vì ông ta có một cuộc hẹn với ông Murchison vào thứ Sáu. Qua cảnh sát Luân Đôn chúng tôi được biết rằng ông Murchison đang quan tâm đến việc xác nhận một bức tranh thuộc quyền sở hữu của mình. Một bức tranh của Derwatt. Anh có biết gì về chuyện này không?”

“À, có,” Tom nói. “Ông Murchison đã mang tranh theo. Ông ấy muốn xem các bức Derwatt của tôi ở đây.” Tom ra dấu về phía các bức tranh trên tường. “Đó là lý do ông ấy theo tôi từ Luân Đôn về đây.”

“À, tôi hiểu rồi. Anh biết ông Murchison bao lâu rồi?”

“Từ thứ Ba tuần trước. Tôi đã thấy ông ấy ở buổi triển lãm nghệ thuật, nơi tổ chức trưng bày tranh của Derwatt rồi lại thấy ông ấy ở cùng khách sạn với tôi tối hôm đó, sau đó chúng tôi bắt đầu tán gẫu.” Tom quay người lại và nói, “Xin thứ lỗi, Chris, nhưng chuyện này rất quan trọng”.

“Ồ, cứ tiếp tục đi, tôi không phiền đâu,” Chris nói.

“Bức tranh của ông Murchison đâu rồi?”

“Ông ấy đã mang nó theo,” Tom nói.

“Nó nằm trong va-li của ông ta à? Nó đâu có nằm trong va-li của ông ta.” ủy viên cảnh sát nhìn đồng nghiệp của mình và khuôn mặt của cả hai người đều mang nét ngạc nhiên.

Nó đã bị ăn trộm ở sân bay Orly, tạ ơn Chúa, Tom nghĩ thầm. “Nó được bọc trong giấy nâu. Ông Murchison đã mang nó theo. Tôi hy vọng là nó không bị ăn trộm chứ.”

“À, thì... rõ ràng là thế rồi. Bức tranh tên là gì nhỉ? Nó có to không? Anh có thể mô tả nó không?”

Tom trả lời các câu hỏi này một cách chính xác.

“Chuyện này rất phức tạp đối với chúng tôi, và có thể là rắc rối cho phía cảnh sát Luân Đôn, nhưng chúng tôi phải báo lại với họ tất cả những gì có thể. Đây là bức tranh - *L' Horloge\** - của họa sĩ nào mà ông Murchison nghi ngờ tính xác thực?”

“Đúng thế, ban đầu ông ấy khá nghi ngờ nó. Ông ấy là một chuyên gia giỏi hơn tôi,” Tom nói. “Tôi có hứng thú với những gì ông ấy nói vì tôi cũng sở hữu hai bức tranh của Derwatt, nên tôi đã mời ông ấy tới xem chúng.”

“Và...” ủy viên cau mày bối rối. “... ông ấy đã bình luận gì về tranh của anh?” Hẳn đây chỉ là một câu hỏi do hiểu kỳ.

“Chắc hẳn ông ấy nghĩ tranh của tôi là tranh thật và tôi cũng vậy,” Tom đáp lại. “Tôi nghĩ ông ấy cũng đã bắt đầu cho rằng tranh của ông ấy là tranh thật. Ông ấy còn bảo có thể sẽ hủy hẹn với ông Riemer.”

“À ha.” ủy viên nhìn điện thoại, có thể đang phân vân xem có nên gọi cho Melun không, nhưng ông ta không đề nghị gọi nhờ một cuộc.

“Tôi mời hai người một ly rượu vang được chứ?” Tom hỏi hai viên sĩ quan.

Họ từ chối rượu vang nhưng muốn xem qua các bức tranh của anh. Tom vui vẻ dẫn họ đi. Hai sĩ quan quan sát xung quanh, lăm băm bình luận có vẻ khá hiểu biết, cân nhắc vẻ mặt say mê và điệu bộ của họ khi nhìn các bức tranh sơn dầu và tranh chì. Chắc họ vẫn hay ghé thăm phòng triển lãm trong thời gian rảnh.

“Một họa sĩ nổi tiếng ở Anh, tên là Derwatt,” viên sĩ quan trẻ nói.

“Đúng vậy,” Tom nói.

Buổi thăm vẫn kết thúc. Họ cảm ơn Tom và ra về.

Tom mừng vì bà Annette đã ra ngoài đi mua đồ như thường lệ.

Christopher khẽ mỉm cười khi Tom đóng cửa lại. “Này, có chuyện gì thế? Tất cả những gì tôi có thể hiểu là ‘Orly’ và ‘Murchison’.”

“Có vẻ ông Thomas Murchison, một người Mỹ đến nhà tôi chơi tuần trước, đã không lên chuyến bay của ông ấy về Luân Đôn từ sân bay Orly. Có vẻ như ông ấy đã biến mất. Và họ tìm thấy va-li của ông ấy trên vỉa hè ở Orly - nơi tôi thả ông ấy xuống hôm thứ Năm.”

“Biến mất ư? Trời ơi!... Mới cách đây có bốn ngày thôi.”

“Cho tới tối qua tôi vẫn chưa biết gì về chuyện đó hết. Đó cũng là nội dung cuộc điện thoại mà tôi nhận được tối qua. Từ cảnh sát.”

“Trời ơi. Lạ thật.” Chris hỏi thêm vài câu và Tom trả lời như anh đã trả lời cảnh sát. “Có vẻ ông ấy đã bị choáng nên mới bỏ hành lý lại như thế.

Ông ấy có tinh táo không?”

Tom cười. “Tĩnh chứ. Tôi thật không tài nào hiểu nổi chuyện đó.”

Họ dạo chơi dọc sông Seine trên chiếc Alfa Romeo, đến gần Samois, Tom chỉ cho Chris xem cây cầu nơi đại tướng Patton đã cùng đội quân của mình băng qua sông Seine, trên đường tiến vào Paris năm 1944. Chris xuống xe và đọc câu chuyện khắc trên cái cột xám nhỏ và khi quay lại, mắt cậu ta đắm lệ hết như Tom sau khi thăm mộ của Keats. Ăn trưa ở Fontainebleau, vì Tom không thích nhà hàng chính ở Bas Samois - Bếp trưởng Bertrand hay gì đó - nơi mà anh và Heloise chưa bao giờ nhận được sự quan tâm chân thành, và gia đình điều hành cái nhà hàng đó còn có thói quen bắt đầu cọ sần trước khi khách hàng ăn xong, kéo những cái ghế chân kim loại trên sàn mà không thèm quan tâm đến cảm thụ của tai khách hàng. Sau đó, Tom không quên làm việc vặt hộ bà Annette - mua *champignons à la grecque\**, *céleri rémoulade\**, và vài loại xúc xích mà Tom không nhớ nổi tên, vì anh không thích chúng - những thứ người ta không mua được ở Villeperce. Anh mua chúng ở Fontainebleau và còn mua cả pin cho đài bán dẫn của anh nữa.

Trên đường về nhà, Chris phá ra cười và nói, “Sáng nay trong rừng tôi đã đi ngang qua một thứ trông như một ngôi mộ mới đắp vậy. Cực kỳ mới. Tôi thấy buồn cười vì hai cảnh sát sáng nay. Họ đến tìm một người mất tích đã ở lại nhà anh và nếu họ nhìn thấy cái hình *ngôi mộ* đó trong rừng... ”. Cậu ta cười ha hả.

Phải, buồn cười lắm, buồn cười đến phát điên. Tom cười trước rủi ro đáng sợ ấy. Nhưng không bình luận gì.

## CHƯƠNG 10

Ngày hôm sau trời xám xịt và tầm chín giờ trời bắt đầu mưa. Bà Annette ra ngoài để buộc lại một cánh cửa chớp đang đập loạn lên ở đâu đó. Bà ta đã nghe đài radio và người ta thông báo là chuẩn bị có một cơn bão lớn khủng khiếp, bà ta cảnh báo Tom như vậy.

Gió khiến anh chộn rộn. Sáng hôm nay việc tham quan du lịch trở nên bất khả thi đối với anh và Chris. Đến trưa, cơn bão còn trở nên tồi tệ hơn và gió quật ngọn cây dương cao xuống như roi da hoặc lưỡi kiếm. Thịnh thoảng lại có một cành cây - nhỏ xíu và chắc là đã chết - bị gió đánh bật ra khỏi một cái cây gần nhà và đập xuống mái kê lộp bộp rồi lăn xuống đất.

“Tôi thật sự chưa từng chứng kiến cảnh tượng nào thế này... ở đây,” Tom nói ở bữa trưa.

Nhưng Chris, cùng vẻ lạnh lùng hết như Dickie, hoặc có thể là đặc tính của cả gia đình cậu ta, mỉm cười và tận hưởng sự hỗn loạn ấy.

Đèn tắt ngóm trong khoảng nửa tiếng, theo lời Tom thì chuyện đó vẫn thường xảy ra ở vùng nông thôn Pháp, dù chỉ là bão nhỏ.

Sau bữa trưa, Tom đi lên căn phòng nơi anh ngồi vẽ. Thịnh thoảng vẽ tranh sẽ giúp ích mỗi lần anh cảm thấy lo lắng. Anh đứng vẽ gần bàn gia công, bức tranh sơn dầu dựa vào một cái kệ nặng nề và vài quyển sách nghệ thuật và sách về nghề làm vườn dày cộp. Đáy tranh đặt trên vài tờ báo cộng thêm một cái thảm vẽ lớn từng là một phần của tấm ga trải giường cũ. Tom hăng hái cúi người làm việc với tác phẩm của mình, thường xuyên bước lùi lại để ngắm nó. Đây là một bức chân dung của bà Annette được vẽ - chắc vậy - theo phong cách khá Kooning, điều đó có nghĩa là bà Annette

chắc sẽ không bao giờ nhận ra bức chân dung này là của mình. Tom không cố ý mô phỏng theo Kooning và cũng không chú ý nghĩ đến ông ta khi bắt đầu tác phẩm này, nhưng không thể nghi ngờ việc sản phẩm trông như một bức chân dung theo phong cách Kooning. Đôi môi nhợt nhạt của bà Annette hé ra nở nụ cười bằng một nét phẩy hồng, răng bà ta cố tình mang màu ngà và không đều. Bà ta mặc một chiếc váy màu tím nhạt có diềm xếp nếp trắng quanh cổ. Tất cả bức tranh được vẽ bằng cọ to và nét dài. Công tác chuẩn bị sơ bộ của Tom cho bức tranh này là vài bức vẽ bà Annette vội vàng trên đầu gối trong phòng khách, khi bà ta không chú ý.

Giờ có sấm sét. Tom đứng thẳng dậy và hít thở, ngực đau nhói vì căng thẳng. Trên đài bán dẫn của anh, chương trình *France Culture* đang phỏng vấn một tác giả có vẻ không được thoải mái lắm: “Cuốn sách của anh, anh Hublot (Heublein?) đối với tôi có vẻ (tanh tách)... nó là sự chuyển đổi từ - như vài nhà phê bình đã nhận xét - các thách thức cho đến giờ của anh sang khái niệm chống Sartreisme. Nhưng hiện giờ thì có vẻ nó đã đảo ngược...” Tom tắt phụt nó đi.

Có một tiếng *răng rắc* đáng ngại vang lên rất gần, từ hướng khu rừng, và Tom nhìn ra ngoài cửa sổ. Ngọn cây thông và cây dương vẫn lắc lư, nhưng nếu có cái cây nào đã đổ xuống trong rừng thì từ đây anh cũng không thể nhìn ra được trong bóng tối xanh xanh xám xịt của khu rừng. Biết đâu lại có cái cây nào đó vừa đổ, dù chỉ là một cây con, và che khuất cái ngôi mộ chết tiệt đó đi, Tom nghĩ thầm. Anh mong như vậy. Tom đang pha màu nâu đỏ để vẽ tóc của bà Annette - anh muốn hoàn thành bức tranh trong ngày hôm nay - thì nghe có giọng nói, hoặc anh tưởng là vậy, dưới nhà. Giọng đàn ông.

Tom đi ra hành lang.

Các giọng nói đang trò chuyện bằng tiếng Anh nhưng anh không thể nghe thấy những gì họ đang nói. Chris và một người nữa. *Bernard*, Tom nghĩ. Giọng Anh. Đúng rồi, trời đất ơi!

Tom cẩn thận đặt con dao trộn màu của anh lên cốc nhựa thông. Anh đóng cửa lại sau lưng và lao xuống nhà.

Chính là Bernard, đứng rũ rượi và ướt nhẹp trên tấm thảm ngay sau cửa. Tom sững sờ trước đôi mắt đen kịt của anh ta, nó có vẻ hõm sâu hơn nữa dưới hàng lông mày đen thẳng. Bernard trông có vẻ hoảng hốt, Tom nghĩ. Rồi ngay giây tiếp theo, Tom những tưởng anh ta chính là tử thần.

“Bernard!” Tom nói. “Chào mừng anh!”

“Xin chào,” Bernard nói. Anh ta đặt một cái túi vải buộc dây dưới chân.

“Đây là Christopher Greenleaf,” Tom nói. “Bernard Tufts. Có thể hai người đã giới thiệu bản thân rồi.”

“Đúng là thế,” Chris nói, mỉm cười, có vẻ hài lòng vì có thêm bạn.

“Tôi hy vọng việc tôi đến đây như thế này... không gây phiền phức gì,” Bernard nói.

Tom trấn an anh ta. Giờ đến lượt bà Annette bước vào và anh giới thiệu họ.

Bà Annette đề nghị cất áo khoác hộ Bernard.

Tom nói với bà bằng tiếng Pháp, “Bà có thể dọn dẹp phòng ngủ nhỏ cho anh Bernard”. Đây là căn phòng khách thứ hai, hiếm khi được sử dụng, chỉ có đúng một cái giường đơn, mà anh và Heloise gọi là “phòng ngủ nhỏ”. “Và anh Bernard sẽ ăn tối với chúng ta hôm nay.” Rồi Tom hỏi anh ta, “Anh đã đi đến đây bằng cách nào thế? Đi tắc-xi từ Melun à? Hay là Moret?”.

“Phải. Melun. Tôi đã tìm kiếm thị trấn này trên một bản đồ ở Luân Đôn.” Cao và gày nhảnh, giống như chữ viết của mình, Bernard đang đứng chà xát đôi bàn tay. Đến cả áo khoác của anh ta trông cũng ướt đẫm.

“Có muốn mượn áo len không, Bernard? Uống một cốc brandy để ấm người nhé?”

“Ôi, không, không, cảm ơn anh.”

“Vào phòng khách đã! Trà nhé? Tôi sẽ nhờ bà quản gia pha trà khi bà ấy xuống đây. Ngồi xuống đi, Bernard.”

Bernard lo lắng nhìn Chris như thể muốn chờ cậu ta ngồi xuống trước sao đó. Nhưng trong những phút tiếp theo, Tom nhận ra là Bernard nhìn thứ gì cũng có vẻ lo lắng, kể cả cái gạt tàn trên bàn cà phê. Việc trao đổi cũng cực kỳ khó khăn và Bernard thẳng thắn thể hiện mong muốn Christopher không có mặt ở đây. Nhưng có vẻ Chris không hiểu được điều đó, theo Tom thấy, mà ngược lại còn nghĩ rằng sự hiện diện của mình rất hữu ích vì rõ ràng là Bernard đang trong trạng thái bất ổn. Bernard nói lắp bắp và tay thì run bần bật.

“Tôi thật sự sẽ không ở lại làm phiền anh lâu đâu,” anh ta nói.

Tom bật cười. “Nhưng hôm nay anh không được phép về đâu đấy! Chúng ta đang phải đón nhận thứ thời tiết tồi tệ nhất mà tôi từng chứng kiến trong vòng ba năm ở lại đây. Máy bay có gặp khó khăn khi hạ cánh không?”

Bernard không nhớ. Mắt anh ta dạt đến bức tranh - do chính anh ta vẽ - “Người Ngồi Trong Ghế” trên lò sưởi rồi lại nhìn đi chỗ khác.

Tom nghĩ tới màu tím cô-ban trong bức tranh đó. Giờ thì anh thấy nó như thuốc độc hóa học vậy. Tom đoán Bernard chắc cũng cảm thấy như vậy. “Lâu lắm rồi anh không nhìn thấy bức ‘Đôi Ghế Đỏ’ nhỉ,” Tom nói, đứng dậy. Bức tranh nằm sau lưng Bernard.

Anh ta đứng dậy theo và xoay người lại, chân vẫn dính chặt vào sofa.

Nỗ lực của Tom được đáp lại bằng một nụ cười yếu ớt nhưng chân thành trên mặt Bernard. “Đúng vậy. Nó thật đẹp,” anh ta nói bằng giọng trầm nhỏ đặc trưng.

“Anh là họa sĩ à?” Chris hỏi.

“Đúng thế.” Bernard lại ngồi xuống. “Nhưng không giỏi như... như Derwatt.”

“Bà Annette, bà có thể đun ít nước pha trà được không?” Tom hỏi.

Bà Annette đã đi từ trên gác xuống, mang theo khăn tắm hoặc một thứ gì đó. “Ngay lập tức, thưa anh Tome.”



“Anh có thể giải thích cho tôi,” Christopher bắt đầu gọi chuyện với Bernard, “điều gì khiến một họa sĩ được coi là xuất sắc... hay không? Chẳng hạn, tôi thấy có vài họa sĩ đang bắt đầu vẽ giống Derwatt. Tôi không thể kể ra tên họ ngay lập tức vì họ không nổi tiếng bằng. À, phải rồi, Parker Nunnally chẳng hạn. Anh có biết tác phẩm của anh ta không? Điều gì khiến Derwatt xuất sắc hơn vậy?”.

Tom cũng cố gắng tìm câu trả lời đúng, có lẽ là “nguyên bản”. Nhưng từ “đại chúng” cũng vụt qua đầu anh. Anh chờ Bernard lên tiếng.

“Là do cá tính,” Bernard cẩn trọng nói. “Đó là Derwatt.”

“Anh quen anh ta à?” Chris hỏi.

Tom cảm thấy hơi nhói lòng, cắn rứt vì nỗi thương cảm với Bernard.

Bernard gật đầu. “À, quen.” Giờ hai bàn tay xương xẩu của anh ta đang bấu lấy một bên đầu gối.

“Anh có cảm nhận được cá tính đấy khi gặp anh ta không? Ý tôi là khi nhìn thấy anh ta?”

“Có,” Bernard nói kiên định hơn. Nhưng anh ta rúm người lại, chắc là vì đau đớn, trước cuộc trò chuyện này. Cùng lúc ấy đôi mắt đen sẫm của anh ta dường như đang tìm kiếm thêm chuyện để nói về chủ đề này.

“Chắc đó không phải là một câu hỏi công bằng,” Chris nói. “Phần lớn các nghệ sĩ xuất sắc không thể hiện cá tính hay lãng phí nhiệt huyết của họ vào đời sống cá nhân, tôi nghĩ vậy. Bề ngoài thì họ đều có vẻ hết sức tầm thường.”

Trà được mang lên.

“Anh không mang va-li theo à, Bernard?” Tom hỏi. Anh biết rõ là anh ta không có cái va-li nào nữa và thấy lo lắng không biết Bernard có thấy thoải mái không.

“Không, tôi đã vội vàng lao tới đây,” Bernard nói.

“Đừng lo gì cả. Tôi có tất cả những thứ anh cần đây rồi.” Tom cảm nhận Chris nhìn anh rồi nhìn Bernard, hẳn đang phỏng đoán họ quen nhau

bằng cách nào và có thân thiết không. “Đói không?” Tom hỏi Bernard. “Quản gia của tôi thích làm sandwich lắm.” Chỉ có mấy cái bánh nhỏ để ăn cùng trà. “Tên bà ấy là Annette. Anh muốn gì thì cứ hỏi bà ấy là được.”

“Không, cảm ơn.” Tách trà của Bernard phát ra ba âm thanh leng keng khi anh ta đặt nó xuống đĩa.

Tom tự hỏi có phải Jeff và Ed đã cho Bernard uống quá nhiều thuốc an thần đến mức lúc này anh ta cần có một thứ khác? Bernard đã uống xong tách trà của mình và Tom dẫn anh ta lên gác xem phòng.

“Anh sẽ phải dùng chung phòng vệ sinh với Chris,” Tom nói. “Anh băng qua hành lang này và đi qua phòng của vợ tôi.” Tom để cửa mở. “Heloise không có ở đây, cô ấy đang ở Hy Lạp. Tôi hy vọng anh có thể nghỉ ngơi lại đây một chút, Bernard, vấn đề thật sự là gì vậy? Điều gì đang khiến anh lo lắng?”

Họ đã quay lại “phòng ngủ nhỏ” của Bernard và cửa đã đóng lại.

Bernard lắc đầu. “Tôi cảm thấy như thể mình đã đi đến cuối đường. Chỉ vậy thôi. Buổi triển lãm này là sự kết thúc. Nó là buổi triển lãm cuối cùng mà tôi có thể vẽ. Bức tranh cuối cùng. ‘Bồn Tắm’. Và giờ họ đang cố gắng đưa - anh biết đấy - khiến anh ấy sống lại.”

*Và tôi đã thành công*, Tom những muốn nói vậy, nhưng mặt anh vẫn nghiêm túc hệt như Bernard. “À thì... theo giả thuyết thì anh ấy vẫn còn sống suốt năm năm qua mà. Tôi chắc chắn là họ sẽ không ép anh tiếp tục vẽ nếu anh không muốn đâu, Bernard.”

“À, họ sẽ cố gắng, Jeff và Ed ấy. Nhưng tôi đã chịu đủ rồi, anh hiểu không. Đủ lắm rồi.”

“Tôi nghĩ họ cũng biết điều đó. Đừng lo lắng về chuyện đấy. Chúng ta có thể... Xem này, Derwatt *lại* có thể tiếp tục sống ẩn dật. Ở Mexico. Cứ nói anh ta sẽ tiếp tục vẽ trong những năm tới, nhưng từ chối trưng bày tranh của mình.” Tom đi qua đi lại trong khi nói. “Năm tháng trôi qua. Khi Derwatt chết - chúng ta sẽ bảo anh ta đã thiêu rụi toàn bộ các bức vẽ cuối

đời mình, như vậy chẳng hạn, để không ai được nhìn thấy chúng hết!” Tom mỉm cười.

Đôi mắt ảm đạm của Bernard vẫn nhìn chăm chăm xuống sàn, khiến Tom cảm giác như thể mình vừa kể một câu chuyện cười mà khán giả không thấy buồn cười. Hoặc tệ hơn, vừa thực hiện một hành vi báng bổ thánh thần, kể chuyện cười xấu xa trong nhà thờ.

“Anh cần nghỉ ngơi, Bernard. Anh có muốn uống thuốc ngủ không? Tôi có vài loại nhẹ.”

“Không, cảm ơn.”

“Có muốn rửa ráy không? Đừng bận tâm đến Chris và tôi. Chúng tôi sẽ để anh được thoải mái. Ăn tối lúc tám giờ nếu anh muốn nhập hội cùng chúng tôi. Cứ xuống sớm hơn nếu anh muốn uống gì đó.”

Gió vừa phát ra tiếng gào rít và một cái cây lớn uốn cong xuống - hai người cùng liếc ra ngoài cửa sổ và nhìn thấy cảnh tượng ấy, nó nằm ở vườn sau của Tom - và anh cảm thấy như thể ngôi nhà cũng vừa cong xuống, và theo bản năng anh trụ vững chân. Làm sao lại có người có thể giữ bình tĩnh trong thời tiết này được?

“Có muốn tôi kéo rèm vào không?” Tom hỏi.

“Nó không quan trọng.” Bernard nhìn Tom. “Ông Murchison đã nói gì khi nhìn thấy bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’?”

“Ông ta nói đó là tranh giả... lúc đầu là như vậy. Nhưng tôi đã thuyết phục được ông ta là không phải vậy.”

“Làm sao anh có thể? Ông Murchison đã kể cho tôi những gì ông ta nghĩ về... màu tím oải hương. Ông ta nói đúng. Tôi đã phạm phải ba sai lầm, ‘Người Ngồi Trong Ghế’, ‘Đồng Hồ’, và giờ là bức ‘Bồn Tắm’. Tôi không biết làm sao chuyện đó lại xảy ra. Tôi không biết lý do. Tôi chẳng nghĩ gì hết. Ông Murchison nói đúng.”

Tom im lặng. Sau đó anh nói, “Theo lẽ tự nhiên tất cả chúng ta đều bị dọa sợ. Việc Derwatt còn sống có thể khiến chuyện ấy bị quên đi. Chỉ có

hiểm họa - hiểm họa bị bóc trần chuyện anh ta không còn sống. Nhưng chúng ta đã vượt qua được chướng ngại vật đấy rồi, Bernard”.

Bernard hình như hoàn toàn không theo kịp chuyện này. Anh ta nói, “Anh đã đề nghị mua lại bức ‘Đồng Hồ’ hay sao?”.

“Không. Tôi đã thuyết phục ông ta rằng Derwatt hẳn đã quay lại - trong khoảng một, hai hoặc ba bức tranh - sử dụng màu tím oải hương mà anh ta từng dùng.”

“Ông Murchison thậm chí còn trò chuyện với tôi về chất lượng tranh. Ôi, Chúa ơi!” Bernard ngồi xuống giường và ngã ra sau. “Ông Murchison giờ đang làm gì ở Luân Đôn vậy?”

“Tôi không biết. Nhưng tôi biết là ông ta sẽ không đi gặp chuyên gia, sẽ không làm gì hết, Bernard - vì tôi đã thuyết phục được ông ta tin chúng ta,” Tom trấn an nói.

“Tôi chỉ có thể nghĩ ra một cách để anh thuyết phục được ông ta, một cách hết sức liêu lĩnh.”

“Ý anh là gì?” Tom hỏi, mỉm cười, thấy hơi sợ.

“Anh đã thuyết phục ông ta để tôi yên. Như một thứ đáng thương hại, một thứ cần được thương hại. Tôi không muốn bị thương hại.”

“Theo lẽ tự nhiên... không hề đề cập chút nào tới anh.” *Anh điên rồi*, Tom cảm thấy muốn nói vậy. Bernard điên rồ, hoặc ít nhất thì cũng đang tạm thời loạn trí. Vậy nhưng Bernard đã nói chính xác những gì Tom đã cố gắng làm trong hầm trước khi giết ông Murchison - thuyết phục ông ta để Bernard yên vì anh ta sẽ không vẽ thêm một bức tranh “Derwatt” nào nữa. Tom thậm chí còn đã thử giải thích cho ông Murchison hiểu sự tôn thờ mà Bernard dành cho Derwatt, thần tượng đã qua đời của anh ta.

“Tôi không nghĩ ông Murchison có thể bị thuyết phục,” Bernard nói. “Anh không cố gắng khiến tôi cảm thấy ổn hơn bằng cách nói dối tôi đấy chứ, Tom? Vì tôi đã nghe quá đủ những lời dối trá rồi.”

“Không hề.” Nhưng Tom cảm thấy không thoải mái vì anh đang nói dối, với Bernard. Hiếm khi Tom lại cảm thấy không thoải mái vì nói dối.

Tom lưỡng lự trước việc đến một lúc nào đó anh sẽ phải kể cho Bernard chuyện ông Murchison đã chết. Đó là cách duy nhất để trấn an anh ta - một phần nào đó, ít nhất là về chuyện tranh giá. Nhưng Tom không thể nói chuyện đó với Bernard lúc này, trong cơn bão loạn trí này, trong tình trạng hiện thời của anh ta, không thì Bernard sẽ biến nổi điên mất. “Tôi sẽ trở lại ngay,” anh nói.

Bernard nhòm dậy khỏi giường ngay lập tức và đi ra cửa sổ, đúng lúc gió tạt mưa đập vào mặt cửa kính.

Tom nhăn mặt trước cảnh tượng đó nhưng Bernard thì không. Anh về phòng mình, lấy pyjama và một chiếc áo choàng ngủ bằng vải Madras\* cho Bernard, kèm theo đôi dép đi trong nhà và một chiếc bàn chải đánh răng mới vẫn nằm trong hộp nhựa. Anh để bàn chải trong phòng tắm phòng trường hợp Bernard không có và mang những món đồ còn lại vào phòng anh ta. Anh dặn Bernard là anh sẽ ở dưới nhà nếu anh ta cần gì, còn bây giờ anh sẽ để anh ta nghỉ ngơi.

Chris đã về phòng cậu ta, Tom thấy qua ánh đèn. Cơn bão khiến căn nhà tối tăm một cách lạ thường. Tom về phòng mình và lấy tuýp kem đánh răng của Bá tước trong ngăn kéo tủ của anh ra. Khi cuộn đáy tuýp kem lên, nó vẫn sử dụng được và tốt hơn là anh nên dùng nó chứ không nên quăng đi rồi có nguy cơ bị bà Annette nhìn thấy trong thùng rác: lãng phí và không thể giải thích được. Tom cầm tuýp kem đánh răng của mình trên bồn rửa và đặt nó vào phòng vệ sinh của Chris và Bernard.

Tom tự hỏi không biết anh sẽ phải làm cái quái gì với Bernard đây? Nếu cảnh sát quay lại và Bernard có mặt tại đây, như Chris có mặt lúc trước thì phải làm sao? Bernard khá thành thạo tiếng Pháp, Tom nghĩ.

Anh ngồi xuống viết một bức thư cho Heloise. Viết thư cho cô lúc nào cũng giúp anh bình tĩnh lại. Khi anh hoài nghi vốn tiếng Pháp của mình thì thường anh cũng không thèm tra từ điển vì lỗi sai của anh khiến Heloise thích thú.

*Ngày 22 tháng Mười, 19...*

*Heloise yêu,*

*Một người em họ của Dickie Greenleaf, một thanh niên tử tế tên là Christopher, đang đến đây chơi vài ngày. Cậu ta đến Paris chơi lần đầu tiên. Thử tưởng tượng cảnh nhìn thấy Paris lần đầu tiên ở tuổi hai mươi mà xem? Cậu ta hết sức sững sờ trước sự đồ sộ của thành phố. Cậu ta đến từ California.*

*Hôm nay có một cơn bão khủng khiếp. Ai cũng lo lắng. Mưa và gió.*

*Anh nhớ em. Em đã nhận được bộ áo tắm đỏ chưa? Anh đã dặn bà Annette gửi nó bằng đường hàng không và đưa cho bà ta rất nhiều tiền, nên nếu bà ta không làm đúng theo thì anh sẽ phạt bà ta. Ai cũng hỏi bao giờ em về. Anh đã uống trà với nhà Grais. Anh cảm thấy thật cô quạnh khi không có em. Hãy trở về và chúng ta sẽ ngủ trong vòng tay nhau.*

*Người chồng cô đơn của em, Tom*

Tom dán tem lên bức thư và mang nó xuống dưới nhà, đặt lên bàn kê ngoài hành lang.

Giờ Christopher đang ở trong phòng khách, đọc sách trên ghế sofa. Cậu ta nhảy bật dậy. “Nghe này...” Cậu ta nói nhỏ nhẹ. “Có chuyện gì với bạn anh thế?”

“Anh ta đang gặp khủng hoảng. Ở Luân Đôn. Anh ta tuyệt vọng với công việc của mình. Và tôi nghĩ là anh ta đã có... Anh ta đã chia tay bạn gái hoặc cô ta đá anh ta. Tôi cũng không rõ nữa.”

“Anh có thân với anh ta lắm không?”

“Không quá thân. Không.”

“Tôi vừa nghĩ - vì tình trạng anh ta có vẻ kỳ cục - không biết anh có muốn tôi đi sớm không. Sáng mai. Thậm chí là tối nay.”

“Ồ, chắc chắn không phải tối nay rồi, Chris. Trong thời tiết như thế này sao? Không, việc cậu ở đây không khiến tôi phiền đâu.”

“Nhưng tôi có cảm giác anh ta thấy phiền. Bernard ấy.” Chris hất đầu về phía cầu thang.

“À... có vô số phòng trong căn nhà này để chúng tôi nói chuyện, Bernard và tôi ấy, nếu anh ta muốn. Đừng lo.”

“Được rồi. Nếu anh thật sự nghĩ vậy. Cứ đợi đến mai xem sao.” Cậu ta rút tay vào túi quần sau và đi về phía ô cửa sổ kiểu Pháp.

Bà Annette có thể bước vào đây và kéo rèm bất kỳ lúc nào, Tom nghĩ thầm, ít nhất điều đó sẽ mang lại chút an ủi trong tình huống hỗn loạn này.

“Nhìn kìa!” Chris chỉ về phía bãi cỏ.

“Cái gì thế?” Tom đoán là lại có một cái cây đổ, một vấn đề vụn vặt. Anh mất một lúc mới nhìn thấy điều Chris đã nhìn thấy vì trời quá tối. Tom nhận ra có một bóng người đang chậm chạp đi trên bãi cỏ, suy nghĩ đầu tiên của anh đó là *bóng ma của ông Murchison*, và anh nháy bật dậy. Nhưng Tom không tin ma quỷ.

“Bernard đấy!” Chris nói.

Đó là Bernard, tất nhiên rồi. Tom mở ô cửa sổ kiểu Pháp và bước ra ngoài trời mưa, giờ thì gió đang tạt các giọt mưa lạnh lẽo đi tứ tung. “Bernard này! Anh đang làm gì đấy?” Tom thấy anh ta không phản ứng gì, vẫn chậm chạp dạo bước, đầu ngẩng lên, và anh lao về phía anh ta. Tom vấp ngã ở bậc thềm đá trên cùng, gần như ngã xuống cả cầu thang, chỉ kịp lấy lại thăng bằng ở bậc thềm cuối cùng, đồng thời cũng bị trật mắt cá chân. “Này, Bernard, vào trong đi!” Tom hét lên, giờ đi cà nhắc về phía anh ta.

Chris chạy xuống chỗ Tom. “Anh sẽ bị ướt hết mất!” Cậu ta cười nói và dợm muốn túm lấy cánh tay của Bernard nhưng rõ ràng là không dám.

Tom nắm chặt cổ tay Bernard. “Bernard, anh định lăn ra ốm một cách giật gân đấy à?”

Bernard quay về phía họ và mỉm cười, một dòng nước mưa nhỏ giọt từ mái tóc đen đang dính chặt lấy trán anh ta. “Tôi thích thể này. Thật sự thích. Tôi *cảm thấy* thích thể này!” Anh ta giơ cao hai tay lên, giũ ra khỏi tay Tom.

“Nhưng anh sẽ vào trong nhà ngay bây giờ chứ? Xin anh đấy, Bernard.”

Anh ta mỉm cười với Tom. “Ôi, được rồi,” anh ta nói như thể đang chiều lòng anh.

Ba người cùng nhau quay vào nhà, hết sức chậm chạp, vì có vẻ Bernard muốn ngấm mọi hạt mưa. Anh ta giống như đang rất vui, đưa ra vài bình luận tươi tỉnh khi cởi giày ra trước ô cửa sổ kiểu Pháp để không làm hỏng tấm thảm. Anh ta cũng cởi áo khoác ra.

“Anh thật sự phải thay đồ đấy,” Tom nói. “Tôi sẽ lấy đồ cho anh.” Tom cũng đang cởi giày của mình ra.

“Được thôi, tôi sẽ thay đồ,” Bernard nói, vẫn giữ cái giọng kẻ cả, và chậm rãi leo cầu thang, tay cầm giày.

Chris nhìn Tom và cau mày chăm chú, hệt như Dickie. “Gã đó bị điên!” Cậu ta thì thào. “Thật sự điên rồi!”

Tom gật đầu, run rẩy một cách kỳ lạ - run rẩy hệt như mỗi lần ở cùng chỗ với một người đầu óc thật sự không bình thường. Đó là cảm giác vỡ vụn. Lần này nó đến hơi sớm: thường thì phải mất hai mươi tư tiếng. Tom cẩn thận thử mắt cá chân và xoay cổ chân. Anh nghĩ cổ chân mình chắc không bị gì nghiêm trọng đâu. “Chắc là cậu đúng,” anh nói với Chris. “Tôi sẽ lên nhà tìm quần áo khô cho anh ta.”



# CHƯƠNG 11

Tầm khoảng mười giờ tối hôm đó, Tom gõ cửa phòng Bernard. “Là tôi. Tom đây.”

“À, vào đi, Tom,” Bernard nói một cách bình thản.

Anh ta đang ngồi ở bàn viết, tay cầm bút. “Xin đừng hốt hoảng với hành vi đi dạo trong mưa của tôi tối nay. Tôi là chính mình khi ở trong mưa. Và nó đã dần trở thành một thứ hiếm lạ.”

Tom hiểu, chỉ là thấu hiểu quá rõ.

“Ngồi xuống nào, Tom! Đóng cửa lại. Cứ tự nhiên đi.”

Tom ngồi xuống giường của Bernard. Thực ra anh đã đến gặp Bernard như đã hứa trong bữa tối, Chris cũng có mặt ở đó. Bernard đã vui vẻ hơn lúc ăn tối. Anh ta đang khoác chiếc áo choàng ngủ bằng vải Madras. Có vài tờ giấy phủ kín chữ viết tay của Bernard với mực đen trên bàn, nhưng Tom có cảm giác anh ta không viết thư. “Tôi đoán rất nhiều lúc anh cảm thấy mình là Derwatt,” anh nói.

“Thình thoảng. Nhưng ai có thể thật sự trở thành anh ấy được cơ chứ? Những lúc tôi đi dạo trên đường phố Luân Đôn thì không. Chỉ là thình thoảng những khi tôi vẽ, mỗi lần chỉ vài giây thôi, tôi cảm giác mình là anh ấy. Và anh biết đấy, lúc này tôi có thể dễ dàng nói về nó, một cách vui vẻ, vì tôi chuẩn bị bỏ cuộc. Đã bỏ cuộc.”

Và có thể thứ trên bàn viết là lời thú tội, Tom nghĩ. Thú tội với ai đây?.

Bernard choàng tay qua lưng ghế. “Và anh biết đấy, hành động giả mạo của tôi, các tác phẩm giả mạo của tôi, đã tiến hóa trong vòng bốn hay năm năm gì đó theo cái cách mà có lẽ khả năng hội họa của Derwatt sẽ tiến hóa. Điều đó buồn cười thật, phải không?”

Tom không biết phải nói gì cho đúng, thậm chí là đủ kính trọng. “Có thể cũng không buồn cười gì đâu. Anh hiểu Derwatt. Và các nhà phê bình cũng nói điều tương tự, rằng kỹ thuật vẽ đã tăng tiến.”

“Anh không thể tưởng tượng được cảm giác kỳ lạ khi vẽ dưới tư cách... Bernard Tufts. Kỹ thuật vẽ của anh ta không phát triển đến mức ấy. Cảm giác như thể tôi đang giả mạo Tufts vậy, vì tôi vẫn vẽ như Tufts đã vẽ cách đây năm năm!” Bernard cười thật. “Theo một cách nào đó, tôi phải đổ nhiều mồ hôi công sức để làm chính mình hơn cả khi làm Derwatt. Đúng là như thế đấy. Và điều đó khiến tôi điên tiết, anh hiểu không. Anh có thể hiểu được mà. Tôi muốn cho bản thân một cơ hội, nếu vẫn còn chất gì đó trong tôi.”

Ý anh ta là trao cho Bernard Tufts một cơ hội, Tom hiểu. “Tôi tin chắc rằng chuyện đó có thể thực hiện được. Anh nên là người nắm quyền quyết định.” Tom lấy bao thuốc lá Gauloises của anh ra khỏi túi và mời Bernard một điếu.

“Tôi muốn khởi đầu trong sạch. Tôi định thú nhận những gì đã làm và khởi đầu từ đó... hoặc cố gắng làm vậy.”

“Ôi, Bernard! Anh phải vứt cái ý định đó đi ngay. Anh không phải là người duy nhất có dính líu trong vụ này. Hãy nghĩ xem nó sẽ khiến Jeff và Ed ra sao. Tất cả những bức tranh mà anh đã vẽ sẽ... Thật đấy, Bernard, cứ thú tội với một mục sư, nếu muốn, chứ đừng công khai gì với báo chí. Hoặc cảnh sát Anh.”

“Anh nghĩ tôi điên, tôi biết. Đúng là thỉnh thoảng tôi điên thật. Nhưng tôi chỉ có một đời để sống. Tôi gần như đã hủy hoại cuộc đời ấy. Tôi không có ý định hủy hoại nốt quãng đời còn lại. Và lại đó là chuyện của tôi, không phải sao?”

Giọng Bernard run rẩy. Nội tâm anh ta mạnh mẽ hay yếu đuối nhỉ, Tom tự hỏi? “Tôi hiểu,” Tom nhẹ nhàng nói.

“Tôi không muốn làm màu gì đâu, nhưng tôi phải xem xem liệu mọi người có chấp nhận tôi hay không... xem xem liệu họ có tha thứ cho tôi hay không, anh hiểu chứ.”

Họ sẽ không tha thứ đâu, Tom nghĩ. Thế giới này tuyệt đối sẽ không tha thứ. Nếu anh nói như vậy thì Bernard có bị vỡ mộng không nhỉ? Chắc là có. Anh ta chắc sẽ tự tử thay vì thú tội. Tom hăng giọng và cố gắng suy nghĩ, nhưng đầu óc anh trống rỗng.

“Vớ cả, tôi nghĩ Cynthia sẽ thích việc tôi thú nhận mọi tội lỗi. Cô ấy yêu tôi. Tôi cũng yêu cô ấy. Tôi biết bây giờ thì cô ấy không muốn gặp tôi. Ở Luân Đôn. Ed đã bảo lại với tôi như vậy. Tôi không trách cô ấy. Jeff và Ed đã biến tôi thành một kẻ tàn tật: ‘Đến gặp Bernard đi, anh ta cần cô!’.” Bernard nhại giọng nói. “Làm gì có người phụ nữ nào chịu đến?” Bernard nhìn Tom và giang rộng cánh tay, mỉm cười. “Anh đã thấy cơn mưa có tác dụng tốt với tôi đến mức nào chưa, Tom? Nó chỉ chừa lại đúng tội lỗi của tôi.”

Tiếng cười của anh ta lại vang lên và Tom ghen tị với tiếng cười tự tại ấy.

“Cynthia là người phụ nữ duy nhất mà tôi từng yêu. Tôi không có ý... À thì, cô ấy cũng có một, hai cuộc tình sau tôi, chắc chắn là vậy. Tôi mới là người đã chấm dứt chuyện của chúng tôi. Tôi đã thấy cực kỳ... lo lắng, thậm chí là sợ hãi, khi mới bắt đầu mô phỏng Derwatt.” Bernard hỗn hển. “Nhưng tôi biết cô ấy vẫn còn yêu tôi - nếu tôi là *chính mình*. Anh có hiểu được điều đó không?”

“Chắc chắn rồi. Tất nhiên rồi. Anh đang viết thư cho Cynthia đấy à?”

Bernard vẫy tay về phía đồng giấy và mỉm cười. “Không, tôi đang viết... cho bất kỳ ai. Nó chỉ là một thông báo. Cho báo chí hoặc bất kỳ ai.”

Và nó phải chấm dứt. Tom nói một cách bình tĩnh, “Tôi mong anh sẽ cân nhắc mọi chuyện thật thấu đáo trong vài ngày tới, Bernard”.

“Tôi chưa có đủ thời gian để cân nhắc hay sao?”

Tom cố gắng nghĩ ra một lập luận thuyết phục hơn, rõ ràng hơn để nói với Bernard, để có thể ngăn anh ta lại, nhưng phần nửa đầu óc anh vẫn nghĩ tới ông Murchison, tới khả năng cảnh sát sẽ quay lại. Họ sẽ cố gắng tìm manh mối đến mức độ nào? Liệu họ có tìm kiếm trong rừng không? Danh dự của Tom Ripley đã có phần... nhơ nhuốc, hẳn là vậy, sau câu chuyện Dickie Greenleaf. Dù anh đã được xóa sạch mọi nghi ngờ thì anh vẫn từng có thời bị hoài nghi, vẫn có tin đồn, dù kết thúc có hậu. Sao anh không đặt xác ông Murchison vào xe ô-tô và chở ông ta đi thêm vài dặm mới chôn xuống, đâu đó trong khu rừng ở Fontainebleau, kể cả cắm trại trong rừng để hoàn thành công việc nếu bắt buộc? “Ngày mai chúng ta nói tiếp chuyện này được không?” Tom nói. “Biết đâu anh sẽ nhìn nhận mọi việc khác đi, Bernard.”

“Tất nhiên, chúng ta có thể nói về chuyện này bất kỳ lúc nào. Nhưng ngày mai tôi cũng sẽ không nghĩ khác đâu. Tôi muốn nói chuyện với anh đầu tiên vì anh chính là người đã nảy ra toàn bộ ý tưởng này - làm Derwatt sống lại. Tôi muốn bắt đầu từ đầu, anh hiểu chứ. Tôi khá logic đấy.” Cách anh ta giáo điều thông báo cho anh có phần điên rồ, và Tom lại cảm thấy cực kỳ bất an.

Điện thoại reo. Có một chiếc điện thoại trong phòng Tom và âm thanh vang vọng rõ mồn một trong hành lang.

Tom nháy bật dậy. “Anh không được phép quên rằng những người khác cũng có liên đới...”

“Tôi sẽ không lôi anh vào chuyện này đâu, Tom.”

“Có điện thoại. Chúc ngủ ngon, Bernard,” anh vội vã nói và lao qua hành lang về phòng. Anh không muốn Chris nghe điện thoại dưới nhà.

Lại là cảnh sát. Họ xin lỗi vì gọi muộn, nhưng...

Tom nói, “Tôi xin lỗi, nhưng anh có thể gọi lại sau khoảng năm phút nữa không? Hiện giờ tôi đang..”

Giọng lễ độ nói rằng tất nhiên anh ta có thể gọi lại sau.

Tom đập máy và vùi mặt vào trong lòng bàn tay. Anh đang ngồi ở mép giường. Anh đứng dậy và đóng cửa lại. Các sự kiện đang dần thoát khỏi tầm kiểm soát của anh. Anh đã vội vã chôn xác ông Murchison vì lão Bá tước chết tiệt. Thật là sai lầm! Sông Seine, sông Loing luôn lách khắp mọi góc ngách trong quận này, có những cây cầu vắng vẻ, đặc biệt là sau một giờ sáng. Điện thoại gọi đến từ cảnh sát chắc chắn chỉ mang tin xấu. Vợ ông Murchison - bà Harriet, có phải ông ta đã nói tên bà ta là như vậy không nhỉ? - biết đâu đã thuê một thám tử tư Mỹ hoặc Anh đến tìm người chồng đột nhiên mất tích. Bà ta biết rõ nhiệm vụ của ông Murchison là tìm hiểu xem có phải một bức tranh của một họa sĩ nổi tiếng là tranh giả hay không. Không phải bà ta sẽ nghi ngờ mọi sự kiện hay sao? Nếu bà Annette bị thẩm vấn thì liệu bà ta có trả lời là bà ta không tận mắt chứng kiến ông Murchison rời khỏi nhà họ vào chiều thứ Năm không?

Nếu cảnh sát muốn đến gặp anh tối nay, biết đâu Chris lại tình nguyện cung cấp thông tin về thứ giống như nấm mồ trong rừng. Tom tưởng tượng cảnh Chris nói bằng tiếng Anh, “Sao anh không kể cho họ về...” và rồi Tom sẽ chẳng thể nói gì với cảnh sát bằng tiếng Pháp nữa vì Chris chắc sẽ muốn nhìn họ đào xới.

Điện thoại lại reo và Tom bình tĩnh nghe máy.

“Xin chào anh Reeply. Cảnh sát quận Melun đây. Chúng tôi vừa nhận được một cuộc điện thoại từ Luân Đôn. về việc ông Murchison, bà Murchison đã liên lạc với cảnh sát thành phố Luân Đôn, họ muốn chúng tôi cung cấp mọi thông tin có thể trong tối nay. Điều tra viên bên Anh sẽ đến đây vào sáng mai. Giờ, xin phép anh cho hỏi, ông Murchison có gọi cuộc điện thoại nào từ nhà anh không? Chúng tôi sẽ truy dấu số điện thoại.”

“Tôi không nhớ,” Tom nói, “là ông ấy đã gọi điện thoại. Nhưng không phải lúc nào tôi cũng ở trong nhà”. Họ có thể xem tài khoản điện thoại của anh, Tom nghĩ, nhưng cứ để họ tự suy diễn ra điều đó.

Một giây sau, họ đập máy.

Tom cảm thấy việc cảnh sát Luân Đôn không trực tiếp gọi cho Tom để thẩm vấn là hành động thiếu thân thiện, có phần khó chịu. Anh cảm thấy chưa gì mà họ đã xem anh là nghi phạm rồi, và họ muốn nhận thông tin qua kênh chính thức. Không hiểu sao Tom sợ thanh tra Anh còn hơn sợ thanh tra Pháp, mặc dù về mặt các chi tiết tyn mủn và bám dai thì anh phải cho người Pháp điểm cao.

Anh phải làm hai việc, đưa xác ra khỏi khu rừng và đẩy Chris ra khỏi nhà. Còn Bernard? Tom hơi do dự trước nhiệm vụ ấy.

Anh đi xuống nhà.

Chris đang đọc sách nhưng cậu ta ngáp và đứng dậy. “Tôi vừa định đi ngủ đây. Bernard thế nào rồi? Tôi tưởng anh ta đã khá hơn lúc ở bữa tối.”

“Ừ, tôi cũng nghĩ vậy.” Tom ghét những gì mình phải nói, hoặc ám chỉ, như thế còn tệ hơn.

“Tôi đã thấy một lịch trình tàu chạy cạnh điện thoại. Có một chuyến tàu sáng lúc 9 giờ 52 phút và một chuyến lúc 11 giờ 32. Tôi có thể đi tắc-xi từ đây tới nhà ga.”

Tom thấy nhẹ nhõm. Có những chuyến tàu sớm hơn nhưng sao anh có thể đưa ra đề nghị đó được. “Cậu muốn đi chuyến nào cũng được. Tôi sẽ đưa cậu ra ga. Tôi không biết phải xử lý Bernard thế nào nữa, nhưng tôi nghĩ anh ta muốn ở riêng với tôi vài ngày.”

“Tôi chỉ hy vọng anh an toàn,” Chris nói một cách chân thành. “Anh biết đấy, tôi đã nghĩ hay là ở lại thêm một ngày nữa để giúp anh đối phó với anh ta, phòng trường hợp anh cần.” Chris nhẹ nhàng nói. “Tôi từng thấy một người ở Alaska - tôi đã đi nghĩa vụ quân sự ở đó - phát điên, và anh ta hành xử cực kỳ giống Bernard. Anh ta sẽ đột nhiên phát cuồng lên, đấm đá tất cả mọi người.”

“Tôi không nghĩ Bernard sẽ như vậy đâu. Cậu và anh bạn Gerard có thể quay lại đây sau khi Bernard đi. Hoặc sau khi hai cậu đi Rheinland về.”

Chris vui vẻ hẳn lên trước viễn cảnh đó.

Khi Chris đã lên gác (cậu ta muốn lên chuyển tàu lúc 9 giờ 52 phút sáng mai), Tom đi qua đi lại trong phòng khách. Còn năm phút nữa là tới nửa đêm. Tối nay sẽ phải xử lý xác của ông Murchison. Một công việc vất vả đối với một người, phải đào nó lên trong bóng tối, chắt nó lên xe ô-tô, rồi thả nó xuống - biết thả ở đâu đây? Vượt qua một cái cầu nhỏ nào đó, chắc vậy. Tom cân nhắc ý tưởng nhờ Bernard giúp. Bernard sẽ nổi điên lên hay sẽ hợp tác nhỉ - khi phải đương đầu với thực tế? Tom cảm thấy là mình sẽ không đủ sức thuyết phục Bernard đừng thú tội trong tình trạng hiện nay. Liệu có khả năng cái xác sẽ khiến anh ta sốc và nhận ra tính nghiêm trọng của tình huống hiện thời không?

Một câu hỏi hóc búa.

Liệu Bernard có “nhắm mắt đưa chân”, như Kierkegaard đã nói không nhỉ? Tom mỉm cười khi cụm từ đó nảy ra trong đầu. Nhưng anh đã đánh liều khi lao tới Luân Đôn để giả mạo Derwatt còn gì. Sự liều lĩnh ấy đã thành công. Anh cũng đã đánh liều lần nữa khi giết ông Murchison. Quỷ tha ma bắt nó đi. Không liều thì sao gạt hái được gì.

Tom bước lên cầu thang nhưng phải chậm bước lại vì mắt cá chân đau. Trên thực tế, anh đứng khựng lại với cái chân đau đặt trên bậc thang đầu tiên, tay vẫn nắm lấy thiên thần mạ vàng trên trụ của tay vịn cầu thang. Anh chợt nghĩ ra là nếu tối nay Bernard cản trở anh thì anh ta cũng cần bị trừ khử. Bị giết. Một suy nghĩ bệnh hoạn. Tom không muốn giết Bernard. Mà có khi anh cũng không đủ khả năng. Nên nếu Bernard từ chối giúp anh và đưa thêm vụ ông Murchison vào bản thú tội của mình...

Tom leo cầu thang.

Hành lang tối om, chỉ có đúng một ngọn đèn nhỏ sáng lên từ phòng của chính Tom. Phòng Bernard đã tắt đèn và có vẻ phòng Chris cũng vậy, nhưng điều đó không có nghĩa là Chris đã đi ngủ. Tom rất khó khăn mới có thể nhấc tay lên gõ cửa phòng Bernard được. Anh gõ thật khẽ vì phòng của Chris chỉ nằm cách đó có hai mét rưỡi và anh không muốn cậu ta nghe lỏm chỉ vì muốn bảo vệ anh phòng trường hợp Bernard tấn công.

## CHƯƠNG 12

Bernard không trả lời, Tom mở cửa đi vào trong và đóng cửa lại sau lưng.

“Bernard à?”

“Hừm?... Tom à?”

“Đúng thế. Xin lỗi nhé. Tôi có thể bật đèn lên không?”

“Tất nhiên rồi.” Bernard có vẻ khá bình tĩnh và tự mình tìm thấy cái đèn cạnh giường. “Có vấn đề gì vậy?”

“À, không có gì hết. Ý tôi là, tôi cần phải nói chuyện với anh và nói nhỏ thôi vì tôi không muốn Chris nghe thấy.” Tom kéo cái ghế lưng thẳng lại khá gần giường của Bernard và ngồi xuống. “Bernard... tôi đang gặp rắc rối, tôi muốn anh giúp tôi một tay nếu anh chịu.”

Bernard cau mày tập trung. Anh ta với lấy bao thuốc lá Capstan Full-strength và châm một điếu. “Vấn đề gì vậy?”

“Ông Murchison chết rồi,” Tom nhẹ nhàng nói. “Đó là lý do anh không cần phải lo lắng về ông ta nữa.”

“Chết rồi à?” Bernard cau mày. “Sao anh không kể chuyện đó cho tôi?”

“Vì... tôi đã giết ông ta. Ở tầng hầm của căn nhà này.”

Bernard thở dốc. “Anh đã giết sao? Anh nói đùa thôi đúng không, Tom!”

“Suyt.” Kỳ lạ thay, Tom có cảm giác lúc này Bernard còn lý trí hơn anh. Phản ứng ấy khiến mọi chuyện khó khăn hơn với Tom vì anh cứ ngỡ



anh ta sẽ có phản ứng mãnh liệt hơn thế này. “Tôi buộc phải giết ông ta - ở đây - và giờ ông ta đang bị chôn trong khu rừng sau nhà tôi. Vấn đề của tôi là, tôi phải đưa ông ta đi khỏi đây tối nay. Cảnh sát đã bắt đầu gọi điện thăm vấn rồi, anh thấy đấy. Có thể ngay ngày mai họ sẽ đến dò xét xung quanh.”

“Giết ông ta?” Bernard nói, vẫn cảm thấy khó tin. “Nhưng vì sao?”

Tom thở dài, rùng mình. “Đầu tiên, tôi có cần chỉ ra rằng ông ta sẽ vạch trần Derwatt? Công ty Derwatt. Thứ hai và tệ hơn cả, ông ta đã nhận ra tôi ở dưới hầm. Ông ta đã nhận ra tay tôi. Ông ta nói là, ‘Anh đã đóng giả làm Derwatt ở Luân Đôn’. Tất cả mọi chuyện đột nhiên bung bét cả ra. Tôi hoàn toàn không có ý định giết ông ta khi đưa ông ta tới đây.”

“Đã chết,” Bernard lặp lại, chết điếng.

Tom ngày một nóng nảy hơn khi từng giây từng phút cứ thế trôi qua. “Tin tôi đi, tôi đã cố hết sức để khiến ông ta bỏ qua mọi chuyện. Thậm chí tôi còn kể việc anh chính là người mạo danh, anh là người mà ông ta đã nói chuyện trong quán bar của khách sạn Mandeville. Đúng, tôi đã thấy anh ở đó,” Tom nói trước khi Bernard kịp lên tiếng. “Tôi đã bảo ông ta là anh không định vẽ thêm một bức Derwatt nào nữa. Tôi đề nghị ông ta để anh được yên thân. Ông Murchison từ chối. Vậy... anh có thể giúp tôi tống khứ cái xác khỏi đất nhà tôi chứ?” Tom liếc ra cửa. Nó vẫn đóng và không có một âm thanh nào ngoài hành lang hết.

Bernard chậm chạp xuống giường. “Vậy anh muốn tôi làm gì?”

Tom đứng dậy. “Trong khoảng hai mươi phút, tôi sẽ vô cùng biết ơn nếu anh giúp tôi một tay. Tôi muốn đưa cái xác đi trong một cái xe ô-tô. Nếu có hai chúng ta thì mọi chuyện dễ thở hơn nhiều. Thật sự tôi không thể giải quyết tất cả một mình. Ông ta nặng lắm.” Tom cảm thấy đỡ hơn vì anh vẫn đang nói chuyện như bình thường. “Nếu anh không muốn giúp tôi thì cũng không sao cả, tôi có thể một mình cố gắng, nhưng...”

“Được rồi, tôi sẽ giúp anh.”

Bernard nói một cách cam chịu, như thể thật lòng đầu hàng, vậy nhưng Tom vẫn thấy không đáng tin. Liệu trong vòng nửa tiếng nữa Bernard có gây ra một phản ứng khó đoán nào đó không? Giọng anh ta như giọng một vị thánh nói với... à thì, một người nào đó cao hơn cả thánh “Tôi sẽ theo gót, bất kể anh dẫn đến đâu đi nữa”.

“Anh mặc đồ vào nhé? Cái quần hôm nay tôi đưa anh ấy. Cố gắng giữ im lặng. Chris không được nghe thấy tiếng chúng ta.”

“Đúng rồi nhỉ.”

“Anh có thể xuống nhà - đứng ở thềm bên ngoài trong vòng mười lăm phút nữa không?” Tom nhìn đồng hồ đeo tay của mình. “Bây giờ là mười hai giờ hai mươi bảy phút.”

“Được.”

Tom đi xuống nhà và mở khóa cửa trước, nó đã được bà Annette khóa lại vào buổi đêm. Rồi anh tập tễnh leo lên phòng mình ở trên gác, anh cởi đôi dép đi trong nhà ra, đi giày và mặc áo khoác vào. Anh đi xuống nhà và lấy chìa khóa xe ô-tô trên cái bàn trong hành lang. Anh tắt hết đèn phòng khách, chỉ chừa lại đúng một cái: anh thường để lại một cái đèn sáng cả đêm. Rồi anh mặc áo mưa và đi một đôi ủng cao su vào, nó nằm trên sàn phòng vệ sinh thừa, đi bên ngoài giày. Anh cầm theo chiếc đèn pin trong ngăn kéo tủ ngoài hành lang và cả một chiếc đèn lồng trong phòng vệ sinh thừa nữa. Cây đèn này có thể đứng thẳng trên mặt đất.

Anh lái chiếc xe hiệu Renault ra ngoài, đi vào con đường mòn dẫn vào rừng. Anh chỉ dùng đèn đỗ xe và khi đến một chỗ mà anh nghĩ là thích hợp, anh tắt đèn đi. Anh cầm đèn pin đi vào rừng, tìm được ngôi mộ, rồi cầm đèn pin để ánh sáng của nó được che chắn nhiều hết mức có thể, anh tìm đường tới nhà kho, lấy xẻng và chĩa. Anh mang chúng tới mồ đất bùn là mộ của ông Murchison. Sau đó anh sỏi bước một cách bình tĩnh, nghĩ phải bảo toàn sức lực, quay lại con đường mòn để về nhà. Tom cứ ngỡ Bernard sẽ ra muện và còn chuẩn bị tinh thần cho việc anh ta không thềm xuất hiện.

Bernard đứng đó như một bức tượng trong hành lang tối om, mặc bộ đồ của chính anh ta mà mới vài giờ trước còn ướt nheo, nhưng Tom để ý sau đó nó đã được Bernard vắt lên lò sưởi dài trong phòng anh ta.

Tom ra dấu và Bernard đi theo anh.

Trên đường mòn, Tom thấy cửa sổ phòng Chris vẫn tối om. Chỉ có đèn phòng Bernard là sáng. “Nó không xa đâu. Đó chính là vấn đề!” Tom nói, đột nhiên thấy thú vị một cách điên rồ. Anh đưa chìa cho Bernard còn mình thì dùng xẻng vì anh nghĩ xẻng cần nhiều sức hơn. “Tôi hối hận phải nói là nó khá sâu đấy.”

Bernard làm nhiệm vụ với vẻ nhẩn nhục kỳ lạ của anh ta, nhưng những động tác dùng chìa chọc xuống lại rất mạnh mẽ và hiệu quả. Bernard quẳng đất đi nhưng không lâu sau anh ta chỉ cời cho nó tơi ra còn Tom đứng trên rãnh xới đất lên nhanh hết mức có thể.

“Tôi nghĩ cái đã,” cuối cùng anh nói, nhưng trong lúc nghỉ ngơi, anh vẫn vác hai viên đá lớn, mỗi viên phải nặng hơn mười ba cân, ra phía sau xe. Anh mở cửa sau và đẩy hai viên đá vào.

Bernard đã chạm được tới cái xác. Tom quỳ xuống và cố dùng xẻng để bẩy nó lên nhưng cái mộ quá hẹp. Cả hai người họ đứng dang hai chân hai bên cái xác, dùng dây thừng để kéo nó lên. Dây thừng bên Tom bị tuột và anh chửi thề, buộc nó lại, trong khi Bernard cầm đèn pin. Hẳn có thứ gì đó hút chặt xác ông Murchison vào trong lòng đất: cứ như có một thế lực nào đó đang chống lại họ vậy. Tay của Tom đau nhức và dính đầy bùn đất, có khi còn chảy máu nữa.

“Nó nặng quá,” Bernard nói.

“Đúng thế. Chúng ta nên nói ‘một, hai, ba’ và cố hết sức nhấc nó lên.”

“Được rồi.”

“Một... hai...” Họ dồn sức. “... ba! Ối trời!”

Xác ông Murchison bị lôi lên mặt đất. Bernard phải gánh phần nặng hơn, bên vai.

“Phần việc còn lại dễ dàng hơn,” Tom nói, chỉ để nói một cái gì đó.

Họ đưa xác vào trong xe. Miếng vải dù vẫn có đầy đất rơi vãi ra, và ngược áo mưa của Tom cực kỳ bẩn thỉu.

“Còn phải gạt đất xuống nữa.” Giọng Tom khản đặc vì kiệt sức.

Một lần nữa, công việc này là dễ dàng nhất, và Tom cẩn thận kéo vài nhánh cây vương vãi lên che. Bernard bình thản thả chìa xuống đất và Tom nói, “Cất đồ đạc vào xe đã nào”.

Họ cùng đi cất. Rồi Tom và Bernard vào xe, anh lái ngược ra đường lớn, thấy hơi hận vì tiếng động cơ xe quá to. Trên con đường mòn này không có chỗ nào để quay đầu hết. Rồi trước sự hãi hùng của Tom, anh thấy đèn phòng Chris bật sáng, đúng lúc anh đang lùi xe ra đường lớn để bắt đầu đi. Tom liếc lên nhìn ô cửa sổ tối om - phòng Chris cũng có một cửa sổ bên cánh - và đúng lúc ấy ánh đèn nhấp nháy sáng lên như đang chào đón. Tom không nói gì với Bernard. Ở đây không có đèn đường và anh hy vọng Chris không nhận ra màu xe ô-tô (xanh sẫm), dù đèn đỗ xe của Tom vẫn đang bật, vì cần thiết

“Chúng ta đi đâu đây?” Bernard hỏi.

“Tôi biết một chỗ cách đây tám kilomet. Một cây cầu...”

Hiện giờ trên đường còn một chiếc ô-tô nữa, một việc cũng không lấy gì làm bất thường lúc một giờ năm mươi phút sáng. Tom đã lái xe về muộn sau quá nhiều bữa tiệc nên hiểu chuyện đó.

“Cảm ơn, Bernard. Mọi chuyện ổn cả rồi,” Tom nói.

Bernard vẫn im lặng.

Họ đến nơi mà Tom đã nghĩ tới. Nó nằm cạnh một ngôi làng có tên là Voisy, một cái tên mà Tom chẳng hề để tâm đến cho tới tối nay, khi anh đi qua biển báo tên làng và đi qua cả ngôi làng để tới được cây cầu mà anh nhớ. Nó vắt qua sông Loing, Tom nghĩ, chảy vào sông Seine. Dù rằng ông Murchison cũng sẽ chẳng đi xa được với hai viên đá treo trên người. Có một cây đèn đường lơ mơ tiết kiệm ở đầu cầu, nhưng ở đầu cầu còn lại thì đen kịt. Tom lái xe tới chỗ đen kịt đó, và đi quá cầu vài thước. Trong bóng

tối, với sự trợ giúp của cây đèn pin, họ vùi hai cục đá vào trong tấm vải dầu và buộc lại dây thừng.

“Giờ thì chúng ta thả nó xuống,” Tom nhẹ nhàng nói.

Bernard làm việc vừa hiệu quả vừa bình tĩnh, dường như biết chính xác phải làm gì. Hai người họ vác cái xác, gồm cả đá, một cách tương đối dễ dàng. Thành cầu bằng gỗ cao một mét hai. Tom, đi ngược, nhìn xung quanh, ngôi làng tối om sau lưng anh chỉ có hai ngọn đèn đường, ở xa chỗ cây cầu chìm chìm trong bóng đêm.

“Tôi nghĩ chúng ta có thể mạo hiểm ném từ giữa cầu,” Tom nói.

Vậy nên họ đi tới giữa cầu và đặt cái xác xuống một lát cho tới khi lấy lại sức. Rồi họ cúi người xuống và nhấc cái xác lên, cùng nhau hất nó qua thành cầu.

Nước bắn lên tung tóe - phát ra một tiếng *bùm* trong màn đêm tĩnh lặng, như một khẩu súng thần công có thể đánh thức cả làng dậy - và sau đó là một tràng tiếng lộp độp. Họ đi bộ về xe.

“Đừng chạy,” Tom nói, có thể là không cần thiết. Họ còn chút năng lượng nào sót lại không?

Họ vào xe ô-tô và lái thẳng về phía trước, Tom không biết mà cũng chẳng quan tâm xem họ đang đi đâu.

“Xong xuôi cả rồi!” Tom nói. “Thứ chết dẫm đó đã bị phui khỏi tay chúng ta rồi!” Anh cảm thấy hạnh phúc, nhẹ nhõm, và tự do một cách tuyệt vời. “Tôi nghĩ là mình chưa kể với anh chuyện này nhỉ, Bernard,” Tom nói bằng giọng hồ hởi, giờ họng anh cũng chẳng còn cảm giác khô khốc nữa, “Tôi đã kể với cảnh sát là tôi thả ông Murchison ở sân bay Orly hôm thứ Năm vừa rồi. Đúng là tôi đã bỏ hành lý của ông ta lại đó. Vậy nên nếu ông Murchison không lên máy bay thì cũng không phải lỗi của tôi, đúng không? Ha!”. Tom cười như vẫn hay cười một mình, vẫn cảm giác nhẹ nhõm sau những thời khắc hãi hùng. “Tiện thể, bức ‘Đồng Hồ’ đã bị đánh cắp ở sân bay Orly mất rồi. Ông Murchison đã bỏ nó cùng chỗ với va-li. Tôi cho là

nếu có ai nhìn thấy chữ ký của Derwatt thì người đó sẽ giữ chặt bức tranh và ngậm chặt miệng!”

Nhưng liệu Bernard có thật sự ở cùng phe với anh không? Anh ta chẳng nói gì hết.

Trời lại bắt đầu mưa! Tom cảm thấy muốn reo hò. Trận mưa này chắc sẽ xóa sạch mọi dấu vết xe ô-tô của anh để lại trên con đường mòn gần nhà anh, và chắc chắn sẽ giúp cải thiện vẻ ngoài của ngôi mộ giờ đã trống hoắc.

“Tôi phải ra ngoài,” Bernard nói, với lấy tay nắm cửa.

“Sao cơ?”

“Tôi buồn nôn.”

Ngay khi có thể, Tom tấp xe vào vệ đường và dừng xe lại. Bernard đi ra ngoài.

“Có muốn tôi đi cùng anh không?” Tom vội vã hỏi.

“Không, cảm ơn.” Bernard chạy sang phải vài mét, nơi có một dải đất sậm màu đột ngột nhô lên cả mét. Anh ta cúi gập người xuống.

Tom thấy tiếc cho anh ta. Bản thân anh thì quá đổi vui vẻ thoải mái còn Bernard thì cuộn trào dạ dày. Anh ta ở lại đó hai phút, ba phút, rồi bốn phút, Tom nghĩ.

Một chiếc xe đang từ phía sau tiến dần tới chỗ họ với tốc độ vừa phải. Tom thôi thúc muốn tắt hết đèn xe đi, nhưng anh vẫn để chúng đầy, đèn pha như bình thường, chỉ không bật mức sáng nhất. Do khúc quanh trên đường, đèn pha của chiếc xe kia quét qua bóng người Bernard trong giây lát. Xe cảnh sát, Chúa ơi! Nóc xe gắn một chiếc đèn màu xanh. Xe cảnh sát vòng qua xe của Tom và đi tiếp, vẫn giữ tốc độ vừa phải. Anh thả lỏng. Tạ ơn trời. Hiển nhiên là họ nghĩ Bernard dừng lại đi tiểu, và ở Pháp thì việc đi tiểu ở rìa đường nông thôn không trái luật, cho dù là giữa ban ngày ban mặt đi nữa. Bernard không nói gì về chiếc xe cảnh sát khi anh ta vào lại trong xe, Tom cũng không.

Khi về đến nhà, anh lạng lẽ lái xe vào gara. Anh lấy xẻng và chĩa ra, đặt chúng dựa vào tường, rồi dùng một cái giẻ lau đuôi xe. Anh đóng cửa sau lại cho tới khi nó khép hờ, không muốn phát ra tiếng động lớn khi đóng chặt nó lại. Bernard đang đợi. Tom ra dấu và họ ra khỏi gara. Anh đóng cửa gara lại và nhẹ nhàng bấm khóa vào.

Ở cửa trước, họ cởi giày ra và cầm chúng lên. Tom để ý thấy đèn phòng Chris không bật khi xe ô-tô tiến lại gần nhà. Giờ Tom dùng đèn pin và họ leo lên cầu thang. Tom ra dấu cho Bernard về phòng anh ta và anh sẽ quay lại ngay.

Tom dốc hết đồ trong túi áo mưa ra và thả cái áo mưa vào bồn tắm. Anh rửa bột dưới vòi nước rồi nhét đôi bột vào tủ. Lát nữa anh có thể giặt áo mưa và treo nó vào trong tủ để sáng ra bà Annette không nhìn thấy nó.

Rồi anh mặc pyjama và xỏ dép đi trong nhà, lạng lẽ tới gặp Bernard.

Bernard chỉ đi tất, đứng đó, hút thuốc lá. Cái áo khoác tàn tạ của anh ta được vắt lên một cái ghế lưng thẳng.

“Bộ cánh đó chẳng thể tàn tạ hơn được nữa,” Tom nói. “Để tôi xử lý nó cho.”

Bernard di chuyển chậm chạp, nhưng vẫn cứ là di chuyển. Anh ta cởi quần và đưa nó cho Tom. Anh mang quần và áo khoác của anh ta về phòng mình. Anh có thể lau sạch bùn sau, và mang chúng tới một tiệm giặt nhanh. Nó không phải là một bộ âu phục chất lượng tốt, đúng phong cách của Bernard. Jeff hay Ed đã kể với Tom là Bernard không nhận toàn bộ số tiền mà họ muốn đưa cho anh ta từ công ty Derwatt. Tom trở lại phòng Bernard. Đây là lần đầu tiên anh trân trọng sàn nhà lát ván vững chãi của mình: nó không kêu cọt két.

“Tôi lấy nước cho anh nhé, Bernard? Tôi nghĩ là anh cần đấy.” Giờ thì anh có thể xuống nhà được rồi, Tom nghĩ thầm, không cần sợ bà Annette hay thậm chí là Chris nhìn thấy. Anh thậm chí có thể nói là anh và Bernard nổi hứng lái xe đi dạo một vòng và vừa trở về.

“Không, cảm ơn,” Bernard nói.

Tom bần khoản liệu Bernard có thể ngủ nổi không, nhưng anh sợ đưa ra một đề xuất nào khác, như thuốc an thần hoặc một cốc sô-cô-la nóng, vì anh nghĩ Bernard lại vẫn chỉ nói “Không, cảm ơn” mà thôi. Tom thì thào, “Tôi xin lỗi vì đã lôi anh vào chuyện này. Anh cứ ngủ cả buổi sáng nếu muốn nhé? Chris sẽ ra về trong sáng mai”.

“Được rồi.” Mặt Bernard trắng bệch. Anh ta không nhìn Tom. Môi anh ta mím chặt thành một đường thẳng, như những đôi môi hiếm khi mỉm cười hay nói chuyện - và giờ nó trông còn có vẻ nản chí nữa.

Trông anh ta như bị phản bội vậy, Tom nghĩ thầm. “Tôi cũng sẽ xử lý đôi giày của anh.” Tom cầm chúng lên.

Trong phòng tắm của mình - giờ cả cửa phòng anh lẫn cửa phòng tắm đều đã đóng, để chặn Chris, có lẽ vậy - Tom giặt áo mưa và xát xà phòng lên bộ âu phục của Bernard. Anh xả nước lên đôi bốt cổ ngắn của Bernard và đặt chúng lên một tờ báo gần lò sưởi trong phòng vệ sinh. Dù bà Annette vẫn mang cà phê và dọn giường giúp anh, bà ta không hề bước chân vào phòng vệ sinh của anh, chắc chỉ trừ một lần một tuần để dọn dẹp. Người phụ nữ được thuê để dọn dẹp chính, bà Clusot, đến nhà một lần một tuần và theo lịch là chiều hôm nay sẽ đến.

Cuối cùng, Tom chăm sóc đôi bàn tay của mình, nó không tệ như anh cảm thấy. Anh bôi Nivea lên tay. Tò mò thay, anh cảm thấy một tiếng qua như thể đang nằm mơ - thực hiện những hành động ấy ở đâu đó, khiến bàn tay của anh đau nhức - nhưng những gì đã xảy ra lại không phải là sự thật.

Điện thoại reo lên báo hiệu. Tom lao về phía đó, nhắc máy lên giữa một hồi chuông có vẻ âm ỹ quá mức.

Gần ba giờ sáng rồi.

*Bíp-bíp... brrrr... d... d... d... bip?*

Tiếng đại dương. Cuộc gọi này đến từ đâu vậy?

*“Vous êtes... ne quittez pas... Athènes vous appelle. ..”*

Heloise.



“Chào anh, *Tome!*... *Tome!*”

Đó là tất cả những gì Tom hiểu được trong mấy giây điên loạn đó. “Em có thể nói to hơn được không?” Anh nói bằng tiếng Pháp.

Heloise đang kể với anh, theo những gì anh vất vả hiểu được, là cô không vui và thấy chán, *terribiement ennuyée\**. Có thứ gì đó, hoặc ai đó, cực kỳ đáng ghê tởm.

“.. ??? người phụ nữ này có tên là Norita...” Lolita à?

“Về nhà đi em yêu! Anh nhớ em!” Tom hét lên bằng tiếng Anh. “Mặc kệ lũ dờ hơi đó đi!”

“Em không biết nên làm gì nữa.” Lần này giọng cô vang lên rõ ràng. “Hai tiếng vừa rồi em đã cố gọi cho anh đấy. Ở đây đến cả điện thoại cũng không hoạt động được.”

“Ở đâu nó cũng chẳng hoạt động đâu mà. Nó chỉ là một thiết bị để moi tiền thôi.” Tom thấy vui vì cô khẽ cười - như mỹ nhân ngư cất tiếng cười dưới đáy biển.

“Anh có yêu em không?”

“Tất nhiên là anh yêu em!”

Đúng lúc âm thanh rõ hơn thì họ mất tín hiệu. Tom chắc chắn là Heloise không hề đập máy.

Điện thoại không reo lại lần nào nữa. Tom đoán giờ là năm giờ sáng ở Hy Lạp. Có phải Heloise gọi điện từ một khách sạn ở Athens không nhỉ? Hay trên cái du thuyền điên rồ đó? Anh cực kỳ muốn gặp cô. Anh đã dần quen có cô ở bên, và anh nhớ cô. Đó có phải là tình yêu không? Hay do hôn nhân? Nhưng anh muốn dọn dẹp chuyện lộn xộn này trước đã. Heloise không có tiêu chuẩn đạo đức cao cho lắm, nhưng cô cũng không thể chịu nổi toàn bộ chuyện này đâu. Và tất nhiên cô chẳng biết gì về việc giả mạo Derwatt hết.

## CHƯƠNG 13

Tom mơ màng tỉnh giấc khi bà Annette gõ cửa phòng.

Bà ta mang cà phê đen lên cho anh.

“Buổi sáng tốt lành, anh Tome! Hôm nay trời đẹp lắm!”

Đúng là mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ, một thay đổi thần kỳ so với ngày hôm qua. Tom nhấp cà phê, để ma thuật màu đen của nó lan đi trong cơ thể, sau đó đứng dậy thay đồ.

Tom gõ cửa phòng Chris, vẫn còn thời gian để bắt chuyến tàu lúc 9 giờ 52.

Chris đang ngồi trên giường, một tấm bản đồ lớn trải rộng trên hai đầu gối cậu ta. “Tôi đã quyết định lên chuyến tàu lúc mười một giờ ba hai - nếu anh thấy không vấn đề gì. Tôi thích được ngồi biếng nhác trên giường như thế này một lúc nữa.”

“Chắc chắn là được rồi,” Tom nói. “Cậu nên nhờ bà Annette mang cho ít cà phê.”

“À, như thế thì *hơi* quá.” Chris bật dậy khỏi giường. “Tôi nghĩ mình sẽ đi dạo một vòng vậy.”

“Được rồi. Vậy gặp cậu sau nhé.”

Tom xuống nhà. Anh đun nóng cà phê và rót thêm một tách nữa trong bếp, đứng nhìn ra ngoài cửa sổ, nhấm nháp cà phê. Anh thấy Chris rời khỏi nhà, mở cánh cổng lớn ra. Cậu ta rẽ trái, lối đi vào làng. Chắc là cậu ta định đi mua một cốc cà phê sữa và bánh sừng bò trong một quán bar-cà phê, cho đúng chất Pháp.

Rõ ràng là Bernard vẫn còn say ngủ, đáng mừng thật.

Lúc chín giờ mười, điện thoại reo. Một giọng Anh cẩn trọng nói: “Tôi là thanh tra điều tra Webster, đội cảnh sát thành phố Luân Đôn. Có anh Ripley ở đó không?”

Chẳng lẽ đây là nhạc nền cho sự tồn tại của anh sao? “Có, đang nói đây.”

“Tôi gọi điện từ sân bay Orly. Tôi muốn được gặp anh sáng nay, nếu có thể.”

Tom muốn nói rằng buổi chiều sẽ thuận tiện hơn, nhưng lúc này tính cả gan thường ngày lại không hiện diện trong anh, và anh cũng cảm thấy nhờ đâu viên thanh tra này lại nghi ngờ anh dành buổi sáng để cố gắng giấu giếm thứ gì đó thì sao. “Buổi sáng hôm nay cũng được. Anh đến bằng tàu à?”

“Tôi nghĩ là mình sẽ đi tắc-xi,” giọng nói cất lên một cách bình thản. “Quãng đường không xa cho lắm. Đi tắc-xi thì mất bao lâu nhỉ?”

“Khoảng một tiếng đồng hồ.”

“Vậy tôi sẽ gặp anh trong khoảng một tiếng nữa.”

Lúc ấy Chris vẫn còn ở đây. Tom rót thêm một tách cà phê và mang lên cho Bernard. Anh muốn giữ bí mật về sự hiện diện của Bernard với thanh tra Webster, nhưng trong hoàn cảnh này, và cũng không biết Chris có bật ra cái gì không, Tom nghĩ khôn ngoan nhất là đừng cố giấu Bernard đi làm gì.

Bernard đã tỉnh giấc, đang nằm ngửa, đầu đặt giữa hai cái gối, các ngón tay lồng vào nhau dưới cằm. Chắc anh ta đang thiền định sáng sớm.

“Chào buổi sáng, Bernard. Muốn uống cà phê không?”

“Có, cảm ơn anh.”

“Một tiếng nữa sẽ có một người từ sở cảnh sát Luân Đôn đến đây. Có thể anh ta sẽ muốn nói chuyện với anh. Chuyện về ông Murchison, tất nhiên rồi.”

“Được rồi,” Bernard nói.

Tom chờ tới khi anh ta đã nhấp một, hai ngụm cà phê gì đó. “Tôi không cho đường vào đâu. Tôi không rõ anh có thích không.”

“Không quan trọng. Cà phê rất ngon.”

“Bernard này, hiển nhiên tốt nhất là anh cứ nói chưa bao giờ gặp ông Murchison, chưa bao giờ nhìn thấy ông ta. Anh cũng chưa bao giờ trò chuyện với ông ta trong quán bar ở khách sạn Mandeville đó. Anh hiểu chứ?” Tom hy vọng lời nói của mình có tính ép buộc.

“Hiểu.”

“Thêm nữa, anh thậm chí còn chưa một lần *nghe* đến cái tên Murchison, dù là nghe qua Jeff và Ed. Như anh biết đấy, hiện giờ anh không phải là một người bạn thân của Jeff hay Ed nữa. Các anh đều quen nhau, nhưng Jeff và Ed chẳng việc gì phải phí công kể cho anh chuyện có một người Mỹ... nghi ngờ bức ‘Đồng Hồ’ không phải là tranh thật.”

“Được rồi,” Bernard nói. “Tất nhiên.”

“Và... chuyện dễ nhớ nhất đây, vì nó là sự thật,” Tom tiếp tục, như thể đang nói với một lớp học sinh không chăm chú lắng nghe cho lắm, “anh mới chỉ đến đây chiều hôm qua, quá hai mươi tư tiếng sau khi ông Murchison ra về để tới Luân Đôn. Theo lẽ tự nhiên, anh chưa bao giờ nhìn thấy hay nghe nói đến ông ta. Hiểu rõ chưa, Bernard?”

“Hiểu rõ rồi,” Bernard nói. Anh ta đã chống một khuỷu tay dậy.

“Có muốn ăn gì không? Trứng nhé? Hoặc tôi có thể mang một chiếc bánh sừng bò lên cho anh. Bà Annette vừa ra ngoài mua vài cái.”

“Không, cảm ơn.”

Tom đi xuống nhà.

Bà Annette đang từ bếp vào. “Anh Tome, xem này.” Bà ta cho anh xem trang đầu tờ báo của bà ta. “Đây không phải là quý ông, ông Murcheeson mới đến đây chơi hôm thứ Năm sao? Họ nói rằng họ đang tìm ông Murcheeson đấy!”

*A la recherche de M. Murcheeson...* Tom nhìn bức ảnh ông Murchison rộng bằng hai cột báo, tròn mặt, hơi tươi cười, ở góc dưới bên trái của tờ *Le Parisien - Ấn bản Seine et Marne*. “Đúng thế,” Tom nói. Nó viết:

*^qThomas F. Murchison, 52 tuổi, người Mỹ, được tuyên bố đã mất tích từ chiều thứ Năm, ngày 17 tháng Mười. Va-li của ông ta được tìm thấy ở cửa ga đi ở sân bay Orly, nhưng ông ta không lên chuyến bay về Luân Đôn như đã đặt. Ông Murchison là một giám đốc kinh doanh ở New York, và đã tới thăm một người bạn ở vùng Melun. Vợ ông ta, bà Harriet ở Mỹ đã bắt đầu điều tra với sự giúp sức của cảnh sát Anh và Pháp.\$q*

Tom biết ơn vì họ không đề cập đến tên anh.

Chris bước vào cửa trước, tay cầm vài quyển tạp chí nhưng không có một tờ báo nào. “Xin chào anh Tom! Chào bà! Hôm nay thật là một ngày đẹp trời!”

Tom chào cậu ta rồi nói với bà Annette, “Tôi cứ tưởng đến giờ này người ta đã tìm được ông ấy rồi chứ. Nhưng thực tế thì... sáng nay sẽ có một người Anh đến đây hỏi tôi vài chuyện đấy”.

“VẬY À? Sáng nay sao?”

“Trong khoảng nửa tiếng nữa.”

“Thật là bí ẩn!” Bà ta nói.

“Chuyện gì bí ẩn cơ?” Chris hỏi Tom.

“Ông Murchison. Báo hôm nay có đăng hình ông ấy.”

Chris hào hứng nhìn bức ảnh và chậm rãi đọc to vài câu bên dưới ảnh, chuyển nghĩa. “Trời ơi! vẫn mất tích sao!”

“Bà Annette,” Tom nói, “tôi không chắc liệu người Anh đó có ở lại ăn trưa hay không. Bà cứ nấu cho bốn người được không?”.

“Được chứ, anh Tome.” Bà ta đi vào bếp.

“Người Anh nào?” Chris hỏi. “Lại có thêm một người nữa hả?”

Tiếng Pháp của Chris đang tiến bộ nhanh chóng, Tom nghĩ thầm. “Phải, anh ta đến để hỏi chuyện về ông Murchison. Cậu biết đấy... nếu cậu

muốn lên chuyến tàu lúc mười một rưỡi thì...”

“Thế... tôi ở lại được không? Có một chuyến tàu lúc mười hai giờ hơn, và tất nhiên chiều nay cũng vẫn còn vài chuyến nữa. Tôi tò mò không biết họ đã tìm hiểu được những gì về ông Murchison rồi. Theo lẽ tự nhiên... tôi sẽ không ở lại phòng khách khi anh nói chuyện với người đó, nếu anh muốn ở riêng với anh ta.”

Tom thấy phiền phức, nhưng vẫn nói, “Sao lại không? Có gì bí mật đâu”.

Viên thanh tra điều tra đến lúc mười rưỡi bằng tắc-xi. Tom đã quên chỉ đường cho anh ta đến nhà anh, nhưng anh ta nói là mình đã hỏi đường ở bưu điện.

“Anh có một ngôi nhà thật xinh đẹp!” Viên thanh tra vui vẻ nói. Anh ta tầm bốn lăm tuổi, mặc quần áo đơn giản. Anh ta có mái tóc đen, mỏng, bụng hơi phệ, đeo cặp kính gọng đen mà qua đó anh ta nhìn đời một cách cảnh giác và lịch sự. Trên thực tế, nụ cười nhã nhặn của anh ta có vẻ luôn thường trực. “Anh sống ở đây lâu chưa?”

“Ba năm rồi,” Tom nói. “Anh không muốn ngồi xuống sao?” Tom đã ra mở cửa vì bà Annette không nhìn thấy tắc-xi đến và giờ Tom cũng cầm áo khoác giúp viên thanh tra.

Viên thanh tra mang theo một chiếc cặp táp màu đen nhỏ gọn có vẻ chỉ chứa được một bộ âu phục và anh ta cầm theo chiếc cặp này tới sô-pha, như thể không có thói quen xa cách nó. “Chà... việc cần giải quyết thì phải giải quyết trước. Lần cuối cùng anh gặp ông Murchison là khi nào?”

Tom ngồi xuống một cái ghế lưng thẳng. “Thứ Năm tuần trước. Tám ba rưỡi chiều. Tôi đã chở ông ấy đến sân bay Orly. Ông ấy chuẩn bị đến Luân Đôn.”

“Tôi biết.” Webster mở chiếc cặp táp đen và lấy một quyển sổ ra, rút một cái bút khỏi túi áo. Anh ta ghi chép một lát. “Lúc ấy tâm trạng ông ta có vui vẻ không?” Anh ta hỏi, mỉm cười. Anh ta lấy một điều thuốc lá ra khỏi túi áo khoác và nhanh nhẹn châm lên.

“Có.” Tom định nói rằng trước đó anh đã tặng ông ta một chai Margaux hảo hạng, nhưng không muốn nhắc đến hầm rượu của mình.

“Và theo tôi biết thì ông ta cầm theo tranh của mình. Bức ‘Đồng Hồ.’”

“Đúng thế. Được bọc giấy nâu.”

“Rõ ràng là đã bị lấy cắp ở sân bay Orly rồi. Đây là bức tranh mà ông Murchison nghĩ là tranh giả à?”

“Ông ấy bảo là ông ấy nghi ngờ như vậy - ban đầu là thế.”

“Anh có thân với ông Murchison không? Quen được bao lâu rồi?”

Tom giải thích. “Tôi nhớ đã nhìn thấy ông ấy đi vào văn phòng của phòng triển lãm, mà theo tôi nghe nói thì Derwatt cũng ở đó. Vậy nên... khi tôi nhìn thấy ông Murchison ở quán bar khách sạn tôi ở tối hôm đó, tôi đã nói chuyện với ông ấy. Tôi muốn hỏi xem Derwatt thế nào.”

“Tôi hiểu rồi. Sau đó thì sao?”

“Chúng tôi uống rượu cùng nhau và ông Murchison tán gẫu với tôi về suy nghĩ có vài bức tranh Derwatt đã bị làm giả... dạo gần đây. Tôi kể là tôi cũng có vài bức Derwatt trong nhà mình ở Pháp và liệu ông ấy có muốn ghé qua ngắm chúng không. Nên chiều thứ Tư chúng tôi đã cùng nhau về đây và ông ấy qua đêm ở đây.”

Viên thanh tra điều tra ghi chép lại thông tin. “Anh tới Luân Đôn chỉ để xem triển lãm tranh Derwatt à?”

“À không phải thế.” Tom khẽ cười. “Vì hai việc. Tôi phải thú nhận là một phần vì triển lãm Derwatt, phần còn lại vì sinh nhật của vợ tôi vào tháng Mười một và cô ấy thích đồ Anh Quốc. Áo len và quần dài. Trên phố Carnaby. Tôi đã mua vài món đồ ở Burlington Arcade...” Tom liếc nhìn cầu thang và định chạy lên lấy cái kẹp vàng hình con khỉ nhưng tự kiềm chế lại. “Lần này tôi không mua một bức tranh Derwatt nào nhưng đã cân nhắc đến việc mua bức ‘Bồn Tắm’. Bức duy nhất còn chưa được bán vào thời điểm ấy.”

“Có phải anh - à đấy - mời ông Murchison đến nhà chơi với suy nghĩ biết đâu tranh của anh cũng là tranh giả không?”

Tom ngậm ngừng. “Thú thật là tôi cũng có chút hiểu kỳ về chuyện đó. Nhưng tôi chưa bao giờ nghi ngờ hai bức tranh của mình. Sau khi xem tranh của tôi thì ông Murchison cũng nghĩ chúng là đồ thật.” Tom chắc chắn sẽ không thuật lại lý thuyết màu tím oải hương của ông Murchison. Và thanh tra Webster có vẻ cũng không mấy hứng thú với hai bức tranh Derwatt của Tom, chỉ thèm ngoái lại nhìn bức “Đôi Ghế Đỏ” sau lưng anh ta có vài giây rồi quay lại nhìn bức “Người Ngồi Trong Ghế” trước mặt.

“Tôi e hội họa không phải là thế mạnh của mình. Tranh hiện đại. Anh sống riêng à, anh Ripley? Anh và vợ anh?”

“Phải, chỉ có thêm đúng bà quản gia của tôi, bà Annette mà thôi. Hiện giờ vợ tôi đang ở Hy Lạp.”

“Tôi muốn gặp bà quản gia của anh,” viên thanh tra nói, vẫn mỉm cười.

Tom chuẩn bị đi vào bếp để gọi bà Annette ra thì đúng lúc ấy Chris đi xuống nhà. “À, Chris. Đây là thanh tra điều tra Webster. Từ Luân Đôn. Đây là khách của tôi, Christopher Greenleaf.”

“Chào anh,” Chris nói, chìa tay ra, háo hức được gặp một nhân viên cảnh sát Luân Đôn.

“Chào cậu,” Webster nhã nhặn chào, cúi người bắt tay Chris. “Greenleaf. Richard Greenleaf. Anh ta là bạn anh phải không, anh Ripley?”

“Đúng thế. Và Chris là em họ của cậu ấy.” Gần đây Webster hẳn đã tìm hiểu thông tin về anh, Tom nghĩ, hẳn đã đào bới hồ sơ để xem Tom Ripley có tiền án tiền sự gì không, vì anh không nghĩ lại có người nhớ nổi tên của Dickie sau khoảng thời gian sáu năm dài. “Thứ lỗi cho tôi chút nhé, tôi sẽ đi gọi bà Annette.”

Bà Annette đang lột vỏ một thứ gì đó ở bồn rửa. Tom hỏi bà ta có thể vào phòng khách để gặp quý ông đến từ Luân Đôn không. “Chắc là anh ta biết nói tiếng Pháp.”



Sau đó, khi Tom quay về phòng khách thì Bernard đang đi xuống cầu thang. Anh ta mặc quần của Tom và mặc áo len mà không có áo sơ mi. Tom giới thiệu anh ta với Webster. “Anh Tufts là một họa sĩ. Từ Luân Đôn.”

“Ồ,” Webster nói. “VẬY anh có gặp ông Murchison lúc ở đây không?”

“Không,” Bernard nói, ngồi xuống một chiếc ghế bọc nhung màu vàng lưng thẳng. “Tôi mới đến đây hôm qua.”

Bà Annette đi vào.

Thanh tra điều tra Webster đứng dậy, mỉm cười và nói, “Rất vui được gặp bà.” Anh ta tiếp tục nói bằng thứ tiếng Pháp hoàn hảo dù vẫn đặc sệt giọng Anh, “Tôi đến đây để điều tra về việc ông Thomas Murchison mất tích”.

“À, phải rồi! Tôi mới đọc được tin này trên báo sáng nay,” bà Annette nói. “Vẫn chưa tìm được ông ấy à?”

“Không, thưa bà.” Lại một nụ cười nữa, như thể anh ta đang nói về một chuyện gì đó cực kỳ thú vị. “Có vẻ bà và anh Ripley là những người cuối cùng nhìn thấy ông ta. Hay cả cậu nữa, cậu Greenleaf?” Anh ta hỏi Chris bằng tiếng Anh.

Chris lắp bắp nhưng vẫn trả lời thành thật không thể bác bỏ. “Không, tôi chưa từng gặp ông Murchison.”

“Hôm thứ Năm ông Murchison rời khỏi nhà này lúc mấy giờ, bà Annette? Bà có nhớ không?”

“À, chắc tầm... Ngay sau bữa trưa. Tôi đã chuẩn bị bữa trưa khá sớm. Cứ áng chừng là ông ấy đi lúc hai rưỡi.”

Tom giữ im lặng. Bà Annette nói chính xác.

Điều tra viên hỏi Tom, “Ông ta có nhắc đến tên bất kỳ một người bạn nào ở Paris không? Xin bà thứ lỗi nhé, tôi có thể nói bằng tiếng Pháp mà nhỉ”.

Nhưng cuộc trò chuyện tiếp tục bằng cả hai thứ tiếng, thỉnh thoảng Tom, thỉnh thoảng Webster dịch lại cho bà Annette vì Webster muốn nghe ý kiến đóng góp của bà ta, nếu có.

Ông Murchison không nhắc đến tên một người nào ở Paris cả và Tom nói rằng anh không nghĩ ông ta định gặp ai ở sân bay Orly.

“Anh biết đấy, việc ông Murchison và bức tranh của ông ta biến mất - hai chuyện này có thể liên quan tới nhau,” điều tra viên Webster nói. (Tom giải thích cho bà Annette là bức tranh mà ông Murchison mang theo đã bị đánh cắp ở sân bay Orly, và bà Annette sung sướng nhớ ra là đã nhìn thấy nó nằm cạnh va-li của ông ta trong hành lang trước khi ông ta đi. Chắc bà ta chỉ nhìn thoáng qua thôi, Tom nghĩ, nhưng đúng là may thật. Webster biết đâu lại nghi Tom đã tiêu hủy nó.) “Tập đoàn Derwatt, như tôi nghĩ mình có lý do để gọi như vậy, là một công ty lớn. Không chỉ có họa sĩ Derwatt dính dáng ở đây. Bạn bè của Derwatt, Constant và Banbury, sở hữu Buckmaster Gallery như nghề tay trái ngoài công việc chính của họ, nhiếp ảnh gia và phóng viên. Còn cả công ty cung cấp dụng cụ vẽ Derwatt. Còn cả trường nghệ thuật Derwatt ở Perugia nữa. Nếu có việc làm giả ở đây thì nó đúng là một vụ lớn đấy!” Anh ta quay sang nói với Bernard. “Tôi nghĩ là anh biết anh Constant và Banbury, phải không anh Tufts?”

Tom cảm nhận một hồi chuông báo động khác, vì Webster hẳn phải đào sâu lắm mới biết được chuyện này: lâu nay Ed Banbury không hề đề cập đến tên Bernard trong nhóm bạn thân của Derwatt trên báo.

“Phải, tôi biết họ,” Bernard nói với vẻ có phần ngỡ ngác, nhưng ít nhất thì anh ta không tỏ ra xúc động.

“Anh có nói chuyện với Derwatt ở Luân Đôn không?” Tom hỏi viên thanh tra.

“Không thể tìm được anh ta!” Điều tra viên Webster nói, giờ đang cười tươi roi rói. “Dù tôi cũng không cất công tìm anh ta, mà một người đồng nghiệp của tôi đã làm thế sau khi ông Murchison mất tích. Một điều thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn” - đến đây anh ta chuyển sang tiếng Pháp

để cho cả bà Annette nghe - “đó là hoàn toàn không có thông tin về việc gần đây Derwatt đã nhập cảnh vào Anh từ Mexico hay bất kỳ nơi nào. Không chỉ trong mấy ngày vừa qua, khi mà có vẻ anh ta đã đến Anh Quốc, mà suốt cả mấy năm nay cũng vậy. Trên thực tế, ghi chép cuối cùng của sở Di cư cho biết Philip Derwatt đã rời khỏi đất nước cách đây sáu năm để sang Hy Lạp. Chúng tôi hoàn toàn không có hồ sơ ghi lại việc anh ta đã trở về. Như các anh chắc cũng biết, Derwatt bị cho là đã chết đuối hoặc tự tử đâu đó ở Hy Lạp.”

Bernard rướn người tới, cánh tay đặt trên đầu gối. Anh ta đang trấn tĩnh lại để đối đầu với thách thức hay chuẩn bị khai nhận tất cả đây?

“Phải, tôi từng nghe điều đó,” Tom nói với bà Annette, “Chúng tôi đang nói về họa sĩ Derwatt - có khả năng anh ta đã tự sát.”

“Vâng, thưa bà,” Webster lịch thiệp nói, “xin thứ lỗi cho chúng tôi một lúc nhé. Có chuyện gì quan trọng thì tôi sẽ nói bằng tiếng Pháp”. Rồi quay sang Tom, “Vậy có nghĩa là Derwatt đã đặt chân và thậm chí là rời khỏi Anh như Scarlet Pimpernel\* hoặc bóng ma”. Anh ta cười khẽ. “Còn anh, anh Tufts, theo tôi biết thì anh đã quen Derwatt từ xưa. Anh có gặp anh ta ở Luân Đôn không?”

“Không.”

“Nhưng tôi đoán là anh đã tới xem buổi triển lãm của anh ta?” Nụ cười của Webster tương phản hoàn toàn với vẻ u ám của Bernard.

“Không, tôi định đi xem sau,” Bernard nghiêm trang nói. “Tôi bị... buồn bực với tất cả những gì liên quan tới Derwatt.”

Webster có vẻ đang đánh giá Bernard dưới một góc nhìn mới. “Vì sao?”

“Tôi... rất quý mến anh ấy. Tôi biết anh ấy không thích sự nổi tiếng. Tôi đã nghĩ... khi sự cuồng nhiệt này lắng xuống thì tôi sẽ tới gặp anh ấy trước khi anh ấy trở về Mexico.”

Webster cười và vỗ đùi. “Này, nếu anh tìm được anh ta thì nhớ báo lại cho chúng tôi. Chúng tôi muốn hỏi chuyện anh ta về vấn đề giả mạo tranh

tiềm tàng này. Tôi đã nói chuyện với cả anh Banbury và Constant. Họ xem bức ‘Đồng Hồ’ và nói đó là tranh thật, nhưng tất nhiên là họ sẽ nói thế, theo ý tôi,” anh ta nói thêm khi mỉm cười liếc nhìn Tom, “vì chính họ bán bức tranh đó mà. Họ cũng nói rằng Derwatt đã kiên quyết khẳng định đó là tranh của anh ta. Nhưng sau rốt thì tôi chỉ mới có lời khai - hiện giờ nhé - của anh Banbury và Constant trong chuyện đó, vì chưa tìm được Derwatt hay ông Murchison. Nếu Derwatt phủ nhận nó hoặc biết đâu lại thấy nghi ngờ thì chắc sẽ thú vị lắm... À mà, tôi đâu có viết truyện trinh thám, kể cả trong trí tưởng tượng đi nữa!”. Webster cười vui vẻ, hai khóe miệng cong lên tươi tỉnh, và anh ta khẽ lắc người trên sô-pha. Nụ cười của anh ta hấp dẫn và có khả năng lây nhiễm, bất chấp hàm răng quá khổ và hơi ố vàng.

Tom biết Webster định nói gì: mấy người ở Buckmaster Gallery có đủ động cơ để khiến Derwatt ngậm miệng lại bằng cách nào đó hoặc kết liễu anh ta. Khiến cả ông Murchison ngậm miệng nữa. Tom nói, “Nhưng chính ông Murchison đã kể cho tôi cuộc trò chuyện của ông ấy với Derwatt. Ông ấy nói là Derwatt nhận ra bức tranh ấy. Điều khiến ông Murchison bận tâm là ông ấy nghĩ Derwatt có thể đã quên việc anh ta vẽ nó. Hay tôi phải nói là quên mất việc anh ta đã *không* vẽ nó. Nhưng có vẻ Derwatt vẫn nhớ là đã vẽ bức tranh ấy”. Giờ đến Tom cười.

Thanh tra điều tra Webster nhìn Tom và chớp mắt, giữ im lặng, theo Tom thấy thì có vẻ là muốn tỏ ra lịch sự. Cứ như thế anh ta đang nói, “Giờ tôi đã nhận được lời khai của *anh* rồi, mà nó cũng chẳng có giá trị cho lắm”. Cuối cùng Webster nói, “Tôi khá chắc chắn là có người nào đó vì một lý do nào đó nghĩ rằng ông Thomas Murchison đáng bị trừ khử. Tôi còn có thể nghĩ gì khác được nữa đây?”. Anh ta lịch sự chuyển ngữ câu này lại cho bà Annette.

Bà Annette nói, “Ở đây á!” và Tom cảm nhận được sự hốt hoảng của bà ta, dù anh còn không liếc nhìn.

Tom mừng vì Webster không biết chuyện anh quen Jeff và Ed, dù chỉ là quen sơ sơ. Thật buồn cười vì Webster còn không trực tiếp hỏi anh có quen họ không, Tom nghĩ. Hay là Jeff và Ed đã khai với anh ta là họ quen

sơ sơ Tom Ripley vì anh đã mua hai bức tranh từ chỗ họ nhỉ? “Bà Annette, có thể chúng tôi cần ít cà phê. Tôi có thể mời anh uống cà phê không, thanh tra, hoặc bất kỳ đồ uống gì khác?”

“Tôi đã thấy một chai Dubonnet trên giá của anh. Tôi muốn uống một ít với đá và một lát chanh, nếu việc đó không quá phiền.”

Tom chuyển lời cho bà Annette.

Không ai muốn uống cà phê hết. Chris, dựa vào lưng một chiếc ghế gần ô cửa sổ kiểu Pháp, không muốn uống gì hết. Cậu ta có vẻ mê mẩn những chuyện đang diễn ra.

“Chính xác thì vì sao,” Webster hỏi, “ông Murchison lại nghĩ tranh của ông ta là giả?”.

Tom trầm ngâm thờ dãi. Câu hỏi này là dành cho anh. “Ông ấy đã nói về linh hồn của bức tranh. Còn cả cái gì đó về kỹ thuật vẽ nữa.” Tất cả đều mơ hồ.

“Tôi khá chắc chắn,” Bernard nói, “là Derwatt sẽ không dung túng việc giả mạo tác phẩm của anh ấy. Không cần hoài nghi về chuyện đó. Nếu anh ấy nghĩ bức ‘Đồng Hồ’ là tranh giả thì anh ấy sẽ là người đầu tiên lên tiếng. Anh ấy sẽ đi thẳng tới chỗ - tôi cũng không biết nữa - cảnh sát, tôi nghĩ vậy”.

“Hoặc đám người ở Buckmaster Gallery,” điều tra viên nói.

“Đúng thế,” Bernard nói một cách quả quyết. Anh ta đột ngột đứng dậy. “Mọi người thứ lỗi cho tôi một phút nhé?” Anh ta đi lên cầu thang.

Bà Annette phục vụ đồ uống cho Webster.

Bernard mang một quyển sổ màu nâu dày xuống, đã khá cũ nát, anh ta cố gắng tìm gì đó trong quyển sổ ấy trong lúc băng qua phòng. “Nếu ông muốn biết vài thông tin về Derwatt - thì tôi đã sao chép vài thứ trong nhật ký của anh ấy ở đây.

Chúng bị bỏ lại trong một cái va-li ở Luân Đôn khi anh ấy tới Hy Lạp. Tôi đã mượn chúng một thời gian. Nhật ký của anh ấy chủ yếu nói về hội

họa, những khó khăn mà anh ấy phải đương đầu mỗi ngày, nhưng có một đoạn... Nó đây rồi. Nó đã bảy năm tuổi rồi. Đây thật sự là Derwatt. Tôi đọc lên nhé?”

“Anh cứ đọc đi,” Webster nói.

Bernard đọc, “‘Không có gì là tuyệt vọng đối với người nghệ sĩ trừ thời khắc người đó quay lại với Bản Ngã.’ Anh ấy viết Bản Ngã viết hoa, ‘Bản Ngã là một thấu kính phóng đại sự rụt rè, tự đắc, ích kỷ, tình táo không bao giờ được nhìn kỹ. Thịnh thoảng ta lại thoảng nhận ra nó giữa dòng đời, khi đó nó là nỗi khiếp hãi thực sự, và giữa các bức vẽ, và trong các kỳ nghỉ... nên đừng bao giờ đi nghỉ’”. Bernard cười khẽ. “‘Sự tuyệt vọng lớn lao ấy chứa đựng, ngoài sự đau khổ, những câu hỏi hão huyền kiểu như sống vì mục đích gì? Và cảm thán, tôi đã thiếu sót biết bao nhiêu! Và khám phá ra cả một chuyện còn tồi tệ hơn nữa mà đáng nhẽ tôi nên nhận ra từ lâu rồi mới phải, tôi thậm chí không thể dựa dẫm vào những người tự nhận yêu thương tôi vào thời điểm mà tôi cần đến họ. Người ta không cần đến họ khi mọi việc thuận lợi. Tôi không được phép bộc lộ bản thân trong khoảnh khắc yếu đuối này. Sau này nó sẽ, chắc là sẽ đánh ngược lại tôi, như một chỗ nương tựa đáng bị thiêu rụi... tối nay. Cứ để ký ức về những đêm mịt mù sống trong lòng tôi thôi.’ Đoạn tiếp theo nhé,” Bernard sùng kính nói. “‘Có thật những người có thể thật lòng tâm sự với nhau mà không sợ bị trả đũa sẽ có cuộc hôn nhân đẹp đẽ nhất không? Lòng tốt và sự tha thứ đã biến đi đâu trong thế giới này rồi? Tôi tìm thấy chúng trên gương mặt của những đứa trẻ ngồi làm mẫu cho tôi, ngắm nghía tôi, quan sát tôi với đôi mắt mở to ngây thơ không phán xét. Còn bạn bè? Trong khoảnh khắc vật lộn với kẻ thù là Tử thần, khả năng tự tử tiềm tàng gọi cho họ. Từng người một, họ không ở nhà, điện thoại không có người nghe, hoặc nếu có nghe thì cũng bảo tối nay bận - một công việc quan trọng nào đó mà họ không trốn được - và tôi đây thì quá kiêu hãnh chẳng thể gục ngã và nói rằng tôi nhất định phải gặp cậu tối nay! Đây là nỗ lực liên lạc cuối cùng. Thật đáng thương, thật con người, thật cao quý - còn gì thần thánh hơn là việc giao tiếp đây? Người sắp tự tử biết rằng nó có quyền năng diệu kỳ.’”

Bernard gập quyển nhật ký lại. “Tất nhiên là anh ấy còn khá trẻ khi viết ra điều đó. Chưa đến ba mươi.”

“Rất truyền cảm hứng,” thanh tra nói. “Anh bảo anh ta viết đoạn nhật ký đó vào lúc nào ấy nhỉ?”

“Cách đây bảy năm. Vào tháng Mười một,” Bernard đáp lại. “Anh ấy đã cố tự tử ở Luân Đôn vào tháng Mười. Anh ấy viết ra đoạn nhật ký này khi hồi phục lại. Cũng không cần vật lộn nhiều. Chỉ uống thuốc ngủ mà thôi.”

Tom bất an lắng nghe. Anh chưa hề nghe đến chuyện Derwatt từng cố tự tử.

“Có thể anh nghĩ nó quá kịch,” Bernard nói với thanh tra. “Nhật ký của anh ấy không viết cho người ngoài đọc. Buckmaster Gallery giữ những quyển còn lại. Trừ phi Derwatt đòi lại.” Bernard bắt đầu lắp bắp, trông có vẻ không thoải mái, chắc là vì anh ta đang cẩn thận cố gắng nói dối.

“Vậy là anh ta thuộc tuýp thích tự tử à?” Webster hỏi.

“Ôi, không! Anh ấy có lúc vui lúc buồn chứ. Hoàn toàn bình thường. Ý tôi là, bình thường đối với một họa sĩ. Vào thời điểm viết đoạn nhật ký này thì anh ấy đang suy sụp. Một bức tranh bích họa bị từ chối, mà đấy là Derwatt thậm chí còn vẽ xong rồi. Người thuê từ chối nó vì có vài người khóa thân trong tranh. Bức tranh được thuê để vẽ lên tường một bưu điện ở đâu đó.” Bernard cười như thể giờ thì chuyện đó không còn quan trọng nữa.

Và kỳ lạ thay, mặt của Webster bỗng trở nên trầm tư và nặng nề.

“Tôi đọc đoạn này lên để cho anh thấy rằng Derwatt là một người trung thực,” Bernard tiếp tục, ngoan cường. “Không một kẻ gian dối nào có thể viết ra điều này - hoặc bất kỳ một đoạn nào khác trong quyển sổ nhật ký này về chủ đề hội họa - hoặc đơn giản là về cuộc sống.” Bernard dùng mu bàn tay gõ mạnh lên quyển sổ. “Tôi chính là một trong những người quá bận rộn nên không tới gặp anh ấy khi anh ấy cần đến tôi. Tôi không hề biết là anh ấy lại rơi vào trạng thái xấu như vậy, anh hiểu chứ. Toàn bộ chúng tôi đều không biết. Anh ấy thậm chí còn cần tiền nhưng quá kiêu hãnh nên

không hỏi mượn ai. Một người như vậy sẽ không ăn trộm, sẽ không tự... ý tôi là cho phép việc giả mạo tranh.”

Tom cứ ngỡ thanh tra Webster sẽ nghiêm trang nói “Tôi hiểu” như lúc trước, nhưng anh ta chỉ ngồi dang hai chân ở đó, tiếp tục trầm tư, một bàn tay thả xuống đùi.

“Tôi nghĩ những gì anh vừa đọc thật là phi thường,” Chris nói sau một hồi im lặng kéo dài. Khi không ai lên tiếng, cậu ta cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên như thể sẵn sàng bảo vệ ý kiến của mình.

“Sau đó còn có đoạn nhật ký nào nữa không?” Webster hỏi. “Tôi khá hứng thú với những gì anh vừa đọc, nhưng...”

“Một, hai đoạn gì đấy,” Bernard nói, lật sổ nhật ký ra. “Một đoạn cách đây sáu năm nhé. Chẳng hạn, ‘Việc mãi mãi thua kém là thứ duy nhất đuổi sự sợ hãi ra khỏi hành động sáng tạo’ Derwatt vẫn luôn... nề phục tài năng của mình. Tôi cũng không biết phải diễn tả thành lời thế nào nữa.”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu,” Webster nói.

Tom ngay lập tức cảm nhận được sự thất vọng gay gắt, có phần cá nhân của Bernard. Anh liếc nhìn bà Annette, bà ta đang dè dặt đứng sau sofa và trước khung cửa vòm.

“Anh có nói chuyện gì với Derwatt ở Luân Đôn không, dù là qua điện thoại?” Webster hỏi Bernard.

“Không,” Bernard nói.

“Hoặc là với Banbury hoặc Constant... khi Derwatt cũng ở đó?”

“Không. Tôi không thường gặp họ.”

Không một ai có thể nghi ngờ Bernard nói dối, Tom nghĩ thầm. Anh ta trông vô cùng trung thực.

“Nhưng anh vẫn giữ mối quan hệ tốt với họ chứ?” Webster hỏi, nghiêng đầu, trông có vẻ hơi hối lỗi vì câu hỏi như vậy. “Tôi biết là anh đã quen họ cách đây nhiều năm khi Derwatt còn sống ở Luân Đôn đúng không?”



“Đúng thế. Sao lại không giữ quan hệ tốt chứ? Nhưng ở Luân Đôn tôi hiếm khi đi chơi.”

“Anh có biết liệu Derwatt có người bạn nào,” Webster vẫn tiếp tục nói với Derwatt bằng tông giọng khá nhẹ nhàng của anh ta, “có máy bay trực thăng hoặc một chiếc thuyền hoặc vài chiếc thuyền có thể đưa anh ta vào nước Anh rồi bỏ đi - như mèo Xiêm hay người Pakistan không?”

“Tôi không biết. Chắc chắn theo tôi biết là không có.”

“Một câu hỏi nữa, chắc chắn là anh đã viết thư gửi Derwatt ở Mexico khi anh biết tin anh ta còn sống, đúng không?”

“Không, tôi không hề viết.” Bernard thở dốc, và yết hầu khá to của anh ta cho thấy có vẻ anh ta rơi vào trạng thái lo âu. “Như đã nói, tôi không liên hệ nhiều với... Jeff và Ed ở Buckmaster Gallery. Và họ cũng không biết gì về ngôi làng Derwatt sống hết, tôi biết điều đó vì các bức tranh được gửi đi bằng thuyền từ Vera Cruz. Tôi nghĩ là Derwatt có thể viết thư cho tôi nếu anh ấy muốn. Vì anh ấy không viết nên tôi cũng không viết thư cho anh ấy làm gì. Tôi cảm thấy...”

“Sao cơ? Anh cảm thấy gì?”

“Tôi cảm thấy là Derwatt đã kinh qua đủ thứ lắm rồi. Về mặt tinh thần. Có thể là ở Hy Lạp hoặc trước khi đến Hy Lạp. Tôi nghĩ là chuyện đó đã thay đổi anh ấy và khiến anh ấy cảm thấy chán ghét những người bạn cũ của mình, và nếu anh ấy không muốn liên lạc với tôi - thì đó là cách hành động và nhìn nhận của anh ấy.”

Tom có thể khóc vì Bernard. Anh ta đang nỗ lực hết mình dù đau đớn. Bernard khốn khổ như một người, không phải diễn viên, đang cố diễn kịch trên sân khấu và ghét từng giây từng phút một.

Thanh tra Webster liếc nhìn Tom rồi lại nhìn Bernard. “Lạ thật... Ý anh là Derwatt đã...”

“Tôi nghĩ Derwatt đã thấy ớn đến tận cổ,” Bernard ngắt lời, “thấy ớn với loài người khi anh ấy đến Mexico. Nếu anh ấy muốn ăn dật thì tôi cũng không cần cố gắng phá vỡ ước muốn ấy làm gì. Đáng nhẽ tôi có thể đến

Mexico và dành cả đời tìm kiếm anh ấy - tức là cho đến khi tôi tìm được anh ấy”.

Tom suýt nữa cũng tin vào những lời anh vừa được nghe. Anh tự nhủ mình phải tin vào những điều ấy. Nên anh bắt đầu tin. Tom ra quầy bar để rót thêm Dubonnet vào cốc của Webster.

“Tôi hiểu rồi. Và bây giờ - khi Derwatt trở về Mexico, và có thể là anh ta đã ra về rồi, anh không biết phải viết thư gửi đi đâu cho anh ta đúng không?” Webster hỏi.

“Chắc chắn là không. Tôi chỉ biết là anh ấy vẫn đang vẽ tranh và... theo tôi đoán, đang hạnh phúc.”

“Thế còn Buckmaster Gallery? Họ cũng không biết tìm anh ta ở đâu à?”

Bernard lại lắc đầu. “Theo tôi biết thì họ cũng chịu.”

“Họ gửi số tiền mà anh ta kiếm được đi đâu?”

“Tôi nghĩ... là gửi tới một ngân hàng ở thành phố Mexico và họ sẽ chuyển nó cho Derwatt.”

Cảm ơn rất nhiều vì câu trả lời trôi chảy này, Tom nghĩ khi cúi xuống rót rượu Dubonnet ra. Anh rời khỏi phòng để lấy đá và cầm theo cái xô trên xe đẩy. “Thanh tra, anh ở lại ăn trưa với chúng tôi nhé? Tôi đã báo với quản gia của mình là sẽ giữ anh lại rồi đấy.”

Bà Annette đã đi vào bếp.

“Không, không, cảm ơn anh nhiều,” thanh tra Webster mỉm cười nói. “Tôi có hẹn ăn trưa với cảnh sát Melun. Tôi nghĩ đó cũng là dịp duy nhất tôi có thể thông thả trò chuyện với họ. Cực kỳ Pháp, phải không? Tôi phải tới Melun lúc một giờ kém mười lăm, nên việc tiếp theo tôi nên làm là gọi một chiếc tắc-xi.”

Tom gọi dịch vụ tắc-xi ở Melun.

“Tôi muốn đi dạo quanh khu đất của anh,” viên thanh tra nói. “Nó trông đáng yêu quá!”

Tom thấy đây có thể là động thái thay đổi tâm trạng, như một người đòi xem hoa hồng để tránh một buổi uống trà nói chuyện nhạt nhẽo, nhưng thực sự thì Tom không cho là vậy.

Chris hẳn đã định đi theo họ, cậu ta quá phấn khích với cảnh sát Anh, nhưng Tom liếc nhìn cậu ta phản đối, và đi riêng ra ngoài với viên thanh tra. Đi xuống những bậc thang đá mà hôm qua Tom đã suýt ngã sấp mặt, chỉ mới hôm qua thôi, trong lúc đuổi theo Bernard đang dầm mưa. Trời cũng chẳng nóng lắm, mặt cỏ đã gần khô. Thanh tra viên đút hai tay vào túi quần thụng. Tom nghĩ Webster không khẳng định trăm phần trăm là anh đã phạm tội, nhưng anh có cảm giác là mình cũng chưa hoàn toàn trong sạch trong mắt anh ta. *Tôi đã chơi khăm chính quyền và họ biết chuyện đó. Sao Shakespeare lại xuất hiện trong đầu anh vào một buổi sáng kỳ quặc thế này chứ.*

“Những cây táo. Đào. Anh hẳn là có một cuộc sống tuyệt vời ở đây. Anh có nghề nghiệp gì không, anh Ripley?”

Câu hỏi sắc bén như của một điều tra viên về nhập cư, nhưng đến giờ Tom đã quen với nó. “Tôi làm vườn, vẽ, và học những gì tôi muốn. Tôi không có nghề nghiệp nếu theo định nghĩa phải tới Paris hàng ngày hay thậm chí là hàng tuần. Tôi hiếm khi lên Paris.” Tom nhặt một hòn đá làm xấu bãi cỏ của anh lên và nhắm ném nó vào một thân cây. Hòn đá đập mạnh vào thân cây, và Tom cảm thấy đau nhói ở bên mắt cá chân bị trật.

“Và khu rừng này. Nó cũng là của anh à?”

“Không. Theo tôi biết thì đây là rừng cộng đồng. Hoặc của nhà nước. Thịnh thoảng tôi thu gom một ít gỗ trong rừng, củi, từ những cái cây đã đổ. Anh có muốn đi dạo một chút không?” Tom ra dấu về phía đường mòn.

Thanh tra Webster tiến thêm năm đến sáu bước về phía đường mòn, nhưng sau khi đã liếc nhìn dọc con đường, anh ta quay lại. “Bây giờ thì thôi, cảm ơn anh. Tôi nghĩ mình nên ra chỗ tắc-xi rồi.”

Tắc-xi đang chờ ở cửa khi họ quay lại.

Tom chào tạm biệt viên thanh tra và Chris cũng vậy. Tom chúc anh ta “*Bon appétit.*”\*

“Thú vị quá!” Chris nói. “Thật đấy! Anh có dẫn anh ta đi xem ngôi mộ trong rừng không? Tôi đã không nhìn theo qua cửa sổ vì thấy như thế thật bất lịch sự.”

Tom mỉm cười. “Không.”

“Tôi đã định nói đến nó rồi nhưng lại nghĩ làm vậy thì tôi chẳng khác nào đưa ngọc vậ. Chỉ dẫn manh mối giả.” Chris cười. Đến cả răng của cậu ta cũng giống răng của Dickie, răng nanh nhọn hoắt còn những chiếc răng còn lại nằm khá hẹp trong miệng. “Cứ thử nghĩ mà xem nhờ viên thanh tra đào nó lên để tìm ông Murchison thì sao?” Chris lại tiếp tục.

Tom cũng cười. “Phải, nếu tôi thả ông ấy xuống sân bay Orly rồi thì làm sao ông ấy quay về đây được nữa?”

“Ai đã giết ông ấy?” Chris hỏi.

“Tôi không nghĩ là ông ấy *chết* rồi,” Tom nói.

“Bị bắt cóc à?”

“Không rõ. Có thể lắm. Cùng bức tranh của ông ấy. Tôi cũng không biết phải nghĩ gì nữa. Bernard đâu rồi?”

“Anh ta lên gác rồi.”

Tom lên gác thăm Bernard. Cửa phòng anh ta đóng kín. Anh gõ cửa và nghe có tiếng lẩm bầm trả lời.

Bernard đang ngồi ở mép giường, hai tay đan vào nhau. Trông anh ta kiệt quệ và thảm thương.

Tom vui vẻ nói hết sức có thể, hoặc dám, “Mọi chuyện đã diễn ra tốt đẹp, Bernard. *Tout va then.*”\*

“Tôi đã thất bại,” Bernard đáp, với đôi mắt khốn khổ.

“Anh đang nói về chuyện gì vậy? Anh đã thể hiện rất xuất sắc mà.”

“Tôi đã thất bại. Đó là lý do anh ta hỏi đủ thứ chuyện về Derwatt. Cách tìm ra anh ấy ở Mexico. Derwatt đã thất bại và tôi cũng thế.”

## CHƯƠNG 14

Đó là một trong những bữa trưa chán ngán nhất mà Tom phải trải qua, gần như ngang tầm với bữa trưa cùng Heloise và cha mẹ cô sau khi Heloise thông báo cho họ biết là anh và cô đã kết hôn. Nhưng ít nhất thì bữa trưa này không kéo dài như thế. Bernard vẫn chìm đắm trong tâm trạng tuyệt vọng vô phương cứu chữa của một diễn viên, Tom thấy vậy, người vừa có một màn trình diễn mà tự anh ta thấy là thảm họa, vậy nên anh chẳng có ích gì. Bernard vẫn đang chịu đựng cảm giác kiệt sức - Tom cũng từng nếm trải - của một tuyển thủ sau khi đã dốc cạn sức lực.

“Anh biết không, tối qua,” Chris nói, uống nốt cốc sữa mà cậu ta đã uống cùng rượu vang, “tôi đã nhìn thấy một chiếc ô-tô lùi ra khỏi con đường mòn trong rừng ấy. Hẳn là tầm một giờ đêm. Tôi không nghĩ nó quan trọng. Chiếc xe lùi ra đường chính và bật đèn rất ít, như thể ai đó không muốn bị bắt gặp”.

Tom nói, “Chắc là... cặp tình nhân”. Anh sợ Bernard sẽ phản ứng theo một cách nào đó - như thế nào nhỉ? - khi nghe thấy chuyện này, nhưng dường như Bernard không để tâm lắm.

Bernard xin cáo lỗi và đứng dậy.

“Chúa ơi, thật đáng buồn khi anh ta cứ rầu rĩ như vậy,” Chris nói sau khi Bernard đã khuất khỏi tầm tai. “Tôi sẽ khởi hành ngay lập tức. Tôi hy vọng mình không ở lại đây quá lâu.”

Tom muốn kiểm tra các chuyến tàu buổi chiều nhưng Chris lại có một ý tưởng khác. Cậu ta thích đi nhờ xe lên Paris hơn. Không thể can cậu ta cho nổi. Chris một mực tin rằng đó sẽ là một chuyến phiêu lưu thú vị. Giải

pháp thay thế là một chuyến tàu lúc năm giờ chiều, theo Tom biết. Chris mang các va-li của cậu ta xuống dưới nhà và đi vào bếp để chào tạm biệt bà Annette.

Sau đó họ ra gara.

“Nhờ anh,” Chris nói, “chuyển lời chào tạm biệt anh Bernard giùm tôi nhé? Cửa phòng anh ta đóng kín. Tôi có cảm giác là anh ta không muốn bị làm phiền, nhưng tôi không muốn anh ta nghĩ tôi bất lịch sự”.

Tom trấn an cậu ta là anh sẽ giúp Bernard bình ổn lại. Tom lái chiếc xe Alfa Romeo ra.

“Anh có thể thả tôi xuống bất kỳ chỗ nào cũng được, thật đấy,” Chris nói.

Tom nghĩ Fontainebleau là chốn hợp lý nhất, có đường cao tốc tới Paris ở gần đài tưởng niệm. Chris trông đúng với bản chất của một thanh niên Mỹ cao ráo đang đi nghỉ hè, chẳng giàu cũng chẳng nghèo, và Tom nghĩ cậu ta sẽ dễ dàng xin đi nhờ xe lên Paris thôi.

“Vài ngày nữa tôi gọi cho anh nhé?” Chris hỏi. “Tôi hào hứng muốn biết chuyện gì đang diễn ra. Tất nhiên, tôi cũng sẽ theo dõi báo.”

“Được chứ,” Tom nói. “Để tôi gọi cho cậu nhé. Khách sạn Louisiane, đường Seine, đúng không?”

“Đúng. Tôi không thể diễn tả hết cảm giác tuyệt vời của mình - chỉ cần được tham quan bên trong một căn nhà Pháp đã mê ly rồi.”

À, cậu ta biết cách miêu tả đấy chứ. Nhưng mà, cậu ta cần gì phải nói với anh, Tom nghĩ. Trên đường về, Tom lái xe nhanh hơn thường lệ. Anh cảm thấy vô cùng lo lắng, nhưng lại không biết chính xác mình nên lo lắng về chuyện gì. Anh cảm thấy mất liên lạc với Jeff và Ed, và việc anh hoặc họ cố gắng liên lạc với nhau bây giờ cũng không khôn ngoan. Anh nghĩ tốt nhất là nên cố gắng thuyết phục Bernard ở lại đây. Chuyện đó có thể khó khăn. Nhưng quay trở lại Luân Đôn cũng có nghĩa là buổi triển lãm Derwatt sẽ lại đập thẳng vào mặt Bernard, các tấm poster trên đường phố,

có khi còn phải gặp Jeff và Ed, hai người cũng đang lo sợ và mất thăng bằng. Tom cất xe vào gara và đi thẳng lên phòng Bernard, gõ cửa.

Không ai trả lời.

Tom mở cửa ra. Giường vẫn được gấp hết như hồi sáng khi Bernard ngồi, và giờ anh nhìn thấy chỗ lõm nhẹ trên ga giường, nơi anh ta đã ngồi. Nhưng tất cả đồ đạc của Bernard đã biến mất, túi đeo vai, bộ đồ nhũ mà Tom đã cất vào trong tủ áo. Anh qua xem phòng mình. Bernard cũng không có ở đó. Và không có một lời nhắn nào. Bà Clusot đang hút bụi trong phòng anh và Tom chào bà ta, “Xin chào bà”.

Anh đi xuống gác. “Bà Annette ơi!”

Bà Annette không ở trong bếp mà ở trong phòng của mình. Tom gõ cửa và sau khi nghe tiếng bà ta đáp lại, anh mở cửa ra. Bà Annette đang ngồi dựa vào đầu giường, đắp một cái chăn đan màu hoa cà, đọc *Marie-Claire*.

“Bà không cần đứng dậy đâu!” Tom nói. “Tôi chỉ muốn hỏi anh Bernard đâu rồi?”

“Cậu ta không ở trong phòng mình à? Chắc cậu ta ra ngoài đi dạo rồi.”

Tom không muốn kể với bà ta là có vẻ anh ta đã dọn hết đồ đạc và bỏ đi. “Anh ta không nói gì với bà à?”

“Không, thưa ngài.”

“Vậy thì...” Tom gượng cười. “Đừng lo nghĩ gì nữa. Có cuộc điện thoại nào không?”

“Không, thưa ngài. Và tối nay sẽ có bao nhiêu người dùng bữa vậy?”

“Hai người, tôi nghĩ vậy, cảm ơn bà, bà Annette,” Tom nói, nghĩ chắc Bernard sẽ quay lại. Anh ra ngoài và đóng cửa lại.

Chúa tôi, Tom nghĩ thầm, lao vào đọc vài bài thơ Goethe an ủi. *Der Abschied* hoặc một bài tương tự. Một chút sự vững chắc của người Đức, sức thuyết phục của Goethe dành cho sự ưu việt và - chắc là cả thiên tài nữa. Đó là điều anh cần. Tom rút quyển sách - *Goethes Gedichte* - xuống

khỏi giá, và do số mệnh hoặc tiềm thức sắp đặt, anh mở ra đúng bài *Der Abschied*. Tom đã gần như thuộc lòng nó, dù anh sẽ chẳng bao giờ dám trích dẫn bài thơ này cho bất kỳ ai vì sợ giọng của mình không hoàn hảo. Giờ những dòng thơ đầu làm anh buồn bực:

*Lass mein Aug' den Abschied sagen,*

*Den mein Mund nicht nehmen kann!*

Hãy để đôi mắt nói hộ lời bờ môi.

*Schwer, wie schwer ist er zu tragen!*

*Und ich bin...*

Tom giật mình khi nghe tiếng cửa ô-tô đóng sập lại. Có người đến. Bernard đã bắt tắc-xi quay lại, Tom nghĩ thầm.

Nhưng không, đó là Heloise.

Cô đứng đó, đầu để trần, mái tóc vàng dài tung bay trong gió, vụng về lấy ví ra.

Tom lao về phía cửa và mở tung nó ra. “Heloise!”

“Ôi, Tome!”

Họ ôm nhau. Ôi, Tome, ôi, Tome! Tom đã dần quen với cái tên mọt sách này, và khi nó được phát ra từ Heloise thì anh thích mê.

“Em cháy nắng hết rồi!” Tom nói bằng tiếng Anh, nhưng ý anh là da rám nắng. “Để anh đuổi gã này đi đã. Bao nhiêu tiền thế?”

“Một trăm bốn mươi franc.”

“Thằng khốn. Từ Orly gã chỉ phải...” Tom kìm nén từ anh chuẩn bị bật ra dù định nói bằng tiếng Anh. Tom trả hóa đơn. Lái xe không buồn giúp đỡ hành lý.

Tom mang tất cả các thứ vào nhà.

“Ôi, thật tuyệt khi được về nhà!” Heloise nói, dang rộng cánh tay. Cô quăng một cái túi to trông như tấm thảm - một sản phẩm của Hy Lạp - lên chiếc sô-pha vàng. Cô đang đi sandal da màu nâu, quần chuông màu hồng,



và áo khoác có hai hàng cúc màu xanh navy kiểu Mỹ. Tom tự hỏi cô đã mua được cái áo đó ở đâu và bằng cách nào?

“Mọi chuyện đều tốt đẹp. Bà Annette đang nghỉ ngơi trong phòng,” Tom nói, chuyển sang tiếng Pháp.

“Em vừa trải qua một kỳ nghỉ kinh khủng khiếp!” Heloise ngồi dựa vào sô-pha và châm một điếu thuốc lên. Cô sẽ cần vài phút để bình tĩnh lại, nên anh bắt đầu mang va-li của cô lên gác. Cô hét lên với một cái va-li trong số đó vì trong va-li có một món đồ gì đó phải để dưới nhà, nên Tom bỏ nó lại và xách chiếc khác lên. “Anh có cần năng suất và đậm chất Mỹ như thế không?”

Không thì sao? Đứng đó chờ cô nghỉ ngơi chắc? “Có.” Anh mang các món đồ khác lên phòng của cô.

Khi anh xuống nhà, bà Annette đã ra phòng khách, bà ta và Heloise đang trò chuyện về Hy Lạp, du thuyền, căn nhà ở đó (rõ ràng là trong một ngôi làng nhỏ ven biển), nhưng Tom để ý là họ chưa nói về ông Murchison. Bà Annette thích Heloise vì bà ta thích phục vụ, và Heloise thì thích được phục vụ. Hiện giờ Heloise không cần gì cả, dù sau khi bà Annette khăng khăng nài nỉ, cô đồng ý uống một tách trà.

Sau đó Heloise kể cho anh về chuyến du lịch của cô trên *Princesse de Grèce*, du thuyền của một thằng ngốc tên là Zeppo, cái tên khiến Tom nghĩ đến anh em nhà Marx\*. Tom đã xem ảnh của tên quái vật lông lá này, sự tự tin của gã ta có thể sánh ngang với mọi vua hàng hải của Hy Lạp, theo Tom đánh giá, dù Zeppo chỉ là con trai của một tên lừa đảo nhà đất nhỏ, người bé như hạt đậu. Một doanh nhân lừa gạt nhân viên của chính mình, bản thân lão ta cũng bị lừa bởi các ông trùm phát xít ở đó, theo lời Zeppo và Heloise, vậy nhưng vẫn kiếm được nhiều tiền đến mức con trai lão ta có thể lượn lờ trên du thuyền, quảng trứng cá muối cho lũ cá và đổ đầy sâm-panh vào bể bơi của du thuyền, sau đó còn đốt nóng bể bơi lên để có thể bơi được ở trong. “Zeppo phải giấu sâm-panh đi, nên anh ta đã đổ nó vào bể bơi,” Heloise giải thích.

“Thế ai ngủ với Zeppo? Không phải phu nhân tổng thống Mỹ chứ?”

“Bất kỳ ai,” Heloise nói bằng tiếng Anh, giọng ghê tởm, và phả khói ra.

Nhưng không phải Heloise, Tom chắc chắn. Thỉnh thoảng cô cũng - nhưng không thường xuyên - là lời, nhưng Tom chắc chắn là cô không nhảy lên giường của bất kỳ ai trừ anh từ khi họ kết hôn. Tạ ơn Chúa, không phải là Zeppo, một con khỉ đột đúng nghĩa. Heloise sẽ chẳng bao giờ mê gã ta được. Cách đối xử với phụ nữ của Zeppo có vẻ ghê tởm, nhưng thái độ của Tom với chuyện đó - một chuyện mà anh chẳng bao giờ dám bộc bạch với một người phụ nữ nào - là nếu phụ nữ chấp nhận nó ngay từ đầu chỉ để nhận một chiếc vòng tay kim cương hoặc một căn villa ở miền nam nước Pháp thì sao sau đó họ lại phàn nàn gì? Sự bực bội của Heloise chủ yếu là do ghen tị với một người phụ nữ tên là Norita, vì có một người đàn ông trên thuyền đã để ý đến Heloise. Tom chỉ lơ mơ lắng nghe những câu chuyện tầm phào ngớ ngẩn này, anh còn bận bấn khoản không biết làm sao để kể cho Heloise nghe các tin tức mới của mình mà không khiến cô phiền muộn.

Tom cũng đợi bóng dáng hốc hác của Bernard xuất hiện trước cửa bất kỳ lúc nào. Anh chậm chạp đi đi lại lại trong phòng, mỗi lần quay người đều liếc nhìn cửa. “Anh đã đến Luân Đôn.”

“VẬY À? Nó thế nào?”

“Anh mua quà cho em đấy.” Tom chạy lên gác - mắt cá chân của anh đã đỡ nhiều - và mang theo chiếc quần mua trên phố Carnaby trở xuống. Heloise mặc thử đồ trong phòng ăn. Nó vừa như in.

“Em mê nó quá!” Heloise nói, ôm chầm lấy Tom và hôn lên má anh.

“Anh đã về nhà cùng một người tên là Thomas Murchison,” Tom nói và tiếp tục kể những gì đã xảy ra cho cô nghe.

Heloise chưa nghe đến chuyện ông ta mất tích. Tom trình bày chuyện ông Murchison hoài nghi bức “Đồng Hồ” của ông ta là tranh giả, còn Tom thì tin tưởng là không có chuyện tranh của Derwatt bị làm giả, vậy nên, cũng giống cảnh sát, anh chẳng thể giải thích vì sao ông Murchison biến

mất. Heloise không biết gì về phi vụ làm giả, cô cũng chẳng biết gì về khoản thu nhập Tom rút ra từ công ty Derwatt, tầm 12,000 đô la một năm, ngang với khoản tiền anh thu được từ cổ phần của Dickie Greenleaf. Heloise có hứng thú với tiền nhưng không có hứng thú với nguồn gốc của tiền. Cô biết chuyện tiền của gia đình cô cũng góp phần duy trì chi tiêu trong nhà của họ ngang với Tom, nhưng chưa bao giờ lôi nó ra cãi nhau với anh, và Tom biết là cô cũng chẳng để bụng, một tính cách nữa của Heloise mà anh đánh giá cao. Tom đã kể với cô là công ty Derwatt khẳng khẳng đòi trả cho anh một phần nhỏ doanh thu của họ vì anh đã giúp họ tổ chức doanh nghiệp nhiều năm trước, trước cả khi anh và Heloise gặp nhau. Thu nhập của Tom ở công ty Derwatt được gửi cho anh, hoặc được xử lý bởi một công ty ở New York là nhà phân phối các dụng cụ vẽ dán nhãn Derwatt. Một phần tiền này được Tom đầu tư lại ở New York, một phần thì anh chuyển đến Pháp để đổi thành đồng franc. Chủ tịch của công ty cung cấp dụng cụ vẽ Derwatt (tình cờ thay cũng là người Hy Lạp) biết rõ Derwatt không tồn tại và đang bị giả mạo.

Tom tiếp tục: “Một vấn đề nữa đây. Bernard Tufts - anh nghĩ là em chưa từng gặp anh ta - đang đến đây chơi vài ngày, và chiều nay anh ta có vẻ đã ra ngoài đi dạo - mang theo đồ đạc của mình. Anh cũng không rõ anh ta có quay lại đây hay không”.

“Bernard Toofts? *Người Anh à?*”

“Phải. Anh không thân với anh ta lắm. Anh ta là bạn của một người bạn. Anh ta là họa sĩ, hiện giờ có hơi suy sụp vì bạn gái. Chắc anh ta đã đến Paris. Anh chỉ nghĩ nên kể cho em biết về anh ta phòng trường hợp anh ta quay lại.” Tom cười. Anh ngày càng cảm thấy chắc chắn là Bernard sẽ không quay lại nữa. Phải chăng anh ta đã bắt tắc-xi tới sân bay Orly để nhảy lên chuyến bay đầu tiên về Luân Đôn mà anh ta mua vé được? “Với cả... một tin nữa là ngày mai chúng ta được mời tới nhà Berthelin ăn tối nhé. Họ sẽ sung sướng lắm khi thấy em đã về! À, suýt thì anh quên mất. Anh cũng đã tiếp một vị khách khác - Christopher Greenleaf, em họ của Dickie đấy. Cậu ta đã ở lại đây hai đêm. Em không nhận được thư anh kể

chuyện cậu ta à?” Nhưng hẳn là cô chưa nhận được vì anh mới gửi hôm thứ Ba.

“Trời đất ơi, anh bận thật đấy nhỉ!” Heloise nói bằng tiếng Anh, giọng có phần ghen tị đến buồn cười. “Anh có nhớ em không đấy, Tome?”

Anh vòng tay ôm lấy cô. “Anh nhớ em nhiều lắm... thật sự đấy.”

Thứ mà Heloise muốn để dưới nhà hóa ra là một cái bình, thấp và vững chãi với hai tay cầm, trên bình có hai con bò đen cúi đầu gườm gườm nhau. Nó trông thật thú vị và Tom không hỏi nó có giá trị không, có phải đồ cổ không, hay bất kỳ một câu hỏi nào khác, vì tại thời điểm ấy anh không quan tâm. Anh bật bản nhạc *Bốn Mùa* của Vivaldi lên. Heloise đang dờ dờ ở trên gác và nói rằng cô muốn đi tắm.

Đến sáu rưỡi tối, Bernard vẫn chưa về. Tom có cảm giác là anh ta đang ở Paris chứ không phải Luân Đôn, nhưng đó chỉ là cảm giác, một thứ mà anh không tin. Trong bữa tối mà anh và Heloise ăn ở nhà, bà Annette tán gẫu với Heloise về người Anh đã đến nhà sáng hôm nay để hỏi chuyện ông Murchison. Heloise có hứng thú nhưng không nhiều, và chắc chắn là cô không thấy lo lắng, theo Tom để ý. Cô quan tâm tới Bernard nhiều hơn.

“Anh nghĩ anh ta sẽ quay về đây à? Tối nay?”

“Thực ra thì... bây giờ anh không nghĩ như vậy nữa” Tom nói.

Sáng thứ Năm đến và đi một cách bình yên, thậm chí còn chẳng có lấy một cú điện thoại, dù Heloise gọi điện cho ba hay bốn người gì đó ở Paris, gồm cả cha cô ở văn phòng Paris của ông. Giờ Heloise đang mặc quần Levi's bạc màu và đi chân trần trong nhà. Chẳng có gì trong tờ *Parisien* hôm nay của bà Annette viết về ông Murchison hết. Buổi chiều khi bà Annette ra ngoài - bề ngoài là để mua đồ, nhưng thật sự thì chắc là để đến chỗ bà bạn Yvonne và kể cho bà này nghe việc Heloise đã về nhà và có một *sĩ quan* cảnh sát Luân Đôn tới nhà họ - Tom nằm ôm Heloise trên sofa vàng, uể oải, đầu dựa vào ngực cô. Sáng hôm ấy họ đã làm tình. Tuyệt diệu. Đáng ra đó phải là một sự kiện chấn động. Tom còn thấy nó chẳng quan trọng bằng việc ngủ cùng Heloise tối hôm trước, ôm cô trong tay.

Heloise hay nói, “Ngủ với anh thích lắm, vì anh xoay người không giống như có động đất làm cả giường rung lên. Thật đấy, em còn chẳng biết anh xoay người lúc nào nữa”. Điều đó làm Tom hài lòng. Anh thậm chí còn chưa bao giờ hỏi ai là người tạo ra động đất trên giường. Heloise tồn tại. Điều đó đối với Tom thật kỳ lạ. Anh không thể xác định mục tiêu sống của cô. Cô giống như một bức tranh trên tường vậy. Cô từng nói có thể một ngày nào đó sẽ muốn có con. Trong lúc này, cô tồn tại. Dù bản thân Tom cũng chẳng dám khoe khoang về mục đích sống của mình sau khi đã đạt được cuộc sống hiện thời, nhưng anh vẫn cảm thấy có chút say mê khi nắm bắt những niềm vui thú mà giờ anh đã có đủ khả năng thực hiện, nhưng có vẻ Heloise thiếu cảm xúc say mê này, có thể vì cô đã có đủ đầy mọi thứ mà cô mong muốn từ ngày lọt lòng. Thỉnh thoảng Tom cảm thấy kỳ lạ khi làm tình với cô, vì phân nửa thời gian anh thấy mình tách biệt, như thể anh tìm kiếm khoái lạc từ một thứ vô tri vô giác, không thật, từ một cơ thể thiếu nhân dạng. Hay đó là do bản thân anh thấy e thẹn và có phần đạo đức nhỉ? Hay nỗi sợ bộc lộ bản thân trọn vẹn (về mặt tinh thần) đang dọa dẫm anh rằng “Nếu mình giao toàn bộ bản thân ra, nếu mình mất Heloise, mình không thể tồn tại được nữa”. Tom biết rằng anh có khả năng tin điều đó, kể cả chuyện liên quan đến Heloise, nhưng anh không thích tự thú nhận như thế, không cho phép điều đó xảy ra, và chắc chắn cũng chưa một lần nói vậy với Heloise, vì nó sẽ (trong tình trạng hiện giờ) là một lời nói dối. Theo anh cảm giác thì trạng thái dựa dẫm hoàn toàn vào cô chỉ là một khả năng có thể xảy ra. Nó chẳng hề liên quan tới tình dục, Tom nghĩ thầm, cũng không hề dựa vào tình dục. Thường thì Heloise coi thường những thứ mà anh cũng coi thường. Cô là một cộng sự, theo một cách nào đó, dù có phần thụ động. Có bạn đời là một cậu thanh niên hoặc một người đàn ông thì Tom chắc sẽ cười nhiều hơn - có thể đó chính là sự khác biệt chủ yếu. Vậy nhưng Tom nhớ có dịp họ ở cùng cha mẹ cô, khi anh nói, “Con chắc chắn là mọi thành viên của Mafia đều đã được rửa tội, thế điều đó có khiến họ trở nên tốt đẹp không?” và Heloise phá ra cười. Cha mẹ cô thì không. Họ (cha mẹ) bằng cách nào đó đã moi được từ chỗ Tom chuyện anh đã không được rửa tội ở Mỹ - một chuyện mà đến Tom còn thấy mơ hồ, nhưng chắc

chấn là cô Dottie của anh chưa từng đề cập tới. Cha mẹ của Tom đã chết đuối khi anh còn rất nhỏ, vậy nên anh cũng chưa từng nghe họ nói về chủ đề này. Không thể giải thích điều đó với vợ chồng ông Plisson, những người theo Công giáo, là ở Mỹ, lễ rửa tội, lễ Mi-xa, thú tội, tai xỏ khuyên, địa ngục, và Mafia đều, theo một nghĩa nào đó, có tính Công giáo chứ không phải Tin Lành, Tom thì chẳng theo đạo nào cả, nhưng nếu anh chắc chắn về một chuyện gì đó thì đó là anh không phải người Công giáo.

Những lần Tom thấy Heloise sống động nhất là khi cô nổi khùng lên. Cô rất hay nổi khùng và nóng nảy. Tom không tính những lần nổi nóng vì có món đồ chậm chuyển từ Paris tới, khi Heloise thề thốt (chẳng tin được) là sẽ không bao giờ mua sắm ở mấy cái cửa hàng đó nữa. Những cơn thịnh nộ nghiêm trọng của cô xuất hiện lúc buồn chán hoặc có người châm chọc nhẹ lòng kiêu hãnh của cô, có thể xảy ra ngay khi một vị khách nào đó nói thẳng hoặc phủ nhận ý kiến của cô trong một cuộc thảo luận ở bàn ăn. Heloise sẽ kiềm chế cho tới khi vị khách hoặc các vị khách đó ra về - một nỗ lực đáng khen - nhưng sau đó, cô sẽ đi đi lại lại trong phòng, ném gối vào tường, gào thét, *‘Tous-moi la paix! - Salauds!’* (“Cút ra khỏi đây! - Lũ hợm hĩnh!”) với Tom là khán giả duy nhất. Anh sẽ nói gì đó an ủi và đánh lạc hướng, Heloise sẽ rũ xuống, một giọt lệ chảy ra khỏi hai bên mắt, và một giây sau cô lại cười được. Tom đoán đó là tính La-tinh. Chắc chắn đây không phải tính Anh rồi.

Tom làm việc khoảng một tiếng đồng hồ trong vườn, rồi đọc cuốn *Les Armes Secretes* của Julio Cortazar. Sau đó anh lên nhà và hoàn thành nốt bức chân dung của bà Annette - hôm nay là ngày nghỉ của bà ta, thứ Năm. Tối sáu giờ chiều, Tom gọi Heloise vào xem tranh.

“Nó không tệ đâu, anh biết không? Anh đâu có dành nhiều công sức cho nó lắm. Em thích nó đấy.”

Tom hài lòng với lời khen này. “Đừng cho bà ấy biết nhé.” Anh cất nó vào góc phòng chờ khô, mặt tranh quay vào phía tường.

Sau đó họ chuẩn bị để tới nhà Berthelin. Ăn mặc không quá trang trọng. Levi's là được. Vincent là một ông chồng cũng làm việc ở Paris và

cứ đến cuối tuần lại quay về ngôi nhà ở vùng nông thôn của mình.

“Cha có nói gì không?” Tom hỏi.

“Cha mừng vì em đã quay lại Pháp.”

Cha cô không thích anh lắm, Tom biết, nhưng ông cũng mơ hồ cảm nhận được là Heloise bỏ bê anh. Phẩm chất của giai cấp tư sản đấu tranh với việc có nên xía mũi vào chỉ trích tính cách người khác, Tom cho là vậy. “Còn Noelle?” Đó là một người bạn sống ở Paris mà Heloise yêu quý.

“À, cũng thế. Cô ấy bảo chán chết. Cô ấy chẳng bao giờ thích mùa thu.”

Nhà Berthelin, dù cũng khá giả, cố tình sống nghèo khó ở vùng nông thôn, với phòng vệ sinh ngoài nhà, bồn rửa trong bếp thì không có vòi nước nóng. Nước nóng được đun trong ấm trên bếp lò dùng củi. Khách của họ, nhà Clegg, cặp vợ chồng người Anh, tầm năm mươi tuổi, cùng tuổi với nhà Berthelin. Con trai của ông Vincent Bertherlin, người mà Tom chưa từng gặp bao giờ, là một thanh niên tóc đen hai mươi hai tuổi (ông Vincent kể cho Tom biết tuổi của cậu ta trong bếp, khi ông ta và Tom uống Ricards, ông Vincent nấu ăn), giờ đang sống cùng một cô bạn gái ở Paris, đang trên đà bỏ học kiến trúc ở Beaux Arts, một việc khiến ông Vincent lo lắng vô cùng. “*Con bé đó không xứng đáng!*” Ông Vincent nổi giận đùng đùng với Tom. “Đó là ảnh hưởng của nước Anh, cậu biết chứ?” Ông Vincent là người ủng hộ Charles de Gaulle.

Bữa tối xuất sắc, gà, cơm, xa-lát, phô mai, và bánh tart táo do bà Jacqueline nướng. Đầu óc Tom còn mải mê với những chuyện khác. Nhưng anh hài lòng, hài lòng đến mức mỉm cười, vì Heloise mang tâm trạng phấn chấn kể về hành trình ở Hy Lạp, cuối cùng họ còn thử rượu ouzo Hy Lạp mà Heloise mang đến.

“Vị thơm thật, cái rượu ouzo đấy! Còn chán hơn cả Pernod!” Heloise nói ở nhà, đánh răng ở bồn rửa trong phòng tắm của cô. Cô đã thay sang váy ngủ, một cái váy ngắn màu xanh dương.

Trong phòng mình, Tom mặc bộ pyjama mà anh mới mua ở Luân Đôn vào.

“Em xuống nhà lấy sâm-panh đây!” Heloise hét lên.

“Để anh lấy cho,” Tom vội vã xỏ dép vào.

“Em phải tống khứ cái vị này đi. Thêm vào đấy em cũng muốn uống sâm-panh. Xét cái thứ mà nhà Berthelin mang ra mời chúng ta uống, anh sẽ tưởng họ nghèo lắm. *Rượu thường!*” Cô chuẩn bị đi xuống nhà.

Tom ngăn cô lại.

“Để em lấy cho,” Heloise nói. “Lấy đá đi.”

Không hiểu sao Tom không muốn cô đi xuống hầm. Anh vào bếp. Anh vừa mới lôi một khay đá ra thì nghe có tiếng hét - một tiếng hét nghèn nghẹn do khoảng cách nhưng chính là tiếng hét của Heloise, một tiếng hét khủng khiếp. Tom lao qua hành lang.

Thêm một tiếng hét nữa vang lên và anh chạm mặt cô trong phòng vệ sinh thừa.

“Trời ơi! Có người treo cổ ở dưới đó!”

“Ôi, Chúa ơi!” Tom đỡ Heloise và dẫn cô lên cầu thang.

“Đừng đi xuống, Tome! Nó kinh khủng lắm!”

Đó là Bernard, tất nhiên rồi. Tom run lập cập khi đi theo cô lên cầu thang, cô nói tiếng Pháp còn anh nói tiếng Anh.

“Hứa với em là anh sẽ không xuống đó đi! Gọi cảnh sát đi, Tome!”

“Được rồi, anh sẽ gọi cảnh sát.”

“Ai thế?”

“Anh không biết.”

Họ vào phòng ngủ của Heloise.

“Ở lại đây nhé!” Tom nói.

“Không, đừng bỏ mặc em!”



“Anh yêu cầu em đấy!” Tom nói bằng tiếng Pháp, chạy ra khỏi phòng và xuống cầu thang. Rượu scotch nguyên chất là tốt nhất, anh nghĩ. Heloise hiếm khi uống rượu nên nó sẽ có ích với cô ngay lập tức. Sau đó là đến thuốc an thần. Tom mang bình rượu cùng một cái cốc từ xe đẩy lên gác. Anh rót nửa cốc, và khi Heloise ngập ngừng, anh uống trước một ít rồi đặt cốc vào giữa môi cô. Răng cô đang va lập cập.

“Anh sẽ gọi cho cảnh sát chứ?”

“Có chứ!” ít nhất thì đây cũng là vụ tự tử, Tom nghĩ. Điều đó chắc sẽ chứng minh được. Đây không phải là vụ giết người. Tom thở dài, run rẩy, gần như ngang với Heloise. Cô vẫn đang ngồi ở mép giường. “Uống sâm-panh có được không? Có rất nhiều sâm-panh.”

“Được. *Không!* Anh không được phép xuống dưới đó! Gọi cảnh sát đi!”

“Được rồi.” Tom xuống cầu thang.

Anh đi vào phòng vệ sinh thừa, do dự đứng một giây trước cánh cửa mở toang - đèn tầng hầm vẫn bật - rồi bắt đầu đi xuống cầu thang. Cả người anh run lên khi nhìn thấy một bóng người đen xì, treo lưng lẳng, đầu ngoẹo sang một bên. Dây thừng rất ngắn. Tom chớp mắt. Dường như không có bàn chân. Anh tiến lại gần hơn.

Đó chỉ là hình nộm.

Tom mỉm cười, rồi cười lớn. Anh đập vào đôi chân èo uột - chẳng có gì ngoài một cái quần trống không, quần của Bernard Tufts. “*Heloise!*” Anh hét lên, chạy lên cầu thang, không quan tâm có đánh thức bà Annette không. “Heloise, đó chỉ là *hình nộm* thôi!” Anh nói bằng tiếng Anh. “Không phải thật đâu! Đó chỉ là *ma-nơ-canh* thôi! Em không cần sợ!”

Anh phải mất một lúc mới thuyết phục được cô. Chắc đó là trò đùa mà Bernard bày ra - có thể là cả Christopher nữa, Tom nói thêm. Dầu sao thì anh đã sờ chân và anh chắc chắn.

Dần dần, Heloise chuyển sang giận dữ, một dấu hiệu bình phục. “Mấy gã người Anh này đùa ngu thật! Ngu ngốc! Đại dột!”

Tom cười nhẹ nhõm. “Anh sẽ xuống lấy sâm-panh! Cả đá nữa!”

Tom lại đi xuống nhà. Hình nộm móc vào một cái thắt lưng mà Tom nhận ra là của anh. Móc áo đỡ chiếc áo khoác màu xám sậm, quần được cài nút vào nút áo khoác, đầu là một cái giẻ xám, được buộc dây ở cổ. Tom vội vã lấy một cái ghế từ trong bếp - mừng thay là bà Annette hoàn toàn không tỉnh giấc suốt toàn bộ quá trình - quay xuống hầm và đưa hình nộm xuống. Thắt lưng móc vào đỉnh trên xà nhà. Tom bỏ bộ quần áo xuống sàn. Rồi anh vội vã chọn sâm-panh. Anh bỏ móc áo ra khỏi áo khoác, mang theo cả thắt lưng. Anh cũng lấy xô đá từ trong bếp, tắt đèn, rồi đi lên gác.

# CHƯƠNG 15

Tom thức dậy vào tầm bảy giờ kém. Heloise đang ngủ say sưa. Anh nhẹ nhàng xuống giường, lấy áo choàng ngủ của mình đang được treo phòng vệ sinh của Heloise.

Bà Annette chắc đã dậy. Tom lặng lẽ đi xuống cầu thang. Anh muốn bỏ bộ âu phục của Bernard ra khỏi hầm trước khi bà Annette tìm được nó. Giờ Tom cũng để ý thấy vết rượu vang đỏ và máu của ông Murchison không quá nghiêm trọng. Nếu có kỹ thuật viên pháp y xét nghiệm nó có phải máu không thì chắc chắn anh ta sẽ tìm được dấu vết để lại, nhưng Tom lạc quan tin rằng chuyện đó sẽ không xảy ra.

Anh cởi khuy áo khoác và khuy quần. Một mẫu giấy bay ra, lời nhắn của Bernard, viết bằng nét chữ cao nhọn của anh ta:

*Tôi treo cổ hình nộm của mình trong nhà anh. Bernard Tufts là người tôi đã treo cổ chứ không phải Derwatt. Với D, tôi sẽ sám hối theo cách duy nhất có thể, đó là tự giết bản thân mình trong năm năm qua. Giờ tiếp tục và cố gắng sáng tạo ra các tác phẩm của mình một cách trung thực là những gì còn sót lại trong đời tôi.*

B.T

Tom thôi thúc muốn vò nát tờ giấy và hủy nó đi. Rồi anh gấp nó lại và nhét vào túi áo choàng ngủ. Anh có thể sẽ cần đến nó. Ai mà biết được? Ai mà biết Bernard đang ở đâu và định làm gì? Anh rũ bộ âu phục nhàu nhĩ của anh ta và quăng cái giẻ vào trong góc. Anh sẽ đưa bộ đồ này đi giặt.

Không có hại gì hết. Tom định mang nó về phòng mình nhưng lại quyết định bỏ nó trên cái bàn trong hành lang nơi anh bỏ đồ để bà Annette mang tới hiệu giặt là.

“Chào buổi sáng, anh Tome!” Bà Annette nói từ bếp. “Một ngày nữa anh lại dậy sớm quá đấy! Cô Heloise cũng vậy à? Cô ấy có muốn uống trà không?”

Tom đi vào bếp. “Tôi nghĩ là cô ấy muốn ngủ hết sáng nay. Cô ấy thích ngủ muộn đến lúc nào thì tùy cô ấy. Nhưng giờ tôi cần ít cà phê đây.”

Bà Annette nói sẽ bê cà phê lên cho anh. Tom lên nhà và thay đồ. Anh muốn nhìn ngôi mộ trong khu rừng một chút. Nhỡ đâu Bernard lại làm cái gì kỳ quái thì sao - đào một phần mộ chẳng hạn, chỉ có Chúa mới biết - hoặc thậm chí là tự chôn mình trong đó.

Sau khi uống cà phê, anh đi xuống nhà. Mặt trời bị che và chưa lên hẳn, cỏ vẫn ướt sương sớm. Tom nhàn tản dạo quanh các bụi cây, không muốn xông thẳng tới chỗ ngôi mộ, phòng trường hợp Heloise hoặc bà Annette đang nhìn ra ngoài cửa sổ. Anh không nhìn về phía ngôi nhà vì tin rằng mắt của một người sẽ thu hút mắt của người khác.

Ngôi mộ vẫn giống y hệt lúc anh và Bernard bỏ nó lại.

Tận mười giờ hơn Heloise mới tỉnh giấc và bà Annette chuyển lời cho Tom, lúc ấy đang ở trong xưởng vẽ, là cô muốn gặp anh. Tom vào phòng ngủ của cô. Cô đang uống trà trên giường.

Cô vừa ăn nho vừa nói, “Em không thích trò đùa của các bạn anh đâu”.

“Sẽ không có trò đùa nào nữa. Anh đã lấy quần áo... ra khỏi hầm. Đừng nghĩ về nó nữa. Em có muốn tới một chỗ dễ thương nào đó để ăn trưa không? Một chỗ dọc sông Seine? Ăn bữa trưa muộn nhé?”

Cô thích ý tưởng đó.

Họ tìm ra một nhà hàng mới với họ trong một thị trấn nhỏ ở phía nam, tiếc là không nằm bên bờ sông Seine.

“Chúng ta có nên đi du lịch đâu đó không? Tới Ibiza nhé?” Heloise hỏi.

Tom lưỡng lự. Anh rất muốn đi tới một chỗ nào đó bằng thuyền, mang theo toàn bộ hành lý mà anh muốn, sách, máy nghe nhạc, màu, giấy vẽ. Nhưng anh cảm thấy nó rất giống một cuộc chạy trốn, với Bernard, với Jeff và Ed, và với cả cảnh sát nữa - dù họ biết nơi anh định đến. “Anh sẽ nghĩ thêm về chuyện đó. Cũng được đấy.”

“Hy Lạp để lại trong em hương vị không mấy dễ chịu. Như rượu ouzo vậy,” Heloise nói.

Tom muốn ngủ trưa một cách thoải mái sau bữa trưa. Heloise cũng vậy. Cô nói là họ nên ngủ trên giường cô cho tới khi tự tỉnh giấc, hoặc đến giờ ăn tối. Rút dây điện thoại trong phòng Tom để điện thoại chỉ reo dưới gác, và bà Annette sẽ nhắc máy. Chính những khoảnh khắc như thế, Tom nghĩ thầm khi lười biếng lái xe qua khu rừng trở về Villeperce, khiến anh thích cảnh vô công rồi nghề, thay vì khá giả, và có vợ.

Tom chắc chắn không chuẩn bị tinh thần cho cảnh anh chứng kiến khi dùng khóa mở cửa trước. Bernard đang ngồi trong một cái ghế lưng thẳng màu vàng, quay ra cửa.

Heloise chưa nhìn thấy Bernard ngay, và hỏi, “Tome, anh yêu, anh có thể mang cho em rượu Perrier và đá không? Ôi trời đất ơi, em buồn ngủ quá đi thôi!”. Heloise ngã vào vòng tay của Tom và ngạc nhiên khi thấy anh căng cứng cả người.

“Bernard đang ở đây. Em biết đấy, người Anh mà anh đã kể ấy.” Tom đi vào phòng khách. “Xin chào, Bernard. Anh thế nào?” Tom không thể chìa tay ra nổi nhưng vẫn gượng cười.

Bà Annette đi từ bếp ra. “A, anh Tome! Cô Heloise! Tôi không nghe thấy tiếng xe. Hẳn là tôi điếc rồi. Anh Bernard đã quay lại này.” Bà Annette có vẻ bối rối.

Tom bình tĩnh nói hết mức có thể, “Đúng thế. Mừng quá. Tôi đang chờ anh ấy đây,” dù anh nhớ mình đã nói với bà Annette là anh không chắc

Bernard sẽ quay lại đây.

Bernard đứng dậy. Anh ta cần cạo râu. “Xin thứ lỗi cho tôi vì quay lại không thông báo.”

“Heloise, đây là Bernard Tufts - một họa sĩ ở Luân Đôn. Đây là vợ tôi, Heloise.”

“Chào cô,” Bernard nói.

Heloise vẫn đứng ì ra đó. “Chào anh,” cô đáp lại bằng tiếng Anh.

“Vợ tôi thấy hơi mệt.” Tom đi về phía cô. “Em muốn lên nhà... hay ở dưới này với bọn anh?”

Dùng đầu ra hiệu, Heloise bảo Tom đi theo mình.

“Quay lại ngay đây, Bernard,” Tom nói và đi theo cô.

“Đó có phải cái người đã bày ra trò đùa hôm qua không?” Heloise hỏi khi họ đã vào phòng cô.

“Đúng thế, anh rất tiếc. Anh ta khá lập dị.”

“Anh ta đang làm gì ở đây thế? Em không thích anh ta. Anh ta là ai? Trước đây anh chưa từng kể về anh ta. Sao anh ta lại mặc quần áo của anh thế?”

Tom nhún vai. “Anh ta là bạn của vài người bạn của anh ở Luân Đôn. Anh chắc là mình có thể thuyết phục anh ta rời khỏi đây vào chiều nay. Có lẽ anh ta cần thêm ít tiền. Hoặc quần áo. Để anh hỏi anh ta.” Tom hôn má cô. “Về giường đi, em yêu. Anh sẽ gặp lại em sớm.”

Tom vào bếp và nhờ bà Annette mang Perrier của Heloise lên gác.

“Anh Bernard sẽ ở lại đây ăn tối chứ?” Bà Annette hỏi.

“Tôi không nghĩ vậy. Nhưng chúng ta cứ chuẩn bị thì hơn. Thứ gì đó đơn giản thôi. Chúng tôi đã ăn một bữa trưa khá no.” Tom quay về chỗ Bernard. “Anh đã đến Paris à?”

“Phải, Paris.” Bernard vẫn đứng đó.

Tom không biết phải dùng chiến lược nào nữa. “Tôi đã thấy hình nộm của anh dưới hầm. Nó khiến vợ tôi khá sốc. Anh không nên đùa như thế... khi có phụ nữ trong nhà.” Tom mỉm cười. “Tiện thể, quản gia của tôi đã mang đồ của anh đi giặt và tôi bảo đảm anh sẽ nhận được nó ở Luân Đôn - hoặc bất kể nơi nào anh định đến. Ngồi xuống đi.” Tom ngồi xuống sô-pha. “Kế hoạch của anh là gì?” Giống như hỏi một người điên xem anh ta cảm thấy thế nào vậy, Tom nghĩ thầm. Tom thấy bất an và anh càng cảm thấy tệ hơn khi nhận ra tim mình đang đập khá nhanh.

Bernard ngồi xuống. “À...” Im lặng một lúc lâu.

“Không quay lại Luân Đôn à?” Trong cảm giác tuyệt vọng, Tom lấy một chiếc xì gà ra khỏi cái hộp trên bàn cà phê. Nó đủ để khóa miệng anh lại vào lúc này, nhưng điều đó có quan trọng không?

“Tôi tới đây để nói chuyện với anh.”

“Được rồi. Về chuyện gì?”

Lại im lặng và Tom sợ không dám phá vỡ sự im lặng này. Bernard chắc đang dò dẫm trong các đám mây, những đám mây bất tận trong suy nghĩ của anh ta mấy ngày qua. Tom cảm thấy anh ta như thể đang săn đuổi một con cừu mây bé nhỏ giữa một cuộn len xù khổng lồ vậy. “Tôi có rất nhiều thời gian dành cho anh. Anh là bạn tôi, Bernard.”

“Đơn giản thôi. Tôi phải khởi đầu lại cuộc đời của mình. Một cách sạch sẽ.”

“Phải, tôi biết. Anh có thể mà.”

“Vợ anh có biết về... việc giả tranh của tôi không?”

Tom hoan nghênh câu hỏi hợp lý này. “Không, tất nhiên là không rồi. Không ai biết cả. Không ai ở Pháp biết.”

“Còn về ông Murchison?”

“Tôi kể với cô ấy là ông Murchison đang mất tích. Và tôi đã thả ông ta xuống sân bay Orly.” Tom nói thật nhỏ, phòng trường hợp Heloise đang ở

hành lang trên gác, nghe trộm. Nhưng anh biết rõ là tiếng nói trong phòng khách sẽ không vang xa đến tận đầu cầu thang.

Bernard nói có phần gắt gỏng, “Tôi thật sự không thể trò chuyện với những người khác trong căn nhà này. Như vợ anh. Hoặc bà quản gia”.

“Được rồi, chúng ta có thể đi chỗ khác.”

“Không.”

“Này, tôi làm sao yêu cầu bà Annette rời khỏi đây được. Bà ấy quản lý căn nhà này. Muốn đi dạo không? Có một quán cà phê yên tĩnh...”

“Không, cảm ơn.”

Tom cầm điếu xì gà và ngả lưng dựa vào sô-pha, giờ điếu xì gà có mùi như nhà cháy. Thường thì anh thích cái mùi này. “Tiện thể, tôi chưa nghe được tin tức gì từ viên thanh tra người Anh kể từ lần gặp anh đâu. Hoặc từ cảnh sát Pháp.”

Bernard không có phản ứng gì. Sau đó anh ta nói, “Được rồi, đi bộ đi”. Anh ta đứng dậy và nhìn ô cửa sổ kiểu Pháp. “Chắc là đi qua cửa sau đi.”

Họ đi ra bãi cỏ. Cả hai đều không mặc áo khoác ngoài dù trời lạnh. Tom để Bernard dẫn đường tùy ý đi đâu thì đi và Bernard tiến về phía khu rừng, về phía con đường mòn. Anh ta chậm rãi sỏi bước, có hơi loạng choạng. Anh ta cạn sức do chưa được ăn gì à, Tom tự hỏi? Lát sau họ đã đi qua chỗ từng chôn xác ông Murchison. Tom cảm thấy sợ hãi, nỗi sợ ấy khiến tóc ở cổ và sau tai anh dựng cả lên. Tom nhận ra anh không sợ chỗ này mà sợ Bernard. Anh buông lỏng hai tay và tránh xa anh ta một chút.

Rồi Bernard đi chậm dần và quay lại, họ bắt đầu đi bộ về nhà.

“Anh đang nghĩ gì trong đầu thế?” Tom hỏi.

“À, tôi... tôi không biết chuyện này sẽ kết thúc ở đâu. Chưa gì đã khiến một người phải chết rồi.”

“À thì... cũng đáng tiếc, đúng vậy. Nhưng thật sự thì đâu có liên quan gì tới anh phải không? Vì anh sẽ không vẽ thêm một bức Derwatt nào nữa,



Bernard Tufts mới toanh có thể bắt đầu lại từ đầu... một cách trong sạch.”

Không có hồi đáp từ Bernard.

“Anh có gọi cho Jeff hay Ed khi anh ở Paris không?”

“Không.”

Tom có thể dễ dàng mua bất kỳ một tờ báo Anh nào, và chắc Bernard cũng vậy. Nỗi lo lắng của anh ta đến từ chính bản thân. “Nếu muốn, anh có thể gọi cho Cynthia từ đây. Anh có thể gọi từ phòng tôi.”

“Tôi đã nói chuyện với cô ấy ở Paris. Cô ấy không muốn gặp tôi.”

“À.” Đó là vấn đề. Đó là cọng rơm cuối cùng, theo Tom đoán. “Vậy thì anh luôn có thể viết thư cho cô ấy mà. Biết đâu thế lại tốt hơn. Hoặc đến gặp cô ấy khi anh quay lại Luân Đôn. Tông thẳng vào cửa nhà cô ấy!” Tom cười.

“Cô ấy đã từ chối.”

Im lìm.

Tom đoán Cynthia muốn phủi sạch mối quan hệ. Không phải cô ta không tin ý định chấm dứt việc làm giả tranh của Bernard - không ai có thể hoài nghi Bernard một khi anh ta đã bắt đầu làm gì đó - nhưng cô ta đã chịu đựng đủ rồi. Nỗi đau của Bernard vượt quá sức hiểu của Tom, ở thời điểm này. Họ đang đứng trên hiên đá ngoài ô cửa sổ kiểu Pháp. “Tôi phải vào nhà đây, Bernard. Tôi lạnh cóng rồi. Vào thôi.” Tom mở cửa ra.

Bernard cũng vào theo.

Tom chạy lên gặp Heloise. Anh vẫn đang cứng cả người vì lạnh, hoặc vì sợ. Heloise đang ở trong phòng cô, ngồi trên giường, phân loại ảnh và bưu thiếp.

“Khi nào thì anh ta mới đi?”

“Em yêu... lại là do cô bạn gái của anh ta ở Luân Đôn. Anh ta đã gọi cho cô ta ở Paris. Cô ta không muốn gặp lại anh ta. Anh ta không vui và anh không thể bắt anh ta đi được. Anh không biết anh ta định làm gì nữa. Em yêu, em có muốn ghé thăm cha mẹ vài ngày không?”

“*Không!*”

“Anh ta muốn trò chuyện với anh. Anh chỉ hy vọng là anh ta sẽ sớm thông suốt.”

“Sao anh không thể đuổi anh ta đi chứ? Anh ta đâu phải bạn anh. Với cả anh ta cũng điên rồ nữa!”

Bernard vẫn ở lại.

Họ chưa ăn xong bữa tối thì chuông cửa reo. Bà Annette ra mở cửa và quay lại báo với Tom:

“Có hai sĩ *quan* cảnh sát, anh Tome. Họ muốn nói chuyện với anh.”

Heloise thờ ra nóng nảy và quăng khăn ăn xuống. Có vốn đã không thích ngồi xuống bàn ăn và giờ cố đứng dậy. “Lại có người xâm phạm!” Cô nói bằng tiếng Pháp.

Tom cũng đứng dậy theo.

Chỉ có Bernard có vẻ bình thản.

Tom vào phòng khách, vẫn là cặp sĩ *quan* cảnh sát đã tới nhà anh hôm thứ Hai.

“Thưa anh, rất tiếc phải làm phiền anh,” người lớn tuổi hơn nói, “nhưng điện thoại của anh không hoạt động. Chúng tôi đã báo cáo điều đó rồi”.

“Thật à?” Trên thực tế thì việc điện thoại trực trực vẫn xảy ra khoảng sáu tuần một lần, không giải thích được, nhưng giờ Tom tự hỏi liệu có phải Bernard đã có giờ trò kỳ quặc nào đó không, như cắt dây điện chẳng hạn. “Tôi không biết chuyện đó đấy. Cảm ơn các anh.”

“Chúng tôi vẫn liên hệ với điều tra viên bên Anh. Hay phải nói là anh ta vẫn liên hệ với chúng tôi.”

Heloise vào phòng khách, Tom nghĩ chắc là vừa vì hiếu kỳ vừa vì giận dữ. Anh giới thiệu cô và hai viên sĩ *quan* lại giới thiệu lại tên của họ, úy viên Delaunay, còn tên người còn lại thì Tom lỡ mất.

Delaunay nói, “Giờ không chỉ ông Murchison mà đến họa sĩ Derwatt cũng đang mất tích. Điều tra viên người Anh Webstair, đã cố gọi điện cho anh chiều hôm nay, muốn biết anh có nghe tin gì từ hai người họ không”.

Tom mỉm cười, thật ra thấy hơi thú vị. “Tôi chưa bao giờ gặp Derwatt và chắc chắn là anh ta cũng không biết tôi,” anh nói, đúng lúc Bernard bước vào phòng. “Và tôi không nhận được tin gì từ ông Murchison, rất tiếc phải nói vậy. Xin cho phép tôi giới thiệu Bernard Tufts, một người bạn Anh. Bernard, hai quý ông đây thuộc lực lượng cảnh sát.”

Bernard lầm bầm chào.

Tom để ý thấy tên của Bernard không có ý nghĩa gì với những cảnh sát Pháp.

“Đến cả những người sở hữu phòng triển lãm nơi Derwatt đang tổ chức triển lãm tranh cũng không biết anh ta ở đâu,” Delaunay nói. “Chuyện này thật quái lạ.”

Đúng là kỳ quặc thật, nhưng Tom chẳng thể giúp gì cho họ hết.

“Anh có tình cờ biết ông Murchison người Mỹ không?” Delaunay hỏi Bernard.

“Không,” Bernard nói.

“Thế còn cô?”

“Không,” Heloise nói.

Tom giải thích là vợ anh mới từ Hy Lạp về, nhưng anh đã kể cho cô nghe về chuyến viếng thăm và việc mất tích của ông Murchison.

Hai sĩ quan trông có vẻ không biết phải làm gì tiếp theo. Delaunay nói, “Anh Reeply, vì tình huống này nên chúng tôi đã được điều tra viên Webstair yêu cầu lục soát nhà anh. Chỉ là thủ tục thôi, mong anh hiểu, nhưng cần thiết. Biết đâu chúng tôi lại tìm thấy manh mối. Tất nhiên, tôi đang nói về ông Murchison. Chúng tôi phải hết sức hỗ trợ đồng nghiệp bên Anh của mình!”

“Chắc chắn là được rồi! Anh có muốn bắt đầu ngay bây giờ không?”

Trời khá tối, ngoài trời là thế, nhưng cảnh sát nói rằng họ sẽ bắt đầu ngay bây giờ và tiếp tục vào sáng mai. Cả hai viên sĩ quan đang đứng ngoài hiên đá và Tom cảm thấy họ đang tha thiết nhìn về phía khu vườn và khu rừng tối om đằng xa.

Họ khám xét khắp nhà, dưới sự hướng dẫn của Tom. Đầu tiên họ quan tâm đến phòng ngủ của ông Murchison, phòng mà sau đó đã được Chris sử dụng. Bà Annette đã dọn sạch thùng rác. Hai viên sĩ quan lục tìm các ngăn kéo tủ, tất cả đều trống không trừ hai ngăn dưới của một cái tủ nhiều ngăn, hay *tủ com-mốt* như người Pháp gọi, đựng ga trải giường và vài cái chăn. Không có dấu vết nào của ông Murchison hay Chris. Họ tìm sang phòng của Heloise. (Heloise đang giận âm ỉ ở dưới nhà, Tom biết.) Họ cũng tìm kiếm trong xưởng vẽ của Tom, thậm chí còn cầm một cái cửa của anh lên. Có một tầng gác mái. Đèn đã hỏng và Tom phải lấy bóng đèn mới và đèn pin ở dưới nhà lên. Tầng gác mái phủ đầy bụi. Ghế được phủ vải và có một chiếc sofa cũ từ chủ trước mà Tom và Heloise chưa vứt đi. Cảnh sát cũng dùng đèn pin của họ để nhìn phía sau các đồ vật. Họ đang tìm kiếm một thứ to lớn chứ không phải manh mối nữa, Tom nghĩ vậy, thấy thật ngớ ngẩn trước suy nghĩ anh lại có thể giấu một cái xác sau lưng ghế sofa.

Sau đó là đến tầng hầm. Tom vẫn giữ bộ dạng thoải mái dẫn họ xuống hầm, đứng ngay trên vết máu ố, và chiếu đèn pin của anh vào các góc nhà, dù đèn dưới đó vẫn sáng tốt. Tom hơi sợ máu của ông Murchison đã chảy xuống sàn xi măng sau thùng rượu vang. Anh đã không kiểm tra khu vực ấy kỹ càng. Nhưng nếu có máu thì hai viên sĩ quan cũng không nhìn thấy và chỉ liếc mắt qua sàn nhà. Điều này không có nghĩa là ngày mai họ sẽ không kiểm tra kỹ lưỡng hơn, Tom nghĩ.

Họ nói là sẽ quay lại lúc tám giờ sáng mai, nếu giờ đó không quá sớm với Tom. Anh đáp rằng tám giờ cũng được.

“Xin lỗi nhé,” Tom nói với Heloise và Bernard sau khi đóng cửa trước. Anh có cảm giác là suốt chừng ấy thời gian Heloise và Bernard vẫn ngồi im lìm với cốc cà phê của mình.

“Sao họ lại muốn lục soát nhà của mình thế?” Heloise gặng hỏi.

“Vì người đàn ông Mỹ đấy vẫn đang mất tích,” Tom nói. “Ông Murchison ấy.”

Heloise đứng dậy. “Em có thể nói chuyện với anh trên gác không, Tome?”

Tom xin Bernard thứ lỗi và đi theo cô.

Heloise về phòng mình. “Anh mà không giải quyết cho xong chuyện điên rồ này thì ngay tối nay em sẽ rời khỏi căn nhà này đấy!”

Một tình thế thật tiến thoái lưỡng nan. Anh muốn Heloise ở lại đây, nhưng nếu vậy thì Tom biết là anh cũng sẽ không giải quyết dứt điểm Bernard được. Và cũng giống Bernard, anh không thể nghĩ được gì khi đôi mắt căm phẫn của Heloise cứ trừng ra nhìn anh. “Anh sẽ cố gắng đuổi anh ta đi lần nữa vậy,” Tom nói. Anh hôn lên cổ Heloise. Ít nhất thì cô cho phép điều này.

Tom đi xuống nhà. “Bernard à... Heloise buồn bực lắm. Anh có ngại quay lại Paris ngay tối nay không? Tôi có thể lái xe chở anh tới... Sao không đến Fontainebleau nhỉ? Có vài khách sạn khá tốt ở đó đấy. Nếu anh muốn nói chuyện với tôi thì ngày mai tôi có thể đến Fontainebleau...”

“Không.”

Tom thở dài. “Vậy thì tối nay cô ấy sẽ rời khỏi nhà. Tôi sẽ đi nói chuyện với cô ấy vậy.” Tom quay lên gác và báo với Heloise.

“Chuyện gì thế này, một Dickie Greenleaf khác à? Anh không thể bảo anh ta cút khỏi nhà anh sao?”

“Anh chưa bao giờ... Dickie không hề ở trong nhà *anh*.” Tom ngừng lại, không biết nói gì. Heloise trông có vẻ giận dữ đến mức có thể tự mình xuống đuổi Bernard đi, nhưng cô sẽ không thể thành công được, Tom nghĩ thầm, vì thái độ cứng rắn của Bernard không dành chỗ cho sự thương thảo hay lễ phép.

Cô kéo một chiếc va-li da nhỏ từ nóc tủ xuống và bắt đầu xếp đồ. Nói rằng anh cảm thấy phải chịu trách nhiệm với Bernard chỉ vô dụng, vì Heloise sẽ lại hỏi vì sao, Tom cảm thấy như vậy.

“Heloise, em yêu, anh vô cùng xin lỗi. Em định lái xe hay muốn anh chở em tới nhà ga?”

“Em sẽ lái chiếc Alfa tới Chantilly. Tiện thể, không có gì không ổn với điện thoại hết. Em vừa thử chiếc ở trong phòng anh xong.”

“Có thể chính tin báo từ lực lượng cảnh sát đã giúp sửa điện thoại.”

“Em thì nghĩ có thể họ đã nói dối. Họ muốn làm chúng ta bất ngờ.” Cô khựng lại khi đang cất dở một cái áo vào va-li. “Anh đã làm gì thế, Tome? Anh có làm gì ông Murchison này không?”

“Không hề!” Tom nói, giật mình.

“Anh biết đấy, cha em sẽ không hỗ trợ giải quyết một vụ tai tiếng vớ vẩn nào nữa đâu đấy.”

Cô đang nhắc đến vụ Greenleaf. Tom đã chứng minh sự trong sạch của mình ở đó, chắc chắn là vậy rồi, nhưng vẫn luôn có những tin đồn hoài nghi. Người La-tinh luôn tung ra những chuyện đùa hoang đường, và theo một cách kỳ lạ nào đó mà chuyện đùa dần trở thành sự thực của họ. Tom có thể đã giết Dickie. Và tất cả mọi người đều biết rằng anh lấy được một ít tiền từ cái chết của Dickie, dù Tom đã hết sức che giấu chuyện này. Heloise biết là anh có một khoản thu nhập từ Dickie, cha của Heloise cũng biết, dù trong việc kinh doanh thì tay ông cũng không phải trong sạch gì, nhưng tay Tom thì đã dính máu, có thể nói vậy. *Tiền không bẩn...*

“Sẽ không có vụ tai tiếng nào nữa hết,” Tom nói. “Em không biết à, anh đang cố gắng hết sức để tránh tai tiếng đây. Đó là mục đích của anh.”

Cô đóng va-li lại. “Em chưa bao giờ biết anh đang làm gì.”

Tom xách va-li lên. Rồi anh đặt nó xuống và họ ôm nhau.

“Anh muốn ở bên em tối nay.”

Heloise hẳn cũng muốn ở bên anh, và cô không cần phải nói điều đó thành lời. Đây là mặt trái của chiến dịch *cút ra khỏi nhà* của cô! Giờ cô chuẩn bị bỏ đi. Khi phụ nữ Pháp phải bỏ khỏi phòng, khỏi nhà, hoặc bắt người khác phải đổi phòng, hoặc cút xéo đi đâu đó, người kia càng thấy bất

tiện thì họ càng thích, nhưng như thế vẫn làm sao khó chịu bằng tiếng la hét của họ. Tom gọi nó là “Luật Chuyển Chỗ Pháp”

“Em đã gọi điện cho gia đình em chưa?” Tom hỏi.

“Nếu họ không có ở đó thì vẫn có người hầu.”

Cô sẽ phải lái xe gần hai tiếng “Em sẽ gọi cho anh khi tới đó chứ?”

“Tạm biệt, Bernard!” Heloise hét vọng lên từ cửa trước. Rồi quay sang nói với Tom, người tiễn cô ra ngoài, “*Còn khuya!*”

Tom cay đắng nhìn theo bóng đèn đỏ của chiếc Alfa Romeo rẽ trái ở cửa và biến mất.

Bernard đang ngồi hút thuốc lá. Từ bếp vọng ra tiếng nắp thùng rác loảng xoảng. Tom cầm đèn pin trên cái bàn ngoài sảnh và đi vào phòng vệ sinh thừa. Anh xuống tầng hầm và nhìn ra sau giá đựng thùng rượu nơi xác ông Murchison từng nằm lại. May mắn là không có vết máu ở đó. Tom đi lại lên nhà.

“Anh biết không, Bernard, anh được chào đón ở đây tối nay, nhưng sáng ngày mai cảnh sát sẽ tới để lục soát ngôi nhà kỹ càng hơn.” Anh đột nhiên nghĩ tới khu rừng. “Họ có thể sẽ thẩm vấn anh vài câu. Điều đó chỉ khiến anh bức dọc hơn thôi. Anh có muốn đi trước khi họ đến không - lúc tám giờ?”

“Có thể lắm, có thể lắm.”

Gần mười giờ tối bà Annette đi vào để hỏi xem họ có muốn uống thêm cà phê không. Tom và Bernard từ chối.

“Cô Heloise đã ra ngoài à?” Bà Annette hỏi.

“Cô ấy đã quyết định đến thăm cha mẹ,” Tom nói.

“Vào giờ này sao! Ôi, cô Heloise!” Bà ta thu dọn các tách cà phê.

Tom cảm giác là bà ta không thích Bernard, hoặc không tin tưởng anh ta, cũng hết như Heloise vậy. Thật đáng tiếc, Tom nghĩ, khi họ không hiểu được tính cách của Bernard, tính cách bề ngoài của anh ta khiến phần lớn mọi người khó chịu. Tom nhận ra rằng cả Heloise lẫn bà Annette đều chẳng

thể thích anh ta vì họ chẳng biết gì về anh ta hết, không hề biết về sự tận tụy của anh ta với Derwatt - mà chắc họ sẽ chỉ cho rằng đó là “lợi dụng Derwatt” mà thôi. Hơn tất cả, cả Heloise lẫn bà Annette, với gia cảnh tương đối khác biệt, sẽ chẳng bao giờ hiểu được quá trình phát triển của Bernard Tufts, từ tầng lớp lao động (theo lời Jeff và Ed) tới gần ranh giới là một người vĩ đại dựa vào tài năng của bản thân - dù anh ta ký một cái tên khác dưới các tác phẩm của mình. Bernard thậm chí còn chẳng quan tâm đến khía cạnh tiền bạc - một điều nữa cũng khiến bà Annette và Heloise không đời nào hiểu nổi. Bà Annette rời khỏi phòng khá vội vã, thể hiện sự giận dữ hết mức mà bà ta dám thể hiện, theo Tom cảm nhận.

“Còn một chuyện nữa mà tôi muốn kể với anh,” Bernard nói. “Buổi tối sau hôm Derwatt chết. Chúng tôi đều được báo tin về sự ra đi của anh ấy hai mươi tư tiếng sau khi nó diễn ra ở Hy Lạp... tôi... tôi đã thấy Derwatt đứng trong phòng ngủ của mình. Có ánh trăng chiếu qua cửa sổ. Tôi nhớ đã hủy hẹn với Cynthia vì muốn ở một mình. Tôi có thể nhìn thấy Derwatt ở đó và cảm nhận được sự hiện diện của anh ấy. Anh ấy thậm chí còn đang mỉm cười. Anh ấy nói, ‘Đừng hoảng hốt nhé, Bernard, tôi ra đi không khổ sở đâu. Tôi còn chẳng cảm thấy đau đớn’. Anh có thể tưởng tượng nổi việc Derwatt nói ra một câu dễ đoán như thế không? Vậy mà tôi đã nghe thấy đấy.”

Bernard đã nghe thấy tiếng lòng của anh ta. Tom vẫn lắng nghe một cách tôn trọng.

“Tôi ngồi dậy trên giường nhìn anh ấy khoảng chừng một phút. Derwatt giống như đang trôi lơ lửng quanh phòng tôi, căn phòng mà thỉnh thoảng tôi vẫn ngồi vẽ... và ngủ.”

Ý anh ta là vẽ dưới tư cách là Tufts, chứ không phải Derwatt.

Bernard tiếp tục, “Anh ấy nói ‘Tiếp tục đi, Bernard, tôi không hối hận đâu’. Khi nói ‘hối hận’, tôi hiểu ý anh ấy là anh ấy không hối hận vì đã tự tử. Ý anh ấy là cứ sống tiếp đi. Đó là...” Bernard nhìn Tom lần đầu tiên kể từ khi anh ta bắt đầu nói “... đến chừng nào còn có thể sống. Nó đâu phải là



một chuyện mà người ta có thể kiểm soát được, đúng không? Định mệnh quyết định chuyện đó giùm anh.”

Tom ngậm ngừng. “Derwatt có vẻ có khiếu hài hước. Jeff nói rằng có khi anh ta lại tán thưởng việc anh giả mạo anh ta đầy thành công như thế.” Tạ ơn Chúa, chuyện này không diễn biến tồi tệ lắm.

“Đến một mức nào đó thôi. Đúng là về mặt nghề nghiệp thì việc giả mạo có thể là một trò đùa. Nhưng Derwatt sẽ không thích khía cạnh kinh doanh của nó đâu. Tiền có thể dễ dàng đẩy anh ấy tới bước đường cùng hết như việc khánh kiệt vậy.”

Tom cảm giác dòng suy nghĩ của Bernard lại bắt đầu đảo chiều, chuyển sang thù địch và lộn xộn, thù địch anh. Anh có nên có động thái ngừng trò chuyện để về nghỉ không? Hay Bernard sẽ coi đó là một sự sỉ nhục? “Sáng mai đám cảnh sát ngớ ngẩn đó đến sớm quá, tôi nghĩ mình phải về giường đây.”

Bernard cúi người về phía trước. “Anh không hề hiểu điều tôi ám chỉ hôm nọ khi tôi nói mình đã thất bại. Với gã thanh tra đến từ Luân Đôn, khi tôi cố gắng giải thích con người Derwatt cho anh ta.”

“Vì anh không hề thất bại. Nghe này, Chris hiểu ý anh nói. Tôi vẫn nhớ Webster còn nói nó thật cảm động.”

“Webster vẫn đang cân nhắc khả năng tranh giả, khả năng Derwatt chấp nhận cho chuyện đó xảy ra. Tôi thậm chí không thể truyền tải hết tính cách của Derwatt. Tôi đã gắng hết sức và thất bại.”

Tom nói, cố gắng đưa Bernard về đúng hướng trong tuyệt vọng, “Webster đang tìm kiếm ông Murchison. Đó là công việc của anh ta. Không phải tìm Derwatt. Tôi lên gác đây”.

Tom về phòng và mặc pyjama vào. Anh mở hé cửa sổ phía trên và về giường - tối nay giường chưa được bà Annette chuẩn bị để anh đi ngủ - nhưng anh cảm thấy run run và có thôi thúc muốn ra khóa cửa lại. Thế có ngớ ngẩn không nhỉ? Hay là lý trí? Hành động ấy có vẻ hèn nhát. Anh không khóa cửa nữa. Anh đang đọc dở một tập *Lịch sử xã hội Anh Quốc*

của Trevelyan và chuẩn bị cầm lên đọc tiếp, nhưng thay vào đó lại lấy quyển *Từ điển Harrap. To forge. Từ forge* trong tiếng Pháp có nghĩa là phân xưởng. *Faber*, công nhân. *Forge* trong tiếng Pháp chỉ có nghĩa là phân xưởng kim loại. Từ giả mạo trong tiếng Pháp là *falsification* hoặc *contrefaire*. Tom đã biết hai từ này rồi. Anh đóng từ điển lại.

Anh nằm suốt một tiếng đồng hồ mà không ngủ được. Cứ mỗi giây máu rần rần trong tai anh lại mạnh dần lên, đủ to để khiến anh giật mình, và anh vẫn giữ cảm giác như sắp rơi từ trên cao xuống.

Nhìn mặt đồng hồ đeo tay phát sáng, Tom thấy đã mười hai rưỡi. Anh có nên gọi cho Heloise không? Anh muốn gọi cho cô nhưng lại không muốn nhận thêm sự chê trách từ cha cô vì gọi điện lúc đêm muộn. Kệ thầy người khác.

Sau đó Tom nhận thấy mình bị lật vai lại, có bàn tay bóp cổ anh. Tom vung chân gạt chần ra. Anh đang kéo cánh tay của Bernard một cách vô vọng để gỡ tay anh ta ra khỏi cổ anh, cuối cùng Tom đạp chân vào người Bernard. Bàn tay rời khỏi cổ họng của anh. Bernard ngã phịch xuống sàn, thở hỗn hển. Tom bật đèn lên, suýt làm nó rơi xuống, nhưng cũng đã làm đổ một cốc nước xuống tấm thảm phương đông màu xanh dương.

Bernard đang đau đớn hít thở.

Tom cũng vậy, theo một nghĩa nào đó.

“Chúa ơi, Bernard,” Tom nói.

Bernard không đáp lại, hoặc không thể. Anh ta ngồi trên sàn, chống một cánh tay, hết như tư thế của bức tượng *Dying Gaul*. Tom tự hỏi liệu anh ta có tấn công anh tiếp ngay sau khi lấy lại được sức lực không? Anh đứng dậy rời khỏi giường và châm một điếu *Gauloise*.

“Thật tình, Bernard, một hành động thật ngu ngốc!” Tom phá ra cười và ho sặc sụa vì sặc khói. “Anh làm gì có cơ hội đắc thủ! Hay cố gắng tẩu thoát! Bà Annette biết rõ anh ở đây, cả cảnh sát cũng vậy.” Tom nhìn Bernard đứng dậy. Hiếm khi có cảnh một nạn nhân vừa thoát chết có thể hút thuốc lá và chân trần đi đi lại lại, cười với kẻ vừa cố gắng giết mình.

“Anh không nên làm vậy nữa.” Tom biết lời mình nói ra thật ngớ ngẩn. Bernard không quan tâm chuyện gì sẽ xảy ra với anh ta. “Anh không định nói gì à?”

“Có đấy,” Bernard nói. “Tôi căm ghét anh - vì toàn bộ chuyện này là lỗi của anh. Tôi đáng nhẽ không bao giờ nên đồng ý làm theo nó... đúng thế. Nhưng anh là kẻ khởi xướng.”

Tom biết. Anh là kẻ khởi xướng thần bí, căn nguyên của tội lỗi. “Chúng ta đều cố gắng giải quyết cho xong vấn đề chứ không phải để nó tiếp diễn.”

“Và tôi đã xong đời. Cynthia...”

Tom rít thuốc lá. “Anh nói là thỉnh thoảng khi vẽ anh cảm thấy mình là Derwatt. Hãy nghĩ những gì anh đã mang đến cho danh tiếng của anh ta! Vì lúc chết anh ta hoàn toàn không nổi tiếng.”

“Nó đã bị nhiễm bẩn,” Bernard nói như giọng của sự phán quyết hoặc quan tòa hoặc chính địa ngục. Anh ta đi về phía cửa ngoài, mang theo vẻ quyết tâm hơn hẳn thường lệ.

Tom tự hỏi anh ta định đi đâu? Bernard vẫn ăn vận chỉnh tề, dù đã hơn ba giờ sáng. Anh ta định sẽ lang thang bên ngoài cả đêm sao? Hay xuống gác và thiêu rụi cả căn nhà này?

Tom xoay chìa khóa cửa phòng mình. Nếu Bernard quay lại thì anh ta sẽ phải đập cửa để vào và tất nhiên Tom sẽ cho anh ta vào thôi, nhưng để anh được nhận chút cảnh báo cũng công bằng mà.

Sáng mai Bernard sẽ chẳng thể giúp anh đối phó với cảnh sát được.

## CHƯƠNG 16

Lúc chín giờ mười lăm phút sáng ngày thứ Bảy, 26 tháng Mười, Tom đứng trước cửa sổ kiểu Pháp, nhìn về phía khu rừng, nơi cảnh sát đã bắt đầu đào ngôi mộ cũ của ông Murchison lên. Sau lưng Tom, Bernard đi qua đi lại trong phòng khách một cách lặng lẽ và bồn chồn. Trong tay Tom cầm một bức thư chính thức từ Jeffrey Constant đại diện cho Buckmaster Gallery hỏi rằng anh có biết nơi ông Thomas Murchison đang ở đâu không, vì họ không biết.

Sáng hôm đó có ba sĩ quan cảnh sát đến, hai người xa lạ với Tom, người còn lại là ủy viên Delaunay, người mà Tom không nghĩ là sẽ động tay động chân đào đất. “Anh có biết chỗ nào trong rừng gần đây đã bị đào xới không?” Họ đã hỏi như vậy. Tom trả lời là anh không biết chỗ nào như vậy hết. Khu rừng không thuộc về anh. Viên sĩ quan đã băng qua bãi cỏ để nói chuyện với đồng nghiệp của mình. Họ lục soát ngôi nhà thêm một lần nữa.

Tom cũng nhận được một bức thư từ Chris Greenleaf mà anh chưa mở ra.

Đến giờ cảnh sát chắc đã đào xới được khoảng mười phút rồi.

Tom đọc lại bức thư của Jeff cẩn thận hơn. Anh ta đã viết thư hoặc với suy nghĩ là thư từ của Tom đang bị đọc trộm hoặc Jeff đang có tâm trạng muốn trêu đùa, nhưng Tom tin về đầu hơn.

*Buckmaster Gallery Phố Bond W1*

*24 tháng Mười, 19...*

*Anh Thomas P. Ripley, Belle Ombre*

*Villeperce 77*

*Anh Ripley thân mến,*

*Chúng tôi được thông báo rằng gần đây thanh tra điều tra Webster đã tới chỗ anh về vấn đề liên quan tới ông Thomas Murchison, người theo anh về Pháp hôm thứ Tư tuần trước. Bức thư này muốn thông báo cho anh biết rằng chúng tôi hoàn toàn không nghe tin gì từ ông Murchison kể từ thứ Năm ngày 15 tháng này, khi ông ấy tới phòng triển lãm của chúng tôi.*

*Chúng tôi biết rằng ông Murchison muốn gặp Derwatt trước khi ông ấy quay về Mỹ. Vào thời điểm này chúng tôi cũng không biết Derwatt đang ở đâu trong nước Anh, nhưng chúng tôi chờ anh ấy liên lạc lại trước khi trở về Mexico. Có thể Derwatt đã sắp xếp gặp mặt ông Murchison, nhưng chúng tôi không biết gì về cuộc hẹn đó hết. (Chắc là một cuộc hẹn ma, Tom nghĩ thầm.)*

*Cả chúng tôi cũng như cảnh sát đều quan tâm đến sự biến mất của một bức tranh do Derwatt vẽ có tên là “Đồng Hồ”.*

*Làm ơn gọi lại cho chúng tôi và tính phí cho chúng tôi nếu anh có thông tin gì.*

*Trân trọng, Jeffrey Constant*

Tom quay người lại, giờ anh đang mang tâm trạng phẫn chấn kiêu ngạo - ít nhất là trong thời điểm này, với lại thái độ sừng sĩa của Bernard cũng khiến anh phát chán. Tom muốn hỏi, “Nghe này, đồ thừa, đồ khốn, đồ đần, anh cứ nấn ná lại đây làm cái quái gì thế hả?”. Nhưng Tom biết Bernard có ý định gì, chờ thêm một cơ hội nữa để tấn công anh. Vậy nên Tom chỉ phẫn khởi đúng một giây, mỉm cười với Bernard, người thậm chí còn chẳng nhìn anh, và Tom nghe tiếng chim sẻ ngô xanh chiêm chiếp ăn

một cục mỡ cừu mà bà Annette đã treo trên cây, tiếng đài phát thanh của bà Annette loáng thoáng phát ra từ trong bếp, và anh cũng nghe thấy cả tiếng thuồng đào đất của một sĩ quan cảnh sát ở phía xa xa trong rừng.

Tom nói bằng chính giọng điệu lạnh lùng vô cảm trong bức thư của Jeff: “Chà, họ sẽ không tìm được dấu vết nào của ông Murchison ngoài đó hết”.

“Vậy hãy để họ đào sông đi,” Bernard nói.

“Anh định báo cho họ biết điều đó à?”

“Không.”

“Mà sông nào mới được? Tôi thậm chí còn chẳng nhớ nổi là sông nào.” Tom chắc chắn là Bernard không biết.

Tom đang chờ cảnh sát quay lại từ khu rừng và thông báo là họ chẳng tìm được cái gì hết. Cũng có thể họ sẽ không thềm mất công nói vậy, có thể họ sẽ không nói gì hết. Hoặc họ sẽ đi sâu vào trong rừng, tìm kiếm. Có thể mất cả ngày trời. Hôm nay trời đẹp nên đó cũng không phải là một cách giết thời gian nhàm chán với cảnh sát cho lắm. Ăn trưa trong làng này hoặc một ngôi làng nào đó quanh đây, hoặc nhiều khả năng là ăn ở nhà họ trong hạt rồi lại quay về rừng.

Tom mở bức thư của Chris ra.

*Ngày 24 tháng Mười 19...*

*Tom thân mến,*

*Một tấn nữa cảm ơn anh vì những ngày tháng tao nhã mà tôi đã được ở cùng anh. Nó khá đối lập với nơi ở bản thiu của tôi ở đây, nhưng tôi cũng khá thích nơi tôi đang ở. Tối qua tôi đã có một chuyến phiêu lưu. Tôi đã gặp một cô gái tên là Valeric ở một quán cà phê Ở St. Germain-des-Prés. Tôi đã mời cô ấy về khách sạn của mình uống rượu vang. (E hèm!) Cô ấy đã ưng thuận. Tôi sống cùng Gerald nhưng cậu ấy đã khéo léo biến mất tăm như một quý ông đích thực mà thỉnh thoảng cậu ấy lại thể hiện. Valerie lên gác sau tôi vài phút, ý*

*tường của cô ấy đấy, dù tôi không nghĩ tiếp tân dưới nhà sẽ có ý kiến. Cô ấy hỏi tôi là cô ấy có thể rửa ráy không. Tôi đáp là tôi không có phòng tắm mà chỉ có một cái bồn rửa nhỏ, nên tôi đã chủ động nói sẽ ra khỏi phòng trong khi cô ấy rửa ráy. Khi tôi gõ cửa lại thì cô ấy hỏi có phòng tắm có bồn không. Tôi trả lời là tất nhiên là có, nhưng tôi sẽ phải đi lấy chìa khóa. Tôi đã làm vậy. Chà, cô ấy đã chui vào phòng tắm trong ít nhất mười lăm phút. Rồi cô ấy quay lại và một lần nữa muốn tôi rời khỏi phòng trong khi cô ấy rửa ráy. Được thôi, tôi chiều theo, nhưng đến lúc này thì tôi bắt đầu tự hỏi cô ấy có thể rửa cái quái gì được nữa cơ chứ. Tôi chờ ở vỉa hè dưới gác. Khi tôi lên phòng, cô ấy đã biến mất, căn phòng trống không. Tôi tìm kiếm ngoài hành lang, tìm khắp mọi nơi. Đã biến mất tiêu! Tôi nghĩ là, có một cô gái đã tắm rửa và biến mất khỏi cuộc đời tôi. Có thể tôi đã không cư xử phù hợp. Chúc may mắn vào bận sau nhé, Chris!*

*Sau đó có thể tôi sẽ đến Rome cùng Gerald...*

Tom nhìn ra ngoài cửa sổ. “Tôi tự hỏi khi nào họ mới xong? À, họ về rồi đây! Nhìn kia! Vung vẩy hai cái thuổng trống không.”

Bernard không nhìn.

Tom thoải mái ngồi xuống sô-pha vàng.

Hai gã người Pháp gõ cửa sổ sau nhà và Tom ra hiệu cho họ đi vào, rồi nhảy bật dậy để ra mở cửa sổ giúp họ.

“Trong hố chẳng có gì ngoài thứ này,” ủy viên Delaunay nói, giơ một đồng xu nhỏ lên. Nó là một đồng hai mươi xu, màu vàng. “Có từ năm 1965.” Ông ta mỉm cười.

Tom cũng cười theo. “Thật buồn cười khi anh lại tìm được nó.”

“Kho báu của chúng tôi ngày hôm nay,” Delaunay nói, đút đồng xu vào túi. “Đúng là cái hố mới được đào gần đây. Rất kỳ lạ. Dù chỗ cho một cái xác, nhưng không có cái xác nào hết. Gần đây anh không nhìn thấy ai đào bới gì à?”

“Tôi hoàn toàn không nhìn thấy gì. Nhưng... người ta không nhìn được chỗ đó từ đây. Nó bị cây cối che khuất cả rồi.”

Tom vào nói chuyện với bà Annette trong bếp nhưng bà ta không có ở đó. Có lẽ bà ta đã đi ra ngoài mua đồ, một chuyến đi sẽ kéo dài hơn thường lệ vì bà ta còn phải kể chuyện cho ba đến bốn người quen là nhà họ có cảnh sát đến lục soát để tìm ông Murchison, người được đăng ảnh trên báo. Tom chuẩn bị một khay bia lạnh cùng một chai rượu vang và mang nó vào phòng khách. Sĩ quan Pháp đang tán gẫu với Bernard. Nói về hội họa.

“Ai sử dụng gỗ trong rừng?” Delaunay hỏi.

“À, thỉnh thoảng có vài người nông dân, tôi nghĩ vậy,” Tom trả lời, “họ kiếm củi. Tôi hiếm khi thấy có người đi vào đường mòn đó”.

“Gần đây thì sao?”

“Tôi không nhớ có ai.”

Ba sĩ quan ra về. Họ đã kiểm tra lại vài vấn đề: điện thoại của anh vẫn hoạt động, bà quản gia của anh đang ra ngoài mua đồ (Tom nói là họ có thể tìm được bà ta trong làng nếu muốn hỏi chuyện); Heloise đã đến thăm cha mẹ cô ở Chantilly. Delaunay còn không thèm hỏi địa chỉ nhà cô.

“Tôi muốn mở cửa ra,” Tom nói khi họ đã ra về. Anh làm vậy, mở cửa trước và ô cửa sổ kiểu Pháp.

Giá lạnh không khiến Bernard bận tâm.

“Tôi sẽ ra xem xem họ làm gì ở đó,” Tom nói và băng qua bãi cỏ đi về phía khu rừng. Thật nhẹ nhõm khi đội quân thi hành luật đã rời khỏi nhà anh!

Họ đã đổ đầy đất xuống hố. Gò đất gồ cao trên mặt đất, màu nâu đỏ, nhưng họ đã đắp nó khá gọn gàng. Tom quay về nhà. Chúa lòng lành, anh nghĩ thầm, mình còn có thể chịu thêm bao nhiêu lần thẩm vấn, tra hỏi lặp đi lặp lại nữa? Có lẽ anh nên thấy biết ơn một chuyện, là Bernard không tự cảm ghét bản thân. Anh ta đổ lỗi cho anh. Ít nhất thì đó cũng là thái độ chủ động, lạc quan và kiên định.



“À,” Tom nói, bước vào phòng khách, “họ đã dọn dẹp gọn gàng lắm. Và chỉ nhận được đồng hai mươi xu cho nỗ lực ấy. Sao chúng ta không đi khỏi nhà trước khi...”

Đúng lúc ấy, bà Annette mở cửa bếp ra - Tom nghe thấy tiếng động chứ không nhìn thấy - và anh tiến lên để nói chuyện với bà ta.

“Bà Annette này, cảnh sát đã đi rồi. Tiếc là họ cũng không tìm được manh mối gì.” Anh sẽ không đề cập đến ngôi mộ trong rừng.

“Lạ thật, không phải sao?” Bà ta nói một cách vội vã, ở Pháp thì thường đó là cách nói ngoại giao để chuyển sang một vấn đề khác quan trọng hơn. “Đó là một bí ẩn ở đây, không phải sao?”

“Nó là chuyện bí ẩn ở sân bay Orly hoặc Paris,” Tom trả lời bà ta. “Chứ không phải ở đây.”

“Anh và anh Bernard có ở đây ăn trưa không?”

“Hôm nay thì không,” Tom nói. “Chúng tôi sẽ đi đâu đó. Và bà cũng không cần bận tâm đến bữa tối nay đâu. Nếu Heloise gọi điện thì bà nhắn giùm tôi là tối nay tôi sẽ gọi cho cô ấy được chứ? Thực ra thì...” Tom ngập ngừng. “Tôi nhất định sẽ gọi lại cho cô ấy trước năm giờ chiều nay. Dẫu sao đi nữa, sao bà không nghỉ hết ngày hôm nay đi nhỉ?”

“Tôi đã mua cốt-lết phòng hờ. Đúng là tôi cũng có hẹn với bà Yvonne lúc...”

“Phải thế chứ!” Tom ngắt lời. Anh quay sang Bernard. “Chúng ta có nên đi đâu đó không?”

Nhưng họ không thể rời khỏi nhà ngay lập tức. Bernard muốn làm gì đó trong phòng mình, theo lời anh ta. Bà Annette (Tom nghĩ) đã rời khỏi nhà, chắc là để ăn trưa cùng người bạn ở Villeperce. Cuối cùng Tom đành gõ cánh cửa phòng đóng chặt của Bernard.

Trong phòng Bernard đang ngồi viết ở trước bàn.

“Nếu anh muốn ở một mình...”

“Thực ra thì tôi không muốn vậy,” anh ta nói, đã chuẩn bị tương đối sẵn sàng.

Tom hoang mang. Anh muốn nói chuyện gì? Tom muốn hỏi vậy. Vì sao anh lại ở đây? Tom không thể khiến bản thân bật ra những câu hỏi ấy được. “Đi xuống nhà thôi.”

Bernard đi theo anh.

Tom muốn gọi cho Heloise. Giờ đã là mười hai rưỡi rồi. Anh có thể gặp được cô trước bữa trưa. Ở nhà cô, gia đình họ ăn vào đúng một giờ chiều. Điện thoại reo đúng lúc Tom và Bernard bước chân vào phòng khách. “Có thể là Heloise,” anh nói và nhắc điện thoại lên.

“*Vous êtes... blur-r-p... Ne quittez pas. Londres vous appeile...*”

Sau đó giọng Jeff vang lên. “Chào Tom. Tôi đang gọi từ một bưu điện. Liệu có khả năng... anh qua đây lần nữa không?”

Tom biết ý anh ta là anh đóng giả Derwatt sang đó. “Bernard đang ở đây.”

“Chúng tôi cũng cho là vậy. Anh ấy thế nào rồi?”

“Anh ấy... đang dần thả lỏng,” Tom nói. Anh không nghĩ là Bernard - đang chờ dẫn nhìn ra ngoài ô cửa sổ kiểu Pháp - thèm nghe trộm, nhưng Tom không chắc lắm. “Hiện giờ thì *không thể*” anh nói. Chẳng lẽ họ vẫn chưa nhận ra là chính anh đã giết ông Murchison à?

“Anh có thể cân nhắc thêm không... xin anh đấy?”

“Nhưng tôi cũng có các nghĩa vụ phải thực hiện ở đây, anh biết đấy. Có chuyện gì vậy?”

“Viên thanh tra đó đã tới đây. Anh ta muốn biết Derwatt đang ở đâu. Anh ta muốn kiểm tra sổ sách của chúng tôi.” Jeff thở dốc, giọng anh ta vô thức trở nên nhỏ xuống để giữ bí mật, nhưng đồng thời anh ta cũng mang vẻ tuyệt vọng đến mức chẳng thèm quan tâm xem có ai nghe thấy hay hiểu anh ta đang nói chuyện gì hay không. “Ed và tôi... gần đây chúng tôi đã lập vài danh sách. Chúng tôi nói là chúng tôi luôn có những thỏa thuận không

chính thức, chưa từng bị mất một bức tranh nào hết. Tôi nghĩ nó cũng trót lọt. Nhưng họ lại tò mò về bản thân Derwatt, và nếu anh có thể xử lý chuyện đó lần nữa...”

“Tôi không nghĩ đó là hành động khôn ngoan đâu,” Tom nói, ngắt lời.

“Nếu anh có thể xác nhận sổ sách của chúng tôi...”

Quý tha ma bắt sổ sách của họ, Tom nghĩ thầm. Quý tha ma bắt cả thu nhập của họ nữa. Thế còn việc ông Murchison bị giết thì sao, đó là trách nhiệm của riêng anh chắc? Thế còn Bernard và cuộc đời anh ta nữa? Trong một giây phút kỳ quái, dù chẳng hề nghĩ ngợi, Tom chợt nhận ra rằng Bernard định tự tử, định tự sát ở đâu đó. Còn cả Jeff lẫn Ed vẫn mãi lo lắng về thu nhập của họ, danh tiếng của họ, và sợ phải đi tù! “Tôi có nhiều trách nhiệm ở đây. Tôi không thể tới Luân Đôn được.” Trong sự im lặng thất vọng đến từ phía Jeff, Tom hỏi, “Anh có biết liệu bà Murchison có bay qua đây không không?”.

“Chúng tôi chưa nghe tin gì về chuyện đó hết.”

“Cứ để Derwatt ở nguyên nơi anh ta đang ở, bất kể đó là đâu đi nữa. Biết đâu anh ta lại có một người bạn có một chiếc máy bay tư nhân, ai mà biết được?” Tom cười.

“Tiện thể,” Jeff nói, vui vẻ hơn đôi chút, “chuyện gì đã xảy ra với bức ‘Đồng Hồ’ vậy? Nó bị trộm thật à?”.

“Đúng thế. Phi thường thật, không phải sao? Tôi tự hỏi ai đang thưởng thức kho báu ấy.”

Lời nhắn nhủ cuối cùng của Jeff trước khi gác máy vẫn ngập tràn thất vọng: sao Tom lại không ghé qua cơ chứ.

“Đi dạo thôi,” Bernard nói.

Muốn gọi cho Heloise thôi cũng không được, Tom nghĩ thầm. Tom định hỏi xem mình có thể về phòng mười phút để gọi điện cho cô không nhưng lại nghĩ tốt nhất nên chiều ý Bernard. “Tôi đi lấy áo khoác đã.”

Họ đi dạo quanh làng. Bernard không muốn uống cà phê, hay rượu vang, hay ăn trưa. Họ đi được gần một cây số trên hai con đường dẫn ra khỏi Villeperce, rồi quay lại, thỉnh thoảng bước sang một bên để tránh những chiếc xe tải to của nông dân, hoặc các xe ngựa kéo. Bernard tán gẫu về Van Gogh và Arles, nơi anh ta từng đến thăm hai lần.

“... Vincent cũng giống như mọi người khác đều có một khoảng thời gian sống nhất định và không nhiều hơn. Ai có thể hình dung ra cảnh Mozart sống đến tám mươi tuổi hay không? Tôi muốn ghé thăm Salzburg lần nữa. Có một quán cà phê ở đó, tên là Tomaselli. Cà phê hảo hạng... Anh có thể hình dung ra cảnh Bach chết năm hai mươi sáu tuổi không? Điều đó chứng tỏ một người đàn ông được công nhận qua các tác phẩm của anh ta, không hơn không kém. Chúng ta không nói về con người đó mà nói về tác phẩm của anh ta...”

Trời muốn mưa. Tom đã dựng cổ áo khoác lên từ lâu.

“... Derwatt cũng có một quãng đời phù hợp rồi đấy, anh hiểu không. Việc tôi kéo dài nó ra thật ngớ ngẩn. Nhưng tất nhiên là tôi không đủ khả năng. Tất cả những điều đó có thể được điều chỉnh lại,” Bernard nói như một vị quan tòa ra phán quyết, một phán quyết khôn ngoan - theo quan điểm của người đấy.

Tom bỏ tay ra khỏi túi áo và thổi phù phù vào hai tay, rồi lại đút chúng vào trong túi.

Về nhà, anh pha trà và mang whiskey cùng brandy ra. Rượu hoặc sẽ khiến Bernard bình tĩnh lại hoặc sẽ đẩy khủng hoảng này lên cao trào bằng cách khiến Bernard giận dữ rồi sẽ có chuyện tồi tệ xảy ra.

“Tôi phải gọi điện cho vợ tôi đã,” Tom nói. “Cứ tự nhiên nhé.” Anh lao lên cầu thang. Heloise, dù vẫn còn giận dữ, vẫn sáng suốt chán.

Tom báo số điện thoại của nhà Chantilly với tổng đài viên. Mưa bắt đầu rơi. Mưa đập nhẹ vào kính cửa sổ. Lúc này chưa có gió. Tom thở dài.

“Chào, Heloise!” Cô đã nghe máy. “Phải, anh vẫn ổn. Tối qua anh đã muốn gọi cho em rồi nhưng trễ quá... Arth vừa ra ngoài tản bộ thôi.” (Cô

vừa cố gọi cho anh.) “Với Bernard... Đúng, anh ta vẫn còn ở đây nhưng anh nghĩ chiều nay anh ta sẽ đi, có thể là tối nay. Khi nào thì em về nhà?”

“Khi anh đã tổng cổ *gã diên* đó đi!”

“Heloise, anh yêu em. Có thể anh sẽ đến Paris. Cùng Bernard, vì anh nghĩ làm vậy sẽ giúp anh ta rời khỏi nhà chúng ta.”

“Sao anh lại lo lắng thế? Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Không có gì hết!”

“Anh sẽ báo cho em khi tới Paris chứ?”

Tom quay xuống nhà và bật nhạc lên. Anh chọn nhạc jazz. Đĩa nhạc không hay mà cũng chẳng dở, như anh đã để ý thấy trong vài khoảnh khắc định mệnh của đời mình, nhạc jazz chẳng giúp ích được gì cho anh. Chỉ âm nhạc cổ điển mới có đôi phần hữu dụng - nó xoa dịu hoặc làm anh buồn chán, trao tự tin hoặc cướp đi sự tự tin, vì nó có trật tự, và người ta hoặc chấp nhận hoặc từ chối trật tự ấy. Tom đổ thật nhiều đường vào cốc trà của anh, giờ đã lạnh tanh, và uống cạn. Có vẻ đã hai ngày nay Bernard không hề cạo râu. Anh ta định để râu giống Derwatt chắc?

Vài phút sau, họ lại đi dạo trên bãi cỏ sau nhà. Một bên dây giày của Bernard bị tuột. Anh ta đi bất cố gắng, đã bẹp rúm vì lâu năm, đế giày bám vào mũi giày như mỏ chim non mới sinh, trông cũ kỹ một cách kỳ lạ. Bernard có định buộc lại dây giày hay không đây?

“Đêm hôm nọ,” Tom nói, “tôi đã thử sáng tác một bài thơ hài hước có năm câu.

*Từng có một que diêm cạnh máy tính.*

*Số không kết hôn với vô tính,*

*Vô tính nói với số không ,*

*‘Tôi không phải như tôi thể hiện,*

*Nhưng con của chúng ta còn đáng tranh cãi hơn.’*

Vấn đề là, nó chẳng buồn cười gì cả. Nhưng biết đâu anh có thể nghĩ ra dòng cuối hay hơn.” Tom có hai phiên bản dòng giữa và dòng cuối, nhưng Bernard có thèm nghe không không biết?

Giờ họ đang đi trên con đường mòn dẫn vào rừng. Trời chỉ lất phất mưa.

“Nhìn con ếch nhỏ kia đi!” Tom nói, cúi xuống để nhắc nó lên vì anh suýt nữa đã dẫm vào nó, một con vật bé xíu chẳng to hơn ngón cái.

Tom nhận một cú đánh mạnh vào sau đầu, hẳn là năm đấm của Bernard. Anh nghe thấy anh ta nói gì đó, nhận thức được mặt cỏ ẩm ướt, đá đập vào mặt anh, rồi anh bất tỉnh - cực kỳ thích đáng, dù anh vẫn cảm nhận thêm được một cú đánh nữa ở bên đầu. *Quá đáng quá rồi đấy*, Tom nghĩ thầm. Anh tưởng tượng đôi bàn tay trống không của mình quờ quạng trên mặt đất một cách ngu ngốc, nhưng cũng biết là mình chẳng hề nhúc nhích.

Rồi anh bị lăn lông lốc. Tất cả mọi thứ đều im lìm, trừ tiếng ong ong trong tai anh. Tom cố cử động nhưng bất lực. Anh đang nằm úp mặt xuống hay ngửa mặt lên? Anh vẫn đang nghĩ ngợi nhưng không thể nhìn thấy gì. Anh chớp chớp mắt và chúng đầy sạn. Anh bắt đầu nhận ra, tin chắc rằng, có một thứ gì đó nặng nề đang hạ xuống trên xương sống và chân của mình. Xuyên qua màn ong ong trong tai anh là tiếng xéng xói đất lạo xạo. Bernard đang chôn anh. Tom chắc chắn là hiện giờ mắt mình đã mở ra. Cái hố sâu bao nhiêu nhỉ? Tom chắc chắn đây chính là ngôi mộ của ông Murchison. Đã bao nhiêu thời gian trôi qua rồi?

*Chúa lòng lành*, Tom nghĩ thầm, anh không thể để Bernard chôn anh sâu thêm vài chục phân nữa, không thì anh sẽ chẳng bao giờ thoát nổi. Mơ màng, dù vẫn thấy lơ mơ buồn cười, Tom thầm nghĩ việc xoa dịu Bernard cũng chỉ có giới hạn thôi, và giới hạn đó chính là tính mạng của anh. *Nghe này! Được rồi!* Tom tưởng tượng ra, tin chắc là mình đã hét lên như vậy, nhưng thực tế là không.

“... không phải người đầu tiên,” Bernard nói, giọng khàn đặc và bị chặn lại bởi đồng đất bao quanh Tom.

Điều đó có nghĩa là gì? Có thật anh vừa nghe thấy anh ta nói không? Tom có thể xoay đầu một chút và nhận ra anh đang nằm úp mặt xuống. Anh chỉ có thể xoay đầu ở biên độ rất nhỏ.

Và đất đã ngừng rơi xuống. Tom tập trung hít thở, chủ yếu là qua miệng. Miệng anh khô khốc và anh nhổ đất ra. Nếu anh không cử động thì Bernard sẽ bỏ đi. Giờ Tom đã đủ tỉnh táo để nhận ra Bernard hẳn đã lấy cái xẻng trong nhà kho trong khi anh bất tỉnh nhân sự. Tom cảm thấy gáy mình nóng lên, ngứa ngứa. Chắc là máu rồi.

Áng chừng phải hai, có khi năm phút trôi qua, và Tom muốn nhúc nhích toàn thân, hoặc ít nhất là cố gắng làm vậy, nhưng liệu Bernard có còn đứng đó nhìn anh không?

Không thể nghe nổi một âm thanh nào, chẳng hạn tiếng bước chân. Có khi Bernard đã bỏ đi từ mấy phút trước rồi. Dẫu sao đi nữa, liệu Bernard có tiếp tục tấn công nếu thấy anh vật lộn bò ra khỏi mộ không? Cũng hơi buồn cười đấy chứ. Sau này, nếu còn có sau này, Tom sẽ cười, anh nghĩ.

Tom mạo hiểm. Anh cử động đầu gối. Anh để tay vào tư thế để đẩy người lên rồi phát hiện ra mình chẳng có chút sức lực nào. Vậy nên anh bắt đầu dùng ngón tay đào lên trên như chuột chũi. Anh dọn được một chỗ để thò mặt lên và xoay người lên hít không khí nhưng vẫn không tìm được chút không khí nào. Mặt đất ẩm và tươi nhưng rất dính. Trọng lượng đè lên xương sống của anh thật kinh khủng. Anh bắt đầu dùng chân đẩy lên và dùng cánh tay và tay để bò lên, như một người cố gắng bơi trong xi măng chưa cứng. Chắc trên đầu anh có không hơn một trăm phân đất. Tom lạc quan nghĩ là biết đâu còn chưa đến tầng ấy ý chứ. Để xúc ra được một trăm phân đất, dù là đất mềm như thế này, cũng tốn rất nhiều thời gian và chắc chắn là Bernard không hoạt động lâu cho lắm. Tom cảm thấy chắc chắn là giờ mình đang xới nóc nhà tù của mình lên và nếu Bernard đứng đó không phản ứng gì, không phủ thêm đất hoặc đào anh ra để đập vào đầu anh một lần nữa thì anh có thể mạo hiểm tông mạnh lên và thư giãn vài giây. Tom làm vậy. Nó giúp anh có thêm không gian để thở. Anh hít vào khoảng hai mươi lần không khí ẩm ướt như trong hầm mộ rồi lại tiếp tục đào lên.

Hai phút sau, anh lão đảo đứng như một thằng say, cạnh mộ của ông Murchison - giờ là mộ anh, từ đầu đến chân đầy bùn đất.

Trời ngày một tối dần. Không có đèn bật trong nhà, Tom thấy vậy khi loạng choạng đi ra đường mòn. Một cách tự động, anh nghĩ tới ngôi mộ, liệu có nên lấp nó lại không, tự hỏi cái xẻng mà Bernard đã dùng đâu rồi, rồi nghĩ thôi kệ cha nó đấy. Anh vẫn còn đang phúi đất khỏi mắt và tai mình.

Có thể anh sẽ tìm thấy Bernard đang ngồi trong căn phòng khách đang tối dần, trong trường hợp đó anh sẽ nói, “Lêu lêu!” Bernard không hiểu những câu nói đùa cho lắm. Tom cởi giày ra trên hiên và bỏ chúng lại đó. Ô cửa sổ kiểu Pháp vẫn mở hé. “Bernard!” Tom hét lên. Anh thật sự không thể chống chọi được một đòn tấn công nữa.

Không ai trả lời.

Tom đi vào phòng khách, rồi quay lại và chờ dẫn đi ra ngoài, vứt cái áo khoác đầy bùn của anh xuống hiên, theo sau là quần dài. Giờ chỉ mặc đúng quần đùi, anh bật đèn lên và lên phòng tắm của mình ở trên gác. Tắm tấp giúp anh tỉnh táo lại. Anh quấn khăn tắm quanh cổ. Vết thương trên đầu anh đang chảy máu. Tom chỉ dám dùng khăn chạm vào nó đúng một lần để lau bùn đất rồi cố gắng quên nó đi, vì anh chẳng thể làm gì với nó hết. Anh mặc áo choàng vào và xuống bếp, làm một cái sandwich thịt nguội và rót một cốc sữa to ra, ngồi ăn ở bàn bếp. Rồi anh treo áo khoác và quần trong phòng tắm. Cọ chúng trước rồi đưa chúng tới tiệm giặt là, bà Annette ghé góm sẽ nói vậy, mừng thay bà ta không có mặt ở đây lúc này, nhưng bà ta sẽ quay về lúc mười giờ tối, Tom nghĩ thầm, có thể là mười một rưỡi tối nếu bà ta đi xem phim ở Fontainebleau hoặc Melun, nhưng anh không nên đặt cược vào chuyện đó. Giờ là tám giờ kém mười.

Tom tự hỏi giờ Bernard sẽ làm gì đây? Trôi dạt tới Paris à? Không hiểu sao anh không nghĩ là Bernard sẽ quay lại Luân Đôn, nên anh gạt ý tưởng đó đi. Nhưng vào thời điểm này Bernard loạn trí và cực kỳ khó lường, dẫu là theo tiêu chuẩn nào đi nữa. Liệu có thể có chuyện Bernard thông báo cho Jeff và Ed biết là anh ta đã giết Tom Ripley rồi không? Có



khi hiện giờ Bernard đang đứng la hét trên mái nhà ấy chứ. Trên thực tế, anh ta chắc sẽ tự sát, và Tom cảm nhận được chuyện này rõ ràng như là anh có thể cảm nhận được một vụ giết người sắp đến, vì tự sát sau rốt cũng là một hình thức giết người. Và để Bernard hoàn thành, hoặc thực hiện những gì anh ta đã định thì Tom biết là anh phải tiếp tục chết.

Và chuyện đó mới chán chường làm sao, vì bà Annette, Heloise, hàng xóm của anh, và cảnh sát. Làm sao anh có thể khiến tất cả bọn họ tin rằng anh đã chết đây?

Tom mặc quần Levi's vào và quay ra đường mòn với chiếc đèn lồng lấy từ phòng vệ sinh thừa. Không sai, cái xẻng nằm trên mặt đất, giữa ngôi mộ đã được sử dụng quá nhiều lần và con đường mòn. Tom lấp mộ lại. Một lúc nào đó sẽ có một cái cây xinh đẹp mọc lên từ đó, Tom nghĩ, vì mặt đất đã quá tươi xốp rồi. Tom thậm chí còn phủ vài nhánh cây và lá mà lúc trước anh dùng để che giấu mộ ông Murchison lên.

Tạm biệt Tom Ripley, anh nghĩ thầm.

Thêm một cuốn hộ chiếu nữa chắc sẽ hữu ích, nhưng anh biết gọi ai nhờ vả ngoài Reeves Minot đây? Đã đến thời điểm thích hợp để anh nhờ Reeves giúp một việc nhỏ rồi.

Tom dùng máy đánh chữ viết thư cho Reeves và đính kèm hai bức ảnh chụp hộ chiếu hiện thời của anh, chỉ để phòng ngừa. Tối nay anh sẽ gọi cho Reeves từ Paris. Tom đã quyết định tới Paris, nơi anh có thể lẩn trốn vài giờ đồng hồ và suy nghĩ. Vậy nên giờ Tom mang đôi giày và bộ quần áo đầy bùn đất của anh lên gác mái, nơi mà bà Annette hẳn sẽ không lên. Tom thay đồ và lái ô-tô tới ga tàu Melun.

Anh đến Paris lúc mười giờ bốn mươi phút tối, và gửi tin nhắn cho Reeves vào hòm thư của ga Lyon. Sau đó anh tới khách sạn Ritz, nơi anh thuê một phòng dưới cái tên Daniel Stevens, ghi số hộ chiếu Mỹ giả, nói anh không mang theo hộ chiếu. Địa chỉ: số 14 đường Docteur Cavet, Rouen, một con phố không có thật, theo Tom biết.

# CHƯƠNG 17

Tom gọi điện cho Heloise từ phòng mình. Cô không có nhà. Cô hầu nói rằng cô đã cùng cha mẹ ra ngoài ăn tối. Tom gọi điện cho Reeves ở Hamburg. Điện thoại thông sau hai mươi phút và Reeves có nhà.

“Xin chào, Reeves. Tom đây. Tôi đang ở Paris. Mọi chuyện thế nào?... Anh có thể chuyển cho tôi một quyển hộ chiếu *ngay lập tức* không? Tôi đã gửi ảnh cho anh rồi đấy.”

Reeves có vẻ bối rối. Trời đất quỷ thần ơi, cuối cùng cũng đưa ra một yêu cầu đúng nghĩa rồi sao? Hộ chiếu chứ gì? Được thôi, thứ bé nhỏ thiết yếu đó rất hay bị mất cắp, mọi lúc mọi nơi. Reeves muốn bao nhiêu cho nó, Tom đủ lịch sự để hỏi vậy.

Hiện thời thì Reeves chưa rõ.

“Cứ ghi vào hóa đơn,” Tom tự tin nói. “Quan trọng là phải chuyển nó cho tôi ngay lập tức. Nếu anh nhận được ảnh của tôi vào sáng thứ Hai thì đến tối thứ Hai có làm xong không?... Đúng, chuyện khẩn cấp. Anh có người bạn nào bay tới Paris vào tối muộn hôm thứ Hai không chẳng hạn?” Nếu không có thì hãy tìm một người đi, Tom nghĩ thầm.

Có, Reeves nói, một người bạn của anh ta có thể bay tới Paris. Không phải một người vận chuyển khác (hoặc vật chủ), Tom kiên quyết yêu cầu như vậy, vì anh không có khả năng lén lút gỡ túi áo hay va-li của ai đó ra.

“Một cái tên Mỹ bất kỳ,” Tom nói. “Tốt nhất là hộ chiếu Mỹ, hộ chiếu Anh cũng được. Trong lúc đó, tôi ở Ritz, quảng trường Vendome... Daniel Stevens.” Tom đọc số điện thoại của Ritz cho Reeves tiện liên lạc và nói

rằng anh sẽ tự mình đến gặp người chuyển đồ của Reeves sau khi biết thời gian người đó có thể hạ cánh xuống Orly.

Đến lúc này, Heloise đã quay lại Chantilly, và Tom nói chuyện với cô. “Có, anh đang ở Paris đây. Em có muốn đến đây tối nay không?”

Heloise đồng ý. Tom hớn hờ. Anh mừng tượng ra cảnh ngồi đối diện với Heloise sau bàn, uống sâm-panh, sau khoảng một tiếng nữa, đây là nếu Heloise muốn uống sâm-panh, và thường thì cô muốn.

Tom đứng trên vỉa hè xám xịt, nhìn ra quảng trường Vendôme vòng cung. Các vòng tròn khiến anh bực bội. Anh nên đi theo hướng nào đây? Rẽ trái về phía l’Opera, hay rẽ phải về phía đường Rivoli? Tom thích nghĩ theo hình vuông và hình chữ nhật hơn. Bernard đâu rồi nhỉ? Sao anh lại muốn có hộ chiếu nhỉ, anh tự hỏi? Dùng làm lợi thế sau này à? Một biện pháp bổ sung để được tự do? *Tôi không thể vẽ được như Derwatt*, chiều nay Bernard đã nói vậy. *Đơn giản là tôi không vẽ nữa - thậm chí hiếm khi vẽ vì chính tôi*. Lúc này đây có phải Bernard đang ở trong một khách sạn Paris nào đó, tự cắt cổ tay trong bồn tắm không? Hay rướn người về phía sông Seine trên một cây cầu để chuẩn bị nhảy xuống - một cách nhẹ nhàng - khi không ai chú ý?

Tom đi thẳng về phía đường Rivoli. Vào thời điểm này trong đêm, nó buồn tẻ và tối om, cửa sổ của các quầy hàng đều được rào sắt và buộc dây xích để chống kẻ trộm nhằm vào những thứ vớ vẩn dùng để thu hút du khách mà họ trưng bày - khăn tay lụa có in chữ “Paris”, những chiếc cà vạt hoặc áo sơ mi lụa bán đắt quá mức cho phép. Anh cân nhắc xem có nên đi tắc-xi tới khu số sáu hay không, đi dạo trong bầu không khí phẫn chấn hơn ở đó và uống bia ở quán Lippe’s. Nhưng anh không muốn vô tình chạm trán Chris. Anh quay về khách sạn và gọi điện tới studio của Jeff.

Cuộc điện thoại này (tổng đài viên nói) sẽ mất bốn mươi lăm phút, rất đông người đang chờ được gọi, nhưng nó thông sau nửa tiếng.

“Xin chào?... Paris à?” Giọng Jeff vang lên như tiếng một con cá heo bị chết đuối.

“Tom ở Paris đây! Anh có nghe thấy tôi nói gì không?”

“Không rõ!”

Thực ra đường truyền cũng không quá tệ nên Tom thấy không cần thử gọi lại lần hai. Anh đeo đuổi: “Tôi không biết Bernard đang ở đâu. Anh có nhận được tin gì từ anh ta không?”

“Vì sao anh lại đến Paris?”

Dưới tình huống nghe không thông này thì giải thích điều đó có vẻ khá vô nghĩa. Tom cuối cùng cũng biết được rằng Jeff và Ed không nghe tin gì từ Bernard hết.

Sau đó Jeff nói, “Họ đang cố gắng tìm *Derwatt*...” (Làm bầm chữ thề bằng tiếng Anh.) Chúa tôi, nếu tôi không thể nghe rõ anh nói gì thì tôi không nghĩ bất kỳ người nào nghe trộm có thể nghe được...”

“Được rồi!” Tom đáp. “Kể cho tôi nghe mọi rắc rối của anh đi.”

“Vợ ông Murchison có thể...”

“Sao cơ?” Chúa lòng lành, điện thoại đúng là một thứ thiết bị điên rồ. Loài người nên quay ngược về dùng bút, giấy, và tàu chở thư. “Không nghe nổi một từ nào hết!”

“Chúng tôi đã bán bức ‘Bồn Tắm’... Họ đang đòi... tìm *Derwatt*! Tom, giá mà anh...”

Tom đập mạnh điện thoại xuống trong bực tức, nắm lấy nó rồi nhấc lên, sẵn sàng quát mắng tổng đài viên dưới nhà. Nhưng anh lại đặt điện thoại xuống. Đó không phải là lỗi của cô ta. Không phải là lỗi của ai cả, trong số những người có thể tìm được.

Chà, bà Murchison chuẩn bị qua đây, như Tom đã lường trước. Và có thể bà ta biết về lý thuyết màu tím oải hương. Còn bức “Bồn Tắm” đã được bán, cho ai không biết? Vậy Bernard đang... ở đâu rồi? Athens chẳng? Liệu anh ta có bắt chước hành động của *Derwatt* và tự dìm mình chết ở một hòn đảo của Hy Lạp không? Tom hình dung ra cảnh mình đi tới Athens.

Hòn đảo nơi Derwatt chết tên là gì nhỉ? Icaria à? Nó nằm ở đâu? Ngày mai phải tìm hiểu điều đó ở một đại lý du lịch.

Tom ngồi xuống bàn viết và nháp nhanh một tin nhắn:

*Jeff thân mến,*

*Nếu anh có gặp Bernard thì hãy nhớ tôi đã chết rồi. Bernard nghĩ rằng anh ta đã giết được tôi. Tôi sẽ giải thích sau. Đừng chuyển tin nhắn này cho bất kỳ ai, nếu trong trường hợp anh gặp Bernard và anh ta bảo rằng đã giết tôi - thì cứ giả vờ tin anh ta và đừng làm gì hết. Ngăn Bernard lại nhé.*

*Trân trọng,*

*Tom*

Tom đi xuống nhà và gửi bức thư đi với cái tem bảy mươi xu mua ở bàn. Chắc phải đến thứ Ba Jeff mới nhận được nó. Nhưng nó không phải là một tin nhắn mà anh dám gửi bằng điện tín. Hay cứ gửi nhỉ? *Tôi phải nằm sâu dưới lòng đất đối với Bernard.* Không, như thế chưa rõ lắm. Khi anh vẫn cân nhắc vấn đề này thì Heloise bước vào cửa. Tom mừng khi thấy cô xách theo chiếc va-li Gucci nhỏ của mình.

“Chào buổi tối, phu nhân Stevens,” Tom nói bằng tiếng Pháp. “Tối nay em sẽ là phu nhân Stevens.” Tom nghĩ xem có nên đưa cô ra bàn tiếp tân để đăng ký không nhưng rồi quyết định không cần bận tâm và dẫn Heloise ra thang máy.

Ba đôi mắt theo dõi họ. Cô thật sự là vợ anh sao?

“Tome, anh trắng bệch rồi!”

“Hôm nay anh bận quá.”

“À, cái gì kia...”

“Suýt.” Cô muốn nói đến vết thương sau đầu anh. Heloise để ý đến tất cả mọi thứ. Tom nghĩ là anh có thể kể cho cô nghe vài chuyện, nhưng

không phải toàn bộ. Ngôi mộ - chuyện đó quá kinh khủng. Thêm vào đó nó sẽ biến Bernard thành một kẻ sát nhân, nhưng anh ta không phải. Tomboa cho nhân viên thang máy, người cứ khăng khăng xách va-li hộ Heloise.

“Chuyện gì đã xảy ra với đầu anh thế?”

Tom cởi chiếc khăn quàng cổ màu xanh lục sậm xen xanh dương mà anh đã quấn quanh cổ để thấm máu. “Bernard đã đánh anh. Đừng lo, em yêu. Cởi giày ra đi. Cả quần áo nữa. Thoải mái vào. Em có muốn uống sâm-panh không?”

“Có chứ. Sao không?”

Tom gọi sâm-panh qua điện thoại. Anh cảm thấy lâng lâng, như thể đang bị sốt, nhưng anh biết chỉ là do mình mệt mỏi và mất máu mà thôi. Anh đã kiểm tra lại ngôi nhà tìm vết máu chưa? Rồi, anh nhớ phút cuối đã chạy lên gác chỉ để nhìn xem có máu ở đâu không.

“Bernard đâu rồi?” Heloise đã cởi giày ra và đang đi chân trần.

“Anh thật sự không biết. Có thể là Paris.”

“Hai người đã đánh nhau à? Anh ta không chịu đi à?”

“À... xô xát nhẹ thôi. Hiện giờ anh ta đang cực kỳ bất ổn. Không có gì nghiêm trọng đâu, không có gì hết.”

“Nhưng vì sao anh lại đến Paris? Anh ta vẫn ở nhà mình à?”

Có khả năng thế thật, Tom nhận ra, dù đồ đạc của Bernard đã biến mất khỏi ngôi nhà. Anh kiểm tra rồi. Và anh ta không thể quay vào nhà mà không phá ô cửa sổ Pháp. “Anh ta không ở trong nhà mình đâu.”

“Em muốn xem đầu anh. Vào phòng tắm để có ánh sáng rõ hơn nào.”

Có một tiếng gõ cửa. Họ mang sâm-panh lên khá nhanh. Người phục vụ tóc xám béo tốt cười toét miệng khi nút bần bật ra. Chai rượu được cho vào một xô đá.

“Cảm ơn ngài,” người phục vụ nói khi nhận tờ séc ngân hàng của Tom.

Tom và Heloise nâng ly, cô có hơi ngập ngừng, và uống cạn. Cô khăng khăng đòi nhìn đầu anh. Tom nghe lời. Anh cởi áo ra, cúi người xuống và nhắm mắt lại khi Heloise rửa đầu anh trong chậu bằng khăn rửa mặt. Anh bịt tai lại, hoặc cố gắng làm vậy, trước tiếng kêu ca của cô mà anh đã dự đoán trước.

“Vết thương không sâu đâu, không thì nó đã không ngừng chảy máu!” Tom nói. Tất nhiên, việc rửa vết thương khiến nó lại chảy máu. “Lấy một cái khăn khác đi... lấy gì cũng được,” Tom nói và quay vào phòng ngủ, nhẹ nhàng ngồi xuống sàn. Anh chưa kiệt sức nên lại bò về phòng tắm, nơi có sàn gạch.

Heloise đang nói về băng dính.

Tom ngất đi khoảng một phút, dù anh không nói ra. Anh bò về phía bồn cầu và nôn một ít. Anh dùng mấy cái khăn ướt của Heloise để lau mặt và lau trán. Rồi vài phút sau, anh đã đứng trước bồn rửa, nhấp sâm-panh, trong khi Heloise chế băng gạc từ một cái khăn tay nhỏ màu trắng. “Vì sao em lại mang băng dính theo?” Tom hỏi.

“Em dùng nó cho móng tay.”

Như thế nào nhỉ, Tom tự hỏi? Anh giữ băng dính trong lúc cô cắt nó. “Băng dính màu hồng,” Tom nói, “là dấu hiệu của nạn phân biệt chủng tộc đấy. Hiệp hội Sức Mạnh Da Đen ở Mỹ sẽ xử trí nó... và chặn nó lại”.

Heloise không hiểu gì. Tom vừa nói bằng tiếng Anh.

“Mai anh sẽ giải thích nhé... chắc vậy.”

Sau đó họ lên giường, chiếc giường rộng rãi xa hoa có tận bốn cái gối dày, và Heloise đã cống hiến bộ pyjama của cô để đặt dưới đầu Tom, phòng trường hợp anh lại chảy máu, nhưng anh nghĩ mình đã gần như ngừng chảy máu hẳn rồi. Heloise khóa thân, và cơ thể cô mềm mại đến mức khó tin, như một miếng thạch cao được mài bóng loáng, tất nhiên chỉ có điều cô mềm mại và thậm chí còn ấm áp nữa. Tối nay không phải một dịp để làm tình, nhưng Tom cảm thấy cực kỳ hạnh phúc, và hoàn toàn không mảy may lo lắng về ngày mai - cái này có lẽ không được khôn ngoan cho lắm, nhưng

đêm hôm đó, hoặc có lẽ là sáng sớm, anh đã nuông chiều bản thân. Trong bóng tối, anh nghe tiếng bong bóng sâm-panh xì xì khi Heloise nhấp rượu rồi tiếng cạch khi cô đặt ly xuống tủ đầu giường. Rồi má anh áp vào ngực cô. Heloise, em là người phụ nữ duy nhất trên thế giới này từng khiến anh nghĩ đến *hiện tại*, Tom muốn nói vậy, nhưng anh quá mệt, và câu nói ấy có lẽ cũng chẳng quan trọng.

Buổi sáng, Tom phải giải thích vài chuyện cho Heloise và anh thực hiện một cách tinh tế. Anh nói rằng Bernard Tufts buồn bực vì cô bạn gái người Anh, anh ta có khả năng sẽ tự sát, và Tom muốn tìm anh ta. Bernard có thể ở Athens. Và bởi cảnh sát muốn Tom ở trong tầm mắt của họ vì sự biến mất của ông Murchison, tốt nhất là cảnh sát nghĩ anh đang ở Paris, có thể là cùng với bạn bè chẳng hạn. Tom giải thích là anh đang chờ nhận một cuốn hộ chiếu mà sớm nhất là tối thứ Hai mới tới. Tom và Heloise ăn sáng trên giường.

“Em không hiểu nổi tại sao anh phải bận tâm lo lắng cho gã điên thậm chí đã từng tấn công anh đấy.”

“Tình bạn,” Tom nói. “Nào em yêu, giờ sao em không quay lại Belle Ombre và bầu bạn với bà Annette nhỉ? Hoặc... chúng ta có thể gọi cho bà ấy rồi cả ngày và tối nay em sẽ ở cùng anh,” Tom vui vẻ nói. “Nhưng hôm nay chúng ta nên đổi khách sạn thì hơn, cho an toàn.”

“Ôi, Tome...” Nhưng Heloise không thật sự thấy thất vọng như giọng nói của cô biểu lộ, Tom biết. Cô thích làm những việc có phần ranh mãnh, giữ bí mật khi không cần thiết phải như vậy. Những câu chuyện mà cô kể cho Tom nghe về những âm mưu thời niên thiếu của cô cùng các bạn học nữ, cả bạn học nam nữa, để trốn tránh sự giám sát của cha mẹ cô, giống hệt trong những sáng tác của Cocteau.

“Hôm nay chúng ta sẽ đổi một cái tên khác. Em thích tên gì? Phải là một cái tên Mỹ hoặc Anh, vì anh. Em chỉ là cô vợ người Pháp của anh, em hiểu không?” Tom đang nói bằng tiếng Anh.

“Hừm. Gladstone\* thì sao?”



Tom phá ra cười.

“Gladstone có gì buồn cười à?”

Heloise cực kỳ ghét tiếng Anh vì cô nghĩ nó chứa đầy những từ nhiều nghĩa bản thiù mà cô sẽ không bao giờ rành rẽ. “Không, chỉ là anh ta đã phát minh ra một cái va-li mà thôi.”

“Anh ta phát minh ra *va-li*! Em không tin anh đâu! Ai lại phát minh ra va-li cơ chứ? Nó quá đơn giản! Tome ời là Tome!”

Họ chuyển tới khách sạn Ambassadeur, trên đại lộ Haussman, ở khu thứ chín. Kín đáo và đáng kính. Ở đây, Tom đăng ký dưới tên William Tenyck, với vợ là Mireille. Anh gọi thêm một cuộc điện thoại cho Reeves, báo lại tên, địa chỉ, và số điện thoại mới của mình, mã vùng PRO 72-21, với người nói giọng Đức thường nghe điện hộ Reeves.

Tom và Heloise đi xem phim vào buổi chiều và trở về khách sạn lúc sáu giờ tối. Vẫn chưa nhận được tin nhắn nào từ Reeves. Heloise gọi điện cho bà Annette theo gợi ý của Tom và anh cũng nói chuyện với bà ta.

“Phải, chúng tôi đang ở Paris,” Tom nói. “Tôi xin lỗi vì đã không để lại lời nhắn cho bà... Có thể tối muộn ngày mai Heloise sẽ trở về, tôi cũng chưa chắc.” Anh chuyển điện thoại cho cô.

Bernard rõ ràng là không công khai ở lại Belle Ombre, không thì bà Annette đã nhắc đến anh ta rồi.

Họ về giường sớm. Tom cố gắng thuyết phục Heloise tống khứ miếng băng dính ngớ ngẩn ở sau đầu anh đi nhưng không thành công, và cô thậm chí còn mua thuốc khử trùng màu tím oải hương của Pháp được cô dùng để nhúng băng gạc. Cô đã giặt khăn quàng cổ của anh ở Ritz và đến sáng thì nó khô cong. Ngay trước nửa đêm, điện thoại phòng họ reo lên. Reeves báo rằng một người bạn của anh ta sẽ mang cho anh thứ anh cần vào tối ngày mai, ngày thứ Hai bằng chuyến bay 311 của hãng Lufthansa, sẽ hạ cánh xuống sân bay Orly lúc mười hai giờ mười lăm phút sáng.

“Tên anh ta là gì?” Tom hỏi.

“Đó là một người phụ nữ. Gerda Schneider. Cô ta biết anh trông như thế nào.”

“Được rồi,” Tom nói, khá hài lòng với dịch vụ khi xét thấy rằng Reeves còn chưa nhận được ảnh của anh. “Tối mai có muốn cùng anh đến sân bay Orly không?” Tom hỏi Heloise sau khi anh đập máy.

“Em sẽ lái xe chờ anh đi. Em muốn biết anh an toàn.”

Tom kể cho cô là ô-tô của họ đang nằm ở ga Melun. Cô có thể đưa André, một người làm vườn mà thỉnh thoảng họ vẫn thuê, đi cùng cô mang nó về.

Họ quyết định ở lại Ambassadeur thêm một đêm phòng trường hợp vụ hộ chiếu có trục trặc vào tối thứ Hai. Tom cân nhắc đến việc đặt một chuyến bay đêm tới Hy Lạp vào đầu giờ sáng ngày thứ Ba, nhưng phải đợi tới khi anh cầm được hộ chiếu trong tay thì mới quyết định được chuyện này. Anh cũng phải làm quen với chữ ký trên hộ chiếu nữa. Toàn bộ việc này, anh nhận ra, là để cứu tính mạng của Bernard. Tom ước có thể chia sẻ suy nghĩ của mình, cảm xúc của mình, với Heloise, nhưng anh sợ không thể khiến cô hiểu nổi. Cô có hiểu được không nêu biết về phi vụ làm giả tranh? Phải, cô sẽ hiểu, về mặt nhận thức, nếu anh có thể dùng từ đó. Nhưng Heloise sẽ nói, “Sao tất cả mọi chuyện lại đè lên vai anh? Jeff và Ed không thể tìm bạn họ được à - đó là người giúp họ kiếm tiền cơ mà?”. Tom không kể chuyện đó cho cô nữa. Tốt nhất là giữ cảm giác đơn độc, hành động một mình. Không có sự đồng cảm, dù chỉ là những lo lắng dụi dàng từ người thân.

Và tất cả đều diễn biến tốt đẹp. Tom và Heloise đến sân bay Orly lúc nửa đêm ngày thứ Hai, và chuyến bay hạ cánh đúng giờ, và Gerda Schneider - hoặc một người phụ nữ dùng cái tên đó - đã bắt chuyện với Tom ở cổng tầng hai nơi anh đứng đợi.

“Tom Ripley,” cô ta nói, mỉm cười.

“Đúng thế. Frau Schneider à?”

Cô ta là một người phụ nữ tầm ba mươi tuổi, tóc vàng, khá đẹp và trông thông minh, và có vẻ không quá trải chuốt, như thể cô ta vừa dùng nước lạnh rửa mặt và khoác vội đồ lên người. “Anh Ripley, tôi vô cùng hân hạnh được gặp anh,” cô ta nói bằng tiếng Anh. “Tôi đã được nghe rất nhiều chuyện về anh.”

Tom cười lớn trước giọng nói lịch sự và thích thú của cô ta. Anh ngạc nhiên khi thấy Reeves có thể kêu gọi những con người thú vị như vậy về làm việc cho anh ta. “Tôi đi cùng vợ. Cô ấy ở dưới tầng. Cô sẽ ở lại Paris qua đêm chứ?”

Đúng vậy. Cô ta thậm chí đã đặt phòng khách sạn ở Pont-Royal trên đường Montalembert. Tom giới thiệu cô ta với Heloise. Anh đi lấy xe trong khi Heloise và Frau Schneider đứng chờ không xa nơi Tom đã bỏ va-li của ông Murchison lại. Họ lái xe tới tận Paris, tới khách sạn Pont-Royal, sau đó Frau Schneider mới nói:

“Tôi nên đưa anh gói đồ ở đây.”

Họ vẫn còn ngồi trong xe. Gerda Schneider mở cái túi to đựng của cô ta và lấy ra một phong bì màu trắng khá dày.

Tom đã đỗ xe lại và trời khá tối. Anh lấy quyển hộ chiếu Mỹ màu xanh lục ra và nhét nó vào trong túi áo khoác. Rõ ràng là quyển hộ chiếu đã được bọc giấy trắng tinh. “Cảm ơn cô,” Tom nói. “Tôi sẽ liên hệ với Reeves. Anh ấy thế nào?...”

Vài phút sau, Tom và Heloise bắt đầu lái xe quay về khách sạn Ambassadeur.

“Cô ta khá xinh đẹp, đối với một người Đức,” cô nói.

Về phòng, Tom nhìn qua hộ chiếu. Nó đã khá cũ và Reeves chỉnh ảnh của anh cho khớp với nó. *Robert Fiedler Mackay* là tên của anh, tuổi 31, sinh ra ở thành phố Salt Lake, bang Utah, nghề nghiệp kỹ sư, không có người phụ thuộc. Chữ ký cao và mảnh, tất cả các chữ cái đều dính vào nhau, một nét chữ viết tay mà Tom đoán thuộc về một nhân vật có tính cách nhàm chán, đàn ông Mỹ, như anh quen thuộc.

“Em yêu - Heloise - giờ anh là *Robert* nhé,” Tom nói bằng tiếng Pháp. “Thứ lỗi cho anh nhé, anh phải tập ký một lát đây.”

Heloise đang dựa vào tủ com-mốt, quan sát anh.

“Ôi, em yêu! Đừng lo gì cả!” Tom vòng tay ôm lấy cô. “Uống sâm-panh nào! Mọi chuyện đều tốt đẹp!”

Đến hai giờ chiều ngày thứ Ba, Tom đã có mặt ở Athens - vàng hơn và sạch sẽ hơn so với Athens mà anh nhìn thấy lần cuối cùng, tức là khoảng năm đến sáu năm trước. Tom đăng ký vào khách sạn Grande Bretagne, cất dọn một chút trong phòng, nó nhìn ra quảng trường Hiến Pháp, rồi ra ngoài đi dạo và hỏi thăm vài khách sạn khác để tìm Bernard Tufts. Không đời nào có chuyện anh ta lại đăng ký thuê phòng ở Grande Bretagne, Tom nghĩ thầm, khách sạn đắt nhất Athens. Anh thậm chí chắc đến sáu mươi phần trăm là Bernard *không* ở Athens mà đã đi đến hòn đảo của Derwatt, hoặc một hòn đảo nào đó, kể cả vậy thì Tom vẫn cảm thấy thật ngu ngốc nếu không hỏi thăm vài khách sạn ở Athens trước đã.

Câu chuyện của Tom là anh bị chia tách với một người bạn mà anh đã hẹn gặp - Bernard Tufts. Không, tên anh là gì không quan trọng, nhưng khi được hỏi thì Tom vẫn báo tên - Robert Mackay.

“Tình huống ở các hòn đảo bây giờ thế nào?” Tom hỏi ở một khách sạn tương đối tử tế, nơi mà anh nghĩ là có thể họ biết đôi chút về du lịch. Ở đây Tom nói tiếng Pháp, dù trong các khách sạn khác thì anh dùng tiếng Anh, ít thôi. “Cụ thể là Icaria.”

“Icaria à?” ngạc nhiên hỏi lại.

Nó nằm hẳn về mé đông của đất nước, cực bắc của quần đảo Dodecanese. Không có sân bay. Có tàu, nhưng anh ta không rõ tần suất tàu là như thế nào.

Tom đến đó vào thứ Tư. Anh đã phải thuê một chiếc xuồng máy tốc độ cao có hoa tiêu từ đảo Mykonos. Icaria - sau khi Tom đã thoáng có chút lạc quan về nó - gây thất vọng nặng nề cho anh. Thị trấn Armemisti (hoặc một

cái tên tương tự) trông thật buồn ngủ, và Tom không nhìn thấy một người phương Tây nào hết, chỉ có các thủy thủ đang vá lưới và dân địa phương ngồi trong những quán cà phê bé tí xíu. Từ đây, sau khi hỏi thăm xem từng có một người Anh nào tên là Bernard Tufts, tóc đen, mảnh khảnh, vân vân tới sống, Tom gọi điện tới một thị trấn khác trên đảo tên là Agios Kirycos. Một người quản lý khách sạn ở đó kiểm tra hộ anh và nói rằng anh ta sẽ kiểm tra các nhà nghỉ khác rồi gọi lại. Anh ta không gọi lại. Tom bỏ cuộc. Như mò kim đáy bể, anh nghĩ thầm. Có khi Bernard đã chọn một hòn đảo khác rồi.

Vậy nhưng, hòn đảo này, vì nó từng là hiện trường tự sát của Derwatt, mang một bầu không khí bí ẩn phảng phất đối với Tom. Trên những bãi biển màu vàng trắng kia, ở đâu đó ngoài kia, Philip Derwatt đã đi bộ ra biển và không bao giờ trở lại nữa. Tom nghĩ là sẽ chẳng có cư dân nào của Icaria có phản ứng với cái tên Derwatt đâu, nhưng anh vẫn thử với chủ một quán cà phê, không thành công. Derwatt chỉ ở lại đây chưa đầy một tháng, Tom nghĩ, từ tận sáu năm trước. Anh thả lỏng một chút ở một nhà hàng nhỏ với đĩa cà chua hầm cùng cơm và đùi cừu, rồi gọi hoa tiêu về từ một nhà hàng kiêm quán bar khác nơi anh ta bảo là sẽ ở đến bốn giờ chiều, phòng trường hợp Tom muốn tìm anh ta.

Họ phóng về Mykonos, nơi hoa tiêu cư ngụ. Tom mang va-li theo. Tom cảm thấy bồn chồn, kiệt sức và bực bội. Anh quyết định quay lại Athens ngay tối nay. Anh ngồi trong một quán cà phê, chán chường uống một tách cà phê ngọt. Rồi anh quay lại bến cảng nơi đã gặp tay hoa tiêu người Hy Lạp và tìm thấy anh ta sau khi đi đến nhà người này, nơi anh ta đang ngồi ăn tối.

“Mất bao nhiêu tiền để đưa tôi tới Piraeus tối nay?” Tom hỏi. Anh vẫn còn một ít séc du lịch Mỹ.

Rất nhiều việc phải làm, kể cả một tràng khó khăn, nhưng tiền giải quyết được hết. Tom ngủ gục trên đường đi, bị cột vào một cái băng ghế gỗ trong khoang thuyền nhỏ. Họ đến Piraeus vào tầm năm giờ sáng. Hoa tiêu tên Antinou cười khúc khích vì sung sướng hoặc vì tiền hoặc vì mệt, hoặc

cũng có thể vì rượu ouzo, Tom chịu. Antinou nói rằng anh ta có bạn bè ở Piraeus rất vui được gặp anh ta.

Bình minh lạnh cắt da cắt thịt. Tom thúc ép một người lái xe tắc-xi, bằng cách hứa trả anh ta một đồng tiền, để đưa anh tới quảng trường Hiến Pháp ở Athens, tới tận cửa khách sạn Grande Bretagne.

Tom được đưa cho một phòng, không phải phòng cũ mà anh ở. Người xách hành lý ca đêm thành thực kể với anh là họ vẫn chưa dọn dẹp xong căn phòng đó. Tom viết số điện thoại studio của Jeff lên một mẫu giấy và nhờ người xách hành lý gọi điện tới Luân Đôn.

Sau đó anh lên gác, về phòng mình và tắm rửa, suốt lúc ấy chờ tiếng chuông điện thoại reo. Phải đến tám giờ kém mười lăm phút sáng điện thoại mới thông.

“Đây là Tom ở Athens,” Tom nói. Anh đã suýt ngủ gục trên giường.

“Athens à?”

“Có tin gì của Bernard không?”

“Không, không có gì cả. Anh định...”

“Tôi chuẩn bị đến Luân Đôn đây. Ý tôi là tối nay. Chuẩn bị đồ nghề hóa trang đi. Có được không?”

## CHƯƠNG 18

Trong cơn bốc đồng vào chiều thứ Năm, Tom mua một chiếc áo mưa màu xanh lục ở Athens, nó theo phong cách mà anh sẽ chẳng bao giờ chọn cho mình - tức là muốn nói, Tom Ripley sẽ không đời nào chạm vào. Nó có rất nhiều vạt và dây dợ, có vài cái dây còn được thắt bằng hai khuyên vòng, vài cái có khóa nhỏ, như thế cái áo mưa được làm với ý định mang theo đồ để di chuyển khẩn cấp, bình đựng nước quân đội, băng đạn, cà mèn, lưỡi lê, một đến hai cái dùi cui. Nó có phong cách dờ tẹ và Tom nghĩ nó sẽ giúp anh vào lại Luân Đôn - chỉ đề phòng trường hợp một trong các giám sát viên nhập cảnh nhớ Thomas Ripley trông như thế nào. Tom cũng đổi ngôi tóc từ trái sang phải, dù việc này cũng không thể hiện ra trên bức ảnh chụp chính diện. May thay, va-li của anh không gắn tên viết tắt. Hiện giờ tiền bạc mới là vấn đề, vì Tom chỉ có séc du lịch mang tên Ripley, thứ đó anh không thể dùng ở Luân Đôn như đã đưa cho người hoa tiêu Hy Lạp, nhưng Tom có đủ tiền drachma (đổi cho Heloise bằng franc Pháp) để mua vé một chiều tới Luân Đôn và đến lúc đó thì Jeff và Ed có thể hỗ trợ tài chính cho anh. Tom bỏ thẻ và tất cả mọi thứ có thể nhận dạng ra khỏi ví và nhét chúng vào một cái túi quần sau được cài khuy lại. Nhưng thật sự thì anh không nghĩ mình sẽ bị lục soát.

Anh sống sót qua bàn Kiểm soát Nhập cảnh ở Heathrow. “Anh ở đây bao lâu?” “Tôi nghĩ là không quá bốn ngày.” “Đi công tác à?” “Đúng thế.” “Anh sẽ ở đâu?” “Khách sạn Người Luân Đôn, phố Welbeck.”

Một lần nữa, xe buýt đi tới điểm dừng cuối cùng của tàu điện ngầm Luân Đôn và Tom bước tới một bộ điện thoại và gọi cho studio của Jeff.

Lúc đó là mười giờ mười lăm tối.

Một người phụ nữ nghe máy.

“Có anh Constant ở đó không?” Tom hỏi. “Hoặc anh Banbury cũng được?”

“Hiện giờ cả hai người họ đều ra ngoài rồi. Xin hỏi ai gọi đây?”

“Robert - Robert Mackay.” Không có phản ứng vì Tom chưa báo tên mới của anh cho Jeff. Tom biết rằng Jeff và Ed hẳn phải để lại ai đó đợi trong studio chờ Tom Ripley, một người là đồng minh của họ. “Có phải Cynthia đây không?”

“Đúng... thế,” giọng khá cao đáp lại.

Tom quyết định mạo hiểm. “Tom đây,” anh nói. “Khi nào thì Jeff quay lại?”

“Ôi, Tom! Tôi đã không dám chắc đó là anh. Họ hẹn sẽ quay lại sau nửa tiếng nữa. Anh có thể đến đây không?”

Tom bắt tắc-xi tới studio Wood ở St. John.

Cynthia Gradnor mở cửa. “Tom à... xin chào.”

Tom gần như đã quên cô ta trông như thế nào: chiều cao trung bình, mái tóc nâu suôn thẳng dài tới vai, đôi mắt xám khá to. Giờ cô ta có vẻ gầy hơn anh nhớ. Và cô ta đã gần ba mươi. Cô ta trông có vẻ bồn chồn.

“Anh đã gặp Bernard à?”

“Phải, nhưng tôi không biết anh ta đi đâu.” Tom mỉm cười. Anh cho rằng Jeff (và cả Ed) đã nghe lời anh và không kể cho ai nghe về nỗ lực kết liễu tính mạng anh của Bernard. “Chắc anh ta vẫn ở Paris.”

“Ngồi xuống đi nào, Tom! Tôi có thể lấy đồ uống gì cho anh đây?”

Tom mỉm cười và giơ ra món mà anh đã mua được ở sân bay Athens. Rượu scotch White Horse. Cynthia khá thân thiện - bề ngoài là vậy. Tom thấy mừng.

“Bernard lúc nào cũng rầu rĩ khi triển lãm diễn ra,” Cynthia nói, pha đồ uống. “Đấy là tôi nghe nói vậy. Dạo này tôi không thường gặp anh ấy



nữa. Như anh chắc cũng biết.”

Tom nhất định sẽ không đề cập tới chuyện Bernard từng kể với anh là Cynthia đã từ chối anh ta - không muốn gặp anh ta nữa. Biết đâu Cynthia không thật sự nghĩ vậy. Tom không đoán nổi.

“À thì,” Tom vui vẻ nói, “anh ta nói rằng sẽ không vẽ nữa - dưới tên Derwatt. Tôi chắc chắn chuyện đó tốt cho anh ta. Anh ta nói là anh ta ghét nó”.

Cynthia đưa đồ uống cho Tom. “Đó là một công việc kinh tởm. *Kinh tởm!* ”

Đúng là thế, Tom biết. Kinh tởm. Vẽ rùng mình thấy rõ của Cynthia khiến anh cũng ý thức được điều đó. Giết người, dối trá, lừa đảo - đúng, đó đúng là một công việc đáng ghê tởm. “Thì... không may là nó đã đi xa đến nước này,” Tom nói, “nhưng nó sẽ không đi xa hơn nữa đâu. Đây là lần xuất hiện cuối cùng của Derwatt, cô có thể nói thế. Trừ phi Jeff và Ed quyết định rằng họ... họ không muốn tôi đóng vai anh ta nữa. Ý tôi là kể cả lần cuối này”.

Cynthia có vẻ không để ý đến chuyện đó. Lạ lùng thật. Tom đã ngồi xuống nhưng Cynthia vẫn chậm chạp đi lại trên sàn, có vẻ đang dỏng tai lên nghe tiếng bước chân của Jeff và Ed trên cầu thang. “Chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông tên Murchison vậy? Ngày mai vợ ông ta sẽ tới đây, tôi nghĩ vậy. Jeff và Ed bảo vậy.”

“Tôi không biết. Tôi cũng không thể giúp gì cho cô,” Tom nói một cách khá bình thản. Anh không thể cho phép câu hỏi của Cynthia khiến mình bồn chồn. Anh còn việc phải làm. Chúa lòng lành, ngày mai bà vợ sẽ đến.

“Ông Murchison biết rằng các bức tranh bị làm giả. Chính xác thì ông ta dựa vào cái gì?”

“Ý kiến của riêng ông ta,” Tom nói và nhún vai. “À thì, ông ta nói đến linh hồn của một bức tranh, cá tính... Tôi không nghĩ là ông ta có thể thuyết phục một chuyên gia ở Luân Đôn tin những điều đó đâu. Nói thẳng

ra thì đến giờ này làm gì có ai phân rõ ranh giới giữa Derwatt và Bernard được nữa? Mấy gã phê bình nghệ thuật tự phong đầy đều là những tên khốn nạn chán. Nghe mấy gã đó nói cũng thú vị như đọc mấy bài phê bình nghệ thuật vậy - các khái niệm không gian, các giá trị tạo hình, mấy câu chuyện lối bịch kiểu đó.” Tom cười, rũ ống tay áo và lần này chúng thẳng xuống. “Ông Murchison đã nhìn thấy hai bức tranh ở nhà tôi, một là tranh thật và một là tranh của Bernard. Theo lẽ tự nhiên, tôi cố gắng phủ định ý kiến của ông ta và tôi dám nói là mình đã thành công. Tôi không nghĩ là ông ta sẽ giữ hẹn với... với người ở Tate Gallery đâu.”

“Nhưng ông ta biến đi đâu cơ chứ?”

Tom ngậm ngừng. “Đó là một bí ẩn. Bernard đã biến đi đâu? Tôi không biết. Ông Murchison có khi lại có ý tưởng riêng. Có lý do riêng để biến mất. Không thì đó sẽ là một bí ẩn mãi treo ở sân bay Orly!” Tom thấy lo lắng và ghét chủ đề này.

“Nó không khiến cho mọi chuyện ở đây đơn giản đi. Trông thì có vẻ ông Murchison đã bị trừ khử hoặc sao đó vì ông ta biết về phi vụ làm giả.”

“Đó là chuyện mà tôi đang cố gắng sửa đổi. Rồi rút lui. Việc làm giả chưa được chứng minh. À phải rồi, Cynthia, đây là một trò chơi kinh tởm, nhưng đã đi xa đến nước này rồi thì chúng ta phải đi cho trót - tới một mức độ nào đó.”

“Bernard từng nói rằng anh ấy muốn thú nhận tất cả - với cảnh sát. Có thể anh ấy đang thực hiện điều đó.”

Đó là một khả năng kinh khủng, và Tom hơi rùng mình trước suy nghĩ ấy, hẳn Cynthia cũng vậy. Anh uống cạn cốc rượu của mình. Phải rồi, nếu ngày mai cảnh sát Anh ập vào với nụ cười thích thú trong khi anh đang diễn vai Derwatt lần thứ hai thì đúng là một thảm họa. “Tôi không nghĩ Bernard sẽ làm vậy đâu,” Tom nói nhưng chính anh cũng không dám chắc vào những gì mình vừa nói ra.

Cynthia nhìn anh. “Anh cũng đã cố thuyết phục Bernard đấy à?”

Tom đột nhiên thấy đau nhói trước sự thù địch của cô ta, sự thù địch đã tích lũy nhiều năm trời, Tom biết. Chính *anh* đã vẽ ra toàn bộ mớ bòng bong này. “Đúng thế,” Tom nói, “vì hai lý do. Một là nó sẽ kết thúc sự nghiệp của chính Bernard, và hai...”

“Tôi nghĩ là sự nghiệp của Bernard đã kết thúc rồi, nếu anh muốn nói đến họa sĩ Bernard Tufts.”

“Thứ hai,” Tom vẫn cố nói giọng nhẹ nhàng hết mức có thể, “Bernard không phải là người duy nhất liên đới, không may thay. Nó cũng sẽ hủy hoại cả Jeff lẫn Ed, cả... những người đang chế tạo dụng cụ vẽ, trừ phi họ chối việc biết về vụ làm giả, một điều mà tôi không nghĩ là họ có thể thực hiện một cách thành công. Trường nghệ thuật ở Ý...”

Cynthia căng thẳng thở dài. Cô ta có vẻ không biết nói gì. Có thể là cô ta cũng chẳng muốn nói gì nữa. Cô ta lại đi vòng vòng trong studio vuông vức, nhìn tấm ảnh chụp một con kangaroo được phóng to mà Jeff đặt dựa vào tường. “Đã hai năm rồi tôi mới vào căn phòng này. Jeff ngày một trở nên thời thượng nhỉ.”

Tom im lặng. Anh nhẹ nhõm khi loáng thoáng nghe thấy tiếng bước chân và giọng nam.

Có người gõ cửa. “Cynthia à? Chúng tôi đây!” Ed gọi vọng vào.

Cynthia mở cửa.

“Chà chà, *Tom!*” Ed hét lên và lao tới bắt tay anh.

“Tom! Xin chào!” Jeff nói, cũng hân hoan hệt như Ed.

Jeff mang theo một chiếc va-li đen đựng đồ hóa trang, Tom biết.

“Phải tới chỗ người bạn của tôi ở khu Soho để mượn đồ hóa trang,” Jeff nói. “Anh khỏe không, Tom? Athens thế nào?”

“U ám,” Tom nói. “Uống rượu đi các anh. Các viên đại tá ở đấy, các anh biết mà. Không nghe được một bản nhạc bouzouki\* nào hết. Xem này, tôi hy vọng tối nay không có màn trình diễn nào cả.” Jeff đang mở va-li ra.

“Không có đâu. Chỉ kiểm tra xem mọi thứ có đầy đủ không thôi. Anh có nhận được tin gì từ Bernard không?”

“Một câu hỏi hay làm sao,” Tom nói. “Không.” Anh lo lắng liếc nhìn Cynthia, cô ta đang khoanh tay dựa vào một cái tủ ở bên kia phòng. Cô ta có biết là anh đã đặc biệt đi tới Hy Lạp để tìm Bernard không? Có cần thiết phải kể chuyện đó cho cô ta không? Không cần.

“Hay ông Murchison?” Ed hỏi qua vai. Anh ta đang tự rót đồ uống cho mình.

“Không,” Tom nói. “Tôi được biết ngày mai bà Murchison sẽ đến đây?”

“Có thể thế,” Jeff đáp lại. “Hôm nay Webster gọi điện cho bọn tôi và nói vậy. Anh biết đấy, thanh tra Webster ấy.”

Tom đơn giản là không thể bàn chuyện khi Cynthia vẫn ở trong phòng. Anh không nói gì. Anh muốn nói gì đó tự nhiên thôi, chẳng hạn như, “Ai đã mua bức ‘Bồn Tắm’ vậy?” nhưng anh thậm chí còn chẳng thể làm vậy được. Cynthia giữ thái độ thù địch. Cô ta có thể sẽ không phản bội họ nhưng cũng không về phe họ.

“Tiện thể, Tom,” Ed nói, mang cho Jeff một cốc rượu (Cynthia vẫn cầm cốc rượu của mình), “anh có thể ở lại đây tối nay. Chúng tôi mong là như vậy.”

“Rất hân hạnh,” Tom nói.

“Và ngày mai - vào buổi sáng, Jeff và tôi đã nghĩ sẽ gọi cho Webster vào tầm mười rưỡi, và nếu không thể liên lạc được với anh ta thì chúng tôi sẽ để lại tin nhắn, nói rằng sáng hôm đó anh đã đến Luân Đôn bằng tàu hỏa - tức là sáng mai, và gọi cho chúng tôi. Anh đã ở cùng bạn bè gần Bury St. Edmunds, kiểu vậy, và anh chưa... ừm...”

“Anh không cảm thấy cuộc tìm kiếm anh nghiêm trọng đến mức phải thông báo cho cảnh sát về nơi ở của mình,” Jeff nói xen vào, như thể đang trích dẫn lời hát ru của mẹ Ngỗng\*. “Thực tế là họ không lục tung khắp phố phường để tìm anh. Họ chỉ hỏi chúng tôi Derwatt đang ở đâu đôi ba lần

gì đấy, và chúng tôi đã trả lời rằng chắc anh ở cùng bạn bè trong nước thôi.”

“D'accord,”\* Tom nói.

“Tôi nghĩ tôi phải đi đây,” Cynthia nói.

“Ôi, Cynthia... không muốn uống nốt chỗ rượu còn lại à?” Jeff hỏi.

“Không.” Cô ta mặc áo vào và Ed tiến tới giúp. “Tôi thật sự chỉ muốn biết có tin tức gì của Bernard không thôi, các anh biết đấy.”

“Cảm ơn, Cynthia, vì đã canh pháo đài hộ chúng tôi ở đây,” Jeff nói.

Một phép ẩn dụ không phù hợp, Tom nghĩ thầm. Anh đứng dậy. “Tôi bảo đảm nếu mình nhận được tin gì thì cũng sẽ báo lại cho cô, Cynthia. Tôi sẽ sớm quay về Paris - có khi là vào ngày mai luôn.”

Hội Cynthia, Jeff và Ed lầm bầm chào tạm biệt nhau. Jeff và Ed quay vào.

“Cô ta thật sự yêu Bernard à?” Tom hỏi. “Tôi không nghĩ vậy. Anh ta nói...”

Cả Jeff và Ed đều thoáng mang vẻ đau đớn.

“Bernard đã nói gì?” Jeff hỏi.

“Anh ta kể rằng tuần trước đã gọi cho cô ta từ Paris và cô ta nói rằng không muốn gặp anh ta. Cũng có thể Bernard đã phóng đại, tôi không rõ lắm.”

“Cả chúng tôi cũng không,” Ed nói, và gạt mái tóc vàng rủ xuống của anh ta ra sau. Anh ta lấy một cốc rượu nữa.

“Tôi tưởng Cynthia đã có bạn trai mới rồi,” Tom nói.

“À, vẫn người cũ,” Ed nói bằng giọng chán chường từ trong bếp.

“Stephen gì đó,” Jeff nói. “Anh ta vẫn chưa khiến cô ấy cháy lên đâu.”

“Anh ta không phải tuýp người có thể bùng nổ đâu!” Ed nói, bật cười.

“Cô ấy vẫn làm công việc cũ,” Jeff tiếp tục. “Cô ấy được trả công hậu hĩnh và là ứng cử viên hàng đầu cho một vị trí quan trọng nào đó.”

“Cô ấy đã ổn định,” Ed xen vào, để chấm dứt câu chuyện. “Còn bây giờ thì Bernard đâu rồi không biết, và ý anh là gì khi nói anh ta nghĩ anh đã chết?”

Tom giải thích, ngắn gọn thôi. Anh cũng kể về vụ chôn người, dù nó được anh diễn tả lại hài hước đến mức cả Jeff lẫn Ed đều bị lôi cuốn, thậm chí còn mê mẩn một cách bệnh hoạn, và cùng lúc ấy cười ha hả. “Chỉ có một cái băng gạc nhỏ trên đầu thôi,” Tom nói. Anh đã trộm kéo của Heloise và cắt băng dính trong phòng vệ sinh trên máy bay bay đi Athens.

“Để tôi chạm vào anh xem nào!” Ed nói, túm lấy vai Tom. “Đây là người đã trèo ra khỏi mộ đấy, Jeff!”

“Vượt quá khả năng của chúng tôi. Vượt quá khả năng của tôi,” Jeff nói.

Tom cởi áo khoác và thoải mái ngồi xuống chiếc tràng kỷ màu rỉ sắt của Jeff. “Tôi nghĩ các anh hẳn đoán được là,” anh nói, “ông Murchison đã chết phải không?”

“Chúng tôi đúng là đã *nghĩ* vậy,” Jeff nghiêm túc nói. “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi đã giết ông ta. Dưới tầng hầm của tôi - bằng một chai rượu vang.” Trong khoảnh khắc kỳ cục này, Tom chợt nảy ra ý nghĩ là anh có thể, à, anh phải gửi hoa cho Cynthia. Cô ta có thể ném nó vào sọt rác hoặc lò sưởi tùy ý. Tom tự chấn chỉnh lại bản thân vì đã tỏ ra thiếu ga-lăng với Cynthia.

Jeff và Ed vẫn đang ngơ ngác hồi phục sau khi nghe tin anh vừa nói.

“Xác đâu?” Jeff hỏi.

“Ở dưới đáy một dòng sông nào đó. Gần chỗ tôi. Tôi nghĩ là sông Loing,” Tom nói. Anh có nên kể cho họ biết là Bernard đã giúp đỡ mình không nhỉ? Thôi. Sao phải phiền phức thế làm gì? Tom xoa trán. Anh mệt mỏi và gục người xuống, chỉ dựa vào đúng một khuỷu tay.

“Chúa tôi,” Ed nói. “Sau đó anh mang đồ đạc của ông ta tới sân bay Orly à?”

“Đồ đạc của ông ta, đúng vậy.”

“Không phải anh có một bà quản gia à?” Jeff hỏi.

“Phải. Tôi đã phải tiến hành tất cả chuyện này một cách bí mật. Tránh bà ta,” Tom nói. “Sáng sớm, kiểu thế.”

“Nhưng anh vừa nhắc tới chỗ chôn trong rừng - mà Bernard đã sử dụng.” Ed hỏi câu này.

“Đúng thế, tôi... đầu tiên đã chôn ông Murchison trong rừng, sau đó cảnh sát đến điều tra, nên trước khi họ vào rừng, tôi đã nghĩ là mình nên đưa ông ta... ra khỏi rừng, vậy nên tôi...” Tom dùng tay ra hiệu, động tác vút xác mơ hồ. Không, tốt nhất là đừng đề cập tới việc Bernard đã giúp anh. Nếu Bernard muốn - anh ta muốn làm gì nhỉ, chuộc lỗi cho bản thân à? - thì Bernard càng ít đồng lõa càng tốt.

“Chúa ơi,” Ed nói. “Trời ơi. Anh có thể đối diện với vợ ông ấy không?”

“Suyt,” Jeff vội vã nói, cười lo lắng.

“Tất nhiên rồi,” Tom nói. “Tôi buộc phải làm vậy vì ông Murchison đã buộc tội tôi - ở dưới hầm, chuyện là vậy đấy. Ông ta nhận ra tôi đã đóng giả Derwatt ở Luân Đôn. Vậy nên tất cả sẽ vỡ lở nếu tôi không trừ khử ông ta. Các anh hiểu chứ?” Tom đi lòng vòng, cố gắng giảm cảm giác buồn ngủ đi.

Họ hiểu và thấy ấn tượng. Đồng thời Tom có thể cảm giác được là não bộ của họ bắt đầu hoạt động: Tom Ripley trước đây từng giết người. Dickie Greenleaf à? Và có thể cả gã tên Freddie gì đó nữa. Đó chỉ là một hoài nghi thôi, nhưng không phải nó là sự thật sao? Tom xem trọng việc giết người này đến mức nào, và trên thực tế thì anh ta mong đợi gì từ công ty Derwatt? Lòng biết ơn, sự trung thành, tiền bạc? Không phải tất cả đều như một thôi sao? Tom vẫn đủ tỉnh táo để nghĩ là không phải vậy, hy vọng là không phải vậy. Tom mong đợi Jeff Constant và Ed Banbury có năng lực hơn thế. Sau rốt thì, họ từng là bạn của Derwatt vĩ đại, thậm chí còn là bạn thân nữa. Derwatt vĩ đại đến mức nào? À, khá vĩ đại dưới tư cách một họa sĩ, nói thật lòng là vậy. Tom đứng thẳng lưng hơn vì Bernard (người đã lẩn tránh Jeff

và Ed nhiều năm trời dưới góc độ tình bạn), và nói, “Nào, các bạn của tôi... sao không nói sơ cho tôi vụ ngày mai nhỉ? Còn ai đến nữa? Tôi thừa nhận là tôi rất mệt và không ngại lên giường sớm đâu”.

Ed đang đứng đối mặt với anh. “Có bằng chứng nào chống lại anh trong vụ ông Murchison không, Tom?”

“Theo tôi biết là không.” Tom mỉm cười. “Chẳng có gì ngoài các sự kiện thực tế.”

“Bức ‘Đồng Hồ’ thật sự bị đánh cắp à?”

“Bức tranh nằm cùng với va-li của ông Murchison - được bọc riêng - ở sân bay Orly. Có kẻ đã cuỗm nó đi mất, chỉ có thế,” Tom nói. “Tôi băn khoăn không biết giờ ai đang treo nó? Họ có biết họ đã lấy được cái gì không nhỉ? Trong trường hợp đó thì chắc nó không được treo lên đâu. Chúng ta có nên bắt đầu với việc tóm tắt không nhỉ? Chúng ta bật chút nhạc lên được không?”

Để tăng hiệu quả của đài radio Luxembourg, Tom chịu thử qua đờ. Râu và lưới vẫn dính chặt vào nhau và họ thử râu nhưng không dán keo lên. Bernard đã không nhận lại bộ âu phục màu xanh dương sậm của Derwatt và Tom mặc áo khoác vào.

“Các anh có biết gì về bà Murchison không?” Tom hỏi.

Họ không biết gì nhiều, dù họ nhiệt tình cung cấp vài mẫu thông tin rời rạc cho thấy bà ta, theo ý Tom, chẳng hung hăng mà cũng không nhút nhát, không thông minh cũng chẳng ngu ngốc. Các dữ liệu đều rất chung chung. Jeff đã nói chuyện với bà ta qua điện thoại ở Buckmaster Gallery, bà ta gọi sau khi hẹn trước bằng điện tín.

“Đúng là một phép màu vì bà ta đã không gọi cho tôi,” Tom nói.

“À, chúng tôi bảo là không biết số điện thoại của anh,” Ed nói, “và tôi nghĩ việc anh ở Pháp khiến bà ta chùn chân”.

“Có phiền nếu tối nay tôi gọi về nhà không?” Tom hỏi, dùng giọng của Derwatt. “Tieten thể, ở đây tôi khánh kiệt rồi.”



Jeff và Ed không thể ngoan ngoãn hơn. Họ có vô khối tiền mặt trong tay. Jeff gọi điện tới Belle Ombre ngay lập tức. Ed pha một cốc cà phê nhỏ nhưng đặc cho Tom theo yêu cầu của anh. Tom tắm rửa và mặc pyjama vào. Tốt hơn nhiều rồi - đi cả dép đi trong nhà của Jeff nữa. Anh chuẩn bị ngủ trên tràng kỷ trong studio.

“Tôi hy vọng là mình đã nói rõ,” Tom nói, “Bernard muốn chấm dứt. Derwatt sẽ nghỉ hưu vĩnh viễn và - có thể bị kiến ở Mexico ăn thịt hoặc bị lửa nuốt, và kèm theo đó là những bức tranh mà anh ta vẽ trong tương lai”.

Jeff gật đầu, bắt đầu gặm móng tay, và rồi bỏ nó ra khỏi miệng. “Anh đã bảo gì với vợ mình?”

“Không gì cả,” Tom nói. “Thật sự không có chuyện gì quan trọng cả đâu.”

Điện thoại reo.

Jeff ra hiệu cho Ed theo anh ta vào phòng ngủ.

“Chào em yêu, anh đây!” Tom nói. “Không, anh ở Luân Đôn... À thì, anh đã đổi ý thôi...”

“Khi nào anh mới về nhà?... Với cả cái răng bà Annette lại đau rồi.”

“Cho bà ấy biết tên của gã nha sĩ ở Fontainebleau đi!” Tom nói.

Ngạc nhiên làm sao khi một cuộc điện thoại có thể khiến anh cảm thấy được an ủi đến mức nào trong tình trạng hiện thời. Nó gần khiến Tom yêu mến chiếc điện thoại.

## CHƯƠNG 19

“Xin hỏi thanh tra điều tra Webster có ở đó không?” Jeff hỏi. “Đây là Jeffrey Constant ở Buckmaster Gallery... Anh có thể báo với thanh tra là sáng nay tôi mới nhận được điện thoại của Derwatt và chúng tôi sẽ gặp anh ấy ở phòng triển lãm vào sáng nay... tôi không rõ thời gian chính xác. Trước mười hai giờ.”

Lúc này là mười giờ kém mười lăm.

Tom lại đứng trước chiếc gương dài, đánh giá bộ râu và hàng lông mày được chải chuốt của mình. Ed đang nhìn mặt anh dưới một trong những bóng đèn sáng nhất của Jeff, nó rọi thẳng vào mắt Tom. Tóc anh nhạt hơn màu râu, nhưng sẫm hơn màu tóc thật, giống hệt lần trước. Ed đã cẩn thận xử lý vết thương sau đầu anh và mừng vì nó không còn chảy máu nữa. “Jeff, anh bạn già,” Tom nói bằng giọng căng thẳng của Derwatt. “Anh có thể tắt thứ nhạc đó đi và bật bài khác lên không?”

“Anh muốn nghe gì?”

“Bài *Giấc Mơng Đêm Hè* đi. Anh có đĩa đó không?”

“Không,” Jeff nói.

“Anh kiếm nó được không? Tôi đang có tâm trạng muốn nghe bài đó. Nó truyền cảm hứng cho tôi và tôi cần cảm hứng.” Sáng nay việc chỉ tưởng tượng ra âm nhạc thôi là chưa đủ.

Jeff thậm chí cũng không biết ai mà anh ta chắc chắn là có nó.

“Anh không thể ra ngoài mua được sao, Jeff? Không phải có một cửa hàng bán đĩa nhạc trên đường từ đây tới phố St. John’s Wood à?”

Jeff chạy ra ngoài.

“Tôi đoán là anh chưa nói chuyện với bà Murchison,” Tom nói, tạm thư giãn với điếu Gauloise. “Tôi phải mua ít thuốc lá Anh mới được. Tôi không muốn mạo hiểm quá mức với mấy điếu Gauloise này.”

“Lấy cái này đi. Nếu anh hết thì mọi người sẽ mời anh hút thuốc lá,” Ed nói vội vàng, đẩy một gói gì đó vào trong túi của Tom. “Không, tôi chưa hề nói chuyện với bà ta. Ít nhất thì bà ta không cử một tay thám tử người Mỹ tới đây. Bà ta mà làm vậy thật thì khá là gay go đấy.”

Có thể bà ta sẽ đưa một người bay qua đây, Tom nghĩ. Anh cởi hai chiếc nhẫn của mình ra. Tất nhiên hiện giờ anh không mang theo chiếc nhẫn Mexico. Tom cầm một cái bút bi lên và cố gắng mô phỏng lại chữ ký răn rỏi của Derwatt được đóng dấu trên một cái tẩy màu xanh dương trên bàn của Jeff. Tom ký thử ba lần rồi vò tờ giấy mà anh vừa dùng và thả nó vào sọt rác.

Jeff quay về, thở hổn hển như vừa chạy hết tốc lực.

“Bật to vào... nếu anh có thể,” Tom nói.

Âm nhạc bắt đầu cất lên - khá to. Tom mỉm cười. Đây mới là nhạc của anh. Một suy nghĩ càn rỡ, nhưng đây là thời điểm cần càn rỡ. Giờ Tom cảm thấy rạng rỡ, đứng cao hơn, rồi mới nhớ ra Derwatt không đứng thẳng. “Jeff, tôi nhờ anh một việc nữa được không? Hãy gọi tới một cửa hàng hoa và gửi hoa tới cho Cynthia. Tính vào hóa đơn của tôi nhé.”

“Sao anh lại nói chuyện tiền nong ở đây làm gì? Hoa... gửi cho Cynthia. Được rồi. Loại nào đây?”

“À, hoa lay-ơ-n, nếu họ có. Không thì hai tá hoa hồng.”

“Hoa, hoa, hàng hoa...” Jeff đang tìm trong danh bạ điện thoại của mình. “Từ ai đây? Cứ ký tên là ‘Tom’ thôi à?”

“Gửi tình yêu từ Tom,” anh nói, và đứng im trong khi Ed tô son môi màu hồng nhạt lên môi trên của anh một lần nữa. Môi trên của Derwatt đầy đặn hơn.

Họ rời khỏi studio của Jeff khi mặt đĩa đầu tiên vẫn đang bật. Jeff bảo nó sẽ tự động tắt. Anh ta nhảy lên chiếc tắc-xi đầu tiên một mình. Tom cảm thấy đủ tự tin để tự đi, nhưng anh cảm giác là Ed không muốn mạo hiểm như thế, hoặc không muốn rời khỏi anh. Họ cùng vào tắc-xi và xuống xe trên một con phố cách phố Bond một con đường.

“Nếu có người hỏi chuyện thì cứ nói là tôi vô tình gặp anh đang đi bộ tới Buckmaster nhé,” Ed nói.

“Thả lỏng đi. Chúng ta sẽ thắng lợi.”

Một lần nữa, Tom đi vào qua cánh cửa sau sơn đỏ của phòng triển lãm. Văn phòng trống không, chỉ trừ Jeff đang nói chuyện điện thoại. Anh ta ra dấu cho họ ngồi xuống.

“Anh chuyển máy nhanh hết cỡ giúp tôi được không?” Jeff nói. Anh ta đập máy xuống. “Tôi vừa lịch sự gọi điện tới Pháp. Cảnh sát ở Melun. Báo cho họ biết là Derwatt vừa xuất hiện trở lại. Anh biết đấy... Derwatt, họ đã gọi cho chúng tôi và tôi hứa là sẽ báo tin nếu anh liên lạc lại.”

“Tôi hiểu rồi,” Tom nói. “Chắc anh chưa nói chuyện này cho báo chí đâu nhỉ?”

“Không, và tôi cũng không nghĩ mình nên làm thế, anh thấy sao?”

“Không, cho qua đi.”

Leonard, linh hồn vô tư lự là quản lý phòng triển lãm, thò đầu vào cửa. “Xin chào! Tôi vào được không?”

“Không-ng!” Jeff thì thào nói, không nghiêm túc.

Leonard đi vào trong và đóng cửa lại, cười toét miệng khi Derwatt lần thứ hai hồi sinh. “Tôi không tin nổi vào mắt mình nữa! Sáng nay chúng ta chờ ai vậy?”

“Khởi động là thanh tra Webster của đội cảnh sát thủ đô,” Ed nói.

“Tôi cứ để cho bất kỳ ai...”

“Không, không phải bất kỳ ai,” Jeff nói. “Đầu tiên hãy gõ cửa, và tôi sẽ mở cửa ra, nhưng hôm nay tôi sẽ không khóa cửa lại. Giờ thì ra đi!”

Leonard ra ngoài.

Tom đang ngồi sụp người trong chiếc ghế bành khi thanh tra Webster đến.

Anh ta mỉm cười như một chú thỏ vui vẻ có cặp răng cửa to đùng ố vàng. “Xin chào, anh Derwatt. Chà chà! Tôi chẳng bao giờ lường được có một ngày lại được vinh hạnh gặp anh!”

“Chào anh, thanh tra.” Tom không ngồi thẳng dậy. Hãy nhớ, anh thâm nhũ, mày già hơn, nặng nề hơn, chậm chạp hơn, người khom hơn so với Tom Ripley. “Tôi xin lỗi,” Tom nói một cách thản nhiên, như thể anh không hề thấy có lỗi và chắc chắn cũng chẳng mảy may xao động, “vì anh phải bận tâm xem tôi đang ở đâu. Tôi đã ở cùng vài người bạn ở Suffolk”.

“Tôi cũng vừa được báo như vậy,” viên thanh tra nói, ngồi xuống một chiếc ghế lưng thẳng cách chỗ Tom khoảng hai mét.

Tom để ý thấy rèm chớp ở cửa sổ được thả xuống ba phần tư, gần như đóng kín. Ánh đèn vừa đủ, dù là để viết thư, nhưng không quá sáng rọi.

“À, nơi anh ở chỉ là phụ so với nơi ông Murchison đang ở thôi,” Webster nói, mỉm cười. “Việc của tôi là tìm ra ông ta.”

“Tôi đã đọc tin hoặc... nghe Jeff kể vài chuyện về việc ông ta mất tích ở Pháp.”

“Phải, và một trong các bức tranh của anh cũng đã biến mất theo ông ta. Bức ‘Đồng Hồ’.”

“Đúng thế. Chắc không phải là... vụ trộm đầu tiên,” Tom bình thản nói. “Theo tôi biết thì vợ ông ta có thể sẽ đến Luân Đôn à?”

“Đúng thực là bà ấy sẽ đến.” Webster nhìn đồng hồ. “Bà ấy sẽ hạ cánh lúc mười một giờ sáng. Sau một chuyến bay đêm, tôi chắc là bà ấy sẽ muốn nghỉ ngơi vài tiếng. Chiều nay anh còn ở đây không, anh Derwatt? Anh có thể ở đây chứ?”

Tom biết anh phải đồng ý để tỏ ra lịch sự. Anh nói, chỉ chêm vào một chút miễn cưỡng nhỏ, là tất nhiên anh có thể. “Tầm giờ nào? Chiều nay tôi

phải xử lý vài việc vặt.”

Webster đứng dậy, như một người bận rộn. “Chúng ta cứ hẹn lúc ba rưỡi đi được không? Nếu có thay đổi thì chúng tôi sẽ báo cho anh biết qua phòng triển lãm.” Anh ta quay về phía Jeff và Ed. “Cảm ơn hai vị rất nhiều vì đã thông báo cho tôi về anh Derwatt. Tạm biệt các vị.”

“Tạm biệt, thanh tra.” Jeff mở cửa ra cho anh ta.

Ed nhìn Tom và nở một nụ cười thỏa mãn, môi vẫn mím chặt. “Chiều nay nhớ hăng hái hơn một chút nhé. Derwatt hơi... mạnh mẽ hơn một chút. Do lo lắng.”

“Tôi có lý do riêng,” Tom nói. Anh chụm các ngón tay lại và nhìn chăm chăm vào khoảng không, điệu bộ hệt như Sherlock Holmes đang suy tư, hẳn chỉ là một động tác vô thức vì anh cũng đang nghĩ đến một câu chuyện trong Sherlock Holmes tương tự với tình huống này. Tom hy vọng màn cải trang của mình sẽ không dễ bị lật tẩy. Dầu thế nào thì nó vẫn khá hơn một kẻ từng bị ngài Arthur\* lật tẩy - khi một quý ông quên tháo nhẫn kim cương của ông ta ra.

“Lý do của anh là gì?” Jeff hỏi.

Tom nhảy bật dậy. “Sẽ kể cho anh sau. Giờ tôi cần một cốc scotch.”

Họ ăn trưa ở Norughe, một nhà hàng Ý trên đường Edgware. Tom đói ngấu và nhà hàng này cực kỳ hợp khẩu vị của anh - yên tĩnh, dễ chịu, món mỳ ngon tuyệt vời. Tom ăn gnocchi với sốt phô mai tuyệt hảo và họ uống hai chai Verdicchio. Ở bàn kế bên có vài nhân sĩ của đoàn Ballet Hoàng gia, họ ngay lập tức nhận ra Derwatt, cũng như Tom nhận ra họ, nhưng đúng phong cách Anh, những ánh mắt trao đổi sớm chấm dứt.

“Chiều nay tôi muốn đến phòng triển lãm một mình và đi qua cửa trước,” Tom nói.

Bọn họ đã hút xì gà và uống brandy. Tom cảm thấy sẵn sàng đương đầu với bất kỳ thứ gì, kể cả bà Murchison.

“Thả tôi xuống đây đi,” Tom nói trong tắc-xi. “Tôi thấy muốn đi bộ.” Anh nói bằng giọng Derwatt mà anh vẫn dùng xuyên suốt bữa trưa. “Tôi

biết đường đi cũng hơi dài, nhưng ít nhất thì ở đây không nhiều đồi núi như Mexico. À há.”

Phố Oxford trông vừa đông đúc lại vừa chào mời. Tom nhận ra là mình chưa hỏi Jeff hay Ed xem họ đã bịa thêm hóa đơn nhận tranh chưa. Có thể Webster sẽ không đòi họ nữa. Có thể bà Murchison lại đòi. Ai mà biết được? Vài người trong đám đông trên đường Oxford liếc nhìn anh hai lần, chắc đã nhận ra anh - dù Tom không thật sự nghĩ vậy - có thể mắt họ bị thu hút bởi bộ râu và đôi mắt quyết liệt của anh. Tom nghĩ mắt mình trông quyết liệt vì hàng lông mày, và vì Derwatt luôn cau mày, dù biểu cảm này không có nghĩa là anh ta khó chịu, Ed đã cam đoan với anh như vậy.

Chiều nay hoặc thành công hoặc thất bại thôi, Tom nghĩ thầm. Nhất định, nhất định phải thành công. Anh bắt đầu tưởng tượng những gì sẽ xảy ra nếu chiều nay thất bại, và đầu óc anh ngừng lại khi nghĩ đến Heloise - và gia đình cô. Nó sẽ chấm dứt tất cả, kết thúc của Belle Ombre. Chấm dứt dịch vụ tận tâm của bà Annette. Nói trắng ra, anh sẽ vào tù, vì quá rõ ràng là chính anh đã trừ khử ông Murchison. Chôn vùi cái suy nghĩ ngòi tù đi.

Tom đi thẳng về phía ông già đeo bảng quảng cáo chụp ảnh hộ chiếu lấy nhanh. Như bị mù, ông ta không hề tránh ra.

Tom tránh ông ta. Anh lại chạy ra trước mặt ông ta. “Có nhớ tôi không? Xin chào!”

“Ờ? ừm ừm?” Nửa điếu thuốc lá chưa châm ngậm trong môi ông ta.

“Lấy may này!” Tom nói và nhét bao thuốc lá còn lại của mình vào túi áo khoác bằng vải tweed cũ mèm. Anh vội vã bước tiếp, nhớ phải đi lòng khòng.

Tom lặng lẽ tiến vào Buckmaster Gallery, nơi tất cả những bức tranh của Derwatt, chỉ trừ những bức mượn về, được trang hoàng với một ngôi sao nhỏ màu đỏ. Leonard cười với anh và gật đầu như thể đang cúi chào. Có năm người khác ở trong phòng, một cặp đôi trẻ tuổi (cô gái đi chân trần trên thảm be), một quý ông lớn tuổi và hai người đàn ông. Khi Tom tiến về phía cánh cửa đỏ ở cuối phòng trưng bày, anh có thể cảm thấy toàn bộ ánh

mắt xoay về phía mình và dõi theo anh - cho tới khi anh khuất khỏi tầm mắt.

Jeff mở cửa ra. “Derwatt, xin chào. Vào đi. Đây là phu nhân Murchison - đây là Philip Derwatt.”

Tom khẽ cúi chào người phụ nữ ngồi trong ghế bành. “Xin chào, bà Murchison.” Anh cũng gật đầu chào thanh tra Webster, anh ta đang ngồi trong một chiếc ghế lưng thẳng.

Bà Murchison trông tầm năm mươi tuổi, mái tóc ngắn tĩa lia chia màu đỏ vàng, đôi mắt xanh dương sáng rực rỡ, miệng khá rộng - một khuôn mặt mà, Tom thầm nghĩ, trong hoàn cảnh khác thì chắc sẽ vui tươi lắm. Bà ta mặc một bộ âu phục bằng vải tweed chất lượng tốt được cắt may thanh lịch, đeo vòng cổ ngọc bích, áo len màu xanh lục nhạt.

Jeff đã đi ra phía sau chỗ bàn làm việc nhưng không ngồi xuống.

“Anh đã gặp chồng tôi ở Luân Đôn. Ở đây,” bà Murchison nói với Tom.

“Đúng, trong vài phút thôi. Phải rồi. Chắc là cỡ mười phút.” Tom đi về phía ghế lưng thẳng mà Ed đang mời anh ngồi xuống. Anh cảm thấy bà Murchison nhìn theo đôi giày của anh, đôi giày sấp hỏng từng thuộc về Derwatt. Tom cẩn thận ngồi xuống như thể bị thấp khớp, hoặc còn nghiêm trọng hơn. Giờ anh chỉ cách bà Murchison tầm mét rưỡi, bà ta phải quay đầu sang phải một chút để nhìn anh.

“Ông ấy định tới chỗ một anh tên là Ripley ở Pháp. Ông ấy đã viết thư kể với tôi như thế,” bà Murchison nói. “Sau đó ông ấy không hẹn gặp anh à?”

“Không,” Tom nói.

“Anh có tình cờ quen anh Ripley không? Tôi được biết là anh ta có vài bức tranh của anh.”

“Tôi từng nghe nhắc đến anh ta nhưng chưa gặp bao giờ,” Tom nói.



“Tôi sẽ cố gắng gặp anh ta. Sau rốt thì... có thể chồng tôi vẫn ở Pháp. Điều tôi muốn biết là, anh Derwatt, anh có nghĩ rằng có kẻ nào đó làm giả tranh của anh không... Tôi khó mà diễn tả thành lời được. Có kẻ nào nghĩ rằng họ cần phải trừ khử chồng tôi để ngăn ông ấy lật tẩy một vụ làm giả không? Hoặc là vài vụ làm giả?”

Tom chậm rãi lắc đầu. “Theo tôi biết là không.”

“Nhưng anh vẫn ở Mexico.”

“Tôi đã nói chuyện với...” Tom ngẩng lên nhìn Jeff, rồi nhìn sang Ed đang đứng dựa vào bàn. “Phòng triển lãm này không hề biết có vụ lừa đảo hay giả mạo nào cả. Tôi đã xem bức tranh mà chồng bà mua, bà biết đấy. ‘Đồng Hồ.’”

“Và nó đã bị trộm.”

“Phải, tôi cũng nghe nói vậy. Nhưng trọng điểm là nó là tranh của tôi.”

“Chồng tôi đã định cho anh Ripley xem bức tranh đó.”

“Đúng thế,” Webster xen vào. “Anh Ripley đã kể cho tôi nghe về cuộc đối thoại của họ...”

“Tôi biết, tôi biết. Chồng tôi có giả thuyết của ông ấy,” bà Murchison nói đầy vẻ tự hào hoặc can đảm. “Có thể ông ấy nhầm. Tôi thừa nhận mình không phải là chuyên gia hội họa như chồng tôi. Nhưng giả sử ông ấy đúng.” Bà ta chờ một câu trả lời, từ bất kỳ ai.

Tom hy vọng bà ta không biết gì về giả thuyết của chồng mình, hoặc là cũng không hiểu.

“Giả thuyết của ông ấy là gì thế, bà Murchison?” Webster hỏi với vẻ háo hức.

“Có gì đó về màu tím trong các bức tranh gần đây của anh Derwatt - vài bức thôi. Chắc chắn là ông ấy đã thảo luận về điều đó với anh rồi chứ, anh Derwatt?”

“Có,” Tom nói. “Ông ấy nói màu tím trong các bức tranh cũ của tôi sậm hơn. Có thể là như vậy.” Tom cười nhẹ. “Tôi không để ý đến. Nếu giờ

tranh của tôi có màu tím sáng hơn thì tôi nghĩ còn nhiều bức như vậy. Cứ xem bức ‘Bồn Tắm’ ngoài kia đi.” Tom không nghĩ ngợi gì mà nhắc đến một bức tranh được ông Murchison đánh giá là làm giả khá lộ liễu hết như bức “Đồng Hồ” - màu tím trong cả hai bức tranh đều là màu tím cô-ban thuần, theo phong cách cũ.

Không ai có phản ứng.

“Tiện thể,” Tom hỏi Jeff, “sáng nay anh đã cố gọi cho cảnh sát Pháp để báo tôi đã trở lại Luân Đôn còn gì. Anh có gọi được không?”

Jeff nói. “Không. Không, trời ạ, không gọi được.”

Bà Murchison hỏi, “Chồng tôi có nhắc đến ai khác ngoài anh Ripley mà ông ấy định gặp ở Pháp không, anh Derwatt?”

Tom cân nhắc. Có nên bắt đầu đánh lạc hướng không nhỉ? Hoặc cứ thành thật. Tom chọn cách sau, “Theo tôi nhớ là không. Mà ông ấy cũng không hề nhắc đến anh Ripley với tôi”.

“Tôi có thể mời bà dùng trà chứ, bà Murchison?” Ed hòa nhã hỏi.

“À, không cần đâu, cảm ơn anh.”

“Có ai muốn uống trà không? Hay uống rượu sherry?” Ed hỏi.

Không ai muốn hay dám nhận lời uống bất kỳ thứ gì.

Trên thực tế, điều đó có vẻ là dấu hiệu để bà Murchison ra về. Bà ta muốn gọi cho Ripley - bà ta đã lấy được số của anh ta từ thanh tra - và hẹn gặp anh ta.

Jeff, với vẻ lạnh lùng rất hợp ý Tom, hỏi, “Bà Murchison, bà có muốn gọi cho anh ta từ đây không?” ra hiệu về chiếc điện thoại trên bàn làm việc của mình.

“Không, cảm ơn nhiều, nhưng tôi sẽ gọi từ khách sạn của tôi.”

Tom đứng dậy khi bà Murchison ra về.

“Anh đang ở đâu tại Luân Đôn vậy, anh Derwatt?” Thanh tra Webster hỏi.

“Tôi đang ở lại studio của Constant.”

“Tôi có thể hỏi anh đến nước Anh bằng cách nào không?” Một nụ cười rạng rỡ. “Bộ phận Kiểm soát Nhập cảnh không có dữ liệu vào đây của anh.”

Tom cố tình ra vẻ mơ hồ và trầm ngâm. “Giờ tôi đã có hộ chiếu Mexico rồi.” Tom đã lường trước sẽ phải nhận câu hỏi này. “Với cả tôi cũng có một cái tên khác ở Mexico.”

“Anh bay tới đây à?”

“Tôi đi thuyền,” Tom nói. “Tôi không thích máy bay lắm.” Anh chờ Webster hỏi xem anh đã cập cảng ở Southampton hay nơi nào, nhưng anh ta chỉ nói:

“Cảm ơn, anh Derwatt. Tạm biệt.”

Nếu tìm kiếm thì anh ta sẽ thu được gì nhỉ, Tom nghĩ thầm? Có bao nhiêu người từ Mexico đã đến Luân Đôn trong vòng hai tuần vừa qua? Chắc là không nhiều.

Jeff lại đóng cửa lại. Họ im lặng vài giây trong lúc các vị khách rời xa tầm nghe. Jeff và Ed đã nghe thấy những điều anh vừa nói.

“Nếu anh ta muốn tìm kiếm,” Tom nói, “tôi sẽ phải chế tạo vài thứ”.

“Thứ gì cơ?” Ed hỏi.

“À thì... một quyển hộ chiếu Mexico chẳng hạn,” Tom đáp. “Tôi biết... là tôi phải quay lại Pháp ngay lập tức.” Anh nói chuyện bằng giọng Derwatt nhưng giọng nhỏ như tiếng thì thầm.

“Tối nay thì thôi đi, anh nghĩ sao?” Ed nói. “*Chắc chắn* không phải tối nay rồi.”

“Không. Vì tôi đã nói là sẽ đến chỗ Jeff. Hai người không nghe chuyện đó à?”

“Chúa lòng lành,” Jeff nhẹ nhõm nói, nhưng anh ta dùng khăn tay lau gáy.

“Chúng ta đã thành công,” Ed nói, ra vẻ nghiêm túc nhạo báng, vuốt tay xuống mặt.

“Chúa ơi, ước gì chúng ta có thể ăn mừng!” Tom đột nhiên nói. “Làm sao tôi có thể ăn mừng với bộ râu chết dẫm này đây? Mới *trưa nay* thôi tôi còn phải tránh phô-mai rớt vào nó đấy. Tôi phải đeo bộ râu này cả tối nay!”

“Và ngủ cùng nó!” Ed hét lên, loạng quạng vì cười.

“Các quý ông...” Tom đứng thẳng dậy và ngay lập tức lại sụp người xuống. “Tôi cần thiết phải mạo hiểm gọi điện cho Heloise. Tôi có thể không, Jeff? Sử dụng hệ thống điện thoại đường dài không qua tổng đài, hy vọng nó không quá nổi bật trên hóa đơn của anh. Nếu thế thì quá tệ vì tôi cảm thấy cuộc gọi này rất cần thiết.” Tom nhắc điện thoại lên.

Jeff pha trà và đặt thêm một chai rượu whiskey lên khay cho hấp dẫn.

Bà Annette nghe máy, dù Tom đã hy vọng không phải. Anh dùng giọng nữ và hỏi bằng thứ tiếng Pháp tệ hơn tiếng Pháp của mình rằng bà Ripley có nhà không. “Suýt!” Tom nói với Jeff và Ed, hai người vẫn đang cười. “Xin chào, Heloise.” Anh nói bằng tiếng Pháp. “Anh phải nói ngắn gọn, em yêu của anh. Nếu có người gọi điện đòi nói chuyện với anh thì em nhớ là anh đang ở Paris với bạn... Anh nghĩ sẽ có một người phụ nữ gọi cho em, một người chỉ nói tiếng Anh, anh cũng không chắc. Em phải báo số giả của anh ở Paris... cứ bịa ra... Cảm ơn em yêu... anh nghĩ là chiều mai, nhưng em không được phép cho vị phu nhân người Mỹ đó biết chuyện này nhé... và cũng đừng kể cho bà Annette là anh đang ở Luân Đôn...”

Khi dập máy, Tom hỏi Jeff là anh có thể xem qua chỗ sổ sách mà anh ta nói là họ đã làm giả không, và Jeff mang chúng ra. Đó là hai quyển sổ cái, một quyển hơi cũ, quyển còn lại mới hơn. Tom cúi người đọc chúng vài phút, đọc tiêu đề tranh cùng ngày tháng. Jeff viết rất thoáng, và các bức tranh của Derwatt cũng không chiếm ưu thế do Buckmaster Gallery còn giao dịch với các họa sĩ khác nữa. Jeff đã viết thêm tiêu đề bằng các màu mực khác sau vài mốc ngày tháng vì không phải lúc nào Derwatt cũng đặt tên cho các bức tranh của mình.

“Tôi thích cái trang có vết ố trà,” Tom nói.

Jeff cười toe toét. “Đóng góp của Ed đấy. Hai ngày tuổi.”

“Nói đến việc ăn mừng,” Ed nói, vỗ nhẹ tay, “sao không đến bữa tiệc của Michael tối nay nhỉ? Mười rưỡi, anh ta bảo vậy. Đường Holland Park”.

“Chúng tôi sẽ cân nhắc chuyện đó,” Jeff nói.

“Chỉ hai mươi phút thôi?” Ed tràn trề hy vọng hỏi.

Bức “Bồn Tắm” được liệt kê trong danh sách các bức tranh mới nhất một cách chính xác, Tom thấy, hẳn không thể trốn tránh điều đó. Quyển sổ chủ yếu chứa thông tin về tên và địa chỉ của người mua hàng, mức giá mà họ đã trả, số liệu bán hàng là thật, ngày nhận hàng thỉnh thoảng là giả mạo, Tom đoán vậy, nhưng nhìn tổng thể thì anh nghĩ Jeff và Ed đã làm khá tốt. “Và viên thanh tra đã xem sổ sách này chứ gì?”

“Đúng thế,” Jeff nói.

“Anh ta không hỏi han gì chứ Jeff?” Ed hỏi.

“Không.”

*Vera Cruz... Vera Cruz... Southampton... Vera Cruz...*

Nếu nó đã được chấp thuận thì nhất định là êm thấm rồi, Tom nghĩ vậy.

Họ chào tạm biệt Leonard - đằng nào thì cũng gần đến giờ đóng cửa rồi - và lên tắc-xi tới studio của Jeff. Tom cảm thấy cả hai người họ nhìn anh như thể anh là một người có phép thuật vậy: nó khiến Tom thấy thích thú nhưng theo một cách nào đó thì anh cũng không thích như vậy. Chắc họ nghĩ anh là một vị thánh, có khả năng cứu chữa cây chết chỉ bằng cách chạm vào nó, có thể chữa chứng đau đầu chỉ bằng một cái phẩy tay, có thể đi trên mặt nước. Nhưng Derwatt thì không thể làm vậy được, hoặc có thể là không muốn. Vậy nhưng giờ Tom là Derwatt.

“Tôi muốn gọi cho Cynthia,” Tom nói.

“Cô ấy làm việc đến bảy giờ. Văn phòng đầy kỳ cục lắm,” Jeff nói.

Tom gọi điện cho Air France trước và đặt chuyến bay về lúc một giờ chiều mai. Anh có thể lấy vé ở sân bay. Tom quyết định ở lại Luân Đôn vào

sáng mai, phòng trường hợp có chuyện khó khăn phát sinh. Không thể để Derwatt trông như lại đang vội vã chạy trốn được.

Tom uống trà thêm đường và ngả người trên tràng kỷ của Jeff, đã bỏ áo khoác và cà vạt, nhưng vẫn đeo bộ râu phiền phức, “ước gì tôi có thể khiến Cynthia đón nhận Bernard trở lại,” Tom dăm chiêu nói, như thể anh chính là Chúa trong một phút yếu đuối.

“Vì sao?” Ed hỏi.

“Tôi e là Bernard có thể hủy hoại chính mình. Tôi ước gì biết được anh ta đang ở đâu.”

“Ý anh là hủy hoại về mặt thể xác? Tự sát à?” Jeff hỏi.

“Phải,” Tom nói. “Tôi đã bảo với các anh... tôi nghĩ vậy. Tôi không kể chuyện này cho Cynthia. Tôi nghĩ như thế không công bằng. Có khác gì tổng tiền đâu - để bắt cô ấy chấp nhận anh ta trở lại. Và tôi chắc chắn là Bernard không thích như vậy.”

“Ý anh là anh ta sẽ tự sát ở đâu đó sao?” Jeff nói.

“Đúng, ý tôi là thế đấy.” Tom vốn không định kể về hình nộm trong nhà anh, nhưng giờ anh nghĩ sao lại không? Thỉnh thoảng sự thật, dù nguy hiểm đến đâu, cũng có thể chuyển thành lợi thế để tiết lộ một chuyện mới, quan trọng hơn. “Anh ta đã treo cổ bản thân trong hầm rượu nhà tôi - dùng hình nộm. Tôi nói anh ta treo cổ bản thân vì anh ta chỉ là một đồng quần áo mà thôi. Anh ta đặt tên cho nó là ‘Bernard Tufts’. Bernard ngày xưa, kẻ vẽ tranh giả, các anh hiểu không. Mà cũng có thể là người thật. Trong đầu Bernard thì chúng loạn hết cả lên.”

“Trời! Anh ta loạn trí thật rồi nhỉ?” Ed nói, nhìn sang Jeff.

Cả Jeff và Ed đều trợn trừng mắt, Jeff thì có vẻ tính toán hơn. Chẳng lẽ phải đến giờ họ mới nhận ra rằng Bernard Tufts sẽ không vẽ thêm một bức Derwatt nào nữa à?

Tom nói, “Tôi đang phỏng đoán thôi. Không cần thiết phải rối lên trước khi chuyện đó xảy ra. Nhưng các anh thấy đấy...” Tom đứng dậy. Anh dợm nói, *chuyện quan trọng là Bernard nghĩ anh ta đã giết chết tôi.*

Nhưng Tom lại băn khoăn *liệu* nó có quan trọng thật không? Nếu có thì quan trọng như thế nào? Tom nhận ra là anh thấy mừng vì không có nhà báo nào ở hiện trường để đăng tin ngày mai là “Derwatt đã trở lại”, vì nếu Bernard đọc được tin đấy trên báo, anh ta sẽ biết là Tom bằng cách nào đó đã thoát ra khỏi mộ, vẫn còn sống. Điều ấy, theo một nghĩa nào đó, có thể lại tốt cho Bernard, vì anh ta sẽ giảm khả năng tự sát nếu nghĩ là mình chưa giết được Tom Ripley. Mà thật sự thì nó có quan trọng trong trạng thái suy nghĩ rối bời của Bernard hiện giờ không? Cái gì là đúng mà cái gì là sai?

Sau bảy giờ, Tom gọi cho Cynthia theo số công ty Bayswater. “Cynthia - trước khi đi, tôi muốn nói - trong trường hợp tôi gặp lại Bernard, ở bất kỳ đâu đi nữa, tôi có thể nói cho anh ấy biết một chuyện nhỏ, đó là...”

“Đó là gì?” Cynthia hỏi, ngắn gọn, đẩy về phòng thủ, hoặc ít nhất là tự vệ, trước Tom.

“Là cô sẽ đồng ý gặp lại anh ấy. Ở Luân Đôn. Cô biết đấy, nếu tôi có thể nói một tin tích cực như thế cho anh ấy nghe thì tuyệt lắm. Anh ấy đang rất trầm cảm.”

“Nhưng tôi thấy việc gặp lại anh ấy không có nghĩa lý gì cả,” Cynthia nói.

Qua giọng cô ta, Tom nghe thấy tường thành bảo vệ các lâu đài, nhà thờ, tầng lớp trung lưu. Những tảng đá màu xám và be, không thể lay chuyển. Tác phong đứng đắn. “Trong *bất* kỳ hoàn cảnh nào cô cũng không muốn gặp lại anh ấy sao?”

“Tôi e là không. Tôi càng không dây dưa thì càng dễ dàng hơn. Đối với Bernard cũng vậy.”

Chấm hết. Lạnh lùng. Nhưng hành vi đó cũng thật nhỏ mọn, cực kỳ nhỏ mọn. Ít nhất thì Tom cũng hiểu tình thế hiện giờ. Một cô gái đã bị từ chối, phụ tình, vứt bỏ, chia tay - cách đây ba năm. Chính Bernard là người đã chủ động chia tay. Cứ để Bernard, trong trạng thái tốt nhất, cố gắng cứu vãn điều đó. “Được rồi, Cynthia.”

Tom tự hỏi liệu lòng kiêu hãnh của cô ta có sung sướng không khi biết Bernard sẽ lại tự treo cổ vì mình?

Jeff và Ed đã vào phòng ngủ của Jeff bàn chuyện và không hề nghe thấy cuộc đối thoại của anh, nhưng họ hỏi Tom Cynthia đã nói gì.

“Cô ta không muốn gặp lại Bernard nữa,” Tom nói.

Có vẻ cả Jeff và Ed đều không lường được hậu quả của chuyện này.

Tom nói, để chấm dứt vấn đề, “Tất nhiên, bản thân tôi chắc cũng sẽ không bao giờ gặp lại Bernard nữa”.



## CHƯƠNG 20

Họ tới dự bữa tiệc của Michael. Michael nào? Họ đến vào tầm nửa đêm. Nửa số khách khứa đã ngà ngà say và Tom không thể nhìn thấy một ai có vẻ quan trọng, theo anh đoán. Tom ngồi trong một chiếc ghế sâu, dưới một cái đèn, cầm một cốc rượu scotch cao và nước, tán gẫu với vài người có vẻ hơi khiếp sợ anh, hay ít nhất cũng tỏ ra kính nể. Jeff vẫn để mắt đến anh từ bên kia phòng.

Căn phòng trang trí toàn màu hồng và đầy những chiếc tua rua lớn. Ghế trông như bánh trứng đường. Phụ nữ mặc váy ngắn đến mức mắt của Tom - không quen với phong cách này - bị thu hút với các đường may rắc rối của các đôi tất dài đủ màu sắc - rồi thấy chán ghét. Ngu ngốc, Tom nghĩ. Điên thật rồi. Hay anh đang đánh giá họ theo mắt của Derwatt nhỉ? Liệu người ta có thể tưởng tượng ra những phần da thịt có thể chạm vào được sau những đôi tất toàn là chỉ và thỉnh thoảng thấy cả quần lót nữa không? Ngực lộ ra rõ mồn một khi các cô gái cúi người xuống châm thuốc lá. Người ta nên nhìn vào nửa nào đây? Đưa mắt lên cao hơn, Tom giật mình bởi một đôi mắt tròn nâu. Một cái miệng không tô son dưới đôi mắt đó hỏi:

“Derwatt... anh có thể cho em biết anh sống ở đâu ở Mexico không? Em không mong nhận được câu trả lời thật nhưng nửa đùa nửa thật cũng được.”

Qua cặp kính không độ, Tom đánh giá cô ta với vẻ bối rối trầm tư, như thể anh đang vận động nửa bộ não tài ba của mình để trả lời câu hỏi cô ta vừa đặt ra, nhưng thực tế thì anh chỉ thấy chán. Anh chỉ thích những chiếc

váy dài trên đầu gối của Heloise, hoàn toàn không trang điểm, lông mi trông không giống một đồng giáo mác chĩa về phía anh, Tom nghĩ. “À thì,” anh nói, trầm tư mà thực ra chẳng nghĩ gì hết. “Nam Durango.”

“Durango là ở đâu thế?”

“Phía bắc thành phố Mexico. Không, tất nhiên tôi không thể cho cô biết tên ngôi làng tôi sống. Đó là một cái tên Aztec dài loằng ngoằng. Ah ha ha ha.”

“Chúng tôi đang tìm một chỗ nguyên sơ. Chúng tôi nghĩa là chồng tôi, Zach, và chúng tôi có hai con nhỏ.”

“Cô có thể thử Puerto Vallarta,” Tom nói, và được giải cứu, hoặc ít nhất thì được Ed Banbury vẫy tay ra hiệu từ xa. “Thứ lỗi nhé,” Tom nói và nhắc người lên khỏi chiếc bánh trứng đường trắng.

Ed nghĩ đã đến lúc họ chuồn về rồi. Tom cũng thấy vậy. Jeff đang thuận lợi kết bạn, nở nụ cười thoải mái, tán gẫu. Đáng tuyên dương, Tom nghĩ thầm. Người già, người trẻ đều chỉ quan sát Tom, có thể là không dám tiếp cận, có thể là không muốn.

“Chúng ta nên chuồn chưa?” Tom nói khi Jeff về chỗ họ.

Tom khăng khăng đòi gặp chủ nhân bữa tiệc, người mà anh đã không gặp hoặc nhìn thấy suốt một tiếng đồng hồ anh dự tiệc. Michael là người mặc chiếc áo parka màu đen dày cộp, mũ bỏ xuống. Anh ta không cao lắm và có mái tóc đen cắt đầu đinh. “Derwatt, anh chính là viên đá quý trên vương miện của tôi tối nay! Tôi không thể diễn tả hết cảm giác hài lòng của mình lúc này cũng như biết ơn đối với mấy gã...”

Đoạn còn lại chìm chìm trong tiếng ồn.

Bắt tay và cuối cùng cửa cũng khép lại.

“Chà,” Jeff nói qua vai khi họ đã an toàn đi hết một tầng cầu thang. Anh ta thì thào nói nốt. “Lý do duy nhất chúng tôi đến dự bữa tiệc này là vì người ở đó không quan trọng.”

“VẬY NHƯNG THEO MỘT NGHĨA NÀO ĐÓ THÌ HỌ QUAN TRỌNG CHỨ,” Ed nói. “HỌ VẪN LÀ NGƯỜI MÀ. THÊM MỘT THÀNH CÔNG NỮA TỐI NAY!”

Tom cho qua. ĐÚNG LÀ KHÔNG CÓ AI GIẬT RÊU ANH RA HẾT.

Họ thả Ed xuống đầu đó trên đường tắc-xi về.

Sáng ra, Tom ăn sáng trên giường, ý tưởng của Jeff để bù đắp chút ít cho anh vì phải ăn qua bộ râu. Sau đó Jeff ra ngoài để lấy thứ gì đó từ một cửa hàng bán đồ cho nhiếp ảnh gia, báo là anh ta sẽ quay lại lúc mười rưỡi - dù tất nhiên anh ta không thể đưa Tom tới ga West Kensington được. Mười rưỡi thành mười một giờ. Tom vào phòng tắm và bắt đầu cẩn trọng tháo bộ râu ra.

Điện thoại reo.

Suy nghĩ đầu tiên của Tom là đừng nghe máy. Nhưng không phải như thế sẽ có vẻ hơi kỳ quặc sao? Thậm chí là lảng tránh.

Tom chuẩn bị tinh thần chờ Webster và nghe máy, dùng giọng của Derwatt. “Vâng? Xin chào?”

“CÓ ANH CONSTANT Ở ĐÓ KHÔNG?... HAY ĐÂY LÀ DERWATT ĐÂY?... ÔI, TỐT QUÁ, THANH TRA WEBSTER ĐÂY. KẾ HOẠCH CỦA ANH LÀ GÌ THẾ, ANH DERWATT?” Webster dùng giọng dễ chịu thường ngày để hỏi.

Tom không có kế hoạch nào cả, đối với thanh tra Webster. “À... TÔI ĐỊNH VỀ TRONG TUẦN NÀY. VỀ VỚI CÁC MỎ MUỐI.” Tom cười khẽ. “VÀ SỰ YÊN BÌNH.”

“ANH CÓ THỂ... CÓ THỂ GỌI CHO TÔI TRƯỚC KHI ĐI KHÔNG, ANH DERWATT?” Webster báo số điện thoại, cộng thêm số máy lẻ, và Tom ghi lại.

Jeff trở về. Tom đã cầm sẵn va-li trong tay, hăm hở muốn ra về. Họ chào tạm biệt nhau một cách ngắn gọn, thậm chí Tom còn có phần qua loa có lệ, dù họ biết, cả hai đều biết là hạnh phúc của mình phụ thuộc vào người kia.

“Tạm biệt. Chúa phù hộ cho anh.”

“Tạm biệt.”

Kệ cha Webster đi.

Không lâu sau, Tom đã ngồi trong khoang máy bay, bầu không khí giả tạo, nghèo khổ của các tiếp viên tươi cười, những tấm thẻ màu vàng và trắng ngu ngốc phải điền, những cái khuỷu tay mặc vest sát sần sật đến mức khó chịu, tất cả khiến Tom phải rúm người lại tránh. Anh ước mình đã đi khoang hạng nhất.

Anh có cần báo cho ai biết nơi anh, Tom Ripley, đã ở tại Paris không nhỉ? Ít nhất là đêm qua chẳng hạn? Tom có một người bạn sẽ làm chứng cho anh, nhưng anh không muốn lôi kéo thêm người khác vào cuộc vì cũng đã quá đủ người liên đới rồi.

Máy bay cất cánh, dốc thẳng lên. Tom thấy thật nhàm chán khi phải bay với tốc độ vài trăm dặm một giờ, chẳng nghe thấy gì nhưng lại khiến những kẻ bất hạnh sống bên dưới phải chịu tiếng ồn. Chỉ có tàu hỏa mới khiến Tom phấn khích. Chuyển tàu đi một mạch từ Paris lắt lự trên các hàng ray trơn tru đi qua nhà ga ở Melun - tàu di chuyển nhanh đến mức người ta không thể đọc được tên tiếng Pháp và tiếng Ý hai bên tàu. Có lần Tom suýt nữa đã đi qua một đường tàu không được phép đi qua. Đường tàu lúc đó trống không, cả nhà ga im ắng. Tom quyết định không mạo hiểm và chỉ mười lăm giây sau, hai con tàu cao tốc bằng crom băng qua nhau, lao như điên, và Tom đã tưởng tượng ra cảnh bị chúng nuốt chửng, cơ thể và va-li của anh bị xé ra ném về nhiều hướng khác nhau, không thể nhận dạng được. Tom lại nghĩ đến nó và nhăn nhó trong máy bay phản lực. Ít nhất thì anh thấy mừng vì bà Murchison không có trên chuyến bay này. Anh thậm chí còn liếc nhìn xung quanh để tìm bà ta khi lên khoang.

# CHƯƠNG 21

Đã đến Pháp và khi máy bay hạ cánh, các chóp cây bắt đầu trông như những chấm màu xanh sẫm và nâu được thêu trên thảm, hoặc như những con ếch trang trí lộng lẫy trên áo choàng ngủ của Tom ở nhà. Anh ngồi trong chiếc áo mưa mới xấu xí của mình. Ở sân bay Orly, đội kiểm soát hộ chiếu liếc nhìn anh rồi nhìn tấm ảnh trong hộ chiếu Mackay của anh, nhưng không đóng dấu gì hết - họ cũng không hề đóng dấu khi anh rời khỏi sân bay Orly tới Luân Đôn trước đó. Có vẻ chỉ có giám sát viên ở Luân Đôn đóng dấu mà thôi. Tom đi qua hàng “không có gì cần khai báo” và nhảy lên một chiếc tắc-xi về nhà.

Anh về đến Belle Ombre trước ba giờ chiều. Trong tắc-xi, anh đối ngời lại bình thường và vắt áo mưa trên tay.

Heloise có ở nhà. Lò sưởi đang chạy. Đồ gỗ và sàn nhà sáng loáng lên với sáp. Bà Annette mang túi của anh lên gác. Sau đó Tom và Heloise hôn nhau.

“Anh đã làm gì ở Hy Lạp thế?” Cô hỏi có phần lo lắng. “Rồi lại sang cả Luân Đôn nữa?”

“Anh đi tìm tòi thôi,” Tom nói, mỉm cười.

“Tìm *gã điên* đó. Anh có gặp anh ta không? Đầu anh thế nào rồi?” Cô xoay vai anh lại.

Nó chỉ còn hơi đau. Tom thấy hết sức nhẹ nhõm khi Bernard không xuất hiện và khiến Heloise hoảng hốt. “Người phụ nữ Mỹ ấy có gọi điện không?”

“À, có. Bà Murchison. Bà ta biết một ít tiếng Pháp, nhưng buồn cười lắm. Sáng nay bà ta đã gọi điện từ Luân Đôn. Bà ta sẽ đến sân bay Orly lúc ba giờ chiều nay và muốn gặp anh. Chắc, chết tiệt thật, mấy người này là ai?”

Tom nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Máy bay của bà Murchison chắc sẽ hạ cánh trong vòng mười phút nữa.

“Anh yêu, anh có muốn uống trà không?” Heloise dẫn anh tới chỗ sofa vàng. “Anh có gặp lại cái gã Bernard đó ở đâu không?”

“Không. Anh muốn rửa tay. Chờ một phút nhé.” Tom đi vào phòng vệ sinh tầng một và rửa tay cùng mặt. Anh hy vọng bà Murchison sẽ không muốn đến Belle Ombre mà chỉ cần gặp anh ở Paris là được rồi, mặc dù Tom ghét ý nghĩ phải tới Paris hôm nay.

Khi Tom vào phòng khách thì bà Annette cũng đang đi xuống nhà. “Cái răng nổi tiếng của bà thế nào rồi? Tôi hy vọng là đã đỡ hơn rồi?”

“Đỡ rồi thưa anh Tome. Sáng nay tôi đã tới khám chỗ vị nha sĩ ở Fontainebleau và ông ấy đã lấy tủy ra. Ông ấy *thật sự* lấy tủy ra đấy. Tôi phải quay lại vào thứ Hai.”

“Ước gì tất cả chúng ta đều có thể lấy tủy ra! Lấy toàn bộ ra! Giờ bà có thể tin chắc là sẽ không còn đau đớn nữa!” Tom hầu như không ý thức được mình đang nói gì. Anh có nên gọi cho Webster không nhỉ? Tom đã cảm giác là tốt hơn *không* nên gọi cho anh ta trước khi đi vì như thế có vẻ anh đang quá nghe lệnh cảnh sát. Một người vô tội chẳng thèm gọi điện làm gì, đó là lập luận của Tom.

Anh và Heloise uống trà.

“Noelle muốn biết chúng ta có thể tới dự một bữa tiệc vào tối thứ Ba không,” Heloise nói. “Hôm đó là sinh nhật của cậu ấy.”

Noelle Hassler, bạn thân của Heloise ở Paris, tổ chức những bữa tiệc vui nhộn. Nhưng Tom đang nghĩ đến Salzburg, nghĩ đến chuyện tới đó ngay lập tức vì anh đã quyết định là Bernard có thể chọn Salzburg làm

điểm đến. Nhà của Mozart, một nghệ sĩ đã chết trẻ khác. “Em yêu, em phải đi chứ. Anh thì không chắc mình sẽ ở đây.”

“Vì sao?”

“Vì... giờ có thể anh phải tới Salzburg.”

“Ở Áo à? Không phải lại đi tìm gã điên đó chứ! Chẳng mấy nữa anh sẽ chạy tới tận Trung Quốc mất!”

Tom lo lắng liếc nhìn điện thoại. Bà Murchison chuẩn bị gọi tới. Khi nào? “Em đã cho bà Murchison một số điện thoại ở Paris để bà ta có thể gọi cho anh à?”

“Đúng thế,” Heloise nói. “Một số tự bịa.” Cô vẫn đang dùng tiếng Pháp và dần cáu kỉnh hơn với anh.

Tom tự hỏi anh dám giải thích bao nhiêu cho Heloise đây? “Và em bảo bà ta là anh sẽ về nhà - khi nào?”

“Em nói là em không biết.”

Điện thoại reo. Nếu là bà Murchison thì bà ta đang gọi từ sân bay Orly.

Tom đứng dậy. “Chuyện quan trọng phải nhớ,” anh vội vã nói bằng tiếng Anh vì bà Annette đang tiến vào, “là anh không hề đến Luân Đôn. Cực kỳ quan trọng đấy, em yêu. Anh chỉ ở Paris thôi. Nếu chúng ta phải gặp bà Murchison thì đừng nhắc gì đến Luân Đôn nhé”.

“Bà ta sẽ tới đây à?”

“Anh hy vọng là không.” Tom nhắc điện thoại lên. “Xin chào... Vâng... Chào bà, bà Murchison.” Bà ta muốn đến gặp anh. “Tất nhiên, như vậy được chứ, nhưng tôi đến Paris thì có tiện cho bà hơn không?... Phải, cũng khá xa, xa hơn từ sân bay Orly đến Paris...” Anh chẳng may mắn chút nào. Anh có thể khiến bà ta chùn bước bằng cách chỉ đường thật rắc rối, nhưng anh cũng không muốn khiến người đàn bà bất hạnh ấy gặp thêm bất tiện nào. “VẬY cách dễ nhất là đi tắc-xi.” Tom chỉ đường cho bà ta tới nhà anh.

Tom cố giải thích cho Heloise hiểu. Bà Murchison sẽ đến đây sau một tiếng nữa và muốn nói chuyện với anh về chồng bà ta. Bà Annette đã rời khỏi phòng nên Tom có thể nói chuyện với Heloise bằng tiếng Pháp, dù bà Annette có nghe lỏm đi nữa thì anh cũng không quan tâm. Trước khi bà Murchison gọi điện, Tom đã chột nghĩ hay là kể cho Heloise lý do anh tới Luân Đôn, giải thích cho cô biết là anh đã hai lần đóng giả làm Derwatt, người họa sĩ đã chết. Nhưng thời điểm này không phải là lúc thích hợp để nhồi từng ấy thông tin vào đầu cô. Nếu họ thành công vượt qua chuyến thăm của bà Murchison thì Tom cũng chẳng dám đòi hỏi nhiều hơn từ Heloise.

“Nhưng có chuyện gì đã xảy ra với chồng bà ta thế?” Heloise hỏi.

“Anh cũng chịu, em yêu. Nhưng bà ta đã tới Pháp và theo lẽ tự nhiên bà ta muốn nói chuyện với...” Tom không muốn nói là người cuối cùng đã gặp chồng bà ta. “Bà ta muốn xem nhà chúng ta vì đây là nơi cuối cùng chồng bà ta đến. Anh đã đưa ông ta đến sân bay Orly từ đây.”

Heloise đứng dậy và cơ thể cô thể hiện sự nóng nảy. Nhưng cô không ngu ngốc đến mức làm loạn lên. Cô sẽ không tỏ ra không thể kiểm soát hay vô lý. Chuyện đó sẽ đến sau.

“Anh biết em định nói gì. Em không muốn bà ta ở lại đây đến tối. Được thôi. Bà ta sẽ không được mời ăn tối. Chúng ta có thể nói là chúng ta có hẹn. Nhưng anh buộc phải mời bà ta uống trà hay rượu hoặc cả hai. Anh tính - bà ta sẽ không ở đây quá một tiếng đồng hồ và anh sẽ xử sự lịch sự. Và biết điều.”

Heloise nhượng bộ.

Tom về phòng mình trên gác. Bà Annette đã dọn hết đồ trong va-li của anh ra và cất va-li đi, nhưng có vài thứ không ở đúng chỗ thường ngày của chúng, nên Tom trả chúng về vị trí vốn có khi anh ở Belle Ombre vài tuần liên tục. Anh tắm tấp rồi mặc quần flannel màu xám, áo sơ mi và áo len, và anh lấy một chiếc áo khoác bằng vải tweed ra khỏi tủ đồ, phòng trường hợp bà Murchison có ý muốn đi dạo trên bãi cỏ.



Bà Murchison đến nhà.

Tom đi ra cửa trước để đón bà ta và bảo đảm tắc-xi thu tiền thích đáng. Bà Murchison có tiền Pháp và tip quá tay cho tài xế nhưng Tom mặc kệ.

“Đây là vợ tôi, Heloise,” Tom nói. “Đây là bà Murchison - đến từ Mỹ.”

“Chào cô.”

“Chào bà.” Heloise nói.

Bà Murchison nhận lời uống một tách trà. “Tôi mong hai người lượng thứ vì đã tự ý tới đây đột ngột như vậy,” bà ta nói với Tom và Heloise, “nhưng đây là một vấn đề quan trọng... và tôi muốn gặp hai người ngay khi có thể”.

Giờ tất cả đã ngồi xuống, bà Murchison ngồi trên sô-pha vàng, Tom ngồi trên một cái ghế lưng thẳng, Heloise cũng vậy. Cô ra cái vẻ không mấy hứng thú với chuyện này nhưng vì lịch sự nên mới ở lại, rất xuất sắc. Nhưng Tom biết là cô khá hứng thú.

“Chồng tôi...”

“Tom, ông ấy đã bảo tôi hãy gọi ông ấy như vậy,” Tom nói, mỉm cười. Anh đứng dậy. “Ông ấy đã xem hai bức tranh này. Ở bên phải tôi là bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’. Sau lưng bà là bức ‘Đôi Ghế Đỏ’. Đó là bức tranh cũ.” Tom mạnh dạn nói. Kệ cha sự đúng mực, đạo đức, tử tế, sự thật, luật pháp, hay thậm chí là số mệnh, việc thành hay bại quyết định tương lai của anh. Hoặc anh thành công ngay bây giờ, hoặc không. Nếu bà Murchison muốn đi tham quan nhà anh thì bà ta có thể xuống cả tầng hầm nếu muốn, Tom cũng chẳng quan tâm. Anh chờ bà Murchison đặt câu hỏi, có thể là chồng bà ta nghĩ gì về tính xác thực của các bức tranh này.

“Anh đã mua chúng từ Buckmaster à?” Bà ta hỏi.

“Phải, cả hai bức.” Tom liếc nhìn Heloise, cô đang hút một điếu thuốc loại Gitane Mais mà rất hiếm khi cô hút. “Vợ tôi hiểu tiếng Anh,” Tom nói.

“Cô có ở đây khi chồng tôi đến chơi không?”

“Không, lúc đó tôi ở Hy Lạp,” Heloise đáp lại. “Tôi không hề gặp chồng bà.”

Bà Murchison đứng dậy và nhìn hai bức tranh, Tom bật thêm hai cây đèn ngoài những bóng đèn sẵn có để bà ta có thể nhìn rõ chúng hơn.

“Tôi thích nhất bức ‘Người Ngồi Trong Ghế’,” anh nói. “Đó là lý do nó được treo trên lò sưởi.”

Bà Murchison có vẻ cũng thích nó.

Tom chờ bà ta nói vài chuyện liên quan đến lý thuyết của chồng bà ta về việc Derwatt bị giả mạo tranh. Bà ta không nói gì. Bà ta cũng không bình luận gì về màu oải hương hay màu tím ở cả hai bức tranh. Bà Murchison cũng chỉ hỏi những câu tương tự thanh tra Webster, như là chồng bà ta có khỏe khi ra về không, ông ta có hẹn với ai nữa không.

“Ông ấy có vẻ rất phấn khởi,” Tom nói, “và ông ấy cũng không đề cập đến một cuộc hẹn nào, như tôi đã nói với thanh tra Webster. Điều kỳ lạ là bức tranh của chồng bà bị trộm mất. Ông ấy đã mang nó đến sân bay Orly, được bọc cẩn thận”.

“Phải, tôi biết.” Bà Murchison đang hút một điếu Chesterfield của mình. “Bức tranh vẫn chưa được tìm thấy. Cả chồng tôi lẫn hộ chiếu của ông ấy cũng chung tình trạng.” Bà ta mỉm cười. Bà ta có một khuôn mặt dễ chịu, tử tế, hơi đầy đặn, giúp đẩy lùi các nếp nhăn tuổi tác.

Tom rót thêm một tách trà cho bà ta. Bà Murchison đang nhìn Heloise. Đánh giá? Tự hỏi cô nghĩ sao về toàn bộ chuyện này? Tự hỏi cô biết bao nhiêu? Tự hỏi liệu ở đây có gì đáng để biết không? Hay cô sẽ về phe nào nếu chồng mình có tội?

“Thanh tra Webster bảo tôi rằng anh là bạn của Dickie Greenleaf, người đã bị giết ở Ý,” bà Murchison nói.

“Đúng thế,” Tom nói. “Nhưng anh ấy không bị giết, đó là một vụ tự tử. Lúc ấy tôi đã quen anh ấy được khoảng năm tháng - chắc phải sáu tháng.”

“Nếu anh ta không tự tử - tôi nghĩ thanh tra Webster có vẻ hoài nghi điều đó - vậy ai có thể giết anh ta? Và vì lí do gì?” Bà Murchison hỏi. “Anh có suy nghĩ gì về chuyện này không?”

Tom đứng dậy và anh đứng vững hai chân trên sàn, nhấp trà. “Tôi chẳng có suy nghĩ gì về vấn đề đó hết. Dickie đã tự tử. Tôi không nghĩ là anh ấy tìm được lối đi của mình - với tư cách họa sĩ, và chắc chắn là không thuộc về công ty của cha anh ấy. Đóng tàu hay đóng thuyền cũng thế. Dickie có vô số bạn bè, nhưng không có người bạn nào ác độc cả.” Tom dừng lại, và tất cả mọi người ngừng theo anh. “Dickie chẳng có lý do gì để có kẻ thù hết,” anh nói thêm.

“Chồng tôi cũng không - trừ phi có khả năng tranh của Derwatt thật sự đang bị làm giả.”

“Chuyện đó thì tôi chịu không biết, khi sống ở đây như thế này.”

“Hẳn là có một phi vụ lừa đảo nào đó.” Bà ta nhìn sang Heloise. “Tôi hy vọng cô hiểu những gì chúng tôi đang bàn, phu nhân Ripley.”

Tom chuyển ngữ cho Heloise bằng tiếng Pháp, “Bà Murchison băn khoăn không biết có băng lừa đảo nào... liên quan đến tranh vẽ của Derwatt không”.

“Em hiểu,” Heloise nói.

Cô thấy hồ nghi vụ Dickie, Tom biết. Nhưng anh cũng biết là mình có thể dựa vào cô. Kỳ cục thay bản thân Heloise cũng có hơi hướm lừa đảo. Dầu sao đi nữa, trước mặt một người lạ, cô sẽ không tỏ ra hoài nghi những gì anh nói.

“Bà có muốn tham quan tầng trên không?” Tom hỏi bà Murchison. “Hoặc khu đất trước khi trời tối?”

Bà ta nhận lời.

Bà ta và Tom đi lên tầng. Bà Murchison mặc một chiếc váy len màu xám nhạt. Bà ta rần rỏi - có thể bà ta cưỡi ngựa hoặc chơi golf - dù không ai dám nói bà ta béo. Người ta không bao giờ bảo những người phụ nữ chơi thể thao vạm vỡ là béo, dù không béo thì họ còn là gì được nữa?

Heloise đã từ chối đi cùng họ. Tom dẫn bà Murchison vào phòng ngủ dành cho khách của anh, mở cửa thật rộng và bật đèn lên. Rồi với phong thái thoải mái và cởi mở, anh chỉ cho bà ta xem nốt các phòng trên gác, vào cả phòng của Heloise, cửa phòng được anh mở ra nhưng không bật đèn vì có vẻ bà Murchison không mấy hứng thú xem.

“Cảm ơn anh,” bà Murchison nói, và họ đi xuống nhà.

Tom thấy thương tiếc bà ta. Anh thấy có lỗi vì đã giết chồng bà ta. Nhưng, anh tự nhủ, anh không được phép trách bản thân vì chuyện đó vào lúc này: nếu làm vậy thì anh chẳng khác gì Bernard, người muốn thú nhận tất cả mọi chuyện dù ảnh hưởng đến nhiều người khác. “Bà có gặp Derwatt ở Luân Đôn không?”

“Có, tôi đã gặp anh ta,” bà Murchison nói, lại ngồi xuống sô-pha, nhưng giờ chỉ ngồi ở phía mép.

“Anh ta thế nào? Tôi suýt nữa đã được gặp anh ta hôm khai mạc triển lãm.”

“À, anh ta có râu... Cũng dễ chịu nhưng không nói nhiều,” bà ta kết thúc, không có hứng thú với Derwatt. “Anh ta nói rằng không nghĩ tranh của mình đang bị làm giả... và anh ta cũng đã nói vậy với Tommy.”

“Phải, tôi nhớ chồng bà cũng đã kể với tôi như vậy. Bà tin lời Derwatt chứ?”

“Tôi nghĩ vậy. Derwatt có vẻ thành thật. Người ta còn có thể nói gì được nữa?” Bà ta ngả người dựa vào sô-pha.

Tom tiến lên một bước. “Thêm trà? Hay là scotch?”

“Tôi nghĩ mình muốn uống scotch, cảm ơn anh.”

Tom đi vào bếp lấy đá. Heloise vào cùng và giúp anh.

“Vụ Dickie là sao?” Cô hỏi.

“Không có gì đâu,” anh nói. “Anh sẽ kể cho em nếu có chuyện gì đó. Bà ta biết anh là bạn của Dickie thôi. Em có muốn uống vang trắng không?”

“Có.”

Họ mang đá và cốc vào. Bà Murchison muốn gọi tắc-xi. Tới Melun. Bà ta xin lỗi vì đến giờ mới nhờ gọi tắc-xi nhưng bà ta không biết cuộc gặp sẽ kéo dài bao lâu.

“Tôi có thể chở bà tới Melun,” Tom nói, “nếu bà muốn đi tàu tới Paris”.

“Không, tôi muốn tới Melun để hỏi chuyện cảnh sát ở đó. Tôi đã gọi cho họ từ sân bay Orly.”

“Vậy tôi sẽ đưa bà đi,” Tom nói. “Tiếng Pháp của bà thế nào? Tiếng của tôi không hoàn hảo, nhưng...”

“À, tôi nghĩ mình có thể xoay sở được. Cảm ơn anh nhiều.” Bà ta khẽ cười.

Tom đoán là bà ta muốn nói chuyện với cảnh sát mà không có mặt anh.

“Còn ai ở nhà này khi chồng tôi ở đây nữa không?” Bà Murchison hỏi.

“Chỉ có quản gia của tôi, bà Annette thôi. Bà ấy đâu rồi nhỉ, Heloise?”

Có thể bà ta đang ở trong phòng, mà cũng có thể đã ra ngoài mua nốt đồ vào phút chót, Heloise nghĩ vậy và Tom tới trước phòng bà Annette và gõ cửa. Bà ta đang khâu vá thứ gì đó. Tom hỏi bà ta có thể ra ngoài một lát để gặp bà Murchison không.

Gần như ngay lập tức, bà Annette vào phòng khách và mặt bà ta đầy vẻ hứng thú vì bà Murchison là vợ của người đàn ông đang mất tích. “Lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông ấy,” bà Annette nói, “quý ngài ấy đã ăn trưa xong rồi đi cùng anh Tome”.

Hiển nhiên là bà Annette đã quên, Tom thầm nghĩ, việc bà ta không tận mắt nhìn thấy ông Murchison bước ra khỏi nhà.

“Anh có muốn gì không, anh Tome?” Bà Annette hỏi.

Nhưng họ không cần gì hết và rõ ràng là bà Murchison cũng không còn câu hỏi nào nữa. Bà Annette có vẻ miễn cưỡng rời khỏi phòng.

“Các vị nghĩ chuyện gì đã xảy ra với chồng tôi?” Bà Murchison hỏi, nhìn Heloise rồi nhìn sang Tom.

“Nếu để tôi đoán,” Tom nói, “thì hẳn là có người biết ông ấy mang theo một bức tranh giá trị. Nó cũng không quá giá trị, nhưng vẫn là một bức Derwatt. Tôi đoán chắc ông ấy đã nói chuyện với vài người ở Luân Đôn về nó. Nếu có người cố gắng bắt cóc ông ấy cùng bức tranh thì rất có khả năng họ đã đi quá xa và giết ông ấy. Rồi họ sẽ phải giấu xác ông ấy ở đâu đó. Hoặc không thì... ông ấy vẫn còn sống và đang bị giam giữ ở đâu đó”.

“Nhưng như thế thì rất có khả năng chồng tôi đã nghĩ đúng về chuyện bức ‘Đồng Hồ’ là tranh giả. Như anh nói, bức tranh đó không giá trị lắm, có thể bởi vì nó không quá lớn. Nhưng có thể họ chỉ đang cố chôn vùi ý tưởng tranh của Derwatt đang bị làm giả.”

“Nhưng tôi không tin tranh của chồng bà là tranh giả. Và ông ấy đã bắt đầu hoài nghi khi ra về. Như tôi đã nói với Webster, tôi không nghĩ Tommy vẫn còn ý định cho một chuyên gia ở Luân Đôn xem bức ‘Đồng Hồ’ nữa. Như tôi nhớ thì tôi không hỏi ông ấy. Nhưng tôi nghĩ là ông ấy đã xem xét lại sau khi thấy hai bức tranh của tôi. Có thể tôi đã sai.”

Im lặng. Bà Murchison đang cân nhắc xem tiếp theo nên nói hay hỏi gì. Điều duy nhất quan trọng là những người xung quanh Buckmaster Gallery, Tom đoán vậy. Và làm sao bà ta có thể hỏi anh về họ chứ?

Tắc-xi đến.

“Cảm ơn anh, anh Ripley,” bà Murchison nói. “Cả cô nữa. Có thể tôi phải gặp lại hai vị nếu...”

“Lúc nào cũng được,” Tom nói. Anh tiễn bà ta ra tắc-xi.

Khi quay vào phòng khách, Tom chậm chạp tiến về phía sô-pha và ngồi phịch xuống. Cảnh sát Melun cũng không thể cho bà Murchison biết thêm tin gì, không thì chắc chắn đến giờ họ đã báo với anh rồi, Tom nghĩ. Heloise nói rằng họ không hề gọi điện trong lúc anh đi vắng. Nếu cảnh sát tìm thấy xác ông Murchison trong sông Loing hoặc bất kể nơi nào...

“Anh yêu, anh lo lắng quá đấy,” Heloise nói. “Uống một cốc rượu đi.”

“Có thể,” Tom nói, rót rượu ra. Không có bài báo nào trên báo Luân Đôn mà Tom đọc trên máy bay viết về việc Derwatt lại xuất hiện ở Luân Đôn. Rõ ràng người Anh không thấy chuyện đó quan trọng. Tom mừng vì anh không muốn Bernard, bất kể anh ta đang ở đâu, biết chuyện bằng cách nào đó anh đã trèo được ra khỏi mộ. Vì sao Tom lại không muốn Bernard biết chuyện này thì chính anh cũng còn mông lung. Nhưng hẳn là nó có liên quan đến cảm giác của Tom về số mệnh của Bernard.

“Anh biết không, Tome, nhà Berthelin muốn chúng ta đến thưởng rượu tối nay lúc bảy giờ đây. Nó sẽ có ích cho anh. Em đã bảo là có thể anh có nhà tối nay.”

Nhà Berthelin sống ở một thị trấn cách đây bảy cây số. “Anh có thể...” Điện thoại ngắt lời Tom. Anh ra hiệu cho Heloise nghe máy.

“Em có nên báo cho ai việc anh đang ở đây không?”

Anh mỉm cười, hài lòng trước sự quan tâm của cô. “Có. Và biết đâu lại là Noelle gọi hỏi ý kiến của em xem nên mặc gì hôm thứ Ba.”

“Đúng vậy. Có khi thế. Xin chào.” Cô mỉm cười với Tom. “Chờ chút.” Cô đưa điện thoại cho anh. “Một người Anh cố nói tiếng Pháp.”

“Xin chào, Tom, Jeff đây. Anh khỏe không?”

“Vẫn khỏe.”

Jeff thì không được như vậy. Thái độ lấp bắp của anh ta đã quay trở lại, anh ta nói nhỏ và hấp tấp. Tom phải yêu cầu anh ta nói to lên.

“Tôi vừa nói là Webster lại hỏi thăm Derwatt, xem anh ta đang ở đâu, anh ta đã đi chưa.”

“Anh đã nói gì với anh ta?”

“Tôi bảo chúng tôi không biết anh ta đã đi hay chưa.”

“Anh có thể trả lời Webster là... anh ta có vẻ trầm cảm và có thể muốn ở riêng một mình một thời gian.”

“Tôi nghĩ có thể Webster muốn gặp lại anh đấy. Anh ta đang bay qua đó để gặp bà Murchison. Đó là lý do tôi gọi điện.”

Tom thở dài. “Khi nào?”

“Có thể là hôm nay. Tôi không rõ anh ta định làm gì...”

Khi họ đập máy, Tom cảm thấy chết sững, và cả giận dữ nữa, hoặc bức bối. Lại phải đối mặt Webster vì cái gì chứ? Tom thà ra khỏi nhà còn hơn.

“Anh yêu, chuyện gì thế?”

“Anh không thể tới nhà Berthelin được rồi,” Tom nói và cười lớn. Nhà Berthelin là rắc rối bé nhỏ nhất của anh. “Em yêu, tối nay anh phải tới Paris rồi mai bay tới Salzburg. Có thể là đến Salzburg ngay tối nay nếu có chuyến bay. Vị thanh tra người Anh Webster có thể gọi điện tới chiều nay. Em phải trả lời anh ta là anh lên Paris công tác, nói chuyện với kế toán của anh chẳng hạn, gì cũng được. Em không biết anh sẽ ở đâu. Một khách sạn nào đó nhưng em cũng không rõ là khách sạn nào.”

“Nhưng anh đang chạy trốn cái gì vậy, Tome?”

Tom thở dốc. Chạy trốn sao? Chạy trốn cái gì? Chạy trốn đi đâu? “Anh không biết.” Anh đã bắt đầu đổ mồ hôi. Anh muốn tắm thêm một lần nữa nhưng lại sợ phí thời gian. “Bảo với bà Annette là anh phải phóng tới Paris nhé.”

Tom lên gác và lấy va-li ra khỏi tủ. Anh sẽ lại mặc chiếc áo mưa mới xấu xí, chải lại ngôi tóc, và trở thành Robert Mackay một lần nữa. Heloise vào phòng để giúp anh.

“Anh muốn tắm,” Tom nói và cùng lúc ấy nghe tiếng Heloise bật vòi nước trong phòng tắm của anh. Tom lột đồ ra và bước vào dưới vòi hoa sen, nước âm ấm, vừa vặn.

“Em có thể đi theo anh không?”

Anh ước gì cô có thể đi cùng! “Em yêu, vấn đề này liên quan tới hộ chiếu. Anh không thể để bà Ripley vượt qua biên giới Pháp-Đức hoặc Áo với Robert Mackay được. Mackay, con heo đó!” Tom ra khỏi vòi sen.

“Thanh tra Anh đến đây vì ông Murchison à? Anh đã giết ông ta à, Tome?” Heloise nhìn anh, cau mày, lo lắng, nhưng còn lâu mới gọi là kích



động, Tom thấy vậy.

Tom nhận ra cô đã biết về Dickie. Heloise chưa bao giờ nói nhiều về nó nhưng cô biết. Anh có thể kể tất tần tật cho cô, Tom nghĩ, vì biết đâu cô lại có ích, và dẫu sao đi nữa thì tình thế hiện thời cũng đã rơi vào trạng thái tuyệt vọng đến mức nếu anh thất bại, hoặc vấp ngã ở bất kỳ đâu, mọi chuyện sẽ tiêu tùng hết cả, kể cả cuộc hôn nhân của anh. Anh chợt nhận ra là sao anh lại không thể đi tới Salzburg dưới tư cách Tom Ripley chứ? Đưa Heloise theo? Dù rất muốn làm vậy, anh chưa biết mình phải làm gì ở Salzburg, hay từ đó dấu vết sẽ dẫn tới đâu. Dẫu vậy, anh nên mang theo cả hai quyển hộ chiếu, của anh lẫn của Mackay.

“Anh đã giết ông ta phải không, Tome? Ở đây à?”

“Anh phải giết ông ta để cứu rất nhiều người khác.”

“Nhóm người của Derwatt à? Vì sao?” Cô bắt đầu dùng tiếng Pháp. “Sao những người đó lại quan trọng đến thế?”

“Derwatt đã chết... nhiều năm rồi,” Tom nói. “Ông Murchison định... định lật tẩy chuyện đó.”

“Anh ta *chết* rồi à?”

“Phải, và anh đã đóng vai anh ta hai lần ở Luân Đôn,” Tom nói. Tiếng Pháp nghe thật trong sáng và vui vẻ: anh đã “đóng vai” Derwatt hai lần ở Luân Đôn. “Giờ họ đang tìm Derwatt - chắc hiện giờ thì chưa tìm kiếm đến mức tuyệt vọng. Nhưng chưa có gì ổn định cả.”

“Không phải anh cũng giả tranh của anh ta đấy chứ?”

Tom cười. “Heloise, em đánh giá anh cao thế. Chính Bernard là kẻ điên đã vẽ tranh giả đấy. Anh ta muốn ngừng lại. Ôi, chuyện này quá phức tạp để giải thích.”

“Sao anh lại phải tìm kiếm gã Bernard điên đó chứ? Ôi Tome, hãy tránh xa chuyện này ra...”

Tom không còn nghe được những gì cô nói. Đột nhiên anh hiểu vì sao mình phải tìm bằng được Bernard. Đột nhiên trong đầu anh nảy ra một viễn

cảnh. Tom cầm va-li lên. “Chào tạm biệt, thiên thần của anh. Em có thể lái xe chở anh tới Melun không? Và tránh đồn cảnh sát ra nhé?”

Xuống dưới nhà, bà Annette đang ở trong bếp và Tom vội vàng chào tạm biệt bà ta từ sảnh trước, nghiêng đầu để bà ta khó lòng nhận ra mái tóc rẽ ngôi khác lạ của anh. Chiếc áo mưa xấu xí, nhưng có lẽ lại đem đến vận may, vắt trên tay anh.

Tom hứa sẽ giữ liên lạc với Heloise, dù anh nói sẽ ký bằng một cái tên khác trong mọi bức điện tín mà mình gửi. Họ hôn tạm biệt trong xe Alfa Romeo. Và Tom rời khỏi vòng tay an ủi của cô, lên khoang hạng nhất trên chuyên bay tới Paris.

Đến Paris, anh khám phá ra rằng chẳng có đường bay thẳng tới Salzburg, thậm chí chỉ có một chuyến bay ngày mà người ta phải đổi máy bay ở Frankfurt rồi mới tới Salzburg. Chuyến bay tới Frankfurt cất cánh lúc 2 giờ 40 phút chiều hàng ngày. Tom ở lại một khách sạn không xa ga Lyon. Ngay trước nửa đêm, anh mạo hiểm gọi điện cho Heloise. Anh không chịu được suy nghĩ cô đang một mình ở nhà, có thể phải đối mặt với Webster mà lại không biết anh ở đâu. Cô đã nói là cô cũng sẽ không tới nhà Berthelin.

“Em yêu, xin chào. Nếu Webster ở đó thì hãy nói anh đã gọi nhầm số và dập máy nhé,” Tom nói.

“Thưa ngài, tôi nghĩ ngài đã gọi nhầm số rồi,” giọng Heloise vang lên và điện thoại bị cúp.

Tinh thần Tom chìm xuống, đầu gối anh khụy xuống, và anh ngồi xuống chiếc giường trong phòng khách sạn. Anh tự trách mình vì đã gọi cho cô. Hành động một mình luôn luôn tốt hơn. Chắc chắn Webster sẽ nhận ra, hoặc nghi ngờ, chính anh vừa gọi điện.

Heloise hiện đang phải trải qua tình cảnh nào? Liệu anh kể cho cô sự thật thì có tốt hơn?

## CHƯƠNG 22

Buổi sáng, Tom mua vé máy bay và 2 giờ 20 phút chiều anh đến sân bay Orly. Nếu Bernard không ở Salzburg thì ở đâu? Rome? Tom hy vọng là không. Tìm người ở Rome rất khó. Anh cúi gằm đầu xuống và không nhìn ngang nhìn ngửa ở sân bay Orly vì có khả năng Webster đã sai người từ Luân Đôn đến tìm anh. Điều đó còn phụ thuộc vào việc mọi chuyện đang phồng tay đến mức nào, và Tom thì không nắm rõ. Vì sao Webster lại đến gặp *anh* nữa nhỉ? Anh ta có hoài nghi anh đã giả mạo Derwatt không? Nếu vậy thì lần giả mạo thứ hai và dùng một hộ chiếu khác để ra vào Anh Quốc sẽ mang lại một chút lợi ích cho anh: ít nhất thì Tom Ripley không có mặt ở Luân Đôn vào lần giả mạo thứ hai.

Anh phải đợi một tiếng đồng hồ ở nhà ga sân bay Frankfurt rồi lên một máy bay bốn động cơ của hãng hàng không Áo mang cái tên quynh rũ *Johann Strauss* trên thân. Ở sân bay Salzburg, anh bắt đầu cảm thấy an toàn hơn. Tom lên xe buýt tới Mirabeleplatz, và vì anh muốn ở tại Goldener Hirsch, anh nghĩ tốt nhất nên gọi trước bởi đó là khách sạn xịn nhất và thường kín người. Họ có một phòng có bồn tắm. Tom báo tên là Thomas Ripley. Anh quyết định đi bộ tới khách sạn vì khoảng cách cũng gần. Anh đã từng đến Salzburg hai lần trước đây, một lần cùng Heloise. Trên vỉa hè, có vài người đàn ông mặc quần bó da lederhosen và đội mũ phớt Tyrolean, bộ trang phục hoàn thiện đến tận dao săn găm trong chiếc tất cao đến đầu gối. Những khách sạn khá lớn và cổ, theo Tom mơ hồ nhớ lại từ những chuyến du lịch trước, trưng bày thực đơn trên những tấm bảng lớn sặc sỡ đặt cạnh cửa trước của họ: trọn bữa ăn có cả món cốt-lết bê tấm bột rán có giá 25 si-ling 30 xu.

Sau đó là đến sông Salzach và cầu chính - hình như nó tên là Staatsbrucke thì phải? - và vài cây cầu nhỏ hơn trong tầm mắt. Tom đi cầu chính. Anh đang quan sát khắp nơi tìm xem có bóng dáng gày gò và chắc cũng lòng khòng của Bernard không. Con sông xám xịt chảy xiết và có vài hòn đá khá lớn dọc hai bên bờ sông xanh ngắt sủi bọt nước. Giờ là hoàng hôn, sáu giờ hơn. Đèn bắt đầu được bật dần lên ở nửa thành phố cổ kính hơn mà anh đang tiến lại gần, những bóng đèn ngày một mọc cao hơn như những chòm sao trên ngọn đồi cao chót vót của của lâu đài Hohensalzburg rồi xoắn xuống núi Monchsberg. Tom đi vào một con đường ngằn hẹp dẫn tới khu Getreidegasse.

Phòng của anh ở cuối khách sạn và có thể nhìn thấy kênh đào Sigmundsplatz: bên phải là đài phun nước “ngựa tắm” dựa vào một vách đá nhỏ cheo leo và trước mặt là một cái giường trang trí công phu. Hàng sáng ở đây bán hoa quả và rau dưa trên xe đẩy, theo Tom nhớ. Anh dành một chút thời gian để hít thở, mở va-li, và đi tắt dạo trên sàn nhà bằng gỗ thông được mài bóng loáng không tì vết trong phòng mình. Các món đồ trang trí chủ yếu mang màu xanh lục đậm chất Áo, tường trắng tinh, các cửa sổ được lắp hai lớp kính với bệ cửa sâu. Ôi, nước Áo! Đến lúc đi xuống và uống một tách Doppelpresso ở quán cà phê Tomaselli chỉ cách đây vài bước chân rồi. Và đó có thể cũng không phải là một ý tồi vì nó là một quán cà phê lớn và biết đâu Bernard lại có mặt ở đó.

Nhưng thay vào đó Tom lại uống rượu slivowitz ở Tomaselli, vì giờ này không phải là giờ để uống cà phê. Bernard cũng không có ở đây. Báo chí với vài thứ tiếng khác nhau treo trên giá xoay, và Tom đọc lướt qua tờ *Times* của Luân Đôn và tờ *Herald-Tribune* của Paris mà không tìm được bất kỳ tin gì về Bernard hết (anh cũng không nghĩ sẽ tìm được gì trên tờ *Herald-Tribune* đâu) hoặc về ông Thomas Murchison hay việc vợ ông ta tới Luân Đôn hay Pháp. Tốt.

Tom dạo bước ra ngoài, lại băng qua cầu Staatsbrucke và đi lên Linzergasse, con đường chính ở ngay gần đó. Giờ là chín giờ hơn. Bernard, nếu có mặt ở đây, sẽ ở tại một khách sạn tầm trung, Tom nghĩ, nhưng cũng

chẳng rõ là ở khu vực nào của Salzach nữa. Và anh sẽ ở lại đây từ hai đến ba ngày. Ai mà biết được? Tom chăm chú nhìn vào các ô cửa sổ trưng bày dao sấn, máy ép tỏi, cửa điện và các cửa sổ treo đầy quần áo Tyrolean truyền thống - áo trắng có tua rua, váy thắt eo. Tất cả các cửa hàng đều đã đóng cửa. Tom đi vào các con phố nhỏ. Thậm chí có chỗ còn không phải phố mà là những con hẻm hẹp không có đèn, hai bên đều là những cánh cửa đóng kín. Đến tầm mười giờ, Tom thấy đói bụng và đi vào một cửa hàng ở bên phải phố Linzergasse. Sau đó, anh quay về quán cà phê Tomaselli theo một tuyến đường khác, định dành khoảng một tiếng đồng hồ ở đó. Con phố có khách sạn của anh, phố Getreidegasse, còn có cả căn nhà nơi Mozart chào đời. Có thể Bernard, nếu vẫn còn nấn ná tại Salzburg, sẽ thường tới vùng này chơi. Cứ dành hẳn hai mươi tư tiếng tìm kiếm, Tom tự nhủ.

Không gặp may ở Tomaselli. Nhóm khách hàng ở đây giờ này có vẻ đều là khách quen, dân Salzburg, các gia đình thích thưởng thức những miếng bánh khổng lồ với espresso kem, hoặc những cốc nước mâm xôi Himbeersaft màu hồng. Tom nóng nảy, thấy báo chí thật nhàm chán, cáu kỉnh vì không gặp được Bernard, giận dữ - vì mệt mỏi. Anh quay về khách sạn.

Đến chín rưỡi sáng hôm sau, Tom lại ra đường, đi dọc bờ phải của Salzburg, phần đô thị mới, anh ngao du theo đường dích dắc, để ý xem có thấy Bernard không, thỉnh thoảng lại dừng lại để nhìn vào cửa sổ các cửa hàng. Tom bắt đầu đi về phía dòng sông, định sẽ tới thăm bảo tàng Mozart nằm cùng đường với khách sạn của anh. Tom đi qua Dreifaltigkeitsgasse vào Linzergasse, và khi anh tiến lại gần Staatsbrucke, Tom nhìn thấy Bernard rời khỏi một cây cầu ở bên kia đường.

Đầu Bernard cúi gằm xuống, suýt nữa anh ta bị một ô-tô đâm phải. Tom muốn đi theo anh ta nhưng bị một hàng dài đèn giao thông giữ chân lại, dù sao chuyện đó cũng không quan trọng vì Bernard vẫn ở trong tầm mắt anh. Áo mưa của Bernard bắn hơi, dây đai lưng vắt vẻo qua một con đĩa gần như chạm đất. Trông anh ta cứ như một kẻ lang thang. Tom băng

qua đường và giữ khoảng cách khoảng mười mét, luôn chuẩn bị tinh thần chạy về phía trước nếu Bernard rẽ vào góc vì anh không muốn anh ta biến mất trong một khách sạn nhỏ nào đó trong một con phố nhỏ nơi có khi phải có đến vài ba cái khách sạn.

“Sáng nay anh có bận không?” Một giọng nữ hỏi bằng tiếng Anh.

Giật mình, Tom liếc nhìn khuôn mặt của một ả gái điểm tóc vàng đang đứng trên một bụi cửa. Tom vội vã rảo bước. Chúa tôi, trông anh có tuyệt vọng đến mức ấy không, hay với cái áo mưa xanh này trông anh gần đỡ lắm? Lúc mười giờ sáng!

Bernard vẫn tiếp tục đi dọc phố Linzergasse. Rồi anh ta băng qua đường và sau khi đi hết nửa con phố, tiến đến một ô cửa có treo biển: NHÀ TRỢ. Một ô cửa xám xịt. Tom dừng lại trên vỉa hè đối diện. Der Blaue gì đó, tên của nhà trọ này. Tấm biển cũ mèm. Ít nhất thì Tom đã biết nơi ở của Bernard. Và anh đã đúng! Anh ta đang ở Salzburg! Tom tự chúc mừng trực giác của mình. Hay hiện giờ Bernard mới đến đây thuê phòng nhỉ?

Không, rõ ràng là anh ta đang trọ tại Blaue gì đó này, vì vài phút sau anh ta vẫn không xuất hiện lại và cũng không mang theo túi đồ của mình. Tom chờ đợi, một sự chờ đợi thật chán chường, vì gần đó không có quán cà phê nào để anh trông chừng được cửa nhà trọ cả. Cùng lúc ấy, Tom phải trốn kỹ phòng trường hợp Bernard nhìn ra cửa sổ và thấy anh. Nhưng không hiểu sao những người trông như Bernard sẽ không bao giờ nhận được một căn phòng có tầm nhìn hết. Tuy vậy, Tom vẫn núp kỹ và anh phải đợi tới tận gần mười một giờ.

Đến lúc ấy Bernard mới ra ngoài, đã cạo râu, và rẽ phải như thể đã xác định điểm đến.

Tom kín đáo đi theo và châm một điếu thuốc Gauloise. Lại đi qua cầu chính. Qua con phố mà tối qua Tom đã đi và rồi Bernard rẽ phải ở Getreidegasse. Tom thoáng nhìn khuôn mặt quay nghiêng góc cạnh, khá đẹp trai của anh ta, khuôn miệng nghiêm nghị và cái hõm tạo thành bóng tối trên bờ má màu nâu. Đôi nốt cổ thấp của anh ta đã xẹp hẳn xuống.

Bernard định tới bảo tàng Mozart. Vé vào cửa là mười hai si-ling. Tom dựng cổ áo mưa lên và theo vào.

Người ta trả vé vào cửa trong một căn phòng ở cuối cầu thang đầu tiên. Ở đây có các cái hộp bằng kính chứa đầy bản thảo và các chương trình opera. Tom nhìn vào cửa phòng chính tìm Bernard và không thấy anh ta đâu, anh cho rằng anh ta đã lên tầng trên, theo Tom nhớ thì nó là phòng khách của gia đình Mozart. Anh trèo lên tầng hai.

Bernard đang nhìn xuống bàn phím của chiếc đàn clavichord của Mozart, nó được bảo vệ bởi một tấm kính, ngăn bất kỳ ai muốn bấm phím đàn. Tom tự hỏi Bernard đã ngắm nhìn nó bao nhiêu lần rồi?

Chỉ có khoảng năm, sáu người lượn lờ trong bảo tàng này, hay ít nhất là trên tầng này, nên Tom phải thật cẩn thận. Trên thực tế, có lúc anh còn phải tránh ra sau một khung cửa để Bernard không nhìn thấy nếu ngó ra hướng này. Tom nhận thấy thật ra anh muốn quan sát Bernard để cố gắng đoán định xem trạng thái tinh thần hiện giờ của anh ta là thế nào. Hoặc - Tom cố gắng thành thực với bản thân - chỉ là anh đang thấy tò mò và hào hứng vì có thể quan sát một người mà anh chỉ quen sơ, một người đang khủng hoảng, một người không ý thức về anh trong một thời gian ngắn? Bernard đi vào một căn phòng khách khác cùng tầng.

Cuối cùng, Tom theo chân anh ta lên tầng tiếp theo và cũng là tầng cuối cùng. Lại có nhiều hộp thủy tinh hơn (trong phòng chứa đàn clavichord có một ví trí được dán nhãn là nơi đặt nôi của Mozart, nhưng thực tế chẳng có cái nôi nào cả. Đáng tiếc là họ còn chẳng đặt đồ thay thế vào đó.) Cầu thang có tay vịn bằng sắt mảnh. Trong vại góc nhà, cửa sổ nằm nghiêng và Tom, như vẫn luôn tôn sùng Mozart, tự hỏi gia đình Mozart đã nhìn ra những quang cảnh như thế nào. Chắc chắn không phải là trần nhà của một tòa nhà khác chỉ cách đó một mét rồi. Các mô hình sân khấu thu nhỏ - *Idomeneo* vô tận, *Cosifan tutte* - trông thô ráp và khá vụng về, nhưng Bernard vẫn tiến về chỗ chúng, nhìn đăm đăm.

Anh ta đột ngột quay đầu về phía Tom - và Tom đứng chết sững ở cửa. Họ nhìn nhau chăm chú. Sau đó Tom lùi lại một bước và đi sang phải, ra

sau một ngưỡng cửa và vào một căn phòng khác, phòng khách. Anh bắt đầu hít thở trở lại. Khoảnh khắc ấy thật thú vị vì khuôn mặt của Bernard...

Tom không dám dừng lại nghĩ ngợi thêm và ngay lập tức đi ra cầu thang xuống tầng. Anh không thoải mái, nhưng lúc ấy cũng chưa cảm thấy gì nhiều cho tới khi đã ra tới con phố Getreidegasse tấp nập, hít thở không khí ngoài trời. Tom đi theo con đường ngắn dẫn ra sông. Bernard có định đi theo anh không? Tom cúi đầu và sải bước nhanh hơn.

Vẻ mặt của Bernard là vẻ khó tin, và giây tiếp theo là hoảng sợ, như thể anh ta mới nhìn thấy ma.

Tom nhận ra đó chính xác là điều mà Bernard nghĩ anh ta đã nhìn thấy: một hồn ma. Hồn ma của Tom Ripley, kẻ mà anh ta đã giết.

Tom đột ngột quay lại và sải bước về phía Mozarthaus, vì anh chợt nhận ra có khả năng Bernard muốn rời khỏi thị trấn, và anh không muốn chuyện này xảy ra mà không biết anh ta định đi đâu. Nếu bây giờ nhìn thấy anh ta trên vỉa hè, Tom có nên chặn anh ta lại không? Tom đợi vài phút ở bên kia đường đối diện bảo tàng Mozart, và khi Bernard không xuất hiện, anh bắt đầu đi về phía nhà trọ của anh ta. Tom không nhìn thấy Bernard dọc đường và khi đến gần nhà trọ hơn, anh thấy anh ta đang đi bộ khá nhanh ở bên kia đường, cùng phía với nhà trọ, trên đường Linzergasse. Bernard chui vào khách sạn-nhà trọ của mình. Suốt gần nửa tiếng, Tom chờ đợi, rồi quyết định rằng chắc phải một lúc nữa Bernard vẫn chưa ra. Hoặc có thể là anh mạo hiểm để kẻ anh ta bỏ đi, anh cũng không rõ nữa. Anh chỉ cực kỳ muốn uống một tách cà phê. Anh vào một khách sạn có quầy cà phê. Anh cũng đã ra quyết định và sau khi rời khỏi quầy, anh đi thẳng về nhà trọ của Bernard với ý định nhờ lễ tân báo cho anh Tufts biết rằng Tom Ripley đang ở dưới sảnh và muốn nói chuyện với anh ta.

Nhưng Tom không thể đi qua lối vào khiêm tốn, xám xịt ấy. Anh đã đặt một chân lên bậc cửa nhưng rồi lại quay ngược ra vỉa hè, trong khoảnh khắc cảm thấy choáng váng. Chỉ là do sự thiếu quyết đoán thôi, anh tự nhủ. Không gì khác cả. Nhưng Tom vẫn quay lại khách sạn của mình bên kia sông. Anh đi vào khu sảnh để chịu của Goldener Hirsch, ở đó người xách



hành lý mặc đồng phục màu xám và xanh lục ngay lập tức đưa chìa khóa cho anh. Tom đi thang máy tự vận hành lên tầng ba và vào phòng mình. Anh cởi chiếc áo mưa xấu xí khủng khiếp và trút sạch đồ trong túi áo ra - thuốc lá, diêm, xu Áo trộn lẫn với xu Pháp. Anh chia hai loại ra và quẳng xu Pháp vào ngăn trên cùng của va-li. Sau đó anh cởi đồ và ngã xuống giường. Anh không hề nhận ra mình đã mệt mỏi đến thế nào.

Anh tỉnh giấc lúc hai giờ hơn và mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ. Tom ra ngoài đi dạo. Anh không tìm Bernard mà dạo quanh thành phố như mọi du khách khác, thực ra cũng không giống một du khách cho lắm vì anh không hề có mục đích gì cả. Bernard đang làm gì ở đây? Anh ta định ở đây bao lâu?

Tom giờ đã cảm thấy hoàn toàn tỉnh táo, nhưng anh không biết mình nên làm gì nữa. Tiếp cận Bernard và cố bảo với anh ta là Cynthia muốn gặp anh ta à? Anh có nên nói chuyện với Bernard và cố gắng thuyết phục anh ta không - mà thuyết phục chuyện gì?

Từ bốn đến năm giờ chiều, Tom rơi vào trạng thái tuyệt vọng. Anh đã uống cà phê và một ly rượu Steinhager ở đâu đó. Anh đã đi rất xa lên phía trên (theo dòng chảy của sông, lên đầu sông) vượt quá cả Hohensalzburg nhưng vẫn thuộc khu vực bến cảng ở bên thị trấn cổ. Anh mãi miết nghĩ về những thay đổi ở Jeff, Ed, và giờ là Bernard sau phi vụ làm giả tranh Derwatt. Và Cynthia bị khiến cho trở nên bất hạnh, dòng đời của cô đã thay đổi vì công ty Derwatt - và điều này đối với Tom dường như còn quan trọng hơn cả cuộc đời của ba người đàn ông liên đới. Đến giờ Cynthia đáng nhẽ đã kết hôn với Bernard và có thể đã có hai đứa con, dù như vậy thì cuộc đời của Bernard cũng bị ảnh hưởng tương đương nhưng Tom vẫn không thể nói được vì sao anh lại nghĩ biến động trong cuộc sống của Cynthia quan trọng hơn của Bernard. Chỉ có Jeff và Ed là thấy tươi vui và giàu có, hiển nhiên là cuộc đời họ đã khá khẩm hơn nhiều. Bernard trông có vẻ kiệt sức. Ở tuổi ba mươi ba hoặc ba mươi tư.

Tom đã định ăn tối tại nhà hàng trong khách sạn của mình, nó cũng được đánh giá là nhà hàng tốt nhất ở Salzburg, nhưng anh cảm thấy mình

không có tâm trạng ngồi ăn thức ăn hảo hạng trong khung cảnh xa hoa ấy, nên anh đi dạo tới Getreidegasse, qua Burgerspitalplatz (Tom thấy tên đường) và qua Gstattentor, cánh cổng cũ hẹp chỉ đủ rộng cho một làn xe, một trong những chiếc cổng cổ xưa ban đầu của thị trấn dưới chân núi Monchsberg tối tăm sừng sững bên cạnh. Con đường sau cổng cũng hẹp và khá tối. Hẳn sẽ có một nhà hàng nhỏ ở đâu đó, Tom nghĩ thầm. Anh nhìn thấy hai chỗ với thực đơn gần như tương tự bên ngoài: hai mươi sáu si-ling cho món súp trong ngày, cốt-lết bê tẩm bột rán với khoai tây, xa-lát, tráng miệng. Tom vào nhà hàng thứ hai với một tấm bảng hiệu nhỏ hình đèn lồng bên ngoài, tên là Café Eigler hay đại loại thế.

Hai nữ bồi bàn người da đen mặc đồng phục đỏ đang ngồi cùng các khách hàng nam ở một bàn. Hộp nhạc đang bật, đèn lờ mờ. Đây có phải là nhà thổ, chỗ hẹn gái, hay chỉ là một nhà hàng rẻ tiền mà thôi? Tom chỉ mới đặt một chân vào chỗ đó thì thấy Bernard đang ngồi một mình một bàn, cúi xuống ăn bát súp. Tom ngập ngừng.

Bernard đưa mắt lên nhìn anh.

Giờ Tom là chính mình, mặc áo khoác vải tweed, đeo khăn quàng cổ để chống chọi với lạnh giá - chiếc khăn mà Heloise đã giặt sạch máu trong khách sạn ở Paris. Tom đang dợm tiến lại gần hơn, chìa tay ra, mỉm cười thì Bernard khom người đứng lên với vẻ hãi hùng trên mặt.

Hai nữ bồi bàn da màu đầy đặn nhìn từ Bernard sang Tom. Anh nhìn thấy một nữ bồi bàn đứng dậy với phong cách chậm chạp có vẻ đặc trưng của người châu Phi, rõ ràng là có ý định tới chỗ Bernard hỏi thăm xem có vấn đề gì không, vì anh ta trông như thể vừa nuốt phải thứ gì có thể giết chết người vậy.

Bernard phẩy tay hoảng loạn, vội vã - dành cho nữ bồi bàn hay cho anh không biết, Tom tự hỏi?

Tom quay người và đi qua cửa trong (nơi này có thêm một cửa bão\*) rồi ra vỉa hè. Anh rút tay vào túi và cúi đầu xuống, giống như Bernard, khi anh đi bộ qua Gstattentor, về khu vực thị trấn sáng đèn hơn. Anh đã phạm

sai lầm sao, Tom tự hỏi mình. Phải chăng anh chỉ cần... tiến tới? Nhưng Tom có cảm giác là Bernard sẽ hét ầm lên.

Anh đi qua khách sạn của mình và đi tới góc phố tiếp theo, ở đó anh rẽ phải. Quán Tomaselli chỉ còn cách vài mét. Nếu Bernard đang đi theo anh - Tom chắc chắn là anh ta sẽ rời khỏi nhà hàng - nếu Bernard muốn đến ngồi cùng anh ở đây thì cũng được thôi. Nhưng Tom biết thực tế không như vậy. Bernard thật ra lại nghĩ anh ta đang nhìn thấy ảo ảnh. Vậy nên Tom ngồi xuống một chiếc bàn chính giữa để thấy, gọi sandwich và một bình rượu vang trắng, đọc vài tờ báo.

Bernard không theo vào.

Cánh cửa khung gỗ rộng rãi có một thanh ngang bằng đồng uốn cong để treo chiếc rèm màu xanh lục, và mỗi lần rèm chuyển động là Tom lại nhìn lên, nhưng người bước vào chẳng bao giờ là Bernard.

Nếu Bernard thật sự bước vào và tiến về phía anh thì đó là vì anh ta muốn bảo đảm anh là người thật. Chuyện đó hợp logic. (Rắc rối là Bernard sẽ không có một hành động logic nào cả, hẳn là vậy.) Tom sẽ nói, “Ngồi xuống đi và cùng uống rượu vang với tôi. Anh thấy đấy, tôi không phải là một bóng ma đâu. Tôi đã nói chuyện với Cynthia. Cô ấy muốn gặp lại anh đấy”. *Kéo Bernard ra khỏi chuyện này.*

Nhưng Tom không nghĩ là anh có thể.

## CHƯƠNG 23

Đến ngày hôm sau, thứ Ba, Tom đưa ra một quyết định khác: phải nói chuyện bằng được với Bernard dù bằng cách này hay cách khác, dẫu có phải trói anh ta lại đi nữa. Anh sẽ cố gắng đưa Bernard quay lại Luân Đôn. Anh ta hẳn phải có vài người bạn ở đó, ngoài Jeff và Ed, hai người mà chắc anh ta sẽ tránh xa. Không phải mẹ của Bernard vẫn sống ở đó sao? Tom không chắc chắn. Nhưng anh cảm thấy mình phải làm gì đó vì cái vẻ khổ sở của Bernard thật đáng thương. Mỗi lần nhìn thấy anh ta là Tom lại cảm thấy đau đớn một cách kỳ cục: như thể anh đang chứng kiến một người vật lộn với cái chết, nhưng vẫn lê bước trên đường.

Nên lúc mười một giờ sáng, Tom tới nhà trọ Blaue gì đó, và nói chuyện với người phụ nữ tóc đen tầm năm mươi tuổi ở bàn lễ tân. “Xin lỗi, có một người đàn ông tên là Bernard Tufts - người Anh - đang ở đây không?” Tom hỏi bằng tiếng Đức.

Đôi mắt người phụ nữ mở to hơn. “Có, nhưng anh ta vừa trả phòng rồi. Tầm một tiếng trước.”

“Anh ta có bảo là định đi đâu không?”

Bernard không nói gì cả. Tom cảm ơn bà ta và anh cảm thấy mắt bà ta dõi theo anh khi anh rời khỏi khách sạn, nhìn anh chăm chăm như thể anh cũng kỳ quái như Bernard chỉ đơn giản vì anh quen anh ta.

Tom đi tắc-xi tới ga tàu hỏa. Chắc chỉ có vài chuyến bay cất cánh khỏi sân bay Salzburg, nó nhỏ xíu. Và tàu hỏa thì rẻ hơn máy bay. Tom không nhìn thấy Bernard ở ga tàu hỏa. Anh tìm kiếm trên ga và trong cả quầy giải khát. Sau đó anh đi bộ về phía sông, tới trung tâm thành phố, để ý tìm

Bernard, tìm một người đàn ông mặc chiếc áo mưa màu be cũ mềm mang một cái túi vải. Tầm hai giờ chiều Tom đi tắc-xi tới sân bay, phòng trường hợp Bernard định bay tới Frankfurt. Nhưng ở đó anh cũng không gặp may.

Lúc ba giờ hơn, Tom nhìn thấy anh ta. Bernard đứng trên một cây cầu vắt qua sông, một trong những cây cầu nhỏ có tay vịn và đường một chiều. Anh ta tì hai cánh tay lên thành cầu, ngẩn ngơ nhìn xuống. Túi vải đặt dưới chân anh ta. Tom không định băng qua cầu. Anh đã nhìn thấy Bernard từ cách đó khá xa. Anh ta đang nghĩ đến chuyện nhảy xuống sông chắc? Tóc Bernard bay lên rồi rũ xuống trán trong gió. Tom nhận ra anh ta định tự tử. Có thể là không phải ngay lúc này. Có thể anh ta sẽ đi dạo và quay lại sau một tiếng nữa, hoặc hai tiếng nữa. Có thể là tối nay. Hai người phụ nữ đi ngang qua Bernard và liếc nhìn anh ta trong một thoáng tò mò. Khi họ đi mất, Tom tiến về phía Bernard, không nhanh không chậm.

Bên dưới, dòng sông nổi bọt lao qua những hòn đá viền hai bên bờ. Tom chưa từng nhìn thấy thuyền đi trên con sông này, theo anh nhớ. Sông Salzach có thể khá nông. Tom, từ khoảng cách hơn một mét, đã sẵn sàng gọi tên Bernard thì anh ta quay đầu sang trái và nhìn thấy anh.

Bernard đột ngột đứng thẳng dậy và Tom có cảm giác rằng vẻ mặt đăm chiêu của anh ta không hề thay đổi khi nhìn thấy anh, nhưng Bernard nhặt túi vải của mình lên.

“Bernard!” Tom nói, đúng lúc một chiếc xe máy ồn ào kéo một cái xe moóc con đi qua chỗ họ và Tom sợ Bernard không nghe thấy tiếng anh gọi. “*Bernard!*”

Bernard bỏ chạy.

“*Bernard!*” Tom va phải một người phụ nữ và suýt làm cô ta ngã xuống, chỉ có điều cô ta bị va vào thành cầu. “Ôi! Tôi vô cùng xin lỗi!” Anh nói. Anh nhắc lại bằng tiếng Đức, nhặt gói hàng mà người phụ nữ đó làm rơi lên.

Cô ta nói gì đó với anh, gì đó về một “cầu thủ bóng đá”.

Tom lao đi. Bernard vẫn trong tầm mắt của anh. Tom cau mày, xấu hổ và giận dữ. Anh đột nhiên cảm thấy chán ghét Bernard. Cảm xúc ấy khiến anh thoáng căng thẳng nhưng rồi nó trôi sạch đi. Bernard đang sải bước thật nhanh, không nhìn ra sau lưng. Dáng đi của anh ta có phần điên rồ, đầy vẻ lo lắng nhưng vẫn giữ tốc độ đều đặn khiến Tom có cảm giác là anh ta có thể đi như vậy vài tiếng đồng hồ cho tới khi ngất xỉu mới thôi. Mà liệu Bernard có bao giờ ngất xỉu không? Kỳ lạ thay nhưng anh cảm thấy Bernard giống một hồn ma như cách Bernard rõ ràng đang nghĩ về anh, Tom nghĩ thầm.

Bernard bắt đầu đi dích dắc một cách vô nghĩa qua các con phố, nhưng anh ta vẫn bám khá sát dòng sông. Họ đi bộ suốt nửa tiếng và giờ đã hoàn toàn bỏ lại thành phố sau lưng. Đường phố giờ rất hẹp, thỉnh thoảng lại có cửa hàng hoa, đồ gỗ, vườn tược, nhà ở, một hàng bánh *Konditorei* bé xíu với hàng hiên giờ trống không nhìn ra sông. Cuối cùng Bernard bước vào trong một tiệm bánh như thế.

Tom đi chậm lại. Anh không mệt hay hết hơi sau khi đã đi bộ nhanh từng ấy thời gian. Anh cảm thấy kỳ cục. Chỉ có làn gió mát lạnh dễ chịu thổi qua trán khiến anh nhớ ra mình vẫn còn thuộc thế giới người sống.

Quán cà phê vuông vẫn nhỏ xinh có các bức tường bằng kính và Tom có thể nhìn thấy Bernard đang ngồi xuống một chiếc bàn cùng một ly vang đỏ trước mặt. Quán vắng tanh, chỉ có đúng một nữ phục vụ gầy gò và khá lớn tuổi mặc đồng phục màu đen đeo tạp dề trắng. Tom mỉm cười, nhẹ nhõm, không nghĩ ngợi hay cân nhắc gì thêm, anh mở cửa bước vào. Giờ Bernard nhìn anh như thể thoáng ngạc nhiên, bối rối (anh ta đang cau mày), nhưng không còn giữ vẻ hãi hùng như trước nữa.

Tom khẽ mỉm cười và gật đầu. Anh không biết vì sao mình lại gật đầu nữa. Đó là lời chào chắc? Hay lời xác nhận? Nếu vậy thì xác nhận cái gì mới được? Tom tưởng tượng mình kéo ghế ra, ngồi xuống cạnh Bernard và nói, “Bernard, tôi không phải là hồn ma. Trên đầu tôi không có nhiều đất lắm và tôi đã đào đường ra. Buồn cười nhỉ? Tôi vừa đến Luân Đôn và gặp Cynthia, cô ấy nói...” Và anh tưởng tượng mình cũng nhắc một ly rượu

lên, vỗ vào ống tay áo mưa của Bernard và anh ta sẽ biết rằng anh là người thật. Nhưng chuyện đó không xảy ra. Bernard chuyển sang vẻ mặt hồ hững chán chường và, Tom nghĩ, thù địch. Anh lại thấy nhen nhóm lửa giận. Tom đứng thẳng lên, mở cánh cửa sau lưng mình, và lạ lùng duyên dáng bước ra ngoài, dù anh đi ngược.

Tom nhận ra mình đã hành động khá kiên quyết.

Nữ phục vụ mặc đồng phục đen còn chả buồn liếc nhìn anh, vì có vẻ bà ta không hề nhìn thấy anh. Bà ta còn mãi làm gì đó cạnh quầy bên tay phải của Tom.

Anh băng qua đường, rời xa quán cà phê mà Bernard ngồi, ngày một xa Salzburg. Quán cà phê không nằm ở mé bờ sông trên đường mà nằm hẳn phía trong, nên hiện giờ Tom đi khá gần bờ sông và bờ đê. Có một chốt điện thoại toàn cửa kính gần vỉa hè và Tom nấp sau lưng nó. Anh chiêm một điệu thuốc lá Pháp lên.

Bernard bước ra khỏi quán và Tom chậm rãi đi vòng qua chốt điện thoại, để nó chặn giữa anh và anh ta. Bernard đang tìm kiếm anh nhưng ánh mắt anh ta có vẻ chỉ toàn là lo lắng, như thể anh ta cũng không mong sẽ thật sự nhìn thấy Tom. Dầu sao đi nữa Bernard cũng không nhìn thấy anh và vẫn tiếp tục rảo bước khá vội vã về hướng ngược với thị trấn Salzburg, lẽ đường xa bờ sông. Cuối cùng Tom bám theo anh ta.

Các ngọn núi vươn lên cao vút, bị con sông Salzach nhỏ hẹp cắt ngang, những ngọn núi mọc đầy cây cối xanh rì, chủ yếu là thông. Họ vẫn đi trên vỉa hè nhưng Tom có thể nhìn thấy nơi con đường kết thúc và chuyển thành đường nông thôn hai làn. Bernard có định đi thẳng lên núi với nguồn năng lượng điên rồ của anh ta hay không? Bernard liếc ra sau lưng một đến hai lần, nên Tom bước tránh khỏi tầm mắt của anh ta - ít nhất liếc qua thì không thấy được - và qua biểu hiện của Bernard thì Tom có thể thấy là anh ta không nhìn thấy anh.

Hắn họ đã rời xa Salzburg khoảng tám cây số, Tom nghĩ, và dừng lại để lau trán, nói lỏng cà vạt dưới khăn quàng cổ. Bernard di chuyển khỏi

tầm mắt anh sau khi rẽ vào một khúc cua trên đường và Tom sai bước tiếp. Thực tế là anh chạy thật nhanh, anh nghĩ nhớ đâu như khi còn ở Salzburg, Bernard rẽ trái rẽ phải rồi biến mất ở đâu đó mà anh không tìm được thì sao.

Tom nhìn thấy anh ta. Bernard nhìn ra sau lưng đúng lúc ấy và Tom dừng lại, dang cả hai tay sang ngang - để anh ta nhìn thấy rõ hơn. Nhưng Bernard gấp gáp quay đi hết như vài lần trước, để lại Tom với cảm giác hồ nghi: anh ta đã nhìn thấy anh chưa nhỉ? Chuyện đó có quan trọng không? Tom đi tiếp. Bernard đã lại một lần nữa biến mất sau một khúc quanh và một lần nữa Tom lại chạy lên. Khi anh tới đoạn đường thẳng kế tiếp thì đã chẳng thấy anh ta đâu nữa, Tom dừng lại lắng nghe, phòng trường hợp Bernard đã vào rừng. Tất cả những gì Tom nghe được là tiếng chim líu lo, xa xa còn có cả tiếng chuông nhà thờ.

Rồi ở bên trái, anh loáng thoáng nghe thấy tiếng cành cây gãy, nó sớm im bật. Tom đi vào rừng vài mét và căng tai ra nghe.

“*Bernard!*” Tom hét lên, giọng khàn đặc. Chắc chắn Bernard phải nghe thấy tiếng gào đó chứ.

Khu rừng dường như hoàn toàn yên tĩnh. Bernard đang do dự sao?

Rồi từ đằng xa có tiếng ục ục. Hay do Tom tưởng tượng ra nhỉ?

Tom đi sâu hơn vào rừng. Được khoảng hai chục mét có một con dốc dẫn xuống sông, và xa xa là một mỏm đá màu xám nhạt, cao khoảng chín đến mười hai mét, có khi còn hơn. Ở trên đỉnh là túi vải của Bernard và ngay lập tức Tom biết chuyện gì đã xảy ra. Anh tiến lại gần hơn, lắng nghe, nhưng dường như đến cả lũ chim cũng im lặng vào lúc này. Ở mép mỏm đá, Tom nhìn xuống. Nó không thẳng đứng nên Bernard sẽ phải đi vài bước hoặc không thì ngã xuống một dốc đá trước khi nhảy hoặc đơn giản là buông người xuống.

“*Bernard à?*”

Tom di chuyển sang trái, từ đó nhìn xuống an toàn hơn. Khi bám chặt vào một cái cây nhỏ, để mắt đến một cái cây khác phòng trường hợp anh bị



trượt chân và phải tóm lấy thứ gì đó, Tom nhìn xuống và thấy một bóng người thon dài, xám xịt trên các tảng đá bên dưới, một tay vung ra. Nó là một cú ngã khoảng bốn tầng nhà, rơi thẳng xuống đá. Bernard không động đậy. Tom tìm đường về chỗ an toàn hơn.

Anh nhắc túi vải lên, nhẹ một cách đáng thương.

Suốt một hồi lâu Tom chẳng nghĩ được gì. Anh vẫn cầm cái túi vải.

Liệu có ai tìm thấy Bernard không? Từ sông, liệu có người nào nhìn thấy anh ta không? Nhưng có ai lại đi trên con sông này làm gì chứ? Khó có khả năng có người leo núi nhìn thấy anh ta hay đi qua chỗ anh ta, dẫu sao thì cũng không thể trong thời gian ngắn sắp tới được. Hiện giờ Tom không thể đối mặt với việc tiến lại gần chỗ Bernard hơn, nhìn anh ta. Anh biết anh ta đã chết.

Một vụ ám sát kỳ lạ.

Tom đi ngược lại con đường dốc thoải về Salzburg, và anh không gặp một ai hết. Ở đâu đó gần thị trấn, Tom nhìn thấy một chiếc xe buýt và lên xe. Anh không rõ mình đang ở đâu nhưng có vẻ xe buýt đang đi về hướng Salzburg.

Lái xe hỏi Tom có phải định đến một chỗ này không, chỗ đấy anh không biết.

“Gần Salzburg,” Tom nói.

Lái xe lấy của anh vài si-ling.

Tom xuống xe ngay khi nhận ra một chỗ quen quen. Sau đó anh đi bộ. Cuối cùng, anh lê bước qua Residenzplatz, vào Getreidegasse, mang theo túi vải của Bernard.

Anh tiến vào Goldener Hirsch, đột ngột hít vào mùi hương dễ chịu của sáp đánh bóng đồ gỗ, mùi thơm an ủi và thanh bình.

“Chào buổi tối, thưa ngài,” người xách hành lý nói và đưa Tom chìa khóa phòng anh.

## CHƯƠNG 24

Tom choàng tỉnh sau một giấc mơ bức bối, trong mơ tám kẻ nào đó (chỉ có một kẻ trong đó anh nhận ra, Jeff Constant) trong một ngôi nhà nào đó, chế nhạo và cười giễu anh, vì mọi chuyện đều không ổn thỏa với anh, anh đến muộn một cái gì đó, anh chẳng tài nào thanh toán nổi một hóa đơn mà mình phải trả, anh mặc quần đùi trong khi phải mặc quần dài, anh cũng quên búng một buổi hẹn quan trọng. Cảm giác bất lực do giấc mơ tạo ra quần quanh suốt vài phút sau khi anh đã ngồi dậy. Tom chìa tay ra chạm vào mặt tủ đầu giường bằng gỗ dày, bóng loáng.

Sau đó anh gọi một cốc Kaffee Komplet.

Vài ngậm cà phê đầu tiên đã có ích. Anh phân vân xem nên làm gì đó về Bernard - làm gì đây? - hay gọi cho Jeff và Ed để kể cho họ nghe những gì đã xảy ra. Jeff chắc sẽ suy nghĩ rành mạch hơn, nhưng Tom không nghĩ anh ta hay Ed có thể nảy ra một ý tưởng nào đó về động thái kế tiếp của anh. Tom cảm thấy bồn chồn, tâm trạng này sẽ chẳng dẫn anh đến đâu cả. Lý do anh phải nói chuyện với Jeff và Ed chỉ đơn giản là vì anh cảm thấy sợ hãi và cô đơn.

Thay vì đợi trong một bưu điện ồn ào, đông đúc, Tom nhắc điện thoại bàn trong phòng mình và báo số của Jeff ở Luân Đôn. Khoảng nửa tiếng tiếp theo, trong lúc anh đợi điện thoại, là quãng thời gian lấp lửng kỳ lạ nhưng cũng không quá khó chịu. Tom dần dần nhận ra rằng chính anh đã thầm nghĩ hoặc ước Bernard đi tử tự, dù là cùng lúc ấy, vì vốn đã biết trước anh ta chuẩn bị tự sát, Tom khó có thể đổ lên đầu mình tội bắt Bernard đi đến bước đường cùng được. Ngược lại, Tom đã cho thấy khá rõ ràng là

mình còn sống - tận vài lần - trừ phi Bernard thà gặp ma còn hơn gặp người. Với lại việc Bernard tự tử có khi chẳng liên quan gì, dù có thì cũng chẳng nhiều, đến việc Tom tin là mình đã giết anh ta. Không phải Bernard đã tự treo cổ hình nộm của bản thân trong hầm rượu của anh, vài ngày trước khi anh ta tấn công anh trong rừng à?

Tom đồng thời nhận ra rằng anh muốn xác của Bernard, và chuyện này đã lẫn khuất trong đầu anh lâu rồi. Nếu anh lấy cái xác đó ra làm xác của Derwatt thì chuyện này sẽ mở ra câu hỏi điều gì đã xảy ra với Bernard Tufts. Sau này hăng lo liệu vấn đề đó, Tom nghĩ.

Điện thoại reo và anh lao bổ tới nó. Jeff cất tiếng.

“Tom đây. Ở Salzburg. Anh nghe rõ tôi nói chứ?”

Đường dây rất ổn định.

“Bernard... Bernard chết rồi. Nhảy xuống vách đá. Anh ta đã nhảy.”

“Không thể nào. Anh ta tự sát sao?”

“Phải. Tôi đã nhìn thấy anh ta. Luân Đôn thế nào rồi?”

“Họ... Cảnh sát đang tìm Derwatt. Họ không biết anh ta ở Luân Đôn hay... ở chỗ nào,” Jeff nói, lắp bắp.

“Chúng ta phải kết thúc chuyện Derwatt,” Tom nói, “và đây là cơ hội tuyệt vời. Đừng đề cập tới cái chết của Bernard cho cảnh sát nhé”.

Jeff không hiểu gì.

Những câu trò chuyện tiếp theo hết sức ngượng ngập vì Tom không thể cho Jeff biết ý định của anh. Tom nói hàm ý là bằng cách nào đó anh sẽ đưa tro cốt của Bernard ra khỏi Áo và có thể sẽ đem về Pháp.

“Ý anh là... Anh ấy đang ở đâu? Anh ấy vẫn đang nằm đó à?”

“Không có ai nhìn thấy anh ta hết. Chỉ là tôi buộc phải làm vậy thôi,” Tom nói với thái độ kiên nhẫn khổ sở và đau đớn, cố gắng đáp lại những câu hỏi thẳng thắn hoặc nửa vờ của Jeff, “như thể anh ta muốn tự thiêu hoặc muốn được thiêu ra tro. Không còn cách nào khác, đúng không?”.

Không, nếu anh còn muốn cố gắng giúp đỡ công ty Derwatt thêm một lần nữa.

“Không.” Jeff, vẫn hữu dụng như thường lệ.

“Tôi sẽ sớm thông báo cho cảnh sát Pháp, và cả Webster nữa nếu anh ta còn ở đó,” Tom nói với thái độ kiên định hơn.

“À, Webster đã quay lại. Họ đang tìm Derwatt ở đây và một người đàn ông - một cảnh sát mặc thường phục - hôm qua vừa đề xuất ý kiến là biết đâu Derwatt đã bị ai đó đóng giả.”

“Họ có nghĩ đến tôi không?” Tom lo lắng hỏi, nhưng đồng thời cũng trào lên cảm giác thách thức.

“Không hề, Tom. Tôi không nghĩ vậy. Nhưng ai đó - tôi không chắc có phải Webster không - nói rằng họ tự hỏi anh ở đâu tại Paris.” Jeff nói thêm, “Tôi nghĩ họ đã kiểm tra các khách sạn ở Paris”.

“Hiện thời,” Tom nói, “anh không biết tôi đang ở đâu, tự nhiên là vậy, và anh phải nói rằng Derwatt có vẻ tuyệt vọng. Anh cũng không tài nào biết được anh ta có thể đã đi tới đâu”.

Vài giây sau, họ dập máy. Nếu sau này cảnh sát điều tra hoạt động của Tom ở Salzburg và thấy cuộc điện thoại này trong hóa đơn của anh thì Tom sẽ khai rằng anh gọi điện vì Derwatt. Anh sẽ phải bịa ra một câu chuyện là anh đã đi theo Derwatt tới Salzburg, vì một lý do nào đó. Bernard cũng sẽ phải đóng một vai trong câu chuyện đó. Nếu Derwatt, chẳng hạn...

Derwatt, tuyệt vọng và phiền não vì việc ông Murchison biến mất và thậm chí có thể đã chết, có thể gọi cho Tom Ripley ở Belle Ombre. Derwatt có thể cũng biết được, qua Jeff và Ed, là Bernard đã tới Belle Ombre. Derwatt có thể đã đề nghị họ gặp nhau ở Salzburg, nơi anh ta muốn tới. (Hoặc có thể Tom sẽ đẩy cho Bernard là người đưa ra gợi ý về Salzburg.) Tom sẽ nói rằng anh đã gặp Derwatt ít nhất hai, ba lần gì đó ở Salzburg, có thể là đi cùng Bernard. Derwatt tuyệt vọng. Cụ thể là vì sao nhỉ? Chìu, Derwatt có nói gì cho Tom biết đâu. Derwatt chỉ nói rất ít về Mexico nhưng hỏi rất nhiều về ông Murchison, và nói rằng chuyển đi tới Luân Đôn của

anh ta đúng là sai lầm. Ở Salzburg, Derwatt khẳng khái đòi đi đến đủ chỗ lạ thường để uống cà phê, ăn một bát súp Gulyassuppe, hoặc uống một chai Grinzing. Đúng như tính cách của anh ta, Derwatt không hề kể cho Tom nơi mình nghỉ lại tại Salzburg, luôn bỏ lại anh và đi bộ một mình sau khi chào tạm biệt. Tom cho rằng anh ta đang ở đâu đó với tên giả.

Anh sẽ khai rằng anh ta muốn anh đừng kể cho một ai kể cả Heloise chuyện anh tới Salzburg để gặp Derwatt.

Câu chuyện đó, cho đến lúc ấy, bắt đầu khớp dần.

Tom mở cửa sổ nhìn xuống Sigmundsplatz, giờ nó đã đầy những xe đẩy hàng bày bán các củ cải trắng to khổng lồ, cam và táo tươi ngon. Mọi người đứng nhúng xúc xích dài vào sốt mù tạt trên các đĩa giấy.

Có thể bây giờ anh đã đủ sức đối diện với túi vải của Bernard rồi. Tom quỳ xuống sàn và mở khóa ra. Trên cùng là một cái áo bẩn. Bên dưới là quần đùi và áo lót. Tom quăng chúng ra sàn. Rồi anh xoay chìa khóa cửa phòng mình - dù không giống nhân viên của rất nhiều khách sạn khác, ở đây các cô hầu phòng không xộc vào mà không gõ cửa. Tom tiếp tục. Một tờ báo *Salzburger Nachrichten* số ra hai ngày trước, một tờ *Times* của Luân Đôn cũng cùng ngày. Bàn chải đánh răng, dao cạo, một chiếc lược đã mòn, một chiếc quần bằng vải bông thô màu be được cuộn tròn, và ở dưới đáy là quyển sổ màu nâu cũ mềm mà Bernard đã bỏ ra đọc ở Belle Ombre. Bên dưới là một sổ vẽ gáy xoắn, trên bìa có chữ ký của Derwatt, cũng là tên thương mại của công ty cung cấp dụng cụ vẽ. Tom mở nó ra. Các nhà thờ và tòa tháp theo phong cách Ba-rốc của Salzburg, có chỗ khá nghiêng, được trang trí thêm vòng xoắn. Lũ chim trông như dơi bay phía trên ở vài nơi. Bóng tối được tạo nên ở vài chỗ bằng cách dùng ngón cái ướm quệt ngang giấy. Có một bản phác thảo đã bị gạch xóa nặng nề. Trong một góc túi là một lọ mực Ấn Độ, đầu nút của nó đã bị vỡ mất, nhưng nó vẫn đầy kín mực, và một đồng bút vẽ cùng vài cây cọ được buộc dây chun chung với nhau. Tom cả gan mở quyển sổ nâu ra để xem có nhật ký mới gần đây không. Không có gì từ ngày 5 tháng Mười năm nay, nhưng giờ Tom chưa thể đọc nó được. Anh căm ghét việc đọc thư từ hay giấy tờ cá nhân của

người khác. Nhưng anh nhận ra tờ giấy viết thư được gấp lại đến từ Belle Ombre, hai tờ. Đây là tờ giấy mà Bernard đã viết vào buổi tối đầu tiên ở nhà Tom, và liếc qua anh thấy nó liệt kê danh sách tranh giả của Bernard, bắt đầu từ cách đây sáu năm. Tom không muốn đọc nó, anh xé tờ giấy thành từng mảnh vụn rồi thả vào sọt rác. Tom trả mọi thứ vào trong túi vải, khóa lại, và cất nó vào tủ đồ của anh.

Làm sao để mua dầu, xăng để thiêu cái xác nhỉ?

Anh có thể khai rằng xe của mình hết nhiên liệu. Chắc chắn là mọi chuyện không thể hoàn tất được trong hôm nay, vì chuyến bay duy nhất về Paris khởi hành lúc 2 giờ 40 phút chiều. Anh có vé khứ hồi. Tất nhiên anh cũng có thể đi tàu, nhưng như thế thì việc kiểm tra hành lý sẽ cẩn thận hơn chứ? Tom không muốn thanh tra hải quan mở va-li ra và phát hiện thấy một hũ tro.

Ở ngoài trời thì liệu xác người có thể cháy thành tro không nhỉ? Không phải sẽ cần đến lò sao? Để tăng nhiệt độ?

Tom rời khỏi khách sạn khi vừa qua trưa. Bên kia sông, anh mua một chiếc va-li bằng da lợn nhỏ xíu ở một cửa hàng trên đường Schwarzstrasse, và mua thêm cả vài tờ báo để cho chúng vào va-li. Hôm đó là một ngày đông bão, lạnh lẽo, dù vẫn có chút nắng. Tom lên một chiếc xe buýt đi ngược dòng sông ở khu vực thị trấn cổ, theo hướng Mariaplain và Bergheim, hai thị trấn mà anh đã tìm hiểu được tên. Tom xuống xe ở địa điểm mà anh nghĩ là đúng, và bắt đầu tìm trạm xăng. Anh mất đến hai mươi phút mới tìm ra. Anh bỏ lại chiếc va-li mới trong rừng trước khi tiến lại gần trạm xăng.

Người phục vụ rất lịch sự và đề nghị chở anh về chỗ xe của anh đậu, nhưng Tom nói rằng nó cũng không ở xa đây lắm, liệu anh có thể mua cả thùng đựng không vì anh không muốn quay lại? Tom mua mười lít. Anh không ngoái lại nhìn khi đi ra đường. Anh lấy va-li của mình. Ít nhất thì anh cũng đang đi đúng đường, nhưng đó là một quãng đường dài, và anh đã đi nhầm vào rừng hai lần.

Cuối cùng anh cũng tìm được nơi ấy. Anh nhìn thấy các tảng đá xám trước mặt. Tom bỏ va-li lại và vòng vèo xách xăng xuống. Máu đã tràn ra thành các dòng gân nhỏ lộn xộn dưới thân Bernard. Tom nhìn một vòng xung quanh. Anh cần một cái hang, một chỗ trú ẩn, thứ gì đó có mái che để tăng nhiệt độ. Anh sẽ cần đến rất nhiều gỗ. Anh nhớ lại hình ảnh những cái xác của Ấn Độ trên những bậc thềm bốc cháy ngùn ngụt. Rõ ràng là cần rất nhiều gỗ. Tom tìm được một chỗ thích hợp dưới vách đá, giống một cái hốc trong khe đá. Lăn cái xác xuống là việc dễ nhất.

Trước tiên Tom tháo chiếc nhẫn mà Bernard đeo, một chiếc nhẫn vàng có đính một thứ trông có vẻ là huy hiệu đã mòn vẹt. Anh dợm quăng nó vào trong rừng nhưng chợt nghĩ luôn có khả năng đến một lúc nào đó sẽ có người tìm thấy, nên anh đút nó vào túi, định sẽ đứng trên một cây cầu nào đó thả xuống sông Salzach. Tiếp đến là các túi quần. Không có gì ngoài vài đồng xu Áo trong áo mưa, thuốc lá còn lại trong túi áo khoác thì Tom để lại, ví trong túi quần và anh lấy toàn bộ đồ bên trong ra, nghiền nát chúng, cả tiền lẫn giấy, rồi lại nhét chúng vào túi của anh để dùng châm lửa hoặc sau đó sẽ quăng vào lửa. Sau đó anh nhắc cơ thể nhóp nhép lên và lăn. Nó lăn xuống các hòn đá. Tom trèo xuống và kéo cái xác về phía hốc đá mà anh đã phát hiện ra.

Sau đó, vui mừng vì có thể rời xa thứ đó, anh bắt đầu thu gom gỗ một cách hăng hái. Anh đi đi về về ngôi mộ nhỏ mà anh đã khám phá ra ít nhất sáu chuyến. Anh tránh nhìn vào mặt và đầu Bernard, tất cả giờ chỉ là một khoảng tối. Cuối cùng anh gom một đồng lá và cành cây khô, những gì có thể tìm được, và kẹp giấy cùng số tiền trong ví của Bernard vào giữa. Sau đó anh kéo lê cái xác lên trên đồng gỗ, nín thở khi kéo phần chân, dùng chân anh đẩy một cánh tay của cái xác vào đúng vị trí. Cơ thể cứng đờ, một tay chìa ra. Tom lấy xăng và đổ một nửa lên áo mưa, thấm đẫm nó. Anh quyết định tìm thêm củi để chất lên trên, trước khi châm lửa thiêu rụi toàn bộ.

Tom đốt một que diêm và quăng nó vào đồng củi từ xa.

Ngọn lửa bùng cháy ngay lập tức, màu vàng trắng. Tom - mắt khép hờ - tìm được một chỗ tránh khói. Tiếng nổ lép bép vang lên ồn ào. Anh không nhìn nữa.

Trong tầm mắt không có sinh vật sống nào cả, đến cả một con chim bay cũng không.

Tom thu thập thêm củi. Chắc cũng không cần quá nhiều, anh nghĩ. Khói nhạt màu nhưng bốc lên cuồn cuộn.

Một chiếc ô-tô đi qua trên đường, hẳn là xe tải, xét đến tiếng gầm của động cơ. Tom không nhìn thấy nó do cây cối che khuất. Âm thanh của nó nhỏ dần và anh hy vọng nó không dừng lại để tìm hiểu. Suốt ba, bốn phút, chẳng có gì xảy ra hết và Tom cho rằng lái xe đã chạy đi. Không nhìn những gì còn sót lại của Bernard, Tom hãy vài cành cây lại gần lửa hơn. Anh dùng một cái que dài. Anh cảm thấy mình thật vụng về, lửa không đủ nóng - không đủ độ nóng dữ dội cần thiết để hoàn toàn hỏa táng một cái xác. Do đó, việc duy nhất anh có thể làm là khiến ngọn lửa cháy lâu hết mức có thể. Giờ là 2 giờ 17 phút chiều. Hơi nóng từ ngọn lửa khá dữ dội nhờ mái che, và cuối cùng Tom phải vứt cành cây vào từ xa. Anh liên tục làm vậy suốt vài phút. Khi ngọn lửa hơi dịu xuống, anh có thể tiến lại gần nó, nhặt những cành cây cháy dở lên rồi quẳng chúng vào lửa. Vẫn còn nửa can xăng nữa.

Có phương pháp trong đầu, Tom thu thập thêm gỗ, đi xa hơn, cho nổ lực lần cuối cùng. Khi đã gom được một chồng gỗ, anh quẳng can xăng vào cái xác - nó vẫn còn hình dạng cơ thể người. Áo mưa và quần đã cháy nhưng giày thì chưa, cả da thịt, những gì anh thấy được, đã đen thui nhưng chưa cháy, rõ ràng mới chỉ bị hun khói. Thùng xăng phát ra tiếng bùm như tiếng trống nhưng không phải tiếng nổ. Tom vẫn liên tục nghe ngóng tiếng chân người hoặc tiếng cành cây lạo xạo trong rừng. Có khả năng sẽ có người vào đây vì thấy khói. Cuối cùng, Tom lùi lại vài bước, cởi áo mưa ra, và vắt nó lên cánh tay khi ngồi xuống đất, quay lưng về đám cháy. Cứ đợi hai mươi phút nữa đã, anh nghĩ thầm. Xương sẽ không cháy thành vụn, anh



biết. Có nghĩa là lại phải đào thêm một ngôi mộ nữa. Anh phải kiếm một cái xẻng ở đâu đó. Mua một cái chằng? Đi ăn trộm thì sẽ khôn ngoan hơn.

Khi Tom quay lại nhìn giàn thiêu, nó đã đen xì, bao quanh là một vòng tròn than hồng. Tom gạt chúng ra. Cơ thể vẫn cứ giữ hình dạng cơ thể. Đối với việc hỏa thiêu thì nó đã thất bại, Tom biết. Anh đấu tranh xem nên hoàn tất công việc trong hôm nay hay để mai quay lại và quyết định sẽ làm cho xong trong hôm nay, nếu vẫn còn đủ ánh sáng để anh nhìn thấy công việc mình đang làm. Thứ anh cần là một thứ để đào. Anh dùng cái que dài chọc cái xác và thấy nó nhũn như thạch. Tom đặt va-li xuống đất, trên một bụi cây.

Rồi anh gằn như chạy lên dốc, ra đường. Mùi khói thật kinh khủng và trên thực tế thì anh đã không hít thở mấy suốt vài phút. Anh có thể tìm xẻng suốt một tiếng đồng hồ nếu cần thiết, anh nghĩ. Anh muốn có một kế hoạch nào đó vì hiện giờ anh đang cảm thấy khá lạc lối và không thạo. Anh đi bộ xuống đường, không còn va-li, tay trống không. Sau vài phút, anh tới một con đường có vài ngôi nhà thưa thớt, không xa quán cà phê nơi Bernard đã uống ly vang đỏ. Có vài khu vườn gọn gàng, có vài nhà kính trồng cây, nhưng lại chằng có cái xẻng nào đặt cạnh tường gạch một cách thuận tiện cả.

“Gruss’ Gott\*!” Một người đàn ông nói, đang đào vườn bằng một cái thuổng hẹp, sắc, mà Tom có thể dùng được.

Anh thân nhiên đáp lại lời chào của ông ta.

Sau đó Tom nhìn thấy một bến xe buýt, cái mà hôm qua anh không hề để ý đến, một cô gái trẻ, hoặc là một phụ nữ, đang tiến về phía nó, về phía Tom. Hẳn sắp có một chiếc xe buýt đến. Tom muốn lên xe khi nó tới, quên cả cái xác lẫn cái va-li đi. Anh đi qua cô ta mà không liếc ngang, hy vọng cô ta không nhớ mặt anh. Đúng lúc đó Tom nhìn thấy một chiếc xe cút kít kim loại chất đầy lá cây cạnh vỉa hè, và đối diện nó là một cái xẻng. Anh không tin nổi. Một món quà nhỏ từ Chúa - chỉ có điều cái xẻng đó khá cùn. Tom đi chậm lại và liếc vào rừng, nghĩ chắc người công nhân sở hữu hai món đồ ấy chắc chỉ tạm thời biến vào rừng một lát.

Xe buýt đến. Cô gái lên xe và xe tiếp tục lăn bánh.

Tom cầm xẻng và tự nhiên đi bộ ngược trở lại con đường ban nãy, thờ ơ cầm cái xẻng như thể đang cầm ô, chỉ có điều anh phải cầm nó theo chiều ngang.

Về chỗ đốt xác, Tom thả xẻng xuống và tiếp tục tìm thêm củi. Thời gian trôi dần đi và khi trời vẫn còn đủ sáng để nhìn khá rõ, Tom đi sâu hơn vào trong rừng để tìm nhiên liệu. Anh nhận ra mình sẽ phải đập nát sọ và hơn tất thảy là phi tang đồng rặng, và anh không muốn phải quay lại đây vào ngày mai. Tom lại đốt lửa lên rồi cầm xẻng và bắt đầu đào một chỗ toàn lá ướn. Có chạc thì sẽ dễ hơn. Mặt khác, cái xác còn lại của Bernard sẽ không gợi hứng thú cho một con thú lang thang nào cả, nên mộ cũng không cần đào sâu lắm. Khi đã thấm mệt, anh quay lại chỗ ngọn lửa và không ngừng một giây, đập xẻng xuống sọ. Anh chưa gì đã thấy làm vậy chỉ vô dụng. Nhưng đập thêm vài nhát nữa là quai hàm long ra và Tom dùng xẻng cào nó ra. Anh bỏ thêm củi gần hộp sọ.

Sau đó anh tới chỗ va-li và trải đều báo ra bên trong va- li. Anh sẽ phải lấy một thứ gì đó từ cái xác. Anh rúm người lại trước ý nghĩ mang tay hoặc chân. Có thể là một ít da trên thân. Da là da, đây là người và sẽ không thể bị nhầm với da bò, chẳng hạn thế, Tom thấy vậy. Trong vài giây, anh thấy buồn nôn và khom người xuống, dựa vào một cái cây. Rồi anh cầm xẻng tiến thẳng tới chỗ lửa cháy và cào một ít da ở eo Bernard ra. Nó đen xỉn và hơi ẩm ướt. Tom dùng xẻng đưa nó về chỗ va- li và đổ xuống. Anh để va-li mở nguyên như thế. Sau đó anh nằm xuống đất, kiệt sức.

Chắc khoảng một tiếng trôi qua. Tom không ngủ. Anh nhận thức rất rõ về hoàng hôn đang buông xuống quanh mình và nhận ra là anh không có đèn pin. Anh đứng dậy. Thử đập xẻng vào sọ thêm lần nữa nhưng vẫn chẳng được kết quả gì. Và cho dù anh có dẫm chân lên cái xác thì cũng vậy, Tom biết. Chắc phải dùng đến đá. Tom tìm được một hòn đá và lăn nó về phía ngọn lửa. Sau đó anh dùng chút sức lực mới khai phá ra, chỗ sức lực ấy cũng chẳng nhiều nhận gì, và thả đá xuống sọ. Tảng đá nằm lại đó. Sọ bị nghiền nát bên dưới. Tom dùng xẻng đẩy hòn đá đi, vội vã lùi lại để tránh

cái nóng của ngọn lửa đỏ hồng. Anh chọc chọc, và dùng xẻng lôi ra một đồng xương lạ lắm và thứ hãn là hàm răng trên.

Động tác này khiến anh thấy nhẹ nhõm và giờ Tom bắt đầu dọn dẹp đồng lửa. Lạc quan, anh thấy hình dạng dài năm kia không còn tương đồng chút nào với xác người nữa. Anh tiếp tục đào. Nó là một cái hào nông và không lâu sau đã sâu khoảng một mét. Tom dùng xẻng lăn cái thứ đang bốc khói về phía ngôi mộ mà anh vừa đào xong. Thình thoảng anh lại phải dập các ngọn lửa nhỏ trên mặt đất bằng xẻng. Anh kiểm tra trước khi chôn sợ để xem có đúng anh đã phi tang được hàm răng trên và đúng là anh đã thành công. Anh chôn phần xác còn lại và phủ đất lên. Một chút vòng khói bốc lên từ đồng lá mà anh đã rải lên trên lần cuối cùng. Anh xé báo từ trong va-li và bọc mẫu xương có chứa hàm răng trên lại, cũng gỡ cả hàm răng dưới ra và bọc nó vào.

Anh dồn lửa vào một chỗ và cố gắng đảm bảo tro than không bay ra ngoài và đốt lửa giữa rừng cây. Anh kéo lá ra khỏi chỗ đốt lửa để chuyện đó không xảy ra. Nhưng anh không thể tốn thêm thời gian ở đây vì trời mỗi lúc một tối. Tom gấp báo trong va-li lại quanh cái gói nhỏ và đi lên dốc, cầm theo va-li và xẻng.

Khi anh đến trạm xe buýt đó, cái xe cút kít không còn ở chỗ lúc trước nữa. Dầu vậy Tom vẫn bỏ xẻng lại.

Đi đến trạm xe buýt tiếp theo, cũng khá xa, anh mới đứng lại đợi. Một người phụ nữ đến đợi cùng anh. Tom không nhìn cô ta.

Khi chiếc xe lăn bánh và xóc loạn lên, khiến hành khách nảy lên rồi xuống với cái cửa kêu vù vù, Tom cố gắng suy nghĩ, những ý nghĩ hỗn loạn, như thường lệ. Sẽ thế nào nếu tất cả bọn họ - Bernard, Derwatt, và chính anh - gặp nhau ở đây, ở Salzburg này, nói chuyện với nhau vài ba lần? Derwatt nói đến chuyện tự tử. Anh ta nói muốn được hỏa táng, không phải trong lò thiêu mà ở ngoài trời. Anh ta đã nhờ Bernard và Tom giúp. Anh đã cố gắng thuyết phục cả hai người họ thoát khỏi cảm xúc tuyệt vọng, nhưng Bernard thì tuyệt vọng vì Cynthia (Jeff và Ed có thể làm chứng cho chuyện đó), còn Derwatt thì...

Tom xuống xe, không quan tâm mình đang ở đâu, vì anh muốn suy nghĩ trong lúc đi bộ.

“Ngài có cần tôi xách túi không?” Người xách hành lý ở Goldener Hirsch hỏi.

“À, nó nhẹ lắm,” Tom nói. “Cảm ơn anh.” Anh lên phòng của mình.

Tom rửa mặt và tay, sau đó cởi quần áo và đi tắm. Anh đang hình dung ra cuộc đối thoại giữa Bernard và Derwatt trong các quán bia và rượu vang ở Salzburg. Đó sẽ là lần đầu tiên Bernard gặp lại Derwatt từ khi Derwatt đến Hy Lạp năm, sáu năm trước, vì Bernard đã tránh gặp anh ta trong lần Derwatt quay lại Luân Đôn, và Bernard lại không ở Luân Đôn trong chuyến thăm ngắn ngủi thứ hai của Derwatt. Bernard đã đến Salzburg trước. Bernard nói với Tom về nơi này ở Belle Ombre (đây là sự thật), và khi Derwatt gọi cho Heloise ở Belle Ombre, cô đã nói cho Derwatt biết chuyện Tom tới Salzburg để gặp hay cố gắng tìm gặp Bernard, do đó Derwatt đã đi theo. Derwatt đã đến đây dưới tên gì? Chuyện đó sẽ mãi là một bí ẩn. Giống như làm gì có ai biết tên Derwatt dùng ở Mexico đâu? Tom chỉ còn phải dặn Heloise (nhưng chỉ khi và nếu có người hỏi cô) là Derwatt đã gọi tới Belle Ombre.

Có thể câu chuyện chưa hoàn hảo và được sắp xếp tỉ mỉ, nhưng đó là khởi đầu.

Lần thứ hai anh đối mặt với túi đồ của Bernard và giờ anh tìm đọc những ghi chép gần đây của anh ta. Ghi chép ngày 5 tháng Mười viết, “Thình thoảng tôi lại cảm thấy mình như đã chết rồi. Kỳ lạ thay tôi vẫn còn sót lại một chút ý thức để nhận ra danh tính của tôi, bản thân tôi, đã tan rã và biến mất sao đó. Tôi chưa từng là Derwatt. Nhưng giờ liệu tôi có thật sự còn là Bernard Tufts không?”.

Tom không thể để hai câu cuối đó lại nên anh xé cả trang đi.

Vài bức tranh có đôi dòng chữ. Vài dòng về màu sắc, màu xanh của các tòa nhà ở Salzburg. “Lãng mộ công cộng ồn ào của Mozart - không có nổi một bức tranh chân dung của ông mà người ta thấy đẹp.” Rồi cả, “Tôi

rất hay nhìn sông. Nó là một dòng sông chảy nhanh và như thế thật dễ chịu. Có thể đó là cách giải thoát tuyệt vời nhất, một tối nào đó nhảy xuống khỏi một cây cầu với hy vọng không có ai ở quanh đó để hét lên ‘Cứu anh ta!’”.

Đó chính là điều Tom cần và anh vội vã đóng sổ vẽ lại và thả nó vào trong túi.

Liệu có đoạn nhật ký nào nói về anh không nhỉ? Tom lại tìm kiếm tên hoặc chữ cái viết tắt của tên anh trong sổ vẽ. Rồi anh mở quyển sổ nâu ra. Phần lớn trong đó là các đoạn trích sao chép từ nhật ký của Derwatt và vài đoạn nhật ký cuối cùng, do Bernard tự viết, đều có ghi rõ ngày tháng, chỉ trừ đúng giai đoạn anh ta ở Luân Đôn. Không nói gì về Tom Ripley hết.

Tom đi xuống nhà hàng trong khách sạn. Lúc đó đã muộn nhưng anh vẫn có thể gọi món. Sau khi ăn vài miếng, anh bắt đầu cảm thấy khỏe hơn. Ly rượu vang trắng nhẹ, mát lạnh khiến anh hứng khởi. Anh có thể rời khỏi đây trên chuyến bay chiều mai. Nếu cuộc điện thoại của anh cho Jeff ngày hôm qua bị điều tra, Tom sẽ nói rằng anh đã nảy ra suy nghĩ gọi cho Jeff để báo rằng Derwatt đang ở Salzburg và Tom thấy lo lắng cho anh ta. Anh cũng sẽ phải nói rằng mình đã nhờ Jeff đừng cho ai biết nơi anh ta đang ở - đặc biệt là “công chúng”. Còn Bernard? Tom có thể kể cho Jeff biết là Bernard cũng đang ở Salzburg, bởi vì sao lại không thể nói thế chứ? Cảnh sát đâu có đi tìm Bernard Tufts. Sự biến mất của anh ta chắc chắn chỉ là một vụ tự sát, chắc là nhảy xuống sông Salzach, hẳn đã diễn ra vào chính cái ngày Tom và Bernard hỏa thiêu xác của Derwatt. Tốt nhất cứ nói là Bernard đã giúp anh làm việc đó.

Anh sẽ bị khiển trách vì trợ giúp và tiếp tay cho một vụ tự tử, Tom đoán vậy. Họ sẽ xử những người như vậy ra sao nhỉ? Derwatt đã khẳng khái đòi uống một lượng lớn thuốc ngủ, Tom sẽ nói như vậy. Ba người họ đã dành cả sáng trong rừng, đi dạo. Derwatt đã uống vài viên thuốc ngủ trước khi họ gặp nhau. Không tài nào cản nổi anh ta uống nốt chỗ thuốc còn lại và - Tom sẽ phải thú nhận - anh không muốn can thiệp vào khao khát ra đi mãnh liệt đến thế của Derwatt. Bernard cũng không.

Tom về phòng, mở cửa sổ ra, rồi mở chiếc va-li da lợn. Anh lấy gói giấy báo nhỏ hơn ra và bọc thêm báo. Nó vẫn chẳng to hơn một quả bưởi là bao. Rồi anh đóng va-li lại phòng trường hợp có hầu phòng bước vào (dù giường đã được dọn sẵn để đi ngủ), vẫn để cửa sổ mở hé ra, và mang theo gói đồ nhỏ xuống gác. Anh đi lên cây cầu bên tay phải, cây cầu có tay vịn, nơi anh đã thấy Bernard dựa vào ngày hôm qua. Tom dựa vào thành cầu với tư thế y hệt. Và khi không có hành khách nào đi ngang qua, Tom buông tay ra và để gói đồ rơi xuống. Nó rơi xuống nhẹ bẫng và sớm mất hút khỏi tầm mắt trong bóng tối. Tom mang theo nhẫn của Bernard và cũng thả xuống hệt như vậy.

Sáng hôm sau, anh đặt vé máy bay rồi ra ngoài mua vài món đồ, chủ yếu cho Heloise. Anh mua cho cô một chiếc áo gile màu xanh lục, một chiếc áo khoác len Wolljanker màu xanh dương sáng giống màu của hộp thuốc lá Gauloise, và một chiếc áo sơ mi trắng có xếp nếp, mua cho mình một chiếc áo gile màu xanh lục sậm hơn và vài con dao sấn.

Lần này, chiếc máy bay nhỏ của anh mang tên *Ludwig van Beethoven*.

Đến sân bay Orly lúc tám giờ tối, Tom chìa hộ chiếu của mình ra. Người ta nhìn anh rồi nhìn ảnh, không đóng dấu. Anh đi tắc-xi tới Villeperce. Anh đã sợ là Heloise có khách tới chơi, và anh đã đoán đúng, anh biết điều đó nhờ chiếc Citroen màu đỏ sậm to lù lù trước cửa nhà. Xe ô-tô của nhà Grais.

Họ đã ăn gần xong bữa tối. Một ngọn lửa nhỏ để chịu được thắp lên.

“Sao anh không gọi điện chứ?” Heloise trách nhưng cô rất vui khi gặp anh.

“Đừng để anh làm gián đoạn bữa tối của mọi người,” Tom nói.

“Nhưng chúng tôi ăn xong rồi mà!” Agnes Grais nói.

Đúng thế. Họ chuẩn bị uống cà phê trong phòng khách.

“Anh đã ăn tối chưa, anh Tome?” Bà Annette hỏi.

Tom trả lời là anh đã ăn rồi, nhưng anh muốn uống cà phê. Tom, nói chuyện khá bình thường, theo anh nghĩ, kể cho nhà Grais biết việc anh đã

đến Paris để gặp một người bạn đang gặp chút vấn đề cá nhân. Nhà Grais không hay thọc mạch. Tom hỏi vì sao Antoine, kiến trúc sư bận rộn, lại ở Villeperce trong một tối thứ Năm?

“Tự giải phóng bản thân thôi,” Antoine nói. “Thời tiết đẹp, tôi thuyết phục mình là tôi đang ghi chép lại ý tưởng cho một tòa nhà mới và quan trọng hơn nữa là, tôi đang thiết kế lò sưởi cho phòng khách nhà mình.” Anh ta cười lớn.

Chỉ có Heloise, Tom nghĩ, nhận thấy anh không giống bình thường cho lắm. “Bữa tiệc của Noelle hôm thứ Ba thế nào?” Tom hỏi.

“Vui lắm!” Agnes nói. “Chúng tôi nhớ anh lắm.”

“Thế còn ông Mur-chee-son bí ẩn thế nào rồi?” Antoine hỏi. “Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“À... họ vẫn chưa tìm được ông ta. Bà Murchison đã đến đây gặp tôi - chắc Heloise đã kể cho hai người rồi.”

“Chưa hề,” Agnes nói.

“Tôi không giúp bà ta được nhiều,” Tom nói. “Bức tranh của chồng bà ta, một bức do Derwatt vẽ, cũng đã bị ăn trộm ở sân bay Orly.” Kể chuyện đó ra không có hại gì cả, Tom nghĩ, vì nó là sự thật và cũng đã được đăng trên báo.

Sau khi uống cà phê, Tom cáo lỗi, nói rằng anh muốn dọn va-li và sẽ quay lại ngay. Anh bực bội khi thấy bà Annette đã mang va-li của anh lên nhà, yêu cầu bỏ chúng lại dưới gác của anh đã bị tảng lờ. Lên tầng, Tom nhẹ nhõm khi thấy rằng bà Annette chưa hề mở cả hai va-li ra, có thể vì bà ta còn nhiều việc phải làm dưới nhà. Tom đặt chiếc va-li da lợn mới vào tủ quần áo và mở nắp chiếc va-li còn lại ra, nó chứa đầy đồ anh mới mua. Rồi anh xuống nhà.

Nhà Grais có thói quen thức dậy sớm và ra về trước mười một giờ.

“Webster có gọi lại không?” Tom hỏi Heloise.

“Không.” Cô nhẹ nhàng trả lời bằng tiếng Anh, “Để bà Annette biết chuyện anh đã đến Salzburg có sao không?”.

Tom mỉm cười, nụ cười nhẹ nhõm vì năng lực của Heloise. “Được chứ. Trên thực tế thì giờ em phải nói là anh đã đến đó.” Tom muốn giải thích nhưng anh lại không thể kể cho Heloise nghe về tro cốt của Bernard tối nay, hay bất kỳ một tối nào được. Tro của Derwatt - Bernard. “Anh sẽ giải thích sau. Giờ anh phải gọi tới Luân Đôn đã.” Tom cầm điện thoại lên và gọi tới studio của Jeff.

“Chuyện gì đã xảy ra ở Salzburg vậy? Anh có gặp gã điên đó không?” Heloise gặng hỏi, lo lắng cho Tom nhiều hơn là bức bối với Bernard.

Tom liếc vào bếp nhưng bà Annette đã chào đi ngủ và đóng cửa lại. “Kẻ điên đó chết rồi. Tự tử.”

“*Thật à! Anh không đùa chứ, Tome?*”

Nhưng Heloise biết rõ là anh không đùa. “Chuyện quan trọng - em phải nói với mọi người thế này nhé - là anh đã tới Salzburg.” Tom quỳ xuống trên sàn, cạnh ghế của cô, ngả đầu vào lòng cô trong giây lát, rồi đứng dậy và hôn cả hai má của cô. “Em yêu, anh phải nói là Derwatt cũng đã chết ở Salzburg. Và... trong trường hợp có người hỏi em thì nhớ nói Derwatt đã từng gọi tới Belle Ombre từ Luân Đôn, đòi gặp anh. Nên em cho anh ta biết là ‘Tom đã tới Salzburg’. Được chứ? Dễ nhớ lắm vì đó là sự thật.”

Heloise liếc nhìn anh ngờ vực, có phần tinh quái. “Cái gì là thật mà cái gì là giả?”

Giọng cô có vẻ triết học lạ lùng. Nó đúng là một câu hỏi dành cho các triết gia, mà sao anh và Heloise phải bận tâm về điều đó cơ chứ? “Lên gác đi và anh sẽ chứng minh là mình đã tới Salzburg.” Anh kéo Heloise rời khỏi ghế.

Họ lên phòng Tom và xem các món đồ trong va-li của anh. Heloise mặc thử áo gile xanh lục vào. Cô ôm chiếc áo khoác màu xanh dương. Cô thử nó lên người và nó vừa in.



“Anh lại còn mua một chiếc va-li mới nữa chứ!” Cô nói khi thấy chiếc va-li da lợn màu nâu trong tủ đồ của anh.

“Nó khá bình thường mà,” Tom nói bằng tiếng Pháp khi điện thoại reo. Anh đuổi cô ra xa cái va-li. Tom được báo là điện thoại của Jeff không có ai bắt máy và Tom nhờ tổng đài viên tiếp tục cố gắng. Giờ đã gần nửa đêm.

Tom tắm trong khi đó Heloise vẫn nói chuyện với anh. “Bernard *chết* thật rồi à?” Cô hỏi.

Tom đang rửa trôi xà phòng, sung sướng được về nhà, cảm giác có chiếc bồn tắm mà anh quen thuộc dưới chân. Anh mặc một bộ đồ ngủ lụa vào. Anh không biết phải bắt đầu giải thích từ đâu. Điện thoại reo. “Nếu em nghe anh nói chuyện,” Tom nói, “thì em sẽ hiểu”.

“Xin chào?” Giọng Jeff cất lên.

Tom đứng thẳng dậy, căng thẳng, giọng nghiêm trọng. “Xin chào. Tom đây. Tôi gọi tới để báo cho anh biết là Derwatt đã chết ... Anh ta đã chết ở Salzburg...”

Jeff lắp bắp như thể điện thoại của anh ta đang bị nghe lén, và Tom vẫn tiếp tục nói như một công dân trung thực bình thường nhất:

“Tôi vẫn chưa báo cho cảnh sát ở bất kỳ đâu biết cả. Cái chết - nó diễn ra trong hoàn cảnh mà tôi không muốn miêu tả qua điện thoại.”

“Anh có... ch-chuẩn bị tới Luân Đôn không?”

“Tôi không tới đâu. Nhưng anh có thể nói chuyện với Webster và báo cho anh ta biết việc tôi đã gọi cho anh, rằng tôi đã tới Salzburg để tìm Bernard không... Mà thôi, đừng bận tâm đến Bernard vội, chỉ trừ một chuyện quan trọng này nữa. Anh có thể tới studio của anh ta và tiêu hủy mọi dấu vết của Derwatt không?”

Jeff hiểu. Anh ta và Ed quen người quản lý tòa nhà. Họ có thể lấy chìa khóa. Họ có thể nói dối là Bernard cần gì đó. Và Tom hy vọng chuyện này cũng sẽ giúp mang các bức phác thảo, những bức tranh sơn dầu dang dở mà có thể họ cần đưa ra ngoài.

“Làm cho kín kẽ vào,” Tom nói. “Tiếp tục nhé, Derwatt đã gọi cho vợ tôi vài ngày trước. Cô ấy cho anh ta biết là tôi đã tới Salzburg.”

“Rồi, nhưng vì sao...”

Tom đoán Jeff định hỏi vì sao Derwatt lại muốn tới Salzburg. “Tôi nghĩ chuyện quan trọng là tôi phải sẵn sàng gặp Webster ở đây. Trên thực tế, tôi muốn gặp anh ta. Tôi có tin mới.”

Tom đập máy và quay sang nhìn Heloise. Anh cười, gần như không dám cười. Vậy nhưng, không phải anh chuẩn bị thành công rồi sao?

“Ý anh là gì,” Heloise hỏi bằng tiếng Anh, “khi nói Derwatt đã chết ở Salzburg trong khi anh từng kể cho em là anh ta đã chết mấy năm trước ở Hy Lạp?”

“Chưa có ai chứng minh là anh ta đã chết cả. Em biết không, em yêu, anh làm những việc này chỉ để bảo vệ... danh dự của Philip Derwatt mà thôi.”

“Làm sao người ta có thể giết một người đã chết rồi?”

“Em có thể để chuyện đó lại cho anh không? Anh có...” Tom nhìn đồng hồ đeo tay của anh trên tủ đầu giường. “Anh còn cần xử lý công chuyện trong ba mươi phút nữa và sau đó anh rất muốn được cùng em...”

“Công chuyện gì?”

“Những việc vụn vặt.” Thánh thần ơi, nếu một người phụ nữ mà không hiểu việc vụn vặt thì còn ai hiểu nữa? “Những công tác tụn mún.”

“Chúng không thể chờ tới sáng được à?”

“Có thể thanh tra Webster sẽ đến ngay ngày mai. Thậm chí là ngay sáng mai. Và đến khoảng thời gian em thay đồ xong, tầm lúc đó, anh đã tới bên em rồi.” Anh kéo cô dậy. Cô vui lòng đứng dậy nên anh biết là cô đang vui vẻ. “Có tin gì từ cha em không?”

Heloise xô ra một tràng tiếng Pháp, đại loại là, “Ôi, trong một tối như thế này thì kệ cha em đi!... Hai người chết ở Salzburg! Ý anh là một đấy nhỉ, anh yêu. Hay ý anh là không có ai cả?”

Tom cười, vui vẻ trước thái độ báng bố của Heloise, vì nó giống hệt anh. Vẻ đứng đắn của cô chỉ là một lớp ngụy trang, Tom biết, không thì chắc chắn cô đã chẳng bao giờ cưới anh.

Khi Heloise đi sang bên kia hành lang, Tom đi về phía chiếc va-li của mình và mang quyển sổ nâu cùng sổ vẽ của Bernard ra, đặt chúng gọn gàng trên bàn làm việc của anh. Anh đã vớt quần vải thô cùng áo sơ mi của Bernard trong một thùng rác ở một con phố của Salzburg, và vớt cái túi vải vào một thùng rác khác. Câu chuyện Tom định kể là Bernard nhờ anh cầm túi vải của anh ta trong lúc anh ta đi tìm một khách sạn khác. Bernard chẳng bao giờ trở lại nữa và Tom chỉ giữ lại những đồ vật giá trị. Rồi anh lấy chiếc nhẫn Mexico mà anh đã đeo trong lần đầu tiên đóng giả Derwatt ở Luân Đôn ra khỏi hộp trang sức của mình. Anh cầm nó xuống nhà, lặng lẽ, đi chân trần. Tom đặt chiếc nhẫn vào giữa đồng tro tàn còn sót lại trong lò sưởi. Nó có thể sẽ chảy ra thành cục, anh đoán vậy, vì bạc Mexico rất tinh khiết và mềm. Thứ sót lại sẽ được anh cho vào đồng tro của Derwatt - chứ không phải Bernard. Ngày mai anh phải dậy sớm, trước khi bà Annette dọn tro khỏi lò sưởi.

Heloise đang nằm trên giường, hút thuốc lá. Anh không thích hút loại thuốc lá màu vàng của cô nhưng thích mùi khói khi cô hút. Tom ôm chặt Heloise hơn khi họ tắt đèn đi. Tiếc là tối nay anh đã không quăng hộ chiếu của Robert Mackay vào lửa. Liệu có khoảnh khắc bình yên nào dành cho anh không?

## CHƯƠNG 25

Tom gỡ người ra khỏi Heloise đang say ngủ, rút một cánh tay từ dưới cổ cô ra, mạo hiểm lật người cô lại và hôn lên một bầu ngực trước khi nhẹ nhàng xuống giường. Cô không bị đánh thức hẳn và chắc đang nghĩ anh đi vệ sinh. Tom đi chân trần về phòng mình và lấy quyển hộ chiếu Mackay ra khỏi túi áo khoác.

Anh xuống tầng. Bảy giờ kém mười lăm theo đồng hồ gần điện thoại. Ngọn lửa đã cháy rụi thành tro trắng phớt, nhưng không nghi ngờ gì nó vẫn còn ấm. Tom lấy một nhánh cây và cời tro ra để tìm chiếc nhẫn bạc, cùng lúc ấy chuẩn bị che giấu quyển hộ chiếu màu xanh lục trong tay - anh đã gập quyển sổ làm đôi - phòng trường hợp bà Annette bước vào. Tom tìm ra chiếc nhẫn, đã đen xỉ và hơi thay hình đổi dạng, nhưng không chảy nhũn ra như anh đã nghĩ. Anh đặt nhẫn lên nền lò sưởi để nó nguội lại, khuấy đồng tro lên, và xé toạc quyển hộ chiếu. Anh lấy diêm để đẩy nhanh tốc độ cháy của hộ chiếu, đứng nhìn cho tới khi nó cháy thành tro. Sau đó anh cầm nhẫn lên gác, đặt nó cùng chỗ với món đồ màu đỏ và đen không thể miêu tả rõ trong chiếc va-li da lợn mang về từ Salzburg.

Điện thoại reo và Tom nhấc máy ngay lập tức.

“À, điều tra viên Webster à, xin chào!... Không sao cả, tôi đã dậy rồi.”

“Nếu tôi hiểu anh Constant thì... Derwatt đã chết rồi?”

Tom thoáng ngập ngừng, và Webster nói thêm là đêm qua Constant đã gọi tới văn phòng của anh ta và để lại một tin nhắn. “Anh ta đã tự sát ở Salzburg,” Tom nói. “Tôi vừa đến Salzburg đây.”

“Tôi muốn gặp anh, anh Ripley, và lý do tôi gọi điện sớm thế này là vì tôi phát hiện ra mình có thể lên chuyến bay lúc chín giờ sáng. Tôi có thể đến gặp anh trong sáng nay vào khoảng mười một giờ được không?”

Tom sẵn lòng đồng ý.

Sau đó anh quay lại phòng ngủ của Heloise. Họ sẽ được bà Annette đánh thức - nếu Tom ngủ thiếp đi - trong một tiếng nữa với trà dành cho Heloise và cà phê cho anh.

Bà Annette đã quen với việc thấy cả hai người họ ngủ chung phòng với nhau, phòng anh hoặc cô. Tom không ngủ, nhưng việc nghỉ ngơi một chút, như quãng thời gian anh nằm bên Heloise, giúp anh hồi phục sức khỏe.

Bà Annette lên gác vào khoảng tám rưỡi sáng, và Tom ra hiệu là anh sẽ uống cà phê nhưng Heloise muốn ngủ thêm. Tom nhắm nháp cà phê và nghĩ xem mình phải làm gì, phải hành xử như thế nào. Thành thật là trên hết, Tom nghĩ, và anh kể đi kể lại câu chuyện trong đầu mình. Derwatt gọi điện vì thấy đau đớn trước sự biến mất của ông Murchison (quá mức đau đớn, kỳ lạ thay, một thứ vô lý nhưng lại có vẻ rất thực, một phản ứng không lường trước có vẻ chân thật), và hỏi anh ta có thể tới gặp Tom không? Heloise báo cho anh ta biết là Tom đã tới Salzburg để tìm Bernard Tufts. Phải, tốt nhất là để Heloise kể cho Webster nghe về Bernard. Đối với Derwatt, Bernard Tufts là một người bạn cũ mà anh ta sẽ giúp đỡ ngay lập tức. Ở Salzburg, anh và Derwatt còn lo lắng cho Bernard hơn cả ông Murchison.

Khi Heloise cựa quậy, Tom rời giường và đi xuống nhà để nhờ bà Annette pha trà mới. Lúc đó là khoảng chín rưỡi.

Tom ra ngoài xem ngôi mộ cũ của ông Murchison. Đã có vài cơn mưa đổ xuống kể từ lần cuối cùng anh nhìn thấy nó. Anh để lại vài cành cây trên mộ như hiện trạng vì trông chúng rất tự nhiên, không giống có người cố gắng che giấu nơi ấy, và Tom cũng chẳng có lý do gì để che giấu việc đào bới của cảnh sát hết.

Tầm mười giờ, bà Annette ra ngoài mua đồ.

Tom báo cho Heloise biết rằng thanh tra Webster sắp đến và anh, Tom, muốn có sự hiện diện của cô. “Em có thể thành thật nói rằng anh đã tới Salzburg để cố gắng tìm Bernard.”

“Tay Webster có định buộc tội anh không?”

“Làm sao anh ta có thể?” Tom đáp lại, mỉm cười.

Webster đến nơi lúc mười một giờ kém mười lăm. Anh ta mang theo cặp táp đen, trông nhanh nhẹn như một bác sĩ.

“Đây là vợ tôi - anh đã gặp rồi,” Tom nói. Anh cầm áo hộ Webster và mời anh ta ngồi xuống.

Viên thanh tra ngồi xuống sô-pha. Đầu tiên anh ta điếm lại các mốc thời gian, ghi chú. Tom đã được Derwatt liên lạc hôm nào? Ngày 3 tháng Mười một, Chủ nhật, Tom nghĩ thầm.

“Vợ tôi đã nghe máy khi anh ta gọi tới,” Tom nói. “Tôi thì đang ở Salzburg.”

“Cô đã nói chuyện với Derwatt à?” Webster hỏi Heloise.

“Đúng thế. Anh ta muốn nói chuyện với Tome cơ, nhưng tôi bảo là Tom đến Salzburg rồi - để tìm Bernard.”

“Hừm. Anh đã ngủ lại khách sạn nào?” Webster hỏi. Anh ta vẫn giữ nụ cười cố hữu, từ vẻ vui tươi của anh ta thì người ta sẽ nghĩ chẳng có ai chết cả.

“Khách sạn Goldener Hirsch,” Tom nói. “Đầu tiên tôi tới Paris, tìm kiếm Bernard Tufts theo trực giác, rồi tôi lại tới Salzburg - vì Bernard từng nhắc đến nơi này với tôi. Anh ta không kể là anh ta định tới đó mà chỉ nói muốn ngắm nó lần nữa. Nó là một thị trấn nhỏ và không khó tìm một người mà anh muốn tìm kiếm. Dẫu sao đi nữa, tôi đã tìm được Bernard vào ngày thứ hai.”

“Anh đã gặp ai trước, Bernard hay Derwatt?”

“À, Bernard, vì tôi muốn tìm anh ta mà. Tôi không hề biết Derwatt cũng đến Salzburg.”

“Và... tiếp tục đi,” Webster nói.

Tom rướn người trong ghế. “À... tôi nhớ là mình đã nói chuyện riêng với Bernard một hay hai lần gì đó. Với Derwatt cũng vậy. Rồi chúng tôi ngồi cùng nhau vài lần. Họ là bạn cũ. Tôi nghĩ Bernard mới là người trầm cảm hơn. Cô bạn Cynthia của anh ta ở Luân Đôn không muốn gặp lại anh ta nữa. Không phải Derwatt...” Tom ngập ngừng. “Derwatt có vẻ còn quan tâm tới Bernard hơn chính bản thân anh ta. Tiện thể tôi giữ vài quyển sổ của Bernard mà tôi nghĩ phải cho anh xem.” Tom đứng dậy nhưng Webster nói:

“Tôi cần ghi lại vài sự kiện trước đã. Bernard đã tự tử như thế nào?”

“Anh ta biến mất. Nó diễn ra ngay sau cái chết của Derwatt. Theo những gì anh ta viết trong sổ thì tôi nghĩ anh ta chắc đã nhảy xuống sông ở Salzburg. Nhưng tôi không hoàn toàn chắc chắn về điều đó nên không thể báo cho cảnh sát ở đó được. Tôi muốn nói chuyện với anh trước đã.”

Webster trông có vẻ bối rối, hoặc mù mịt, phản ứng này cũng không khiến Tom ngạc nhiên. “Tôi rất quan tâm tới sổ của Bernard, nhưng Derwatt - chuyện gì đã xảy ra ở đó?”

Tom liếc nhìn Heloise. “À, hôm thứ Ba, tất cả chúng tôi hẹn gặp nhau lúc mười giờ sáng. Derwatt nói rằng anh ta đã uống thuốc an thần. Trước đó anh ta từng đề cập tới việc tự tử và nói muốn được hỏa táng - bởi chúng tôi, Bernard và tôi. Ít nhất bản thân tôi không hề coi đó là chuyện nghiêm trọng cho tới hôm thứ Ba khi anh ta mơ màng xuất hiện và kiểu... pha trò cười. Anh ta uống thêm thuốc ngủ trong lúc bọn tôi đi dạo. Chúng tôi vào rừng, nơi Derwatt muốn đến.” Tom nói với Heloise, “Em yêu, nếu em không muốn nghe thì nên lên gác. Anh phải kể mọi chuyện đúng như những gì đã diễn ra”.

“Em sẽ nghe.” Heloise áp tay lên mặt trong giây lát rồi thả tay xuống và đứng dậy. “Em sẽ nhờ bà Annette pha trà. Được chứ, Tome?”

“Ý hay đấy,” Tom nói. Anh tiếp tục với Webster, “Derwatt đã nhảy xuống khỏi một mỏm đá, đập vào nền đá bên dưới. Anh có thể nói rằng anh ta đã tự sát theo ba cách, uống thuốc an thần, nhảy khỏi mỏm đá - và rồi bị hỏa thiêu, nhưng chắc chắn anh ta đã chết khi chúng tôi thiêu anh ta. Anh ta chết vì cú nhảy. Bernard và tôi quay lại... vào ngày hôm sau. Chúng tôi đốt cháy những gì có thể. Sau đó chúng tôi chôn phần xác còn lại”.

Heloise quay vào.

Webster vừa ghi chép vừa hỏi, “Ngày hôm sau. Mừng 6 tháng Mười một, thứ Tư”. Bernard đã ở đâu? Tom có thể trả lời câu hỏi này, một chỗ tên Der Blaue gì đó ở Linzergasse. Nhưng sau thứ Tư thì Tom cũng không chắc. Họ đã mua xăng ở đâu và khi nào? Tom rất mơ hồ về nơi đó, nhưng đó là trưa thứ Tư. Derwatt đã ở đâu? Tom nói rằng anh không hề cố gắng tìm hiểu chuyện đó.

“Sáng thứ Năm, Bernard và tôi đã hẹn gặp vào khoảng chín rưỡi ở chợ Alter. Tối thứ Tư, anh ta đưa túi đồ của mình cho tôi và nhờ tôi giữ hộ trong khi đi tìm một khách sạn khác để ở tối đó. Tôi đã rủ anh ta ở tại khách sạn của tôi nhưng anh ta không muốn. Sau đó... anh ta không giữ lời hẹn ngày thứ Năm với tôi. Tôi đã đợi khoảng một tiếng. Tôi không bao giờ gặp lại anh ta nữa. Anh ta cũng không để lại tin nhắn nào ở khách sạn của tôi. Tôi cảm thấy khi Bernard không muốn giữ lời hẹn hôm ấy, có thể anh ta đã hủy diệt mình - có thể là nhảy sông tự tử. Rồi tôi về nhà.”

Webster chậm một điệu thuốc lá, chậm chạp hơn thường lệ. “Anh được dặn giữ túi đồ của anh ta qua đêm thứ Tư à?”

“Không hẳn. Bernard biết tôi ở đâu, và tôi cứ nghĩ anh ta sẽ đến lấy túi vào đêm hôm đó. Tôi đã nói là ‘Nếu tối nay tôi không gặp anh thì sáng mai chúng ta sẽ gặp.’”

“Sáng hôm qua anh có hỏi thăm các khách sạn để tìm anh ta không?”

“Không. Tôi nghĩ mình đã cạn kiệt hy vọng. Tôi buồn bực và chán chường.”

Bà Annette bưng khay trà ra, và nói “*Bonjour*” với thanh tra Webster.



Tom nói, “Cách đây vài ngày Bernard đã treo một hình nộm trong tầng hầm của chúng tôi ở dưới kia. Nó tượng trưng cho chính bản thân anh ta. Vợ tôi phát hiện ra nó và nó khiến cô ấy khá kinh hãi. Quần dài và áo khoác của Bernard được treo cổ trên trần nhà bằng một cái thắt lưng và có tờ giấy đi kèm”. Tom liếc nhìn vợ. “Heloise, xin lỗi em.”

Heloise cắn môi và nhún vai. Phản ứng của cô chân thật không cần bàn cãi. Những gì Tom nói là đã xảy ra đã xảy ra thật, và cô không thích nhớ lại cảnh tượng đó.

“Vậy anh có giữ tờ giấy mà anh ta đã viết không?” Webster hỏi.

“Có. Hẳn là nó nằm trong túi áo choàng ngủ của tôi. Tôi lấy nó nhé?”

“Chờ chút đã.” Webster suýt nữa đã lại cười, nhưng dừng lại. “Tôi có thể hỏi chính xác thì vì sao anh lại đến Salzburg không?”

“Tôi đã rất lo lắng cho Bernard. Anh ta từng nói muốn đến tham quan Salzburg. Tôi cảm giác Bernard có thể định tự sát. Và tôi băn khoăn - vì sao anh ta lại phải đến tìm tôi làm gì? Anh ta biết chuyện tôi có hai bức tranh Derwatt, đúng thế, nhưng anh ta không quen tôi mà. Vậy nhưng lần đầu tiên đến nơi này anh ta đã nói chuyện hết sức thoải mái. Tôi nghĩ biết đâu mình lại giúp được gì. Nhưng rồi sau đấy thì cả Derwatt và Bernard đều tự tử, Derwatt đi trước. Không hiểu sao người ta không muốn can thiệp vào chuyện của... một người như Derwatt. Người ta cảm thấy là họ đang phạm sai lầm. Tôi không thật sự nghĩ vậy, nhưng ý tôi là, khuyên một người đừng tự tử khi biết rõ là người đó đã quyết tâm tự tử và sẽ không nghe lời khuyên răn. Ý tôi là thế. Nó không thích hợp và cũng chỉ là một hành động vô vọng thôi, vì sao người ta lại phải chịu chỉ trích vì *không* nói ra một điều mà người ta biết rõ là có nói cũng chẳng đem lại ích lợi gì cơ chứ?” Tom dừng lại.

Webster đang chăm chú lắng nghe.

“Bernard rời đi - chắc là tới Paris - sau khi treo cổ bản thân bằng hình nộm ở đây. Sau đó anh ta quay lại. Đó là lúc Heloise gặp anh ta.”

Webster muốn biết ngày Bernard Tufts quay lại Belle Ombre. Tom cố gắng hết sức để nhớ lại. Ngày hai lăm tháng Mười, anh nghĩ vậy.

“Tôi đã cố gắng giúp đỡ Bernard bằng cách bảo rằng cô bạn gái Cynthia của anh ta có thể muốn gặp lại anh ta. Dù tôi không nghĩ là điều đó sẽ xảy ra, theo những gì tôi nghe Bernard kể. Tôi chỉ đang cố kéo anh ta ra khỏi trạng thái tuyệt vọng. Tôi nghĩ Derwatt thậm chí còn cố gắng hơn thế. Tôi chắc chắn là họ đã gặp riêng nhau vài lần ở Salzburg. Derwatt rất quý Bernard.” Tom nói với Heloise, “Em có hiểu được không, em yêu?”

Heloise gật đầu.

Có thể cô thật sự hiểu hết toàn bộ câu chuyện.

“Vì sao Derwatt lại tuyệt vọng thế?”

Tom ngậm ngùi hồi lâu. “Anh ta tuyệt vọng với cả thế giới. Cuộc sống. Tôi không biết có vấn đề cá nhân gì - ở Mexico ấy - góp phần dẫn đến chuyện này không. Anh ta đã kể về một cô gái Mexico từng kết hôn rồi bỏ đi. Tôi không rõ chuyện này quan trọng đến mức nào. Anh ta có vẻ phiền não vì đã trở về Luân Đôn. Anh ta nói đó là một sai lầm.”

Cuối cùng Webster cũng ngừng ghi chép. “Chúng ta có nên lên gác không?”

Tom đưa thanh tra vào phòng mình và tới tủ quần áo lấy va-li.

“Tôi không muốn vợ tôi thấy thứ này,” Tom nói và mở va-li ra. Anh và Webster khom người xuống nhìn nó.

Những phần hài cốt nhỏ được bọc trong các tờ báo Đức và Áo mà Tom đã mua. Anh để ý thấy Webster đã kiểm tra ngày tháng trên báo trước khi nhấc cái bọc ra và đặt nó xuống thảm. Anh ta trải thêm báo dưới cái bọc nhưng Tom biết nó không ướt. Webster mở nó ra.

“Ôi... trời. Quỷ thần ơi. Derwatt muốn anh làm gì với thứ này?”

Tom ngậm ngừng, cau mày. “Không gì cả.” Anh tiến về phía cửa sổ và mở hé nó ra. “Tôi không biết vì sao mình lại mang nó theo nữa. Tôi đã rất buồn bã. Bernard cũng vậy. Anh ta có nói chúng tôi nên mang một ít tro cốt

về Anh không thì tôi cũng không nhớ. Nhưng tôi đã lấy nó theo. Chúng tôi cứ nghĩ chỉ còn tro tàn. Nhưng không.”

Webster đang dùng đầu bút bi của mình chọc vào nó. Anh ta phát hiện ra cái nhẫn và lấy bút gạt nó ra. “Một chiếc nhẫn bạc.”

“Tôi đã cố tình lấy nó đấy.” Tom biết hai con rắn trên nhẫn vẫn rõ hình dạng.

“Tôi sẽ đem thứ này về Luân Đôn,” Webster nói, đứng dậy. “Nếu anh có một cái hộp thì...”

“Chắc chắn là có rồi,” Tom nói, dợm bước ra cửa.

“Anh đã nhắc đến quyển sổ của Bernard Tufts.”

“Đúng thế.” Tom quay lại và chỉ vào quyển sổ và sổ vẽ ở góc bàn làm việc của mình. “Chúng nằm đây. Còn tờ giấy mà anh ta đã viết...” Tom vào phòng tắm, nơi áo choàng ngủ của anh đang móc trên giá. Tờ giấy vẫn còn nằm trong túi áo. *Tôi đã tự treo cố bằng hình nộm...* Tom đưa nó cho Webster và đi xuống gác.

Bà Annette vẫn giữ các hộp thừa và có đủ loại kích cỡ. “Anh lấy hộp để làm gì?” Bà ta hỏi, cố gắng giúp anh.

“Cái hộp này là được rồi,” Tom nói. Những cái hộp nằm trên nóc tủ quần áo của bà Annette và anh kéo một cái xuống. Bên trong có vài mẫu len vụn được cuộn lại gọn gàng và anh trả chúng cho bà Annette kèm một nụ cười. “Cảm ơn bà, bà đúng là báu vật.”

Webster đang ở dưới nhà, nói chuyện điện thoại bằng tiếng Anh. Heloise chắc đã về phòng cô. Tom cầm hộp lên gác và đặt gói đồ nhẹ bằng vào trong, chèn thêm vài tờ báo cho kín hộp. Anh lấy dây trong xưởng vẽ và buộc nó lại. Đó là một hộp giày. Tom mang chiếc hộp xuống nhà.

Webster vẫn đang nói chuyện điện thoại.

Tom đi về phía quầy bar và rót cho mình một cốc whiskey nguyên chất, quyết định chờ xem Webster có muốn một cốc Dubonnet không.

“... mấy người ở Buckmaster Gallery à? Anh có thể đợi tới khi tôi về đó không?”

Tom đổi ý và vào bếp tìm đá để pha Dubonnet cho Webster. Anh lấy đá và khi nhìn thấy bà Annette, yêu cầu bà ta pha nốt cốc rượu và đừng quên cho lát chanh vào.

Webster vẫn đang nói, “Tôi sẽ gọi lại cho anh sau khoảng một tiếng nữa nên đừng ra ngoài ăn trưa... Không, đừng nói một lời nào với ai cả... Tôi vẫn chưa rõ”.

Tom cảm thấy bất an. Anh nhìn Heloise trên bãi cỏ và ra ngoài để trò chuyện với cô, dù anh chỉ thích ở lì trong phòng khách thôi. “Anh nghĩ chúng ta nên mời thanh tra ăn trưa hoặc sandwich, món nào đó kiểu vậy. Có được không, em yêu?”

“Anh đã đưa tro cốt cho anh ta à?”

Tom chớp mắt. “Một món đồ nhỏ thôi. Trong một cái hộp,” anh ngượng ngập nói. “Nó đã được bọc kín. Đừng nghĩ về nó nữa.” Tom nắm tay dẫn cô quay vào nhà. “Bernard cũng nên để lại tro cốt của mình để được coi là Derwatt, chuyện đó cũng thích đáng mà.”

Có thể cô hiểu. Cô hiểu những chuyện đã diễn ra, nhưng Tom không mong cô cũng hiểu được sự ngưỡng mộ mà Bernard dành cho Derwatt. Anh hỏi bà Annette có thể làm sandwich tôm hùm đóng hộp hoặc một món tương tự không. Heloise vào giúp bà ta và Tom đến chỗ thanh tra.

“Cho đúng thủ tục thôi, anh Ripley, tôi có thể xem hộ chiếu của anh không?” Webster hỏi.

“Chắc chắn rồi.” Tom lên gác và ngay lập tức mang hộ chiếu xuống.

Webster đã cầm trên tay cốc Dubonnet rồi. Anh ta cẩn thận kiểm tra hộ chiếu, có vẻ cũng quan tâm tới các giai đoạn trước hết như giai đoạn gần đây. “Áo. Đúng rồi. Hừm.”

Tom cảm thấy an toàn khi nhớ lại là anh đã không đến Luân Đôn dưới tư cách Tom Ripley khi Derwatt xuất hiện lần thứ hai. Tom mệt mỏi ngồi

xuống một chiếc ghế lưng thẳng. Anh nên tỏ ra mệt mỏi và chán nản vì những sự kiện đã diễn ra ngày hôm qua.

“Đồ đạc của Derwatt thì sao?”

“Đồ đạc?”

“Va-li của anh ta chẳng hạn.”

Tom trả lời, “Tôi không hề biết anh ta ở đâu. Bernard cũng không, vì tôi đã hỏi anh ta - sau khi chúng tôi... sau khi Derwatt chết”.

“Anh nghĩ là anh ta vứt đồ đạc của mình lại khách sạn à?”

“Không.” Tom lắc đầu. “Derwatt không như thế. Bernard nói rằng anh ta nghĩ Derwatt hẳn đã tiêu hủy mọi dấu vết của bản thân, rời khỏi khách sạn, và... À thì, làm sao người ta tiêu hủy một chiếc va-li nhỉ? Vứt đồ đạc bên trong vào các thùng rác khác nhau hoặc cũng có thể là quẳng nguyên va-li xuống sông. Chuyện đó khá dễ thực hiện ở Salzburg. Đặc biệt là nếu Derwatt tiến hành nó trong đêm hôm trước, khi trời đã tối.”

Webster trầm ngâm. “Anh có nghĩ đến việc Bernard có khi lại trở lại chính chỗ trong rừng và lao mình xuống từ chính vách đá đó không?”

“Có,” Tom nói, vì kỳ cục làm sao nhưng ý nghĩ đó cũng từng xuất hiện trong đầu anh. “Nhưng tôi không thể quay lại đó vào sáng hôm qua. Có lẽ tôi nên làm thế. Có lẽ tôi nên tìm kiếm thêm trên đường phố xem có thấy Bernard không. Nhưng tôi cảm thấy là anh ta đã chết - bằng cách nào đó, ở đâu đó, và vì thế tôi không hề đi tìm anh ta.”

“Nhưng theo những gì tôi vừa nghe thì Bernard Tufts có thể vẫn còn sống.”

“Đúng là như thế.”

“Anh ta có đủ tiền chứ?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi đã đề nghị cho anh ta vay một ít tiền - ba ngày trước - nhưng anh ta đã từ chối.”

“Derwatt đã tâm sự gì với anh về sự biến mất của ông Murchison?”

Tom ngẫm nghĩ hồi lâu. “Chuyện đó khiến anh ta trầm cảm. Còn anh ta đã nói gì à - Anh ta nói gì đó về gánh nặng của việc nổi tiếng. Anh ta ghét sự nổi tiếng. Anh ta cảm thấy chính điều đó đã gây ra cái chết cho một người - của ông Murchison.”

“Derwatt có thân thiện với anh không?”

“Có. Ít nhất thì tôi cũng chưa bao giờ nhận thấy sự kém thân thiện nào. Những cuộc trò chuyện riêng của tôi với anh ta diễn ra ngắn thôi. Chỉ một đến hai lần gì đó, tôi nghĩ vậy.”

“Anh ta có biết gì về quan hệ của anh với Richard Greeleaf không?”

Cả cơ thể Tom run rẩy dù anh hy vọng nó không hiện rõ. Anh nhún vai. “Anh ta chưa bao giờ đề cập đến chuyện đó, nếu có biết.”

“Bernard cũng không à? Anh ta cũng không một lần đề cập à?”

“Không,” Tom nói.

“Anh thấy đấy, anh cũng phải đồng ý với tôi là thật kỳ lạ khi có tận ba người đàn ông biến mất hoặc chết xung quanh anh - ông Murchison, Derwatt và Bernard Tufts. Richard Greenleaf cũng biến mất - người ta chưa bao giờ tìm được xác anh ta, tôi nhớ vậy. Và tên người bạn của anh ta là gì ấy nhỉ? Fred? Freddie gì đó?”

“Miles, tôi nghĩ vậy,” Tom nói. “Nhưng tôi không dám nói là ông Murchison gần gũi với tôi. Tôi chỉ quen sơ sơ với ông ta mà thôi. Hay Freddie Miles cũng vậy.” Ít nhất thì Webster chưa nghĩ đến khả năng anh đã đóng giả Derwatt, Tom nghĩ.

Heloise và bà Annette bước vào, bà Annette đẩy một xe đồ có chứa một đĩa sandwich và một chai rượu vang trong xô đá.

“À, món ăn nhẹ!” Tom nói. “Tôi chưa kịp hỏi anh có hẹn ăn trưa chưa, thanh tra, nhưng món ăn nhỏ này...”

“Tôi có hẹn với cảnh sát Melun rồi,” Webster cười nhẹ nói. “Tôi phải gọi lại cho họ sớm. Mà tiện thể tôi sẽ hoàn trả tiền cước mọi cuộc gọi đó cho anh.”

Tom liền xua tay phản đối. “Cảm ơn bà,” anh nói với bà Annette.

Heloise đưa cho thanh tra Webster khăn ăn và đĩa rồi giới thiệu món sandwich. “Tôm hùm và cua. Tôm hùm là loại này,” cô nói, chỉ tay.

“Làm sao tôi có thể từ chối được?” Viên thanh tra nói, mỗi loại ăn một cái. Nhưng Webster vẫn bám riết vào chủ đề. “Tôi phải báo cho cảnh sát Salzburg - qua Luân Đôn, vì tôi không biết tiếng Đức - để họ tìm Bernard Tufts. Và có thể ngày mai chúng ta sẽ sắp xếp để gặp nhau ở Salzburg. Mai anh rảnh không, anh Ripley?”

“Có... Tôi có thể, đương nhiên rồi.”

“Anh phải dẫn chúng tôi tới địa điểm đó trong rừng. Chúng tôi phải đào cái... anh biết đấy. Derwatt là công dân của Anh Quốc. Mà có phải vậy không nhỉ?” Webster cười khi miệng còn đầy thức ăn. “Nhưng chắc chắn anh ta chưa trở thành một công dân Mexico rồi.”

“Chuyện đó tôi chưa từng hỏi anh ta,” Tom nói. ;

“Tìm ra ngôi làng nơi anh ta cư ngụ ở Mexico mới thú vị đây,” Webster nhận xét, “một ngôi làng hẻo lánh vô danh. Anh có biết nó nằm gần làng nào không?”

Tom mỉm cười. “Derwatt chưa từng tiết lộ chút manh mối nào.”

“Tôi băn khoăn không biết nhà của anh ta có bị bỏ hoang: - hay anh ta thuê bảo mẫu hoặc một luật sư có thẩm quyền giải quyết công chuyện ở đó sau khi biết anh ta đã chết.” Webster dừng lại.

Tom giữ im lặng. Webster đang thả mồi chờ anh hé lộ vài thông tin có phải không? Khi đóng vai Derwatt ở Luân Đôn, Tom đã nói với Webster là Derwatt có hộ chiếu Mexico và sống ở đó dưới một cái tên khác.

Webster nói. “Anh có nghĩ là Derwatt vào Anh và đi đây đó với tên giả không? Có khả năng vẫn là hộ chiếu Anh nhưng dùng tên giả?”

Tom bình tĩnh trả lời, “Tôi vẫn nghi như thế”

“Vậy có khả năng anh ta cũng sống ở Mexico với một cái tên giả.”

“Khả năng cao là như vậy. Tôi đã không nghĩ đến chuyện đó.”

“Và dùng chính cái tên giả đó để chuyển tranh của mình từ Mexico.”

Tom dừng lại, làm như anh cũng chẳng quan tâm lắm. “Buckmaster Gallery nhất định phải biết chứ.”

Heloise lại mời sandwich nhưng viên thanh tra từ chối.

“Tôi cảm giác chắc chắn họ sẽ không khai gì cả,” Webster nói. “Và cũng có thể đến họ cũng không biết cái tên giả đó, chỉ cần Derwatt vẫn gửi tranh bằng tên Derwatt thôi chẳng hạn. Nhưng nhất định là anh ta đã vào Anh Quốc dưới tên giả, vì chúng tôi không có thông tin ghi chép nào về việc anh ta đến và đi. Giờ tôi có thể gọi cho cảnh sát Melun chứ?”

“Sao lại không chứ,” Tom nói. “Anh có muốn dùng điện thoại của tôi trên gác không?”

Webster nói rằng dùng điện thoại dưới nhà là được. Anh ta tìm trong sổ và tiếp tục nói chuyện với tổng đài viên bằng vốn tiếng Pháp tiêu chuẩn của mình. Anh ta muốn gặp ủy viên.

Tom rót rượu vang trắng vào hai cái ly trên khay. Heloise vẫn uống rượu của cô.

Webster hỏi ủy viên ở Melun xem họ có bất kỳ tin tức nào về Thomas Murchison không. Tom đoán là không. Anh ta nói thêm rằng bà Murchison sẽ ở lại khách sạn Connaught ở Luân Đôn trong vài ngày tới, lo lắng muốn nhận thêm thông tin, mong cảnh sát Melun chuyển tin tức nếu có về ông Murchison cho văn phòng của Webster. Webster cũng hỏi về bức tranh còn mất tích “L’Horloge”. Không có tin gì mới.

Sau khi anh ta dập máy, Tom rất muốn hỏi xem chuyện gì đã diễn ra trong quá trình tìm kiếm ông Murchison nhưng lại không muốn tỏ ra là đã nghe lỏm cuộc nói chuyện qua điện thoại của Webster.

Webster khăng khăng đòi để lại một tờ năm mươi franc để trả tiền điện thoại. Không, anh ta cảm ơn Tom, anh ta không muốn uống thêm một ly Dubonnet nữa, nhưng anh ta vẫn nhấp thử rượu vang.

Tom có thể thấy rõ là trong lúc đứng đó, Webster đang tính toán xem Tom Ripley đang che giấu bao nhiêu điều, anh phạm tội nào, phạm tội như



thế nào, và sẽ được lợi lộc gì từ chuyện này? Nhưng một điều rõ ràng là sẽ không có ai giết hẳn hai người, hay thậm chí tận ba người - ông Murchison, Derwatt và Bernard Tufts - chỉ để bảo vệ giá trị của hai bức tranh Derwatt đang treo trên tường nhà mình, Tom nghĩ. Và nếu Webster chịu bỏ công điều tra đến tận công ty Cung cấp Dụng cụ Vẽ tranh Derwatt qua ngân hàng mà Tom được nhận một khoản thu nhập hàng tháng thì sẽ thấy khoản thu nhập ấy được gửi nặc danh tới một tài khoản đánh số ở Thụy Sĩ.

Dẫu vậy, mai vẫn còn chuyện ở Áo phải xử lý nốt đã, và Tom sẽ phải đi theo đám cảnh sát.

“Tôi có thể nhờ anh gọi hộ tắc-xi được không, anh Ripley? Anh rõ số điện thoại hơn tôi.”

Tom đi tới chỗ điện thoại và gọi tới một công ty tắc-xi ở Villeperce. Họ nói là sẽ đến ngay lập tức.

“Tôi muộn đêm nay anh sẽ nhận được thêm một cú điện thoại nữa của tôi,” Webster dặn Tom, “về chuyến đi Salzburg ngày mai. Chỗ đó có khó tới không?”

Tom giải thích về việc đổi máy bay ở Frankfurt và nói rằng anh được cho biết là có một chuyến xe buýt đi từ Munich tới Salzburg nếu người ta hạ cánh xuống Munich, đi như thế nhanh hơn là chờ máy bay đi Áo ở Frankfurt. Nhưng chuyện này sẽ được điều phối qua điện thoại sau khi Webster tìm hiểu được lịch bay từ Luân Đôn tới Munich. Anh ta sẽ đi cùng một người đồng nghiệp nữa.

Sau đó thanh tra Webster cảm ơn Heloise và cô cùng Tom tiễn anh ta ra cửa khi tắc-xi đến. Webster nhìn thấy hộp giày trên chiếc bàn dài ngoài hành lang trước khi Tom kịp chạm tay đến nó, và anh ta nhắc nó lên.

“Tôi đã cất tờ giấy nhớ và hai quyển sổ của Bernard vào va-li,” Webster nói với Tom.

Tom và Heloise vẫn đứng ở bậc thềm trước cửa khi tắc-xi chở Webster đi mất, anh ta còn nở nụ cười rạng rỡ qua cửa sổ. Sau đó họ quay vào nhà.

Sự im lặng yên bình ngự trị. Không yên bình, Tom biết, nhưng ít nhất cũng được yên tĩnh. “Tối nay - hôm nay - chúng ta không làm gì cả được không? Chỉ xem ti vi thôi nhé?” Chiều nay Tom muốn đi làm vườn. Hoạt động ấy luôn khiến anh chinh đốn bản thân .

Vậy nên anh làm vườn. Và vào buổi tối họ mặc pyjama nằm trên giường của Heloise, xem ti-vi và thưởng trà. Điện thoại reo ngay trước mười giờ tối và Tom về phòng mình nghe điện. Anh đã chuẩn bị tinh thần nghe giọng của Webster, tay cầm sẵn bút để ghi chép lịch trình ngày mai, nhưng hóa ra là Chris Greenleaf gọi điện từ Paris. Cậu ta đã từ Rheinland quay về và muốn biết có thể mang theo anh bạn Gerald tới chơi không.

Tom, sau khi nói chuyện xong với Chris, quay lại phòng của Heloise và nói, “Chris, em họ của Dickie Greenleaf vừa gọi tới. Cậu ta muốn tới thăm chúng ta vào thứ Hai và đưa cả cậu bạn Gerald Hayman đi cùng. Anh đã đồng ý. Anh hy vọng em không thấy phiền, em yêu. Họ sẽ chỉ ở lại một đêm thôi, chắc vậy. Nó sẽ đem đến một sự thay đổi dễ chịu - du lịch một chút, ăn một bữa trưa ngon miệng. Được không? Yên bình thôi”.

“Khi nào thì anh từ Salzburg về?”

“À, chắc là Chủ nhật. Anh không thấy có lý do gì để công chuyện đó tốn nhiều hơn một ngày - ngày mai và một buổi ngày Chủ nhật. Tất cả những gì họ muốn từ anh là chỉ cho họ chỗ chôn xác trong rừng. Và cả khách sạn của Bernard nữa.”

“Ừm. Tốt lắm,” Heloise lầm bầm, dựa vào gối. “Thứ Hai họ đến chứ gì.”

“Họ sẽ gọi lại. Anh sẽ hẹn vào tối thứ Hai.” Tom quay về giường. Heloise tò mò về Chris, Tom biết. Những thanh niên như Chris và cậu bạn của cậu ta sẽ khiến cô thấy thích thú một thời gian. Tom hài lòng với sự sắp xếp này. Anh chăm chú xem bộ phim Pháp cũ rích chiếu trên ti-vi trước mặt họ. Louis Jouvet, ăn mặc như một vị thánh Thụy Sĩ ở Vatican, đang dùng kích để dọa dẫm một ai đó. Tom quyết định ngày mai đến Salzburg anh phải tỏ ra nghiêm nghị và thẳng thắn. Cảnh sát Áo sẽ dùng ô-tô, tất

nhiên rồi, và anh sẽ dẫn họ thẳng tới chỗ trong rừng, khi trời vẫn còn sáng, và buổi tối sẽ đi thẳng tới Der Blaue gì đó, ở phố Linzergasse. Người phụ nữ tóc đen ngồi sau bàn tiếp tân hẳn vẫn nhớ rõ Bernard Tufts và chuyện Tom từng hỏi thăm về anh ta. Anh cảm thấy an tâm. Ngay khi anh bắt đầu chú tâm vào cuộc đối thoại buồn ngủ trên màn hình thì điện thoại reo.

“Chắc chắn là Webster,” Tom nói và lại xuống giường.

Tay Tom khựng lại khi đang định nhắc điện thoại lên - chỉ trong đúng một giây thôi, nhưng trong một giây ấy anh đã vẽ ra cảnh bị bại lộ và sự đau đớn theo sau. Lộ tẩy. Nhục nhã. Cứ bình tĩnh đối đáp như trước đi, anh nghĩ thầm. Buổi trình diễn vẫn chưa đến hồi kết. Can đảm lên! Anh nhắc điện thoại lên.

**HẾT**

# Table of Contents

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)